

LỜI NÓI ĐẦU

Bộ kinh Lăng Nghiêm Tông Thông này được Ngài Thubten Osall Lama, tức Nhẫn Tế Thiên sư, Đức Sơ Tổ khai sơn Tây Tạng Tự, dịch và chú thích thêm từ bản Hán văn sang Việt văn vào năm 1944, đến năm 1950 thì hoàn tất.

Nay, với mong muốn để nhiều người có cơ hội được đọc bộ kinh này, vì muốn được sự liễu ngộ Phật Đạo mà không đọc đến bộ kinh Lăng Nghiêm Tông Thông thì khó bề được mỹ mãn. Nên chúng tôi, chúng đệ tử Tây Tạng Tự đời thứ ba, sau khi được sự chấp thuận của Thầy Bổn Sư, Hòa thượng Thượng Tịch Hạ Chiếu, Nhị Tổ Tây Tạng Tự, đã biên tập lại bản dịch của Đức Sơ Tổ Thubten Osall Lama theo ngữ văn đương thời.

Trong công tác biên tập này, chúng tôi xin biết ơn chư tôn đức đã dịch kinh Lăng Nghiêm và các kinh khác sang Việt văn. Nhờ công trình của quý vị mà chúng tôi có được những danh từ chính xác, những chỉ dẫn bổ ích hỗ trợ cho công việc vốn khó khăn và quá sức chúng tôi.

Chúng tôi xin sám hối với chư Tổ và quý độc giả về những lỗi lầm ắt có trong việc giản lược một số chú thích và biên tập lại bản dịch nguyên được Ngài Thubten Osall Lama trong Định, Huệ viết ra. Ngưỡng mong nhận được những chỉ giáo quý báu của các bậc thiện tri thức.

Lần tái bản này, chúng tôi đã hiệu đính những sơ suất do không trực tiếp quản lý khâu đánh máy và chế bản trong ấn bản lần thứ nhất. Chúng tôi xin cáo lỗi cùng quý độc giả và kính mong nhận được sự góp ý của quý vị.

Nguyện đem công đức này, hướng về khắp tất cả, đệ tử và chúng sanh đều tròn thành Phật Đạo.

Chúng đệ tử đời thứ ba Tây Tạng Tự.



HÒA THƯỢNG NHÃN TẾ tại BỒ ĐỀ ĐẠO TRÀNG - ẤN ĐỘ

TIỂU SỬ NGÀI THUBTEN OSALL LAMA (NHÂN TẾ THIÊN SỬ)

Ngài sanh ngày Rằm tháng Bảy năm Kỷ Sửu (1889), tại làng An Thạnh thuộc Búng – Lái Thiêu Tỉnh Bình Dương, trong một gia đình khá giả.

Từ thơ ấu Ngài đã thọ quy y với Hòa thượng trụ trì Chùa Sắc Tứ Thiên Tôn Tự (ở Búng), được đặt pháp danh Nhân Tế. Sau đó, Ngài thọ giới cụ túc với Hòa thượng Thiên Thai (ở Bà Rịa) làm chủ Giới Đàn, được đặt pháp hiệu Minh Tịnh.

Trải qua thời gian, phần lớn là tự tu, thấy không thỏa mãn chí nguyện, Ngài lên đường đi Ấn Độ tầm sư học đạo.

Tháng Tư năm Ất Hợi (1935), Ngài đến Ấn Độ. Trong thời gian trên đất Ấn, Ngài tùy thuận phong tục, đắp y theo xứ Sri Lan-ka. Ở Ấn Độ, Ngài cũng không thấy thỏa mãn, lại muốn sang Tây Tạng học hỏi.

Ngài được một vị Lama pháp danh Gava Samden, từ Tây Tạng sang cùng ba đệ tử là Lama Chamba Choundouss, Lama Ise và Lama Isess qua

Ấn Độ rước Ngài về Tây Tạng. Do được thông báo, nên qua các trạm dẫn vào Tây Tạng Ngài đều được nghinh tiếp rất niềm nở và trọng đãi.

Ngài đến Lhasa vào tháng 6 năm 1936.

Tại Tây Tạng, Ngài cầu pháp với Lama Nhiếp Chính và dự cuộc thi tuyển toàn quốc, chỉ có hai người được tuyển chọn ứng thí : một người Tây Tạng và người còn lại là Ngài, người Việt Nam. Khi đoạn dây chỉ bện màu đỏ thắt quanh cổ Ngài xiết lại, Ngài vẫn bình thản nhìn. Chỉ có Ngài qua được cuộc khảo thí.

Sau một trăm ngày ở Tây Tạng, Ngài được Đại Thượng tọa Lama Nhiếp Chính ngự ý ban cho pháp danh THUBTEN OSALL LAMA và ấn chứng sở đắc Pháp Giáo Ngoại Biệt Truyền, Bất Lập Văn Tự, Trực Chỉ Chơn Tâm Kiến Tánh Lập Địa Thành Phật tại triều đình nước Tây Tạng.

Ngài trở về Việt Nam ngày 30 tháng 6 năm 1937.

Cuộc hành trình cùng các hình ảnh được Ngài ghi chép cẩn thận trong nhật ký còn lưu lại tại Chùa Tây Tạng – Bình Dương.

Về Việt Nam, Ngài lập Chùa Thiên Chơn (ở Búng – Lái Thiêu). Sau đó, lại xây dựng Chùa Tây Tạng hiện nay tại Bình Dương.

Ngài thị tịch ngày 17 tháng Năm năm Tân Mão (1951) tại Chùa Tây Tạng, thọ 63 tuổi.

Vị kế thế Ngài là Hòa thượng Thượng Tịch Hạ Chiếu hiện trụ trì Chùa Tây Tạng – Bình Dương.



**ĐẠI PHẬT ĐẢN NHƯ LAI MẬT NHÂN
TU CHỨNG LIỄU NGHĨA CHƯ BỒ TÁT
VẠN HẠNH THỦ LĂNG NGHIÊM KINH
TÔNG THÔNG**

Đời Đường :

Ngài Bát Lạt Mật Đế, Sa môn xứ Thiên Trúc, dịch.
Ngài Di Già Thích Ca, Sa môn xứ Ô Trường, dịch ngữ.
Trần Chánh Nghị Đại Phu Phòng Dung,
Bồ tát giới đệ tử chép.

Đời Minh :

Bồ tát giới đệ tử Tiên Phụng Huấn Đại Phu,
Lễ Bộ Từ Tế Thanh Sử Tư Viên Ngoại Lang,
Nam Nhạc Tăng Phụng Nghi tông thông.

Việt dịch :

Thubten Osall Lama – Nhẫn Tế Thiền sư

Thực hiện :

Chúng đệ tử Đời Thứ Ba Tây Tạng Tự

ẤN BẢN LẦN THỨ HAI

2546 – 2002

PHẦN THỨ NHẤT :

PHẦN TỰA

DUYÊN KHỞI CỦA KINH LĂNG NGHIÊM TÔNG THÔNG

Đề tựa : Núi Nam Nhạc, Quan Trương Kim Giản tên là Tăng Phụng Nghi, Thuấn Trưng Phụ.⁽¹⁾

Xưa, Ngài Thiên Thai Trí Giả theo học Đạo Thiền sư Huệ Tư ở núi Nam Nhạc, đắc Pháp Hoa Tam Muội, thấy được pháp hội Linh Sơn nghiêm nhiên chưa tan. Từ đó xem Kinh, Luật hoát nhiên thông suốt. Đến khi Ngài giải thích ý nghĩa sáu căn trong sạch trong kinh Pháp Hoa thì trầm ngâm rất lâu. Có một vị tăng người Ấn nói với Ngài : “Chỉ có kinh Thủ Lăng Nghiêm là nói rõ ràng công đức của sáu căn, đủ để y chứng.” Từ đó, Ngài Trí Giả khao khát ngưỡng mộ. Suốt mười sáu năm, mỗi sáng tối hướng về phương Tây lễ bái. Ở phía trái chùa Thiên Thai ở núi Nam Nhạc vẫn còn Đài Kinh. Sau Ngài hơn một trăm năm, kinh Lăng Nghiêm mới vào Trung Quốc. Kinh do Tể Tướng Phòng Dung ghi chép, văn tự tao nhã, bởi thế các bậc học sĩ đại phu đều tụng kinh này. Tôi từng ba lần đến Bái Kinh Đài, lần nào cũng bồi hồi chẳng muốn về, thậm thán : “Người xưa ngưỡng mộ kinh này hơn mười mấy năm mà chẳng được thấy. Nay Lăng Nghiêm bày đầy thì người ta lại chẳng hề xem ! Tại sao thế ?” Như đó, tôi bèn phát tâm viết bộ

¹⁾ Cư sĩ Phật giáo Trung Quốc, sống vào đời Minh, người ở Hành Châu (nay là huyện Hành Dương, tỉnh Hồ Nam), tự là Thuấn Trưng, hiệu Kim Giản, làm quan đến chức Lễ Bộ Lang Trung.

Ông rất thông minh và hiếu học, chuộng lý học của Lục Tương Sơn. Sau khi lui về quê ẩn cư, ông lập trường giảng dạy, môn đồ rất đông.

Lăng Nghiêm lên đá, thuê thợ chạm rồi xếp thành một tòa thạch thất, khiến người đến viếng Bái Kinh Đài sẽ đọc được mà đều nói : Kinh đã đến đây rồi ! Như thế vì Ngài Trí Giả mà bổ sung cho một sự thiếu sót. Vừa cầm bút định viết, chợt nghĩ : chỗ ta viết đây là chữ, chẳng phải là nghĩa vậy ! Ngài Trí Giả mong bộ Kinh này đến đây là mong người người hiểu nghĩa của Kinh. Như Ngài Huyền Sa Sư Bị, nhân đọc Lăng Nghiêm mà phát minh tâm yếu, đó là thâm nhập vào nghĩa vậy. Cho đến Thiền sư Linh Nham An, Trường Thủy Tuyền, Trúc Am Khuê, Hoàng Long Nam, Thiệu Long An Dân... đều do Lăng Nghiêm mà ngộ. Như vậy là các Ngài đã không cô phụ sự truyền sang của bộ kinh này. Nếu theo văn mà giải nghĩa, chú thích câu chữ, đến mấy mươi nhà mà nghĩa kinh càng ngày càng xa, đó là lỗi lầm do chẳng cầu ở tâm mình. Nếu tỏ ngộ tự tâm, thì tuy là kinh này chưa đến, mà chỗ y giáo lập nghĩa của Ngài Trí Giả, mỗi mỗi đều hợp với Lăng Nghiêm. Không ngộ được tự tâm, tuy là có kinh Lăng Nghiêm trước mặt, thì cũng như kinh vẫn ở tại Ấn vậy. Tức là kinh điển đầy nhà mà nào có ích ! Việc nhà của các Thiền sư là quét sạch văn tự kiến giải cho là chẳng đủ để sùng thượng, thật có lý lắm thay ! Nhưng khi tiếp dẫn hàng sơ cơ, xuất lời thổ khí, lời lẽ ý tứ thật tở Lăng Nghiêm. Cho đến sự phát minh hướng thượng, chứng nhập Bồ Đề, thì cùng với hai mươi

Tình cờ gặp một vị tăng, hai người tranh luận, trải ba ngày ông mới chịu khuất phục, từ đó kính tin Phật pháp, giữ giới ăn chay, nghiên cứu kinh luận, nỗ lực tham cứu. Một hôm, thấy mặt trăng lặn, mặt trời mọc, hoá nhiên đại ngộ, nghi ngại tiêu sạch, được ý chân thật của hai nhà. Sau đó viết sách, lập thuyết lưu truyền.

Tác phẩm : Thủ Lăng Nghiêm Kinh Tông Thông, Lăng Già Kinh Tông Thông, Kim Cang Kinh Tông Thông.

lăm chỗ chứng viên thông, cơ duyên không khác. Tức là chẳng tụng Lăng Nghiêm, mà Lăng Nghiêm đã sẵn đủ hiện giờ. Tức là Lăng Nghiêm chưa đến cõi này, mà cõi này chẳng phải là chưa có Lăng Nghiêm.

Tôi chẳng biết tự lượng sức, góp khắp lời của Tông Môn, phối hợp vào kinh văn. Hoặc để thâm hợp, hoặc để cùng thấy, hoặc suy rộng ý kinh, hoặc bày tỏ chỗ chưa bày tỏ. Tôi cũng không ngờ mình làm nổi. Trong khoảng trời đất làm sao có được thứ nghị luận này. Âu cũng do túc nguyện nhiều đời vậy.

Đây là tôi nhờ các vị Lão Túc để làm rõ nghĩa kinh chứ chẳng phải tự do tôi, và lấy Thiên tông để soi sáng kinh chớ chẳng phải lấy văn tự kiến giải mà giảng. Bèn đặt tên là Tông Thông.⁽¹⁾ Tông Thông cùng với Thuyết Thông. Phải tự đắc Bản Tâm thì mới cùng với các bậc Lão túc mặc áo gặp nhau. Chẳng những một hội Lăng Nghiêm nghiêm nhiên chưa tan, mà Ngài Trí Giả đến nay cũng vẫn còn đó.

Bài văn tán ngợi rằng :

¹⁾ Tông Thuyết cu thông, nghĩa là đạo lý nói ra đều là tự tại suốt thông. Có câu : Tông Thông là Thuyết Thông vậy. Phép thiền (thiền môn) từ khi được tỏ ngộ thấu đáo, nói rằng Tông Thông ; nói pháp tự tại (không còn trở ngại), nói rằng Thuyết Thông.

Có câu : Tông Thuyết cu thông làm bậc Đại Tông Sư.

Tổ Đình Sự Vân Thất nói : Tổ Thanh Lương nói rằng Tông Thông là tự mình tu hành. Thuyết Thông chỉ bậc chưa tỏ ngộ.

Kinh Lăng Già : Phật dạy Ông Đại Huệ : Tất cả Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát có hai giống thông tương. Gọi là Tông Thông, Thuyết Thông.

Đông Chú nói : Tông ấy là gốc của Đạo. Thuyết ấy là dấu tích của pháp giáo.

Chứng Đạo Ca nói : Tông cũng thông, Thuyết cũng thông. Định Huệ tròn sáng, chẳng trệ nơi không.

*“Sáu vạn ba ngàn lời mười trang
Giáo, Hạnh, Lý ; Không, Giả, Trung quán
Viên thông Hoa tạng Tín Hạnh giải
Chứng rồi Định Huệ xứ Niết Bàn
Phá vọng hiển chân, Chân Nhất Thật
Phản văn nung ấm, ấm tiêu tan
Tội lỗi vô minh mười phương ngục
Tội ấy băng tiêu, tọa Phật tràng.”*

Nam mô Lăng Nghiêm Hội Thượng Chư Phật, Chư
Đại Bồ tát, Chư Thánh Hiền Tăng.



QUYỂN I

ĐẠI PHẬT ĐÁNH, NHƯ LAI MẬT NHÂN, TU CHỨNG LIỄU NGHĨA, CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH, KINH THỦ LĂNG NGHIÊM TÔNG THÔNG

Đời Đường, Ngài Bát Lạt Mật Đế, Sa môn xứ Thiên Trúc, dịch ; Ngài Di Già Thích Ca, Sa môn xứ Ô Trường, dịch ngữ. Trần Chánh Nghị Đại Phu Phòng Dung, Bồ tát giới đệ tử chép.

Đời Minh, Bồ tát giới đệ tử Tiền Phụng Huấn Đại Phu, Lễ Bộ Từ Tế Thanh Sử Tư Viên Ngoại Lang, Nam Nhạc Tăng Phụng Nghi, Tông Thông.

Thông rằng : Kinh này tại sao lại đặt tên là “Đại Phật Đánh, Như Lai Mật Nhân, Tu Chứng Liểu Nghĩa, Chư Bồ Tát Vạn Hạnh, Thủ Lăng Nghiêm ?” Kinh chép : “Khi ấy, Đức Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử từ trong đại chúng, rời khỏi chỗ ngồi, đánh lễ chân Phật mà thưa rằng : Phải gọi kinh này tên gì ? Tôi cùng với chúng sanh làm thế nào phụng trì ?”

Phật dạy Ngài Văn Thù Sư Lợi rằng : “Kinh này tên Đại Phật Đánh, Tát Đát Đa Bát Đát Ra (Bạch Tán Cái), ấn báu vô thượng, Hải Nhân trong sạch của mười phương Như Lai. Cũng gọi là cứu hộ người thân, độ thoát Anan và Tánh Tỳ kheo ni ở trong hội này, đặc tâm Bồ Đề, bước vào biển Biến Trí. Cũng gọi là “Như Lai Mật Nhân, Tu Chứng Liểu Nghĩa.” Cũng gọi là “Đại Phương Quảng, Diệu Liên Hoa Vương, Thập Phương Phật Mẫu Đà La Ni chú.” Cũng gọi

là “Quán Đảnh Chương Cú, Chư Bồ Tát Vạn Hạnh, Thủ Lăng Nghiêm.” Ông nên thọ trì.”

Đoạn kinh trên gồm nhiều nghĩa, chỉ cần ba chữ “Đại Phật Đảnh” là bao gồm hết. Bởi vì Phật Đảnh thần chú, tức là mười phương Phật Mẫu Đà La Ni chú, tức là Quán Đảnh Chương Cú, tức là độ thoát Anan và Tỳ Kheo Ni Tánh, do đó khởi lập lại. Chú này là “Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát Ra”, dịch là “Đại Bạch Tán Cái”, là cái Lọng Trắng Lớn Che Trùm. Ròng trắng phau trong sạch, trùm che hết thấy, nên gọi là lớn. Đại Phật Đảnh thần chú này, chẳng thể nghĩ bàn, mới gọi là Nhân Địa Bí Mật⁽¹⁾ của Như Lai, cái Liễu Nghĩa của Tu Chứng. Vạn Hạnh của Bồ tát do đây mà sẵn đủ, nên cả thấy rất ráo bèn chắc vậy. Pháp có thể tiệm mà không thể đốn, thì không thể gọi là Đại. Có thể đốn mà không thể viên, thì cũng không gọi là Đại (lớn) được. Nay nói là Mật, là Liễu, tức là đã gồm nghĩa đốn. Nói là Tu Chứng, nói là Vạn Hạnh là ngầm nghĩa Viên. Duy cái pháp môn Viên Đốn⁽²⁾ này, cùng với Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh và Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, không khác. Từ Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương cho đến Diệu Giác là đã bao gồm trong Hoa Nghiêm ; còn Nhĩ Căn Viên Thông trọn cùng phẩm Phổ Môn tương ứng. Gồm đủ chỉ thú của hai bộ kinh trên, kinh Lăng Nghiêm thật rộng lớn biết bao !

Chưa ngộ, thì chuyển *cái chẳng có sanh diệt* thành ra *cái sanh diệt*, tức chẳng phải liễu nghĩa. Ngộ rồi, thì chuyển *cái sanh diệt* thành ra *cái chẳng có sanh diệt*, tức là nghĩa “*hết thấy rất ráo kiên cố*”. Cho nên, một đường đi lên,⁽³⁾ không

¹⁾ Như Lai Mật Nhân.

²⁾ Tròn vẹn, tức thời.

³⁾ Hướng thượng nhất lộ.

ngộ thì không được. Thế thì chú và ngộ liên quan thế nào, ngộ và chú quan hệ với nhau ra sao, mà đều cũng gọi là Đại Phật Đảnh ? Chú không thể nghĩ bàn, ngộ cũng không thể nghĩ bàn. Chú tức là cảnh giới của ngộ, ngộ tức là cảnh giới của chú. Đây là chỗ “Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ tuyệt”, thấy do lìa cái thấy, thì cái thấy là siêu việt. Cho nên giữ cái Phật Đảnh, lìa cái tướng thấy của mình là vậy. Các dòng giống của Phật Đảnh, một phen vượt lên nhập thẳng vào, đó là pháp môn cực tôn cực quý vậy. Hiệp Luận đặt tên là Tôn Đảnh vì lẽ này.

Có vị tăng hỏi Ngài Hoàng Bá rằng : “Vô Biên Thân Bồ tát⁽¹⁾ vì sao chẳng thấy đảnh tướng của Như Lai ?”

Ngài Bá đáp : “Thật không thể thấy. Vì sao thế ? Vô Biên Thân Bồ tát tức là Như Lai, không thể trở lại thấy. Chỉ cần ông không tạo ra cái Phật kiến thì không rơi vào Phật biên. Không tạo ra cái thấy chúng sanh thì không lạc vào giới hạn chúng sanh. Không gây ra cái thấy có thì không lạc vào giới hạn của cái có. Không tạo ra cái thấy không thì không rơi vào giới hạn của cái không. Không tạo ra cái thấy của phàm phu thì không rơi vào giới hạn của phàm phu. Không tạo ra cái thấy của Thánh thì không rơi vào giới hạn của Thánh. Chỉ không tất cả mọi cái thấy, tức là Vô Biên Thân. Nếu có chỗ thấy, tức là ngoại đạo. Ngoại đạo thì ham các cái thấy. Bồ tát nơi mọi cái thấy mà chẳng động. Như Lai là nghĩa Như của tất cả các pháp, nên nói “*Di Lạc cũng là Như.*”⁽²⁾ Như tức là không có sanh ra, Như tức là không có diệt mất. Như tức là không có thấy, Như tức là không có nghe. *Đảnh* tức là viên (tròn), cũng không

¹⁾ Tên khác của Đức Như Lai.

²⁾ Kinh Duy Ma Cật.

có cái thấy viên, nên chẳng rơi vào biên giới của viên. Bởi thế, thân Phật là vô vi, không rơi vào giới hạn. Tạm lấy hư không làm ví dụ. Tròn đầy như hư không rộng lớn, không thiếu không dư. Hãy nhàn nhã vô sự, chớ gắng gượng biện biệt cảnh giới giác ngộ, biện biệt thì thành thức.”

Lại có vị tăng hỏi Tổ Bách Trượng : “Bồ tát Vô Biên Thân không thấy đánh tướng của Như Lai là vì sao ?”

Tổ Trượng rằng : “Vì gây ra cái thấy hữu biên, cái thấy vô biên, nên chẳng thấy được đánh tướng Như Lai. Chỉ như bây giờ đây trọn không có cả thấy cái thấy hữu vô, cũng không phải là không có cái thấy, thì đó là thấy đánh tướng.”

Xem hai vị Tôn túc nói ra nghĩa Phật Đánh, thật như viên ngọc tròn lăn trên bàn. Nếu biết chỗ ấy mới cho là trên cửa đánh, có được *con mắt lẻ*.⁽¹⁾ Đã nói là Như Lai Mật Nhân, tức chẳng cậy mượn sự tu chứng. Lại nói *tu chứng liễu nghĩa*⁽²⁾ là để phân biệt với *chẳng có liễu nghĩa*⁽³⁾ vậy. Như Lai, ấy là nói về quả vậy. Kinh Kim Cang : “Nếu có người nói “Như Lai có đến, có đi, có ngồi, có nằm”, thì người ấy chẳng hiểu nghĩa chỗ ta nói. Vì sao thế ? Như Lai là không từ chỗ nào đến, cũng không đi về đâu, nên gọi là Như Lai”. “Đến không từ chỗ nào, đi không về đâu”, quả là vật gì ? Thế mới gọi là mật vậy. Phật Đánh Thân Chú là mật ngữ của Như Lai, thì hai cái mật (mật ngữ và Như Lai) đó không phải là hai. Lấy cái mật này làm nhân, tức lấy cái mật ấy đắc quả. Như đóa bông sen, nhân quả đồng thời sẵn đủ. Dùng cái này mà tu, thì tu mà không tu. Dùng cái này để

¹⁾ Nhất chích nhãn : một con mắt, con mắt Đạo.

²⁾ Tu cho chứng được nghĩa rốt ráo.

³⁾ Chưa được chỗ hiểu nghĩa Như Lai Mật Nhân.

chứng, thì chứng mà không chứng. Kinh nói “*Nào mượn sự cực nhọc tu chứng*”, đây tức là ý chỉ của Liễu Nghĩa. Nếu không được như thế là vì chưa liễu ngộ vậy.

Xưa, Huệ Minh đuổi kịp Đức Lục Tổ để dành y bát.

Tổ dạy : “Ông đã vì pháp mà đến, hãy an dừng các duyên, không sanh một niệm, ta sẽ vì ông mà nói.”

Ông Huệ Minh im lặng hồi lâu, Tổ nói : “Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, ngay khi ấy, là Bản Lai Diện Mục của Minh Thượng tọa.”

Ông Huệ Minh nghe xong, đại ngộ.

Lại hỏi : “Ngoài lời mật, ý mật ấy, còn cái ý mật nào không ?”

Tổ đáp : “Đã nói cùng ông, tức chẳng phải mật. Nếu ông soi trở lại, thì mật ở tại bên ông.”

Thầy Minh thưa : “Tôi mặc dầu ở Huỳnh Mai, mà thật chưa tỏ ngộ được mật mũi của mình. Nay nhờ ơn chỉ bày, như người uống nước, lạnh nóng tự biết. Nay hành giả tức là thầy của tôi vậy.”

Tổ dạy : “Ông đã như vậy, thì nay tôi và ông cùng một Thầy Huỳnh Mai. Hãy khéo tự hộ trì.”

Ngài Hoài Nhượng ban đầu ra mắt Tung Sơn An Thiền sư, hỏi : “Thế nào là ý Tổ Sư từ phương Tây đến ?”

Tổ An nói : “Sao không hỏi cái ý của chính ông ?”

Ngài bèn hỏi : “Thế nào là ý của chính mình ?”

Tổ Sơn đáp : “Cần quán xét cái mật nhiệm tạo nên cái dụng.”

Hỏi : “Như thế nào là cái mật nhiệm tạo nên cái dụng ?”

Tổ Sơn dùng mắt mở, nhắm chỉ bày đó.

Sư Nhuận không lãnh hội được. Tổ Sơn bèn bảo ngài ra mắt Đức Lục Tổ.

Tổ hỏi : “Từ đâu đến ?”

Sư Nhuận đáp : “Tung Sơn.”

Tổ hỏi : “Vật gì đó ? Đến thế nào ?”

Sư chẳng đáp được.

Trải qua tám năm, mới bạch với Tổ rằng : “Tôi đã có chỗ am hiểu.”

Tổ hỏi : “Như thế nào ?”

Ngài đáp : “Nói giống như một vật là chẳng trúng !”

Tổ hỏi : “Lại có thể tu chứng chẳng ?”

Đáp rằng : “Tu chứng thì chẳng phải là không, mà ô nhiễm thì chẳng thể được.”

Tổ rằng : “Hay lắm ! Cái chẳng có ô nhiễm ấy, là chỗ hộ niệm của chư Phật. Ông đã y vậy, ta cũng y vậy.”

Như hai vị Tôn túc ấy, khế hợp sâu xa cái mật ý, được tu chứng liễu nghĩa vậy.

Sau, có vị sư hỏi Tổ Bách Trượng : “Trước đến giờ, chư Tổ đều có mật ngữ trao truyền cho nhau là thế nào ?”

Tổ đáp : “Không có lời mật. Như Lai không có bí mật tạng. Chỉ như bây giờ soi tỏ ý nghĩa cho rõ ràng, tìm kiếm hình tướng, rõ là bất khả đắc, đó là mật ngữ. Từ bậc Tu Đà Hoàn (Nhập Lưu) trở lên cho đến Thập Địa, bất quá chỉ có Chữ và Lời (Ngữ Cú), còn là thuộc về pháp trần cấu hết thảy. Chỉ có lời nói, còn trọn cả đều nằm trong phiền não. Chỉ có lời nói, còn trọn cả đều thuộc về bất liễu nghĩa. Chỉ có lời nói, tức chẳng được chấp nhận vậy. Liễu nghĩa giáo đều chẳng phải là gì hết thảy (phi), thì còn tìm kiếm mật ngữ nào ?”

Theo chỗ thấy của Tổ Bách Trượng, thì một chữ mật cũng phải mưa ra luôn, liễu nghĩa giáo cũng chẳng lập, mới có thể gọi là hướng lên ngàn Phật đánh mà đi.

Các vị Bồ tát muôn hạnh chưa lìa tu chứng thì sao lại gọi là “Hết thấy rốt ráo kiên cố?” Sở dĩ như vậy vì các Bồ tát chưa tới địa vị quán đánh, phải có tu, có chứng. Đến địa vị quán đánh rồi, tức là siêu nhập đồng đẳng bậc Diệu Giác, thì có cái gì tu chứng? Các hành tuy vô thường, nhưng từ trong Diệu Giác lưu xuất ra tất cả sự pháp, đương xứ tịch diệt, nên gọi là *rốt ráo kiên cố*.

Kinh nói “Có cái Tam Ma Địa⁽¹⁾ (Chánh Định), gọi là Đại Phật Đánh Thủ Lăng Nghiêm Vương, sẵn đủ muôn hạnh. Mười phương Như Lai do một cửa này mà siêu xuất, đây là con đường Diệu Trang Nghiêm.” Tam Ma Đề này là Đại Định Thủ Lăng Nghiêm, lối Diệu Trang Nghiêm sẵn đủ muôn hạnh, chẳng phải rời lìa muôn hạnh mà riêng có cái gọi là định. Tất cả đều định, nên gọi là tất cả sự *rốt ráo kiên cố*. Đức Phó Đại sĩ, ngày thì kinh doanh gây tạo, đêm thì hành đạo. Thấy Đức Thích Ca, Đức Kim Túc, Đức Định Quang ba vị Phật phóng quang phủ lên mình Ngài. Đại sĩ mới nói: “Ta được Định Thủ Lăng Nghiêm.” Thuở đó, kinh này chưa đến mà tên định đã nêu, lạ lùng thay.

Tứ Tổ Đạo Tín⁽²⁾ dạy Ngài Lại Dung ở núi Ngưu Đầu rằng: “Trăm ngàn pháp môn đều quy về tâm, hằng sa diệu đức gồm tại nguồn tâm. Tất cả giới môn, định môn, huệ môn, thân thông biến hóa đều tự sẵn đủ, chẳng rời tâm ông. Hết thấy phiền não, nghiệp chướng xưa nay rỗng rang

¹⁾ Samadhi. Xưa gọi là Tam Muội.

²⁾ Đời Đường Cao Tông, nối pháp Tổ Tăng Xán, truyền lại cho Tổ Hoàng Nhãn.

vắng lặng. Hết thấy nhân quả đều như mộng huyễn. Chẳng có ba cõi để lìa, không có Bồ Đề nào để tìm cầu. Người cùng chẳng phải người, tánh tướng bình đẳng. Đại đạo rộng suốt, tuyệt nghĩ, tuyệt lo. Cái pháp như thế, ông nay đã được, tuyệt không thiếu hụt, cùng Phật không khác, nào có pháp nào khác nữa. Ông chỉ mặc dùng tự tại, chớ khởi quán hạnh, cũng chẳng lóng tâm, chẳng khởi tham sân, chẳng giữ lo buồn, thân thang vô ngại, mặc ý dọc ngang. Chẳng làm các điều thiện, không gây các điều ác. Đi, đứng, nằm, ngồi, chạm mắt gặp duyên, thấy đều là diệu dụng của Phật. Vui sướng không lo nên gọi là Phật.”

Được nghe thế, Ngài Lại Dung mở ra một chi phái, gọi là Quán Đảnh Chương Cú.

Ngài Pháp Nhân dạy : “Tu hành trải qua ba đời sáu chục kiếp, bốn đời một trăm kiếp hay tăng kỳ kiếp cho đến thành quả mà cổ nhân còn nói là chẳng bằng một niệm duyên khởi Vô Sanh, siêu quá hàng Tam thừa quyền học.” Nên chi nói rằng : Gãy móng tay mà viên thành tám vạn pháp môn, trong sát na dứt hết ba a tăng kỳ kiếp. Trong Thiên tông quả có chuyện kỳ đặc đó, há phải vạn hạnh đầy đủ, rồi sau mới đắc định Thủ Lăng Nghiêm ư ?

Kinh là thường đạo vậy. Cuốn Thuyết Văn Giải Tự viết : “Dệt vải có sợi dọc (kinh), sợi ngang (vĩ) : sợi dọc thì thường hằng, mà sợi ngang thì thay đổi. Kinh này do Ngài Long Thọ ở dưới Long Cung mặc tụng đem lên. Vua Ngũ Thiên⁽¹⁾ trân trọng giữ kín chẳng có truyền ra. Há chẳng biết rằng quyển kinh này người người sẵn có, đâu có ai không ! Thế mới là thường đạo, nào phải là bí mật.”

¹⁾ Ở miền Nam Ấn.

Có vị tăng hỏi Ngài Thủ Sơn : “Tất cả chư Phật đều do kinh này mà có ra. Thế nào là kinh này ?”

Tổ Sơn đáp : “Nói nhỏ ! Nói nhỏ !”

Vị tăng hỏi : “Thọ trì thế nào ?”

Tổ Sơn rằng : “Chẳng nhiệm ô.”

Ngài Đầu Tử⁽¹⁾ tụng rằng :

*“Nước chảy Côn Luân, núi nổi mây
Người đến, tiêu ngư chẳng có hay
Nếu biết núi cao, sông tràn nước
Ắt chẳng quăng rìu với bỏ dây.”*

(Thủy xuất Côn Luân, sơn khởi vân
Điều nhân, tiêu phụ muội lai nhân
Chỉ tri hồng lãng, nham loan khoát
Bất khảng phao ty khí phụ cân.)

Tổ Dược Sơn bình thường không cho người ta xem kinh. Có lần tự Ngài xem kinh. Một vị tăng hỏi : “Hòa thượng bình thường không cho người xem kinh, sao Hòa thượng lại xem ?”

Tổ Sơn rằng : “Ta chỉ cần che mắt.”

Vị tăng hỏi : “Tôi bắt chước Hòa thượng được không ?”

Tổ Sơn nói : “Ông muốn xem thì phải suốt qua tấm da trâu⁽²⁾ đã.”

Cho nên, rõ được chỗ che mắt này, thì mới được cái diệu của sự thọ trì. Mà có xuyên thủng mới chẳng nhiệm ô vậy.

¹⁾ Nghĩa Thanh Thiên sư, đời Đường. Nối pháp Đại Dương Huyền Thiên sư.

²⁾ Da trâu : ngư bì. Trùm da trâu đi ra nắng càng bị bó cứng ; buộc râu rồng (long tu) xuống nước càng thắt chặt, đau đớn. Hai cái dùng để chỉ cái phước hữu lậu của người và trời làm hại huệ mạng.

TỰA CHUNG

Kinh : Như thế, tôi được nghe, một thời Phật ở Tịnh xá Kỳ Hoàn, thành Thất La Phiệt, cùng với chúng Đại Tỳ kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, đều là bậc Vô Lậu⁽¹⁾ Đại A La Hán.

Thông rằng : Tất cả các kinh đều mở đầu bằng “*Như thị ngã văn nhất thời.*” Đây là Đức Anan tuân theo ý chỉ của Đức Phật, kết tập các kinh, trước xưng sáu chữ này, giải tan mọi nghi ngờ. *Như thị*, như thị ấy là chỉ có thể tự tin lấy, không cần ngôn thuyết. Nếu hiểu được cái pháp như thị, là chỗ phó chúc bí mật của Phật Tổ, tức là những lời lòng vòng sau này, đều là lời cước chú chua thêm vậy.

Có vị tăng vào tham lễ Quốc sư Huệ Trung, sư hỏi : “Làm sự nghiệp gì ?”

Tăng đáp : “Giảng kinh Kim Cang.”

Sư hỏi : “Hai chữ đầu hết là cái gì ?”

Đáp : “Như thị.”

Sư hỏi : “Đó là cái gì ?”

Tăng không đáp được.

Sư bảo : “Than ôi ! Vậy thì lấy gì mà giảng kinh ?”

Lại còn Thiền sư Tuyết Phong Nghĩa Tôn⁽²⁾ hỏi một vị Tòa chủ : “Hai chữ Như Thị là tất cả khoa văn, vậy thì bản văn là làm sao ?”

¹⁾ Lậu : tiếng chỉ phiền não.

²⁾ Tuyết Phong Thiền sư, tên Nghĩa Tôn, người xứ Phước Châu. Đắc pháp nơi Tổ Đức Sơn. Đời Đường Ý Tông, năm Hàm Thông, tại núi

Vị Tòa chủ⁽¹⁾ không đáp được.

Đức Ngũ Vân đáp thay rằng : “Lại chia làm ba đoạn rồi.”

Hãy nói chỗ Đức Ngũ Vân mở lời, là khoa văn hay là bản văn ?

Chữ *Tỳ Kheo* có ba nghĩa : Khất Sĩ ; là Phá Ác ; là Bố Ma (làm cho ma sợ). Chữ *A La Hán* cũng có ba nghĩa là Ứng Cúng ; là Sát Tặc (giết giặc) ; là Vô Sanh. Đại là để phân với tiểu. Lậu cũng có ba loại : vô minh lậu, dục lậu và hữu lậu.

Kinh nói “Ông thường nghe trong Luật của Ta có ba nghĩa quyết định tu hành, đó là nhiếp tâm làm Giới, do Giới sanh Định, nhờ Định phát Huệ. Đó là ba môn Vô Lậu Học. Cấm răn (Giới) tức là không lọt ra cái ham muốn dâm dục (Dục Lậu), yên tĩnh (Định) ắt không có phiền não (Hữu Lậu), sáng tâm (Huệ) ắt không có vô minh phiền não.” Ba món Vô Lậu này gọi là nghĩa quyết định. Tựa hồ lấy Huệ làm chỗ cực tặc. Nên Đức Động Sơn nói với Ngài Tào Sơn rằng : “Ở thời mạt pháp, người ta phần nhiều là huệ khô khan (Càn Huệ).⁽²⁾ Để phân biệt thiệt hay giả, thì có ba loại rỉ chảy (sấm lậu) : Một là, Kiến⁽³⁾ sấm lậu : chưa lìa phàm phu, sa vào trong biển độc. Hai là, Tình sấm lậu : vướng mắc vào thuận nghịch, chỗ thấy không được quân bình. Ba

Tuyết Phong xứ Phước Châu sáng lập nhà Thiền. Thường có đến 1.500 người trong chúng học đạo.

¹⁾ Người cầm đầu trong đại chúng.

²⁾ Càn Huệ Địa, địa vị thứ nhất của Thập Địa và Tam Thừa. Cái trí huệ khô khan nên chưa thuần thực. Đại Thừa Nghĩa Chương nói : Tuy có trí huệ, chưa đăng tịnh thủy (tâm tĩnh lặng, ví như nước đứng im). Lại còn về phép quán sự (đối lý quán nói sự quán) đây chưa xong về lý, chưa thuần tịnh.

³⁾ Chỗ thấy theo sở học.

là, Ngũ sắc lậu : cứu xét chỗ huyền diệu mà mất đi tông chỉ, sau trước cơ trí đều mê muội tối tăm, trí dơ lưu chuyển. Đối với ba loại này, thầy phải nên biết.”

Trong cái Càn Huệ, lại chia làm ba thứ này, nếu không có con mắt pháp phân biệt thì không thể chiếu phá. Do đó, bậc A La Hán hồi hướng về Đại thừa, hẳn phải tư duy quán xét lời dạy của Ngài Động Sơn, thì mới đầy đủ cái nghĩa Vô Lậu vậy.

Kinh : Các vị Phật Tử trụ trì, khéo vượt lên các hữu. Ở các quốc độ, thành tựu uy nghi. Theo Phật chuyển pháp luân, kham lãnh xứng đáng di chúc của Phật. Nghiêm tịnh giới luật để mở rộng khuôn phép cho ba cõi. Hiện thân vô số, cứu thoát chúng sanh, tốt đời vị lai, khỏi các trần ràng buộc.

Thông rằng : Trụ Trì là cái Giác Tánh Thường Trụ (hằng còn), hay nắm giữ (trì) vạn pháp. Đoạn kinh này chỉ mười mấy chữ, thật bao quát hết ý chỉ của cả bộ kinh. Nói rằng “Khéo vượt lên các hữu”, tức là ngũ ấm, lục nhập, mười hai xứ, mười tám giới, cho đến bảy đại đều chẳng có thể làm chướng ngại, thì nghĩa “Phá Vọng” đã đầy đủ hết. Nói rằng “Thành tựu uy nghi”, tức là dựng lập đạo tràng, ba món tiệp thứ. Năm mươi lăm địa vị, tức là con đường Bồ Đề, thì nghĩa “Hiện thân” đã đầy đủ. Nói rằng “Diệu kham di chúc” thì hai mươi lăm pháp môn viên thông đều chứng Tự Tánh, đồng kham thọ ký thành Phật, mà cái tông chỉ “Kiến Tánh” tự còn. Nói rằng “Mở rộng khuôn phép trong ba cõi”, thì bộ kinh này phù trì giới luật, dặn dò cẩn thận bốn cấm giới, thập thiện và chín loại định để nêu rõ quy tắc cho ba cõi. Ngài Anan thị hiện tâm sự để mở đầu bộ kinh là cũng vì

vậy. Nói “*Ứng thân vô lượng*”, là dạy các vị Bồ tát và A La Hán hiện thân trong đời mạt pháp, hóa làm đủ thứ hình dạng, cứu vớt các chúng sanh luân hồi vậy. Vì phòng ngừa cho chúng sanh đời mạt pháp khỏi các ma sự, “*Siêu khỏi các trần ràng buộc*”, chứng đến chỗ viên thông. Thật là lời dạy dò khuôn mẫu sau chót của Như Lai vậy.

Ngài Phong Huyệt Chiêu Thiên sư có lời dạy rằng : “*Nếu lập một mảy trần,⁽¹⁾ dẫu nước nhà đang hưng thịnh, lão què này cũng buồn rầu. Không lập một mảy trần, dẫu nước nhà sụp đổ, lão què này cũng vui ca.*”

Ngài Tuyết Đậu dựng cây trụ trượng lên mà nói : “*Lại còn có vị tăng cùng sống cùng chết nào không ?*”, ý chỗ lập trần là ở đó.

Tụng rằng :

*“Lão tăng dạy dỗ chẳng nhượng mảy
Mong cho nhà nước vững nền ngay
Mưu thần dững tướng giờ dẫu tá
Vạn dặm gió trong, chỉ tự hay.”*

Ngài Tuyết Đậu ở trong cửa Phật sự, chẳng bỏ một pháp. Ngài Thiên Đồng ở nơi thực tướng chẳng thọ một mảy trần. Hai pháp song hành bình đẳng, cùng một chỗ xuất ra.

Tụng rằng :

*“Sông Vị trắng trong thả nợ câu
Nào giống Di Tề chết đói dâu
Chỉ tại mảy trần sanh lấm vẻ
Nghệp tốt, danh cao, khó bỏ thay.”*

¹⁾ Trần : hạt bụi.

Lại còn Tổ Trường Khánh nói rằng : “Mọi chuyện giống như ngày nay là bởi Lão Hồ⁽¹⁾ có chỗ cho người ta ngưỡng vọng.”

Tổ Bửu Phước nói : “Mọi sự giống như ngày nay là vì Lão Hồ tuyệt hết mọi chỗ cho người ta ngưỡng vọng.”

Ngài Thiên Đồng dạy thêm : “Giàu, ngàn miệng ăn vẫn cho là ít. Nghèo, một thân này vẫn hận là nhiều.”

Xét chỗ khai thị của các vị Tôn túc, tất cả đều vì người, nào có khác với tâm cứu độ chúng sanh đời sau của Phật, Tổ. Nên sao chép lại để làm cái pháp Trụ Trì.⁽²⁾

Kinh : Các vị là : Đại Trí Xá Lợi Phất, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Câu Si La, Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử, Tu Bồ Đề, Ưu Ba Ni Sa Đà làm Thượng thủ. Lại có vô số các vị Bích Chi Vô Học và sơ tâm đồng đến chỗ Phật giảng đạo. Nhằm ngày các vị Tỳ kheo mãn hạ Tự Tứ, các vị Bồ tát từ mười phương đến, xin Phật giải quyết nghi hoặc, kính vâng Đức Từ Nghiêm, thỉnh cầu nghĩa thâm mật.

Đức Như Lai trải pháp tọa, ngồi khoan thai, vì cả pháp hội mà tỏ bày cái mật nhiệm sâu xa. Chúng hội trong sạch, được việc chưa từng có.

Thông rằng : Đây là nói về chỗ bắt đầu của kinh. Nói là các vị Bồ tát thỉnh cầu mật nghĩa, mà chẳng có nói *cái gì là mật*. Nói Đức Phật tỏ bày cái thâm áo, mà chẳng nói *cái gì là thâm áo*, thì làm sao chúng hội thanh tịnh lại được chỗ chưa từng có ?

¹⁾ Lão Hồ : Chỉ Đức Đạt Ma.

²⁾ Còn hoài.

Xưa, Đức Thế Tôn một hôm lên tòa pháp. Đức Văn Thù bạch chùy rằng : “Hãy xem rõ Pháp Vương pháp. Pháp Vương pháp như thế.”⁽¹⁾

Đức Thế Tôn bèn xuống pháp tòa.

Tổ Thiên Đồng tụng :

*“Một đoạn của nhà có thấy không
Miên man trời đất chạy thoi nhanh
Gấm cổ dệt thành, bao xuân sắc
Ngại gì tiết lộ bởi Đông Quân.”⁽²⁾*

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng :

*“Thánh chúng đương nhiên ắt hiểu ngay
Pháp Vương, pháp lệnh chẳng như đây
Hội này mà có Thiên gia khách
Văn Thù nào phải hạ một chùy.”*

Nếu đối với chỗ Đức Thế Tôn lên tòa yên ngồi mà đã rõ thông tin tức, mới thật diệu khế cái áo mật, mà chẳng cần nhờ đến lời lẽ phiền phức vậy.

Hàng Bích Chi, còn có hạng sơ phát tâm là học trò của hàng Bích Chi.

“*Hưu Hạ Tự Tứ*” là trong Luật có dạy ba ngày ra Hạ là Mười Bốn, Mười Lăm và Mười Sáu tháng Bảy.

Kinh : Tiếng của Phật hòa nhã như tiếng chim Ca Lăng Tần Già, vang khắp mười phương. Hằng sa Bồ tát đến chốn đạo tràng, có Ngài Văn Thù Sư Lợi làm Thượng thủ.

1) Để quán Pháp Vương Pháp. Pháp Vương Pháp như thị.

2) Thần mùa Xuân.

Thông rằng : Chim Ca Lãng Tàn Già khi còn trong trứng đã đủ tiếng hay, các loài chim khác không so sánh kịp. Thí dụ cho Đốn Giáo vào ngay dòng giống Phật, không cần mượn tu tập, Tam thừa không bì kịp. Phật dùng âm thanh này để dạy cho hàng căn cơ đốn ngộ.

Thuở xưa, có lần Ngài Mục Kiền Liên muốn cùng tột âm thanh của Phật, dùng hết thần lực, đi qua hàng sa côi, đến một côi Phật có Báo Thân rất lớn. Ngài chống trượng đi trên miệng bát cơm của chư vị côi đó. Các đệ tử ở đấy đều thưa với Đức Phật côi đó : “Tại sao lại có loại trùng giống hệt con người ?”

Đức Phật kia đáp : “Đó là Mục Kiền Liên, đệ tử của Phật Thích Ca ở côi Ta Bà. Chớ thấy hình vóc nhỏ nhoi mà xem thường !” Rồi Đức Phật hỏi Ngài Mục Kiền Liên đến đây làm gì.

Ngài trả lời là muốn cùng tột âm thanh của Phật.

Đức Phật dạy : “Âm thanh của Phật vô tận, ông không thể cùng tột được đâu.”

Ngài Mục Kiền Liên bèn trở về.

Nên nói “*Khấp hết mười phương*” là đúng vậy.

Hằng sa Bồ tát mỗi mỗi đều có chỗ ở, như những côi kể trong kinh Hoa Nghiêm, vũ trụ vô cùng, chỗ nào mà chẳng phải là trụ xứ của Bồ tát ? Nay nghe âm thanh Phật, các Bồ tát đi đến với Phật.

Văn Thù tức là Diệu Đức, để bày tỏ cái thiệt trí. Mở bày đốn giáo thì đúng là cơ của Ngài, nên Ngài làm Thượng thủ.

Xưa, Ngài Vô Trước Văn Hỷ Thiền sư đến động Kim Cương ở núi Ngũ Đài chiêm bái Đức Văn Thù. Ngài gặp một ông già đang dắt trâu đi và mời Ngài vào chùa.

Ông già gọi : “Sa di !” Thì có một đồng tử ứng tiếng dạ, chạy ra tiếp. Ông già thả trâu đi, dắt thiền sư lên nhà khách. Nhà cửa đều chói lọi ánh vàng. Ông già ngồi lên giường, chỉ một cái đôn gấm mời Ngài ngồi.

Ông nói : “Ông từ đâu tới ?”

Sư Văn Hỷ đáp : “Phương Nam.”

Ông hỏi : “Phật pháp ở phương Nam trụ trì thế nào ?”

Sư đáp : “Đời mạt pháp các Tỳ kheo ít phụng trì giới luật.”

Ông hỏi : “Chúng nhiều ít ?”

Sư đáp : “Hoặc ba trăm, hoặc năm trăm.”

Sư Văn Hỷ trở lại hỏi : “Phật pháp ở đây trụ trì thế nào ?”

Ông già trả lời : “Rông rần lẫn lộn, phạm thánh ở chung.”

Sư hỏi : “Chúng nhiều ít ?”

Ông đáp : “Trước ba ba, sau ba ba.”⁽¹⁾ Ông kêu đồng tử đem trà và váng sữa⁽²⁾ lại. Sư dùng xong, tâm ý thông suốt.

Ông già cầm chén pha lê lên hỏi : “Phương Nam có thứ này không ?”

Sư đáp : “Không có.”

Ông hỏi : “Bình thường lấy gì uống trà ?”

Sư không đáp được.

(Tiếc thay ! Đang khi ấy chỉ nên đập nát nghiêng cái chén pha lê !)

¹⁾ Tiền tam tam, hậu tam tam.

²⁾ Tô lạc.

Văn Hỷ thấy trời đã tối, bèn hỏi ông ở lại một đêm được chăng.

Ông già nói : “Ông còn cái tâm chấp không thể ở lại.”

Sư nói : “Tôi đâu có tâm câu chấp.”

Ông già hỏi : “Ông đã thọ giới chưa ?”

Sư đáp : “Thọ giới đã lâu.”

Ông già nói : “Nếu không có cái tâm chấp, thì thọ giới để làm gì ?”

Sư cáo từ. Ông già bảo đồng tử tiễn Ngài về.

Ngài hỏi đồng tử : “Trước ba ba, sau ba ba là nhiều ít ?”

Đồng tử gọi lớn : “Đại đức !”

Sư ứng tiếng dạ.

Đồng tử nói : “Đó là nhiều ít ?”

Sư Hỷ lại hỏi : “Đây là chỗ nào ?”

Đáp rằng : “Đây là động Kim Cương, chùa Bát Nhã.”

Sư Văn Hỷ mới tỉnh ngộ ra rằng ông già tức là Văn Thù vậy. Không thể ra mắt trở lại được nữa, bèn cúi đầu trước đồng tử, xin một lời nói để từ biệt.

Đồng tử đọc bài kệ :

*“Trên mặt không sân : đồ cúng dường
Trong miệng không sân : xuất diệu hương
Trong tâm không sân là châu báu
Không dơ, không nhiễm tức chân thường.”*

Nói xong, cả người lẫn chùa đều ẩn mất.

Thầy Hỷ sau tham học với Tổ Ngưỡng Sơn, chóng ngộ tâm khế, giữ chức Điển tòa.⁽¹⁾ Khi nấu ăn, Đức Văn Thù

¹⁾ Lo về trai tăng trong Thiền viện.

thường hiện hình trên nồi cháo. Sư Văn Hỷ lấy cái dũa tre quậy cháo đánh mà nói rằng : “Văn Thù tự mặc Văn Thù. Văn Hỷ tự mặc Văn Hỷ.”

Đức Văn Thù bèn nói bài kệ :

*“Bầu đắng rẽ cũng đắng,
Dũa ngọt tận cuống ngọt
Tu hành ba đại kiếp
Lại bị lão tăng từ (chối).”*

Thấu đến trong ấy⁽¹⁾ lại còn nói có tâm câu chấp nữa ư ?

Tổ Tuyết Đậu tụng rằng :

*“Ngàn đỉnh nhấp nhô một màu lam
Ai là Văn Thù để đối đàm
Nực cười Thanh Lương⁽²⁾ nhiều ít chúng
Trước ba ba sau cũng ba ba.”*

Chỗ này mà thấu thoát⁽³⁾ được mới cho gặp mặt Đức Văn Thù.



¹⁾ Giá Lý.

²⁾ Núi Ngũ Đài.

³⁾ Hiểu thấu suốt.

DUYÊN KHỞI CỦA KINH

Kinh : Khi ấy, vua Ba Tư Nặc nhân ngày kỵ (giỗ) phụ vương, mở tiệc chay mời Phật thọ trai. Tự Ngài đứng nơi cung dịch nghinh rước Đức Như Lai, dọn bày các món ăn quý báu, rồi thân đến rước Phật và các vị Đại Bồ tát. Trong thành lại có các trưởng giả, cư sĩ cùng dự lễ trai tăng chờ Phật đến chứng minh. Phật khiến Ngài Văn Thù phân lãnh các vị Bồ tát và A La Hán đi đến nhà các trai chủ.

Duy có Ông Anan trước đã nhận lời mời riêng, đi xa chưa về, không kịp dự hàng tăng chúng. Ông về một mình, không có Thượng tọa hay A xà lê cùng đi, và ngày ấy cũng không được ai cúng dường. Lúc bấy giờ, ông mang bình bát vào trong một thành, trên đường đi tuần tự khát thực. Ban đầu, trong lòng cầu được một người bố thí tối hậu để làm trai chủ, không kể sang hèn, đều hành tâm Từ bình đẳng. Phát tâm viên thành cho tất cả chúng sanh được vô lượng công đức.

Ông Anan đã biết Đức Phật quả Ông Tu Bồ Đề và Ông Đại Ca Diếp làm bậc A La Hán, mà tâm chẳng bình đẳng. Ông kính vâng lời khai thị của Phật, lia thoát mọi nghi báng. Đi đến bên thành, thông thả vào cửa, nghiêm chỉnh oai nghi, kính giữ phép hóa trai.

Thông rằng : Vua Ba Tư Nặc cùng các vị trưởng giả, cư sĩ đồng thời cùng dự lễ trai tăng, sao ân cần như vậy ? Vì công đức trai tăng rất lợi ích. Phật có thuyết cho Ông Cấp Cô Độc về quả báo của bố thí : hoặc là bố thí nhiều mà

quả báo ít, hoặc là bố thí ít mà quả báo nhiều. Cúng dường cho ngàn vị Phật, không bằng cúng dường cho một vị Tịnh Hạnh. Cho đến cúng dường trăm ngàn vị Phật không bằng cúng dường cho một Đạo Nhân Vô Tâm.

Kinh Bốn Mười Hai Chương nói rằng : “Phật dạy : cho một trăm người ác ăn không bằng cho một người thiện ăn. Cho một ngàn người thiện ăn không bằng cho một người giữ Ngũ Giới ăn. Cho một vạn người giữ Ngũ Giới ăn không bằng cúng dường một vị Tu Đà Hoàn. Cúng dường một trăm vạn vị Tu Đà Hoàn không bằng cúng dường một vị Tư Đà Hàm. Cúng dường một ngàn vạn vị Tư Đà Hàm không bằng cúng dường một vị A Na Hàm. Cúng dường một ức vị A Na Hàm không bằng cúng dường một vị A La Hán. Cúng dường mười ức vị A La Hán không bằng cúng dường một vị Bích Chi Phật. Cúng dường một trăm ức vị Bích Chi Phật không bằng cúng dường ba đời chư Phật. Cúng dường ngàn ức ba đời chư Phật không bằng cúng dường cho một vị không niệm, không trụ, không tu, không chứng.”

Đại lược hai đoạn trên tương đồng với nhau.

Có vị sư hỏi Tổ Lạc Phổ⁽¹⁾ : “Cúng dường trăm ngàn vị Phật chẳng bằng cúng dường một vị đạo nhân không tâm (Vô Tâm). Trăm ngàn chư Phật có lỗi gì ? Người đạo nhân Vô Tâm có đức gì ?”

Tổ đáp : “Một mảnh mây trắng qua trước hang. Biết bao chim chóc lạc ổ về.”

Ngài Đơn Hà⁽²⁾ tụng rằng :

¹⁾ Tên bến sông Lạc, nay là tên của một huyện. Tổ ở huyện này nên lấy tên xứ để gọi.

²⁾ Thiên Nhiên Thiền sư, ở Đơn Hà Sơn, Đông Châu.

*“Thập Đắc bơ thờ không tỏ hiểu
Hàn Sơn⁽¹⁾ ướ oải chẳng biết về
Trước tiếng một câu viên âm đẹp
Ngoài vật ba núi mảnh trăng soi.”*

(Thập Đắc số dung phi giác hiểu
Hàn Sơn lại dọa bất tứ quy
Thanh tiền nhất cú viên âm mỹ
Vật ngoại tam sơn phiến nguyệt quy.)

Câu ba : Viên Âm là tiếng vọng trải khắp mầu nhiệm, thuộc ẩn.

Câu bốn là hiển.

Đây là riêng tụng về đạo nhân Vô Tâm đó vậy.

Ông Cam Chi hành giả một ngày kia vào chỗ Ngài Nam Tuyền⁽²⁾ bày trai cúng, gặp Tổ Huỳnh Bá làm Thủ tòa.⁽³⁾ Ông xin được bố thí tiền của.⁽⁴⁾

Tổ Bá nói : “Tài thí và pháp thí đều không sai biệt.”

Ông Cam Chi nói : “Nói thế nào để tiêu được cái của cúng của tôi ?” Bèn ra về.

Một lát, lại trở vào, nói : “Xin được thí tài.”

Tổ Bá nói : “Tài thí và pháp thí đều không sai biệt.”

Ông Cam Chi bèn dâng cúng.

Lại một ngày nọ, ông vào chùa dọn cháo, xin Tổ Nam Tuyền tụng niệm cho. Tổ Tuyền mới bạch chùy,⁽⁵⁾ nói : “Xin

¹⁾ Thập Đắc và Hàn Sơn là hai vị tăng giả vờ điên khùng. Thật ra, là hiện thân của hai Đại Bồ tát.

²⁾ Phổ Nguyện Thiên sư, đời Đường, ở núi Nam Tuyền, nối kế pháp của Mã Tổ.

³⁾ Người xem hết đại chúng trong chùa.

⁴⁾ Thí tài.

⁵⁾ Gõ bản.

dại chúng vì chôn, trâu già mà niệm *Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa*.”

Ông Cam Chi bèn phát tay áo đi ra.

Dùng cháo xong, Tổ Tuyên hỏi thầy Điển tòa : “Hành giả đâu rồi ?”

Đáp : “Liên khi nãy đi rồi.”

Tổ Tuyên bèn đập nát cái nồi.

Ngài Sớ Sơn⁽¹⁾ tụng rằng :

*“Một mình bày cháo khoe anh tuấn
 Nào hay vương lão lại phong lưu
 Đập tan nồi cháo bày vụng xấu
 Chôn với trâu già một lượt trâu.”*

Như Ông Cam Chi mới đáng gọi là có thể cúng dường đạo nhân Vô Tâm vậy.

Hành khát có năm nghĩa : một là, trong chứng bình đẳng, ngoài không thấy tướng giàu nghèo. Hai là, rời cái tâm tham lam kiêu mạn ngã theo điều lợi. Ba là, có sức Đại Định, chẳng có sợ các độc dữ của nhà gái dâm. Bốn là, lia bỏ sự nghi ghét của phàm phu. Năm là, phá chỗ phân biệt của Nhị thừa. Đức Duy Ma Cật nói rằng : “Nơi ăn mà bình đẳng, thì nơi pháp cũng bình đẳng. Chẳng luận sang hèn, dơ sạch đều chứng Bồ Đề. Đó là viên thành vô lượng công đức của tất cả chúng sanh.” Ông Tu Bồ Đề thì bỏ nghèo theo giàu. Ông Đại Ca Diếp thì bỏ giàu theo nghèo. Thế tức là lòng Tử chẳng quân bình, chẳng gọi là lòng Tử bình đẳng. Nhưng khi Ông Anan trong tâm vừa khởi niệm như

¹⁾ Tổ Quang Nhâm Thiên sư, hiệu Sớ Sơn. Tương lùn xấu, biện luận tinh anh. Gọi là Ông Phật lùn. Nói kế pháp ở Động Sơn.

thế, là đã rơi vào ý thức phân biệt, bèn thuộc về cái kế sanh nhai của nhà quý, nên ma mới có cơ hội.

Làm sao sánh được với sự hành khất như thế này : Thuở trước, có vị Hòa thượng, thường dùng gậy quảy một cái bao bố với cái nệm rách. Bao nhiêu đồ dùng đều bỏ hết ráo trong cái bao ấy. Vào chợ búa xóm làng, thấy vật gì thì xin. Hoặc thịt chua cá mặn, vừa lấy thì bỏ vào miệng, còn lại thì bỏ trong bao. Đời ấy người ta gọi là Trường Đình Tử. Một hôm, có vị tăng đi trước mặt, Sư bèn vỗ vào lưng, vị tăng quay đầu lại.

Sư nói : “Cho ta một đồng tiền.”

Tăng nói : “Nói được thì cho ông một đồng tiền.”

Sư bỏ cái bao bố xuống, khoanh tay mà đứng sững.

Lại một ngày nọ, Ngài đứng ở chợ. Có vị tăng hỏi : “Hòa thượng tại *Trong Ấy*⁽¹⁾ làm cái gì ?”

Ngài đáp : “Đồng với *con người*.”

Tăng rằng : “Đến rồi vậy, đến rồi vậy.”

Ngài nói : “Ông chẳng phải là *con người ấy* đâu.”

Tăng hỏi : “Thế nào là *con người* đó ?”

Ngài đáp : “Cho ta một đồng tiền !”

Ngài có bài kệ :

*“Một bát cơm ngàn nhà
Cô thân muôn dặm xa
Mắt xanh, người ít thấy
Mây trắng hỏi đường qua.”*

¹⁾ Trong Giá Lý.

(Nhất bát thiên gia phạn
 Cô thân vạn lý du
 Thanh mục đồ nhân thiên
 Vấn lộ bạch vân đầu.)

Nếu khế hợp được chỗ ấy, có thể nói là được nghi thức của chư Phật vậy.

Một hôm, Đức Phật bảo Anan : "Đã đến giờ, ông nên vào thành đi trì bát."⁽¹⁾

Anan vâng lời. Thế Tôn nói : "Ông đã ôm giữ bát thì phải y theo nghi thức của bảy vị Phật đời quá khứ."

Ông Anan mới hỏi : "Như thế nào là nghi thức của bảy vị Phật đời quá khứ ?"

Thế Tôn gọi lớn : "Anan !"

Ông Anan ứng dạ.

Thế Tôn rằng : "Ôm bát đi !"

Ôi, nếu Ông Anan sớm hiểu chỗ này, thì đâu có việc Ma Đăng Già !

Kinh : Khi đi khát thực, Ông Anan đi qua nhà người dâm nữ Ma Đăng Già, bị phép huyền thuật của cô ta, là tà chú Ta Tỳ Ca La của ngoại đạo, bắt vào giường riêng dựa kê vuốt ve làm cho ông gần phá giới thể.

Đức Như Lai biết Ông Anan mắc phải dâm thuật, dùng trai xong liền trở về. Vua cùng đại thần, trưởng giả cư sĩ đều đi theo Phật, mong được nghe pháp yếu.

Khi ấy, trên đỉnh Thế Tôn phóng ra ánh sáng rực rỡ vô úy, trong hào quang hiện ra tòa sen báu nghìn cánh,

¹⁾ Ôm giữ bát.

trên có Hóa Thân của Phật ngồi kiết già, tuyên thuyết thần chú khiến Ngài Văn Thù Sư Lợi đem chú này đến giúp đỡ, tiêu diệt tà chú rồi đưa Ông Anan và nàng Ma Đăng Già về chỗ của Phật.

Thông rằng : Bộ Hiệp Luận nói : “Đức Phật thương xót chúng sanh bị trôi lăn trong tam giới đều do mắc vào dục.” Trong các thứ dục, chỉ có cái dâm dục là nặng hơn hết, nên bộ kinh này mở đầu bằng việc Cô Ma Đăng Già. Để nhấn mạnh là nếu bị chìm đắm vào đó là một hoạn nạn lớn, mà diệt trừ được lại là một lợi ích lớn. Ví như chần dề thì đánh ở sau, nên hễ có cơ hội là răn nhủ cẩn thận.

“Có vị Tỳ kheo ni tên là Bảo Hương, thọ Bồ tát giới mà lại lén làm chuyện dâm, lại nói xằng rằng dâm dục chẳng phải giết hại hay trộm cắp nên chẳng có sự trả nghiệp. Liên từ nữ căn sanh ra ngọn lửa lớn rồi dần dần thiêu luôn cả cơ thể, dọa vào Vô Gián địa ngục.

“Còn Ngài Ô Sắc Ma thì nghe Phật dạy rằng người đa dâm như đồng lửa lớn, nên tu mà hóa tánh dâm thành Hỏa Quang Tam Muội, chứng quả A La Hán. Ngài nói rằng : “Các phiền não đã tiêu, sanh ra ngọn lửa quý báu, lên bậc Vô Thượng Giác.”

“Ôi ! Vô Thượng Giác là địa vị Phật mà nhờ quán sát dâm tánh thì có thể lên được ! Địa ngục Vô Gián là đường dữ mà vì theo chuyện dâm nên đang còn sống mà đã bị dọa vào. Luận về mười loại tập nhân thì dâm tập đứng đầu. Nói là dâm tập đứng đầu vì đó là sự giao tiếp, phát sinh từ sự cọ xát, nên có ngọn lửa rất mạnh phát ra ở bên trong. Cớ nên Phật bảo sự hành dâm gọi là lửa dục. Sau mới đến những tội tham lam, kiêu mạn. Trong Bộ Luật, nói về ba Nghĩa Quyết Định Tu Hành, đó là nhiếp tâm làm

Giới, nhân Giới sanh Định, nhân Định sanh Huệ, gọi là ba Vô Lậu Học.⁽¹⁾ Sự đoạn trừ Sát, Đạo, Dâm, Vọng thì kinh này nói đoạn dâm trước hết.

“Lại nữa, Quán Thế Âm Bồ tát tự kể về ba mươi hai Ứng Thân thuyết pháp của Ngài, nói rằng : “Phạm Thiên Vương nhờ dục tâm được minh ngộ mà cùng với Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn đồng gọi là Giải Thoát,⁽²⁾ còn hai mươi tám hạng kia chỉ có tên thành tựu mà thôi.” Lại năm thứ mùi cay⁽³⁾ là thứ làm phát dâm, tăng oán giận nên dạy lập ba món tiếm thứ để đoạn trừ, gọi là tăng tiến đệ nhất. Lại dạy rằng phải quán sát dâm dục hơn cả rắn độc, nếu thành tựu được cấm giới thì với con mắt thịt của cha mẹ sinh ra có thể thấy suốt cả mười phương.”

Đó là gặp cơ hội thì dặn dò kỹ lưỡng vậy. Bộ Luận này quả đã uốn nắn cho ngay ngắn toàn thể mạch lạc của kinh, dặn dò kỹ lưỡng, tỏ liễu sâu xa chỗ mở dạy của bộ kinh mà lấy việc dứt lia cái dâm dục làm đầu, khiến cho người ta sợ hãi đến rụng tóc gáy, lạnh xương sống. Tuy nhiên, người chứng Thật Trí, thì thấy tất cả thanh, sắc đều như huyễn như mộng, việc dữ kia chẳng có bóng dáng nào cả ở trong ấy.

Kinh Bốn Mươi Hai Chương nói “Người nhiều ái dục như kẻ cầm đuốc đi ngược gió, tất phải bị cháy tay.” Thiên Thần dâng Ngọc Nữ để thử Phật, muốn xem đạo ý Ngài ra sao. Phật nói : “Cái bao da chứa đồ dơ kia đến đây làm gì. Hãy đi đi ! Ta chẳng dùng đến.” Vị Thiên Thần rất kính trọng, thưa hỏi ý đạo. Phật dạy cho, liền đắc quả Tu Đà Hoàn.

¹⁾ Ba Giáo Pháp trừ phiền não.

²⁾ Rảnh rang, mở khởi.

³⁾ Ngũ vị tân.

Lại còn Kinh Duy Ma Cật có đoạn : “Ông Xá Lợi Phất hỏi Thiên nữ : “Sao cô chẳng chuyển thân nữ ?”

“Thiên nữ đáp : “Từ mười hai năm nay, tôi tìm cầu hình tướng người nữ mà chẳng thể được. Vậy thì phải chuyển cái gì ? Ví như một nhà huyền thuật, tạo ra một người nữ huyền. Như có người hỏi cô ấy : “Sao cô không chuyển thân nữ đi ?” Người ấy hỏi có đúng không ?”

“Xá Lợi Phất trả lời : “Không đúng ! Huyền không có tướng nhất định, thì có gì mà chuyển.”

“Thiên nữ nói : “Tất cả chư Phật cũng lại như thế. Hết thấy đều không có định tướng, tại sao lại hỏi không chuyển thân nữ ?”

“Liên đó, thiên nữ dùng thần thông biến Ông Xá Lợi Phất thành thiên nữ và thiên nữ thì hóa thân thành như Xá Lợi Phất ; rồi hỏi rằng : “Sao ông chẳng chuyển thân nữ ?”

“Ông Xá Lợi Phất trong hình tướng thân nữ đáp rằng : “Không hiểu sao tôi lại biến thành thân nữ ?”

“Thiên nữ nói : “Nếu Ông Xá Lợi Phất có thể chuyển thân nữ này, thì hết thấy người nữ cũng có thể chuyển. Như Xá Lợi Phất chẳng phải là người nữ mà lại hiện thân nữ, tất cả người nữ lại cũng như thế, tuy hiện thân nữ mà chẳng phải là người nữ. Thế nên, Đức Phật nói rằng : “Tất cả các pháp chẳng phải nam, chẳng phải nữ.”

“Thiên nữ liền thu lại thần lực, Ông Xá Lợi Phất trở lại như cũ.

“Thiên nữ bảo : “Này, Ông Xá Lợi Phất, sắc tướng thân nữ bây giờ ở đâu ?”

“Xá Lợi Phất nói : “Sắc tướng thân nữ không có ở đâu mà không đâu chẳng có.”

“Thiên nữ nói : “Tất cả các pháp lại cũng như thế, không có ở đâu mà không đâu chẳng có.”

Ôi ! Thần lực của thiên nữ có thể chuyển Ông Xá Lợi Phất, còn chú Tiên Phạm Thiên chẳng thể hủy phá giới thể của Ông Anan. Nghĩa hai đoạn kinh có thể so sánh cho rõ ràng vậy.

Kinh : Anan thấy Phật, cúi lạy buồn khóc, cảm hận mình từ vô thủy đến nay một bề nghe rộng nhớ nhiều, chưa toàn đạo lực. Tha thiết xin Phật dạy cho những pháp Xa Ma Tha (Chỉ), Tam Ma (Quán), Thiền Na (Thiền, Chỉ Quán Viên Tu) vi diệu, là những phương tiện tu hành đầu tiên nhờ đó mười phương Như Lai đắc thành Bồ Đề.

Lúc ấy, lại có hàng sa Bồ tát, Đại A La Hán và Bích Chi Phật, từ mười phương đến, thấy đều mong nghe lời Phật dạy, lui về chỗ ngồi, yên lặng lãnh thọ Thánh chỉ.

Thông rằng : Ông Anan phát ra lời hỏi đây, là cái xương sống của toàn bộ kinh. Từ đầu đến cuối, Thế Tôn trả lời không bỏ sót chỗ nào. “*Xa Ma Tha*” gọi là Chí Tĩnh,⁽¹⁾ là Không Quán. “*Tam Ma Bát Đề*” gọi là Lực Dụng Biến Hóa (Như Huyền), là Giả Quán. “*Thiền Na*” là Tịch Diệt, nghĩa là chẳng giữ cái huyền hóa cũng chẳng trụ tướng tịnh, tức là Trung Quán. Kinh Viên Giác nói : “Tịch tĩnh Xa Ma Tha, như kính soi muôn tượng. Như Huyền Tam Ma Đề, như mầm giống dần dần tăng trưởng. Thiền Na là Tịch Diệt, như tiếng vang trong chuông. Ba loại diệu Pháp Môn gọi là Giác Tùy Thuận, nhờ chúng mà mười phương Như Lai

¹⁾ Yên lặng cùng tột.

cùng chư Đại Bồ tát được thành đạo. Viên chứng được cả ba thứ là rốt ráo Niết Bàn.”

Ông Anan một bề nghe nhiều học rộng, chứ nếu vấn tu tập ba pháp môn này thì đâu còn phải hỏi. Nay ông bị huyền thuật ắt là trước đây các công phu quán hạnh, thiền định đều chẳng được gì, nên mới nghĩ mười phương Như Lai hẳn phải có điều vi diệu về các thứ này. Xét một chữ “*Diệu*”, tợ hồ phảng phất thoáng thấy : nào phải mượn đến sự tu hành khó nhọc lao khổ ! Chỉ vì chẳng biết cái phương tiện ban đầu hết là do ngộ nhập đó vậy.

Kinh Viên Giác cũng có nói “Chỉ trừ bậc Đốn Giác, thì không theo pháp môn.” Vốn có một pháp môn đốn ngộ, chỉ lấy việc Thấy Tánh (Kiến Tánh) làm Tông. Cho nên, nếu thấy được Tánh, thì vô tâm đối với Chỉ, Quán mà Chỉ Quán tự có sẵn. Không thấy Tánh, tuy hàng ngày có tu Chỉ Quán cũng khó địch với cảnh ma. Chỉ có “*Thấy Tánh*” mới được “*Diệu*” vậy. Đoạn kinh sau có nói đến *Diệu Minh Chân Tâm, Biển Diệu Trang Nghiêm, Diệu Minh Minh Diệu...* đều để trả lời cho ý nghĩa của chữ Diệu, mà chấm dứt bằng bài kệ :

“Gọi đó : *Diệu Liên Hoa*
Kim Cương Vương, Bảo Giác
Như huyền Tam Ma Đề
Khảy tay, vượt Vô Học
Pháp này là Vô Thượng
Một đường trực nhập Niết Bàn
Của mười phương chư Phật.”

Pháp Đốn Ngộ này, chẳng phải các loại chỉ quán, thiền định tầm thường có thể so sánh.

Thuở xưa, Ngài Tuyết Phong ba lần tham yết Tổ Đầu Tử,⁽¹⁾ chín lần thưa hỏi Tổ Động Sơn,⁽²⁾ cũng đã là bậc đa văn. Kế thế Tổ Đức Sơn rồi, cùng Tổ Nham Đầu đến núi Ngao Sơn ở Lễ Châu. Gặp lúc tuyết rơi, Tổ Đầu mỗi ngày chỉ lo ngủ, còn Ngài Tuyết Phong cứ một mạch tọa thiền.

Một hôm, Ngài kêu lớn rằng : “Sư huynh, Sư huynh ! Dậy đi chớ !”

Tổ Nham Đầu rằng : “Làm cái gì ?”

Ngài đáp : “Đời này chẳng lo xong thì gặp cái lão Văn Thúy ấy sẽ bị lão trói đấy. Ngày nay đã đến đây, vậy mà chỉ lo ngủ.”

Tổ Nham Đầu hét to : “Cây cột phước, ngủ đi ! Hàng ngày cứ ngồi như ông Thổ Địa trong làng rồi sau này đi làm nam nữ ma my nhà người !”

Ngài tự chỉ vào ngực mà nói : “Tôi đây trong cái ấy chưa yên, chẳng dám tự dối mình.”

Tổ Nham Đầu nói : “Tôi sắp nói rằng ngày sau ông sẽ hưởng lên đỉnh núi trư trụ trên tảng đá kết thảo am, xiển dương đại giáo, sao ông lại nói như thế ?”

Ngài nói : “Tôi ở trong ấy quả thật không yên.”

Tổ Nham Đầu⁽³⁾ nói : “Nếu ông thật như thế, thì cứ theo chỗ thấy của ông, mỗi mỗi nói ra hết đi. Đúng, tôi sẽ chứng minh cho. Không đúng, tôi sửa sang đẽo gọt cho.”

¹⁾ Nghĩa Thanh Thiên sư, đời Đường, xứ Thơ Châu, tại núi Đầu Tử. Nói kế pháp Đại Dương Huyền Thiên sư.

²⁾ Tức Quân Châu Động Sơn. Đặc pháp nơi Vân Nham Thịnh Tổ sư. Lập Thiên Chánh Ngũ Vị, thế mạnh, pháp rất thịnh hành. Sắc phong Ngô Bốn Thiên sư.

³⁾ Đức Nham Khoát Thiên sư, đời nhà Đường, ở núi Nham Đầu. Tham học với Tổ Đức Sơn mà khế hiệu ý chỉ. Gặp Tổ Võ Tông gạn hỏi giáo

Ngài nói : “Mới đầu, tôi đến tham yết Ngài Giám quan,⁽¹⁾ nghe buổi giảng nêu lên cái nghĩa sắc không, bèn có chỗ vào.”

Tổ Nham Đầu nói : “Chuyện ấy đã ba mươi năm rồi, rất kỳ nêu lại !”

Ngài nói : “Lại thấy bài kệ của Tổ Động Sơn :

*“Rất kỳ tìm nơi khác
Mỗi mỗi càng cách xa
Y nay chính là ta
Ta giờ chẳng phải y.”*

(Thiết kỳ tùng tha mịch
Điều điều dữ ngã sơ
Cử kim chính thị ngã
Ngã kim bất thị cử.)

Tổ Nham Đầu nói : “Nếu cho là như thế thì tự cứu cũng chẳng xong.”

Ngài lại nói : “Sau đến hỏi Ngài Đức Sơn⁽²⁾ : “Việc xưa nay trong Tông thừa người tu học có được phần nào chẳng ?” Tổ Đức Sơn đánh cho một gậy, mà rằng : “Nói gì vậy ?” Khi ấy, tôi như thùng vỡ đáy.”

Tổ Nham Đầu hét to : “Ông há chẳng nghe nói, “Từ cửa mà vào ắt chẳng phải là của báu nhà mình”, sao ?”

pháp. Lánh ẩn mình làm người đưa đồ. Sau cất am ở núi Ngọa Long Sơn. Ba năm tịch. Sắc tặng Thanh Nham Thiền sư.

¹⁾ Tên riêng của Tổ Tề An Thiền sư.

²⁾ Tổ Thích Tuyên Giám, đời Đường, ở Chùa Đức Sơn, Lăng Châu. Xuất gia từ nhỏ. Rất hiểu biết Kinh Luật, lắm thấu đáo kinh Kim Cang. Người đời ấy gọi là Châu Kim Cang, chẳng tin chịu cái đạo của Nam phương Thiền tông (Nam phương Huệ Năng).

Ngài hỏi : “Ngày sau như thế nào mới phải ?”

Tổ Nham Đầu đáp : “Ngày sau mà muốn hoàng dương đại giáo, mỗi mỗi đều từ trong ngực mình tuôn ra. Ngày sau hãy cùng ta mà trùm trời trùm đất đi.”

Ngài Tuyết Phong nghe xong đại ngộ, bèn làm lễ, mừng rỡ la lên rằng : “Sư huynh ơi, hôm nay mới đúng là Ngao Sơn⁽¹⁾ thành đạo.”

Kỳ diệu thay, kỳ diệu thay. Đâu phải cứ một bề ngồi thiền mà có được thứ thoại đầu này !



¹⁾ Tên núi ở Hồ Nam. Lời truyền, tích xưa có ba nhà sư là Giám Tuyên, Nghĩa Tồn, Văn Thúy du phương đến đây ngộ đạo. Từ đó đồ đệ nói Ngao Sơn ngộ đạo.

PHẦN THỨ HAI :
PHẦN CHÁNH TÔNG

CHƯƠNG I : CHỈ BÀY CHÂN TÂM

MỤC MỘT : GẶN HỎI CÁI TÂM

I. NGUYÊN DO CỦA THƯỜNG TRỤ VÀ LƯU CHUYỂN

Kinh : Phật bảo Ông Anan : “Ông với Ta đồng phái, tình như anh em ruột. Khi ông mới phát tâm, thì ở trong Phật Pháp, thấy tướng tốt gì mà bỏ được những ân ái sâu nặng của thế gian ?”

Ông Anan bạch Phật : “Tôi thấy ba mươi hai tướng của Như Lai tốt đẹp lạ thường, hình thể sáng suốt như ngọc lưu ly. Thường tự suy nghĩ : tướng ấy không thể do dục ái sanh ra. Vì sao ? Thứ dâm dục như nhớp, tanh hôi kết cấu, máu mủ xen lộn, làm sao sanh được thân vàng chói trong sạch sáng ngời như vậy, nên tôi khao khát ngưỡng mộ xuống tóc mà theo Phật.”

Thông rằng : Ông Anan nhờ có cái suy nghĩ này làm gốc rễ cho tâm đạo ban đầu, nên khi gặp huyền thuật, chẳng có quá đổi hoa mắt mê loạn, dù đã vào nhà dâm mà chưa phá hủy giới thể. Nhưng chỉ lấy ba mươi hai tướng tốt mà thấy Như Lai, không khỏi dùng sắc mà thấy, lấy tiếng mà cầu, nên còn trong tà giải, đối với chân Pháp Thân của Phật còn xa xôi lắm. Thiền sư Tỳ Châu Pháp Vi thượng đường⁽¹⁾ rằng : “Cái Pháp Thân không có hình

¹⁾ Lên tòa thuyết pháp.

tướng, chẳng thể dùng âm thanh tìm cầu. Diệu đạo tuyệt hết lời nói, đâu phải lấy văn tự mà hiểu. Cho dù siêu Phật, vượt Tổ vẫn còn rơi vào thêm bực. Dù cho có nói diệu, bàn huyền rốt cuộc cũng treo môi răng. Cần phải : chỗ công đức chẳng hưởng chút công lao, hình ảnh vết tích chẳng còn lưu lại ; *cây khô hang lạnh*⁽¹⁾ rớt thảy vô tri ; người huyền ngựa gỗ, tình thức đều không. Chừng ấy mới thông tay vào chợ, chuyển thân loài khác. Không thấy đạo, thì : Nơi đất vô lậu nào ở được. Đành về cát lạnh khói sương nằm.”

Đối với chỗ này tỏ hiểu thì nào phải đợi thấy cái thân vàng chói trong sạch mới gọi là Như Lai ư ?

Kinh : Phật dạy : “Lành thay, Anan ! Các ông phải biết : tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, sống chết nối nhau, đều do không biết cái Chân Tâm thường trụ,⁽²⁾ thể tánh vốn trong sạch sáng suốt, mà lại dùng các vọng tưởng. Các tướng này chẳng chân thật, nên mới có sự chuyển động trôi lăn.

Thông rằng : Ông Anan ân cần, tha thiết thưa hỏi pháp môn vi diệu Xa Ma Tha, Tam Ma, Thiền Na là những

¹⁾ Đây là lời nói ý của một vị Tổ trong tích Bà Tử Thiêu Am – một công án.

Tích rằng : Xưa, có một người bà tử (bà góa) cung cấp cho một vị am chủ trái qua hai mươi năm.

Một ngày kia, sai đứa tớ gái hỏi : “Hiện nay như thế nào ?”

Am chủ đáp : “Cây khô héo dựa hang núi lạnh. Ba năm (mùa lạnh) không hơi ấm.” (Khô mộc ý hàn nham. Tam đông vô noãn khí.)

Tớ gái về thuật lại y như vậy.

Bà nói : “Ta hai mươi năm đã dâng cúng cho đứa phàm tục ấy.”

Bèn bảo đuổi đi, rồi liền đốt cái am.

²⁾ Hằng còn.

phương tiện ban đầu nhờ đó mười phương Như Lai đắc thành Chánh Giác. Chính là muốn biết cái Chân Tâm thường trụ, tánh thể trong sạch sáng suốt, là cái bản thể bất diệt không bị xoay chuyển luân hồi. Ông đã nói “*Tướng ấy chẳng phải do ái dục sanh ra*”, là đã hiểu rõ rằng dục ái như nhớp, vọng tưởng tạp loạn chính là cái gốc rễ sanh tử từ vô thủy đến giờ. Cho nên Phật mới khen rằng “Lành thay !” Cái Chân Tâm thường trụ, vốn không sanh ra và diệt mất. Vừa khởi vọng tưởng liền nhập luân hồi. Không phải chỉ có dục ái nặng nề, nghiệp dữ đa mang đều chẳng phải chơn, mà bậc Thanh Văn, Duyên Giác chưa hết lòng chấp trước thì cũng đều là vọng. Vọng tưởng hết sạch thì tánh thể sáng suốt, vốn tự vô sanh, làm sao mà có luân chuyển. Toàn cả bộ kinh đều phát minh ý chỉ này. Cho nên, biết cái Chân Tâm thường trụ, tức là thấy tánh, thấy tánh thì vô sự vậy.

Ngài Linh Vân⁽¹⁾ thượng dường dạy : “Hỡi các nhân giả, hễ có dài có ngắn là chẳng có thường. Hãy xem bốn mùa hoa cỏ, hoa nở lá rơi. Xưa nay trời người bầy nẻo, đất nước gió lửa, thành hoại chuyển vần, nhân quả nối nhau, ba đường ác khổ, mấy lông cọng tóc chưa từng thêm bớt, chỉ có cái gốc thân thức là thường còn. Hạng thượng căn gặp bạn lành soi sáng, ngay đây là giải thoát, trước mắt là đạo tràng. Bậc trung, bậc hạ si mê ám độn, chẳng soi suốt được, mê chìm trong ba cõi, luân chuyển tử sinh. Đức Thích Tôn vì họ, tất cả Trời người, mà dạy dỗ chứng minh, tỏ bày con đường vô thượng. Các ông lại am hiểu chăng ?”

Có vị tăng hỏi : “Làm sao để ra khỏi sanh lão bệnh tử ?”

¹⁾ Tổ Chí Cẩn Thiền sư, đời Đường, ở núi Linh Vân. Ban đầu ở Ngụy Sơn, nhân thấy hoa đào mà tỏ ngộ đạo.

Ngài đáp :

*“Núi xanh nguyên chẳng động
Mặc tình mây qua lại.”*

(Thanh sơn nguyên bất động
Phù vân nhậm khứ lai.)

Câu này đủ để chú thích đoạn kinh trên. Không thể thêm bớt một chữ.

Kinh : “Nay ông muốn học đạo Bồ Đề Vô Thượng, phát minh Chơn Tánh thì phải lấy Tâm Ngay Thẳng (Trực Tâm) mà trả lời chỗ Ta hỏi. Mười phương Như Lai đồng một con đường mà ra khỏi sanh tử đều là bởi Tâm Ngay Thẳng. Tâm mà nói là ngay thẳng, tức là từ địa vị đầu tiên cho đến cuối cùng, suốt trong khoảng giữa, cứ như thế, một mực không có những tướng quanh co.

Thông rằng : Hiệp Luận nói : “Ở đây, đặc biệt nói là *Chân Phát Minh Tánh*, vậy thì cũng có *Vọng Phát Minh Tánh* sao ? Có chứ. Làm sao để phân biệt ? Đáp : Vô tâm tùy mặc xoay vần mà khắp biết, vốn mầu nhiệm sáng soi mà hằng vắng lặng, ấy là chân phát minh tánh.” Chỗ nói “*Mười phương Như Lai đều cùng một đường mà ra khỏi sanh tử đều do trực tâm*” là thế. Còn nghịch với thời tiết, bỏ lỡ nhân duyên, lấy vọng tưởng mà gắng gượng hiểu biết, là vọng phát minh tánh. Chỗ nói “*Dùng các vọng tưởng, vọng tưởng này chẳng chân thật nên có luân hồi*” chính là thế. Vốn là một thể, nhưng bởi vì không có tự tánh, không có thời gian, nên tùy chỗ dùng mà có sai khác đó thôi. Tùy mặc xoay vần, hằng hằng vắng lặng mà hay biết, ắt hợp với bốn tánh¹⁾ nhiệm mầu. Nghịch thời lỡ duyên mà biết, ắt hợp với trần cảnh hư vọng.

¹⁾ Cái đức tánh xưa nay có lâu rồi vậy.

Ngài Mã Minh⁽¹⁾ dạy : “Cái bốn tánh vốn trong sạch, bởi vì vô minh bất giác mà hiện ra tướng tâm ô nhiễm. Tuy có tâm ô nhiễm, bốn tánh vẫn thường sáng suốt trong sạch. Cái tướng của tâm ô nhiễm là vô minh đang hiện hành. Còn bốn tánh sáng sạch là cái trí thể bất động.”

Có vị tăng hỏi Tổ Vân Am : “Luận Tạp Hoa nói : Cái vô minh đang hiện hành tức là Như Lai Bất Động Trí. Điều này thật khó tin, làm sao hiểu được ?”

Khi ấy có một đồng tử đang quét đất.

Tổ Am bèn gọi. Đồng tử quay đầu lại.

Tổ Am nói : “Chẳng phải là Bất Động Trí đó sao ?”

Lại hỏi : “Cái Phật Tánh của người như thế nào ?”

Đồng tử nhìn qua trái, qua phải, như không vậy rồi bỏ đi.

Tổ Am nói : “Chẳng phải là vô minh hiện hành đó sao ?”

Chân phát minh tánh ấy, như ánh sáng của hạt minh châu, thường tự soi hạt châu. Đức Khổng Tử dạy “*Không nghĩ quấy*”, là cũng gần giống vậy. Còn vọng phát minh tánh thì ví như phương Đông trời sắp sáng, trong khoảng lờ mờ, có chút bóng sắc. Kinh Dịch nói “*Chỗ mờ tối hỗn tạp mà sáng*”, là gần giống vậy.

Kinh : “Anan, nay Ta hỏi ông : Đương khi ông do ba mươi hai tướng của Như Lai mà phát tâm thì ông lấy cái gì mà thấy và cái gì ưa thích ?”

Thông rằng : Đây là chỗ từ từ dẫn dụ trước hết của Thế Tôn. Đức Thế Tôn há chẳng biết rằng “Sự thấy thuộc

¹⁾ Nhà Đại thừa Luận sư ra đời sáu trăm năm sau khi Phật nhập tịch. Tên tiếng Phạn là As'vaghosa. Học trò của Hiếp Trưởng lão.

về con mắt, ưa thích thuộc về cái tâm” hay sao ? Nhưng cái “thấy có” đó, là cái thấy về hình tướng hữu vi. Cái “Có chỗ ưa thích” ấy, là cái ưa về hình tướng hữu vi. Nên hỏi ai thấy, ai yêu, cốt để Anan ngay lúc ấy nhận ra và nắm lấy con người thực xưa nay của mình vậy. Nếu có thể hồi quang phản chiếu, tìm cầu cái thấy ấy, chợt hiểu bất khả đắc, hết thấy ưa muốn vốn chưa từng có gốc rễ, tức thì nhập ngay vào định Thủ Lăng Nghiêm. Thế chẳng khoái sao ? Về sau, nhà Thiên hay dùng cái cơ chốt này.

Có nhà sư hỏi Tổ Bách Trượng⁽¹⁾ : “Như sao là Phật ?”

Tổ Trượng hỏi : “Ông đó là ai ?”

Đáp : “Tôi đây vậy.”

Tổ Trượng rằng : “Ông biết cái tôi đó chẳng ?”

Đáp : “Rõ ràng vậy.”

Tổ Trượng bèn dựng đứng cây phát tử⁽²⁾ lên, rằng : “Ông lại thấy chẳng ?”

Đáp : “Thấy.”

Tổ Trượng bèn chẳng thốt lời nào.

Chỗ hỏi của vị tăng là Phật, mà Tổ Trượng lại chẳng nói gì đến Phật, chỉ ở chỗ thấy của vị tăng mà nhắc nhở. Một tắc này, rõ ràng bày tỏ được cái khuôn mẫu của Lăng Nghiêm.

Kinh : Anan bạch Phật : “Thưa Thế Tôn, sự ưa thích đó là dùng cái tâm và con mắt của tôi. Do mắt thấy

¹⁾ Tổ Đại Trí Hoài Hải Thiên sư, đời Đường, ở núi Bá Trượng, nối kế mối pháp đức Mã Tổ Đạo Nhất Thiên sư. Tổ chế lập phép thức thiền môn đầu tiên, gọi là Bá Trượng Thanh Quy. Tổ để lại nhiều công án như Bá Trượng Giả Hồ, Bá Trượng Tam Nhựt Nhĩ Lung...

²⁾ Vật biểu hiện chức trụ trì.

tướng tốt của Như Lai, tâm sinh ưa thích, nên tôi phát tâm nguyện lia bỏ sanh tử.”

Phật bảo Ông Anan : “Như chỗ ông nói, thật do tâm và con mắt mà có ưa thích. Nếu không biết tâm và mắt ở đâu, thì chẳng đẹp được trần lao. Ví như bậc quốc vương bị giặc xâm lăng, phát binh đánh dẹp, thì binh ấy cần nhất phải biết chỗ ở của kẻ giặc. Khiến ông bị luân hồi, thì tâm và mắt là thủ phạm. Nay ta hỏi ông : “Tâm và mắt ấy hiện ở chỗ nào ?”

Thông rằng : Chỗ hỏi của Thế Tôn là riêng tỏ về chỗ Hướng Thượng Nhất Lộ.⁽¹⁾ Nói “*Lấy cái gì mà thấy, lấy ai ưa thích*”, rõ ràng là chỉ thẳng mặt trăng. Chỗ đáp của Ông Anan chưa rời khỏi thường tình, chỉ biết hợp theo trần mà chẳng biết hợp với giác. Xoay lưng lại với giác mà hiệp theo trần, là lỗi của ai ? Sáu giặc (sáu căn) làm môi giới, tự cướp lấy của báu nhà mình. Cho nên, chỗ Ông Anan nói “Tâm và Mắt”, chỉ là Căn và Thức, lôi kéo theo trần lao, lưu chuyển cùng sanh tử. Cái Thường Trụ Chân Tâm⁽²⁾ như vua trong nước, vì bị giặc xâm lấn, nên vốn trong sạch mà gọi là dơ, vốn sáng soi mà gọi là mờ ám. Tâm và mắt thật là lũ giặc của Chân Tánh vậy. Do đó, phải thấu đến cùng sào huyệt của chúng mà diệt trừ. Nghịch dòng trôi lăn, giữ tròn Chân Tánh, lục dụng (sáu thức) chẳng hiện hành, mà phát ra sự sáng rõ trong sạch vốn có, sáu căn đồng dùng thay lẫn cho nhau, con mắt thịt do cha mẹ sanh ra thấy suốt mười phương, thì còn đâu các lỗi bị lưu chuyển nữa !

¹⁾ Tông thừa, yếu chỉ nhà thiền, gọi chung là hướng thượng nhất lộ (ngoảnh lên một đường).

²⁾ Cái Tâm Chân Thật không sanh ra, không diệt mất.

Thiền sư Tử Hồ Tung có đem la lớn : “Có cướp ! Có cướp !”

Đệ tử choàng dậy tranh nhau đuổi bắt. Ngài chụp lại một người, nói rằng : “Bắt được một tên rồi.”

Người đệ tử ấy nói : “Không phải đâu, chính là tôi đây.”

Ngài buông ra nói rằng : “Chính là⁽¹⁾ thì phải rồi. Chỉ bởi vì chẳng chịu nhận lấy đó thôi !”

Cho nên, nếu chịu nhận lấy thì giặc cướp tức là con cái. Chẳng thể kham lấy, con cái trở lại làm giặc. Đoạn thuyết thoại này đối với chuyện vị quốc vương đem binh trừ giặc, thật là một phen hý lộng, riêng cho bậc có mắt đó thôi.

II. CHẤP TÂM Ở TRONG THÂN

Kinh : Ông Anan bạch với Phật : “Thưa Thế Tôn, tất cả mười loài chúng sanh ở thế gian đều cho cái thức tâm hay biết là ở trong thân. Thiết nghĩ, thì con mắt như hoa sen xanh của Như Lai cũng ở trên mặt Phật. Nay tôi thấy con mắt vật chất của tôi cũng ở trên mặt tôi. Như vậy thì cái thức tâm thật ở trong thân.”

Phật bảo Ông Anan : “Hiện nay ông ngồi trong giảng đường của Như Lai. Ông hãy xem rừng Kỳ Đà ở đâu ?”

– Thưa Thế Tôn, giảng đường cao lớn thanh tịnh này ở trong vườn Cấp Cô Độc, còn rừng Kỳ Đà hiện thật ở ngoài giảng đường.

– Anan, nay ông ở trong giảng đường, thì ông thấy cái gì trước tiên ?

¹⁾ Thị tức thị.

– Thưa Thế Tôn, tôi ở trong giảng đường, trước hết là thấy Như Lai, sau đó là đại chúng, rồi nhìn ra ngoài thấy vườn rừng.

– Anan, do đâu ông thấy được vườn rừng ?

– Thưa Thế Tôn, do các cửa giảng đường mở rộng, nên tôi ở trong này mà thấy được ra ngoài xa.

Thông rằng : Phù căn tứ trần⁽¹⁾ cũng giống như sáu căn, đây chỉ về nhãn căn mà thôi. Đất, nước, lửa, gió : Tánh chúng xưa nay vốn trong sạch ; mà tướng của đất, nước, lửa, gió mỗi mỗi đều dao động như bụi bặm, gọi là trần. Khi sáu căn tạo thành thì nương theo tứ trần này : sáu căn chìm vào trong, bốn đại trôi nổi ở bên ngoài, cho nên gọi là phù căn tứ trần. Với cả mười loài, thức tâm đều ở trong, mắt ở trên mặt thì không nói cũng biết rồi. Con mắt của Như Lai ở trên mặt, nhưng không dám xác quyết thức tâm là ở trong, vì Như Lai đã rời lìa cái thức rồi, vì cái Pháp Thân thì tròn đầy không có trong hay ngoài vậy. Anan nói ra thật đắn đo, mà người dịch cũng cẩn thận. Thế Tôn muốn bày rõ cái nghĩa “*Tâm chẳng ở trong*”, nên trước hết lấy giảng đường, rừng vườn, cửa nẻo làm ví dụ. Giảng đường ví như trong thân, vườn rừng ví như ngoại vật, cửa nẻo ví như lục căn. Nếu Ông Anan là người tỏ suốt, thấy được con người đích thực của Anan, vốn chẳng thuộc giảng đường, chẳng thuộc vườn rừng, chẳng thuộc cửa nẻo, thì ông sẽ đến đi tự tại, không làm gì có trong có ngoài. Nếu chấp chặt tâm này, lầm lạc cho là ở trong sắc thân, lấy tạng phủ làm nhà nhốt kín, lấy sáu căn làm cửa nẻo, ôm lấy ngoại cảnh làm vườn rừng, rồi nghĩ rằng ngoài những thứ đó thì

¹⁾ Con mắt vật chất.

không có chỗ an thân. Một mai, nhà hư cửa nát, cảnh đổi, cái thấy tiêu vong, thì còn chỗ nào để an được. Thế Tôn tuy nương theo chỗ bình thường biện biệt thứ tự trong ngoài, cũng chỉ rõ ràng sắc thân vốn như huyễn, chẳng phải là chỗ để bám chấp được. Như giảng đường, cửa cái, cửa sổ đối với ta chẳng có tương can gì.

Ngài Trí Huy Thiền sư trước khi tịch có bài kệ :

*"Ta có một căn nhà
Xây lợp bởi mẹ cha
Tám mươi năm lui tới
Gần đây rõ sắp hoại
Sớm liệu dời nơi khác
Nào có chuyện ghét thương
Đợi lúc kia sắp nát
Đây kia không ngăn ngại."*

(Ngã hữu nhất gian xá
Phụ mẫu vị tu cái
Vãng lai bát thập niên
Cận lai giác tổn hoại
Tảo nghị di biệt xứ
Sự thiệp hữu tắng ái
Đãi tha tôi hủy thời
Bỉ thử vô phòng ngại.)

Rồi ngồi kiệt già mà đi. Đó là thương ghét đều quên, đến đi không trở ngại, cái năng kiến⁽¹⁾ đã tiêu vong thì còn nói gì đến chuyện trong ngoài nữa.

Kinh : Khi ấy, Đức Thế Tôn ở giữa đại chúng, đưa cánh tay sắc vàng xoa đầu Ông Anan, dạy ông và đại

¹⁾ Tâm và Mắt.

chúng rằng : “Có pháp Tam Ma Đề, tên là Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Vương, gồm đủ muôn hạnh. Mười phương Như Lai, đều do một pháp môn là con đường diệu trang nghiêm ấy mà siêu xuất. Nay ông hãy nghĩ kỹ !”

Ông Anan đánh lễ, kính vâng lời Phật dạy.

Thông rằng : Một pháp môn siêu xuất này rõ ràng chỉ ra con đường đốn ngộ cốt ở chỗ chuyển thức thành trí. Tinh thuần dùng Kim Cang Càn Huệ mới có thể nói là con đường đạo chân thật. Sau này, trong kinh có nói : “Diệu Pháp này, vô lượng chư Phật trong hàng sa kiếp đời quá khứ, nhờ khai ngộ cái tâm này mà được đạo vô thượng. Thức ám tận hết, thì ngay đây các căn của ông có thể dùng thay cho nhau được.⁽¹⁾ Từ trong chỗ dùng thay nhau đó mà có thể thấu vào Kim Cang Càn Huệ của Bồ tát. Cái tâm thuần nhất tròn sáng ở trong phát chiếu ra, như ngọc lưu ly trong sạch, ngậm mặt trăng quý báu ở trong. Như vậy rồi vượt lên hàng Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hành, Thập Hồi Hương, Tứ Gia Hạnh Tâm, đến chỗ tu hành của Kim Cang Thập Địa Bồ tát, đến địa vị Đẳng Giác Tròn Sáng, nhập vào cái Biển Trang Nghiêm Mậu Nhiệm của Như Lai, tròn đầy cái đạo, quy về trong cái vô sở đắc.”

Đầu đuôi ứng nhau, tất lấy việc siêu xuất thức ám làm cái quy tắc rất ráo. Đức Thế Tôn thấu suốt rằng sự tiếp nối nhau của sanh tử thế gian chỉ là sự tiếp nối nhau của mỗi mỗi vọng tưởng, mê mờ chẳng hề biết quay trở lại. Thức ám hết ráo, đó là Chân Tâm Thường Trụ, hiện bày trước mắt, thể tánh trong sạch sáng soi, cùng Phật không

¹⁾ Tai có thể thấy, mắt có thể nghe...

khác. Cho nên, phá được thức ấm, tức nhập đốn môn. Ông Anan tuy thông minh học rộng, rốt cuộc chẳng ra khỏi thức tình phân biệt. Thức tình chưa trừ, chỉ là ở chỗ “*Có đắc*”. Mà chứng Bồ Đề, chỉ ở tại chỗ “*Không đắc*”. Cho nên, phần sau của kinh, nơi bày chỗ hiển bày cái Tâm, Ông Anan mỗi mỗi cứ lấy chỗ “*Có đắc*” mà tự trối, còn Thế Tôn thì thấy thấy đều lấy chỗ “*Không đắc*” mà quét sạch. Kinh Lăng Già nói : “*Có tướng để đắc là thức, không có tướng để đắc là trí*”. Đây thật là Đốn Môn liền chứng Bồ Đề vậy.

Đức Nhị Tổ Thần Quang,⁽¹⁾ chặt tay trước mặt Sơ Tổ Đạt Ma cầu xin pháp môn an tâm.

Tổ nói : “*Đem cái tâm lại đây ta an cho !*”

Ngài Thần Quang thưa : “*Tìm hết tâm rồi, rốt là không thể đắc !*”⁽²⁾

Sơ Tổ nói : “*Ta an tâm cho ông rồi đó.*”

Nếu Ông Anan có thể tin được bày chỗ trưng bày tâm đều bất khả đắc, thì y bát đâu có riêng truyền cho Ông Ca Diếp !

Kinh : Phật bảo Ông Anan : “*Như lời ông nói : ở giảng đường, do cửa mở rộng nên ông thấy được vườn rừng ở xa. Liệu có chúng sanh nào ở trong giảng đường, không thấy Như Lai mà lại thấy được ngoài giảng đường không ?*”

¹⁾ Tổ Huệ Khả. Người đời Bắc Ngụy, xứ Lạc Dương. Lúc Đạt Ma Đại sư ở núi Tung Sơn, tại Chùa Thiếu Lâm, Đức Thần Quang cầu đạo rất mực. Đến đêm hôm trời tuyết, chặt lia cánh tay trái. Đức Đạt Ma cảm chịu. Cải đổi tên là Huệ Khả. Sau, thọ y bát của Tổ Đạt Ma, nối pháp của Thiền tông, làm Tổ Thứ Hai.

²⁾ Mịch tâm liễu bất khả đắc.

Ông Anan thưa : “Thưa Thế Tôn, ở trong giảng đường không thấy Như Lai mà lại thấy được rừng suối bên ngoài, thật không có lẽ đó.”

Phật dạy : “Anan, ông cũng như thế. Cái tâm linh của ông, hết thấy đều rõ biết. Nếu hiện nay cái tâm rõ biết đó của ông thật ở trong thân, thì trước hết nó phải rõ biết trong thân thể. Vậy có chúng sanh nào, trước thấy bên trong thân rồi sau mới thấy những vật ở bên ngoài không ? Dầu không thấy được tim, gan, tỳ, vị nhưng móng tay mọc, tóc dài ra, gân chuyển, mạch nhảy, đứng ra phải rõ, sao lại không biết ? Đã không biết bên trong, làm sao biết được bên ngoài ? Vậy nên biết rằng ông nói cái tâm hay rõ biết đó trụ ở thân, không có lẽ nào như vậy.”

Thông rằng : Do mắt thấy mà tâm biết, chẳng rời căn trần, do bởi phía trong mà biết phía ngoài, đó là cái thấy bình thường thế tục. Đức Thế Tôn bèn ở nơi cái thấy thường tình mà bác bỏ rằng “Đã không biết phía trong làm sao ở phía trong ?” Tuy người có trí cũng phải khuất phục bởi lý luận này. Thật ra, tim gan tỳ vị, không gì mà chẳng biết rõ. Móng tóc gân mạch, không gì mà chẳng hay. Nếu không hay biết, thì hóa ra chỉ là một vật ù lì vậy sao ?

Ngài Phó Đại sĩ⁽¹⁾ có bài kệ :

*“Đêm đêm ôm Phật ngủ
Sáng sáng cùng Phật dậy
Đứng ngồi vẫn theo nhau
Nói nín đồng vừa vắn*

¹⁾ Họ Phó, tên Hấp, tự Huyền Phong, là Đạo sĩ để tóc. Lấy họ mà gọi là Phó Đại sĩ ; còn theo xứ mà gọi là Đông Dương Đại sĩ. Tự ngài xưng là Thiện Huệ Đại sĩ.

*Mấy tơ chẳng lìa nhau
Tương tự như hình, bóng
Muốn biết chỗ Phật ở
Lời nói âm thanh đó."*

(Dạ dạ bảo Phật miên
Triêu triêu hoàn cộng khởi
Khởi tọa trấn tương tùy
Ngũ mặc đồng cư chỉ
Túng hào bất tương ly
Như thân ảnh tương tự
Dục thức Phật khứ xứ
Chỉ giá ngữ thanh thị.)

Theo lời nói này đây, thì nói rằng "Cái tâm rõ biết ở trong thân" cũng chẳng phải là không đúng !

Ngài Vân Môn⁽¹⁾ nói rằng : "Luận Bảo Tạng nói : Trong trời đất, giữa vũ trụ, có một vật báu, ẩn tại non hình (thân thể). Chăm lộng đèn hương vào trong Phật điện, đem ba cửa đến để trên lộng đèn, để làm gì ?"

Ngài tự thay thế mà nói : "Theo vật, ý đời."

Lại nói : "Mây nổi sấm động."

Ngài Tuyết Đậu⁽²⁾ tụng rằng :

*"Xem đi,
Bến cổ ai kia nắm cần câu*

¹⁾ Tổ Văn Yến Thiền sư, tại núi Vân Môn, nối kế Tổ Tuyết Phong. Sắc phong các hiệu Khuôn Chơn Thiền sư, Đại Từ Văn Khuôn Chơn Hoàng Minh Thiền sư. Để lại nhiều thoại đầu công án như Vân Môn Nhất Bửu, Vân Môn Tam Cú, Vân Môn Thể Lộ Kim Phong...

²⁾ Một vị cao tăng. Tuyết Đậu là tên núi. Được ngài Vân Môn truyền pháp. Tại núi này còn có Thường Thông Thiền sư, Minh Giác Đại sư đều lấy tên núi làm hiệu.

*Mây trùng trùng, nước mênh mông
Trăng sáng, bông lau, anh tự thấy !”*

Đoạn công án này nói cái *Năng Tri Tử Biệt* và cái *Bổn Giác Tròn Sáng* rất dễ lẫn lộn, cũng tương tự như trăng sáng và bông lau, nên cần soi xét phân biệt. Nếu soi xét phân biệt ra được, thì không chỉ lồng đèn và lộ trụ,⁽¹⁾ mà còn đốn triệt được Tâm Tông của Tổ Vân Môn, và cái vật báu trong thân cũng cùng với Tăng Triệu⁽²⁾ khế hợp. Đâu phải là bợn ma my tinh hỗn giỡn cột tầm thường có thể mượn lời mà nói được.

III. CHẤP TÂM Ở NGOÀI THÂN

Kinh : Ông Anan cúi đầu bạch Phật : “Tôi nghe lời Phật dạy như vậy, mới rõ tâm tôi thật ở ngoài thân. Tại sao như thế ? Ví như đèn thắp trong phòng, trước hết phải chiếu trong phòng, sau mới do cửa chiếu sáng ngoài sân. Tất cả chúng sanh không thấy bên trong thân mà chỉ thấy bên ngoài, cũng như ngọn đèn để ở ngoài phòng, không thể chiếu sáng trong phòng. Nghĩa ấy rõ ràng, chắc là không lầm, chưa biết có đúng với liễu nghĩa của Phật hay không ?”

Phật bảo Ông Anan : “Vừa rồi, các Tỳ kheo theo Ta đi khát thực trong thành Thất La Phiệt, nay đã về rừng Kỳ Đà. Ta đã thọ trai rồi, giờ ông hãy xem trong chúng Tỳ kheo, khi một người ăn thì các người khác có no không ?”

¹⁾ Lộ trụ : cây cột trước chùa. Là một công án của Tổ Vân Môn : Cổ Phật với cây lộ trụ tương giao, đó là cơ thứ mấy ?

²⁾ Tăng Triệu : người viết bộ Bảo Tạng Luận còn gọi là Triệu Luận.

Ông Anan bạch Phật : “Thưa Thế Tôn, không. Vì rằng các Tỳ kheo tuy là A La Hán nhưng thân xác khác nhau, làm sao một người ăn mà các vị kia no được.”

Phật bảo Ông Anan : “Nếu cái tâm tỏ hiểu, thấy biết của ông thật riêng ở ngoài thân, thì thân và tâm ở ngoài nhau, chẳng dính líu gì với nhau. Vậy thì cái gì tâm biết thì thân không thể hay, cái gì thân hay thì tâm không thể biết. Nay Ta đưa tay nhu nhuyến lên cho ông xem, khi mắt ông thấy thì tâm ông có phân biệt không ?”

Ông Anan bạch Phật : “Thưa Thế Tôn, đúng vậy.”

Phật bảo Ông Anan : “Nếu thân và tâm cùng hay biết một lúc thì làm sao tâm lại ở ngoài thân ? Vậy, phải biết rằng ông nói cái tâm rõ biết trụ ở ngoài thân, thật không thể có điều ấy.”

Thông rằng : Chỗ thấy của Ông Anan chưa chân thật nên không tránh khỏi việc theo lời mà sanh ra sự hiểu biết. Cái tri giải sanh ra theo lời nói ấy chính là chỗ ở của thức tinh. Đức Thế Tôn cốt nhổ đứt cái thức căn nên mỗi mỗi đều chặt bỏ, khiến cho Ông Anan không có chỗ để bám víu. Đấy mới thật là giống như quốc vương đi dẹp giặc, biết chỗ của giặc mà diệt trừ.

Ông Anan cho rằng cái tâm ở ngoài thân, là đúng với chỗ liễu nghĩa của Phật, chẳng phải là không có kiến thức đâu. Bởi vì cái tâm ấy, ngậm ẩn nơi trời thì là trời, ngậm ẩn nơi đất bèn là đất, cùng khắp vũ trụ, rộng trải nhiều đời, chứ đâu phải ràng buộc mãi trong một thân này. Thế nên ông mới nói “Tĩnh ngộ biết cái tâm tôi thật ở ngoài thân.” Lại thêm “Nghĩa ấy rõ ràng, chắc là không lầm.”

Đức Thế Tôn lấy ví dụ “*Người khác ăn tất chẳng phải ta no*”, để chỉ rằng nếu cái tâm ở ngoài thì có quan hệ gì

đến thân ta. Cái thân mạng là hình tướng, nên ăn chẳng thể tương thông, làm sao người này ăn người kia no được. Còn cái tri giác là thần nhiệm, trong ngoài nào có trở ngại được. Chỉ vì Ông Anan chấp chặt "*Tâm ở ngoài*", như một vật sáng, chỉ chiếu bên ngoài mà không thể chiếu bên trong. Thế thì ngoài thân là tâm, còn trong thân chẳng phải là tâm sao ! Nếu tâm ở ngoài thân, thì thân không thể biết : như người khác ăn, ta chẳng thấy no. Nhưng mắt thấy cái gì, tâm liền phân biệt ngay cái ấy, thế thì cái tâm ấy lại chẳng thường ở trong ư ? Cho nên nói ở ngoài là sai lầm.

Ngài Tào Sơn⁽¹⁾ một hôm nghe tiếng chuông, bèn nói :
"Ồi chà, ối chà !"

Có nhà sư hỏi : "Hòa thượng làm sao thế ?"

Ngài bảo : "Đánh trúng tâm ta."

Nhà sư không có chỗ đối lại.

Ngài Ngũ Tổ Giới nói thay rằng : "Làm tâm của thằng giặc hoảng hồn !"⁽²⁾

Ngài Phó Đại sĩ có bài kệ :

*"Xóm làng các Phật, tại thế giới
Bốn biển núi sông, sanh đầy khắp
Phật với chúng sanh đồng một thể
Chúng sanh là giả danh của Phật
Như cần thấy Phật : xem ba quận
Rừng ruộng, nhà vườn, ở khắp nơi
Hoặc ở không trung bay quanh quần*

¹⁾ Bốn Tịch Thiên sư, kế pháp Tổ Động Sơn Lương Giới Thiên sư. Phái Tào Động. Tào Sơn là tên gọi theo chỗ ở.

²⁾ Tác tặc nhân tâm hư.

Hoặc cho sông núi tiếng vang lừng
 Hoặc kết bạn bè đi khắp xứ
 Hoặc lại cô đơn bước một mình
 Hoặc khiến ban ngày xuôi ngược chạy
 Hoặc khiến ban đêm đi gác canh
 Hoặc đen, hoặc đỏ, rồi hoặc trắng
 Hoặc tía, hoặc hồng với vàng, xanh
 Hoặc to hoặc nhỏ mà mới dưỡng
 Hoặc trẻ hoặc già lúc xưa sanh
 Hoặc có cây đàn trên lông cánh
 Hoặc mang đèn đóm ở thất lưng
 Hoặc giữa hư không bay loạn xạ
 Hoặc sanh cây cỏ mọc tung hoành
 Hoặc vô ngôn hạnh mà ra cửa
 Hoặc vào hang đất tạm ký sanh
 Hoặc xoi lỗ cây làm quê quán
 Hoặc kết cỏ cây làm thành, ổ
 Hoặc dệt võng lưới làm đường thôn
 Hoặc nằm đất đá làm thêm ốc
 Chư Phật Bồ tát đều như thế
 Cái ấy tên là Xá Vệ thành.”

Nơi này mà khế chứng⁽¹⁾ thì nói cái tâm Giác Liễu Năng Tri trụ ở ngoài thân cũng không phải là chẳng trúng vậy !

IV. CHẤP TÂM NÚP SAU CON MẮT

Kinh : Ông Anan bạch Phật : “Thưa Thế Tôn, như lời Phật dạy : Vì không thấy bên trong thân, nên tâm không ở trong thân. Vì thân và tâm cùng biết một lần,

¹⁾ Hợp tự biết thực tình.

không thể rời nhau nên tâm không riêng ở ngoài thân được. Nay tôi suy nghĩ, biết tâm ở một chỗ !”

Phật bảo : “Chỗ ấy ở đâu ?”

Ông Anan bạch Phật : “Cái tâm hay biết ấy đã không biết bên trong mà lại thấy bên ngoài. Theo như tôi xét nghĩ, thì nó nắp sau con mắt. Ví như có người lấy chén lưu ly úp vào hai con mắt, con mắt tuy là có vật úp vào nhưng không bị trở ngại, con mắt ấy vừa thấy thì liền phân biệt được ngay. Cái tâm hay biết của tôi không thấy bên trong là vì tâm ấy ở nơi con mắt ; nhưng lại thấy bên ngoài rõ ràng không ngăn ngại, vì tâm nắp sau con mắt.”

Phật bảo Ông Anan : “Theo chỗ ông nói : Tâm nắp sau con mắt như con mắt nắp sau chén lưu ly. Vậy thì người kia đang khi lấy chén lưu ly úp vào hai mắt, trông thấy núi sông thì có trông thấy chén lưu ly không ?”

– Thưa Thế Tôn, đúng thế, người ấy đương khi lấy chén lưu ly úp vào hai con mắt thật có thấy chén lưu ly.

Phật bảo Ông Anan : “Nếu tâm ông nắp sau con mắt như con mắt nắp sau chén lưu ly, thì khi trông thấy núi sông sao không trông thấy con mắt ? Nếu thấy con mắt, thì con mắt cũng là ngoại cảnh, không thể mắt liền thấy mà tâm liền biết được. Nếu không thấy được con mắt, thì sao lại nói rằng tâm nắp sau con mắt như con mắt nắp sau chén lưu ly ? Vậy, nên biết rằng ông nói cái tâm hay biết nắp sau con mắt như con mắt nắp sau chén lưu ly, thật không đúng vậy.”

Thông rằng : Luận Bát Thức Quy Củ nói “Kẻ ngu khó phân biệt được căn và thức.” Vậy thì căn và thức khó phân biệt từ xưa rồi. Nếu nói căn chẳng phải là thức thì căn tự

là căn, thức tự là thức. Thức thường thấy cái căn. Nếu nói căn tức là thức, thì người chết kia, con mắt cũng hiện còn, tại sao chẳng thấy. Cho nên biết rằng năm căn chỉ là vật sắc trong suốt soi cảnh vật mà thôi, còn thức thì hiểu biết phân biệt. Chúng tử và hiện hành của hai thứ huân tập chẳng giống nhau. Năm căn tức là sắc pháp, là tướng phần của thức thứ tám, đủ cả hai nghĩa *Chấp* (Giữ) và *Thọ* (Lãnh), có tánh vô ký và trắng sạch suốt. Năm thức thuộc về tâm pháp, tức là kiến phần của thức thứ tám, đủ cả ba tánh (thiện, ác, vô ký), hay hiểu biết rõ ràng gọi là tánh cảnh thuộc về hiện lượng, nên Luận nói "Tánh cảnh, hiện lượng thông ba tánh." Đến thức thứ sáu mới có phân biệt, thuộc về tỷ lượng,⁽¹⁾ phi lượng.⁽²⁾ Đây là chỗ phân biệt giữa căn và thức.

Ông Anan nói rằng "Căn ấy vừa thấy liền phân biệt ngay" là đúng. Nhưng nói tiếp "Cái tâm nấp ở trong căn như chén lưu ly úp lên mắt", thì sai. Vì, nếu quả như khi chén lưu ly úp lên mắt, thì mắt thấy núi sông cũng thấy được chén lưu ly, cũng thế, tâm khi thấy núi sông, cũng phải thấy con mắt. Nay tâm chẳng thấy con mắt, tức là rõ ràng tâm chẳng phải ngậm ẩn trong con mắt. Ví dụ để so sánh của ông chẳng chân thật, chính thuộc phi lượng. Xét chỗ chỉ bày của Ông Anan thì cái tâm tri giác chỉ là sáu thức phân biệt vậy. Sáu thức này do đâu khởi ra? Đó là do sự truyền tống, chuyển đưa của thức thứ bảy và do sự hàm tàng, chứa giữ của thức thứ tám. Dầu cho sự phân biệt dễ bỏ, mà hành ấm khó trừ. Dầu cho hành ấm dễ tiêu, mà chúng tử khó chuyển hóa.

¹⁾ So sánh, suy lường.

²⁾ Biết lầm lạc.

Nay đối với sáu thức phân biệt mà Ông Anan còn chưa biết chỗ ở của chúng, huống hồ lại biết được cái thức thứ bảy và thức thứ tám ? Chỗ ở còn không biết, nói gì đến chuyện đem binh đi đánh dẹp ?

Kinh này mới đầu phá hang ổ của sáu thức, nên mới có bảy chỗ trưng bày của tâm. Sau cùng công kích các cơ quan đầu não của thức thứ tám, cho đến lúc thức ấm hết sạch. Đây là đại lược việc chuyển thức thành trí. Văn sau của kinh nói rằng "Tuy để được sáu tiêu⁽¹⁾ hết, dường còn chưa mất cái một."⁽²⁾ Đến khi một, sáu đều tiêu, rồi không chỗ dựa, mới nhìn lại cái đoạn "Nấp trong con mắt giống như lấy chén lưu ly mà úp" này, lại không phát ra một tiếng cười lớn hay sao ! Tuy nhiên, nếu khéo thí dụ, thì không gì mà chẳng được !

Xưa, Trung Ấp Hồng⁽³⁾ Thiên sư, có Ngài Ngưỡng Sơn đến tạ ơn truyền giới, xong rồi hỏi rằng : "Cái nghĩa Phật Tánh như thế nào ?"

Tổ Ấp đáp : "Tôi sẽ nói một ví dụ cho ông : giống như cái nhà có sáu cửa sổ, trong ấy có một con khỉ lớn, ở ngoài có con khỉ lớn kêu rằng : "Đười ươi", thì con ở trong liền ứng đáp. Y vậy, cả sáu cửa đồng kêu vang, đồng ứng đáp."

Ngài Ngưỡng Sơn⁽⁴⁾ lễ tạ rồi đứng lên thưa rằng : "Nhờ ơn Hòa thượng thí dụ, không gì chẳng rõ. Lại còn có một

1) Tức là sáu thức tiêu.

2) Cái Thức Thứ Nhất, A Lại Da.

3) Tổ Hồng Ân Thiên sư.

4) Tổ Huệ Tịch Thiên sư, ở Giang Nam, núi Đại Ngưỡng Sơn, tên hiệu Ngưỡng Sơn. Tổ có ba chỗ công án : Ngưỡng Sơn Chấm Tử, Ngưỡng Sơn Chỉ Tuyết và Ngưỡng Sơn Đàng Điều.

sự : nếu con khi ở trong mê ngủ, con khi lớn ở ngoài muốn cùng gặp nhau, thì làm sao ?”

Tổ Ấp bước xuống khỏi chỗ ngồi, nắm tay Ngài Ngưỡng Sơn nhảy múa mà nói : “Đời ươi cùng ông gặp nhau rồi đó. Ví như con tò vò làm tổ trên lông nheo con muỗi, hướng về ngã tư đường mà hô hoán rằng : “Đất rộng người thưa, tương phùng ấy ít.”

Tổ Vân Cư⁽¹⁾ Tích nói rằng : “Khi ấy mà Trung Ấp không được một lời nói ấy của Ngưỡng Sơn, thì làm gì có Trung Ấp !”

Tổ Trung Thọ Trù nói : “Có người nào định được đạo lý này chăng ? Nếu định chẳng được thì chỉ là kẻ bắt tay chân của tinh hồn làm trò hý lộng. Nghĩa Phật Tánh ở tại chỗ nào ?”

Thiền sư Huyền Giác⁽²⁾ nói : “Nếu chẳng phải là Ngưỡng Sơn, làm sao được thấy Trung Ấp. Hãy nói đâu là chỗ Ngưỡng Sơn được gặp Trung Ấp ?”

Tổ Thiên Đồng tụng rằng :

*“Nhà tuyết ngủ vui năm sắp hết
Cửa rêu đêm chẳng mở, thâm u
Vườn rùng khô lạnh xem biến đổi
Gió xuân thổi dậy luật Đồng Khôi.”⁽³⁾*

¹⁾ Vân Cư Sơn : núi tại Giang Nam, huyện Khương Kiến Xương. Trên đỉnh thường có mây, nên đặt tên Vân Cư. Lại còn gọi là Âu Sơn, vì có đức Âu Ngập thành đạo tại đó. Đây có nhiều Tổ ở, hóa đạo nên thường lấy tên núi làm hiệu.

²⁾ Đức Huyền Giác, đời Đường. Ban đầu thuận thông phép Chỉ Quán của Thiên Thai. Thường tu thiền quán. Sau đến Tào Khê, một đêm mà khế ngộ yếu chỉ. Đặt tên Nhất Túc Giác. Trở về Vĩnh Gia, học trò gọi hiệu là Chơn Giác Đại sư.

³⁾ Một loại sáo.

Bài tụng này rõ ràng ca ngợi chỗ ngủ của Ngài Ngưỡng Sơn, chẳng đọa vào sự khô chết. Đó tức là chỗ Ngài Trung Ấp và Ngưỡng Sơn gặp nhau, quả là cái cảnh giới một, sáu điều tiêu, nhưng cái chuyện “*Vườn rừng biến thái như luật Đồng Khôi*” với lại “*Tay chân tinh hồn*” thì khác nhau biết bao !

V. CHẤP NHẢM MẮT THẤY TỐI LÀ THẤY BÊN TRONG THÂN

Kinh : Ông Anan bạch Phật : “Thưa Thế Tôn, nay tôi lại nghĩ như vậy : trong thân thể chúng sanh này, tạng phủ ở bên trong, khiếu huyết ở ngoài, có tạng thì tối, có khiếu thì sáng. Nay tôi trả lời với Phật rằng : mở mắt thấy sáng, gọi là thấy bên ngoài. Nhắm mắt thấy tối, gọi là thấy bên trong. Nghĩa ấy thế nào ?”

Phật bảo Ông Anan : “Đương khi ông nhắm mắt thấy tối, thì cái cảnh tối ấy là đối với con mắt hay không đối với con mắt. Nếu đối với mắt thì cái tối ở trước mắt sao lại thành ở trong thân ? Còn cái tối đó thành ở trong thân thì khi ở trong phòng tối, không có ánh sáng của mặt trời, mặt trăng hay của đèn, thì cái gì ở trong nhà tối đó đều là phủ tạng của ông hết hay sao ? Còn nếu cái tối không đối với mắt, thì làm sao thành ra có thấy ? Nếu cho rằng rời cái thấy sáng bên ngoài thì thành ra cái thấy tối đối với bên trong, nhắm mắt thấy tối gọi là thấy bên trong thân, thì khi mở mắt thấy sáng sao lại không thấy cái mặt ? Nếu không thấy cái mặt thì cái thấy tối đối với bên trong cũng không thành được. Còn như thấy được cái mặt, thì cái tâm hay biết ấy và con mắt đều ở giữa hư không, sao lại thành ở trong thân được ? Nếu tâm và con mắt ở giữa hư không thì tất nhiên không phải là thân thể của ông, vì không lẽ hiện nay Như Lai thấy mặt ông cũng là thân của ông hay sao ? Và như thế thì

con mắt của ông đã biết mà thân của ông lại chẳng biết. Thế là theo lời nói chấp trước của ông, thân và mắt ở riêng như thế đều có tánh biết, thì ông lại có hai tánh biết, rồi chính một thân ông sẽ thành hai Đức Phật hay sao ? Vậy, phải biết rằng ông nói thấy tối gọi là thấy bên trong thân, thật không có lẽ ấy.”

Thông rằng : Ông Anan chỉ vì nghi vướng vào lời nói “Chẳng thể thấy bên trong” mà sanh ra bao nhiêu là suy đoán. “Nấp sau con mắt” đã chẳng phải, thì “Cái thấy tối xoay vào trong” lại đúng hay sao ? Cái “*Thấy tối*” này lại càng suy ra nhiều suy tính hơn. Ông Anan tuy chưa tỏ lời mà Đức Thế Tôn mỗi mỗi đem ra phá sạch. Ban đầu là hỏi cái cảnh tối đó là đối với mắt hay không đối với mắt. Nếu đối với mắt thì thành cảnh ở ngoài, còn nếu không đối với mắt thì chẳng thấy được, thì cái tối đó không thể gọi là ở trong vậy. Đã cho là cái thấy của “*năng kiến*” là do nhìn trở lại chứ không nhờ con mắt, thì nếu nhắm mắt nhìn vào trong thấy tối, ắt mở mắt quay lại nhìn cũng có thể thấy mặt. Mắt không thấy được, làm sao thấy được cái tối, vậy thì cái thấy ấy không thể thấy bên trong. Nếu lại dùng tâm thức im lặng suy xét, đây là tạng phủ, đây là mặt mày, mà gọi là cái thấy, thì cái tâm nhãn ấy, chẳng phải ở tại hư không sao ?

Nếu cho là tâm, mắt vốn ở tại hư không, có thể thấy mặt mày của mình, thì thân của Như Lai cũng là thân của ông sao ? Nếu cho rằng cái thấy của Như Lai là cái thấy của ông, thân Như Lai là thân của ông thì một thân Anan có thể thành hai vị Phật sao ?

Từ cái chỗ “*Thấy bên trong*” này mà sanh ra bao nhiêu là suy tính. Cái “*Thấy đối với bên trong*” đã chẳng thể thành,

thì thấy tối không thể gọi là “*Thấy bên trong*” được. Tuy nhiên, cái năng kiến ấy nó vốn tự tối, vậy thì ai thấy đó ?

Ngài Vân Môn hạ lời : “Người người tự có quang minh cả. Khi xem chẳng thấy, tối thui thui. Thế nào là quang minh của người người ?”

Tự trả lời thay rằng : “Kho bếp ba cửa.”

Lại nói : “Việc tốt chẳng bằng không.”

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng :

*“Tự chiếu bày độc sáng
Vi ông thông một đường
Hoa tàn cây không bóng
Khi xem ai chẳng thấy
Thấy, chẳng thấy
Cõi ngược trâu, hễ, vào Phật điện.”*

(Tự chiếu liệt cô minh
Vi quân thông nhất tuyến
Hoa tạ thụ vô ảnh
Khán thời thù bất kiến
Kiến bất kiến
Đảo kỳ ngu hễ nhập Phật điện.)

Nếu hiểu được chỗ “Cõi ngược trâu vào Phật điện”, thì nói “Thấy tối tức là thấy bên trong” cũng không phải là không đúng !

VI. CHẤP TÂM HỢP VỚI CHỖ NÀO THÌ LIỀN CÓ Ở CHỖ ẤY

Kinh : Ông Anan bạch Phật : “Tôi thường nghe Phật chỉ dạy tứ chúng : Do tâm sanh nên thấy thấy pháp sanh. Do pháp sanh nên thấy thấy tâm sanh. Nay tôi suy nghĩ thì cái thể suy nghĩ đó thật là tâm tánh của tôi, hễ hợp

với chỗ nào thì tâm liền có ở chỗ đó, chứ không phải ở trong, ở ngoài hay ở chặng giữa.”

Phật bảo Ông Anan : “Nay ông nói rằng : Do pháp sanh nên các thứ tâm sanh, hễ hợp với chỗ nào thì tâm liền có ở chỗ đó. Cái tâm ấy nếu không có tự thể thì không thể hợp được, chứ nếu không có tự thể mà vẫn hợp được thì giới thứ mười chín cùng trần thứ bảy hợp lại được hay sao ? Nghĩa ấy không đúng.

“Còn nếu có tự thể thì khi ông lấy tay tự gãi thân ông, cái tâm biết gãi của ông ở trong thân ra hay từ ngoài vào ? Nếu từ trong thân ra, thì phải thấy trong thân. Còn nếu từ ngoài vào, thì trước hết phải thấy cái mặt.”

Ông Anan bạch Phật : “Thấy là con Mắt, còn tâm thì Biết chứ không Thấy như con Mắt, nói tâm thấy là không đúng nghĩa.”

Phật dạy : “Nếu con mắt thấy được, thì khi ông ở trong phòng, cái cửa có thấy được không ? Lại những người chết rồi vẫn còn con mắt, lẽ ra phải thấy được vật, mà nếu thấy được vật thì sao gọi là chết ?

“Anan, lại nếu cái tâm hay biết của ông phải có tự thể thì có một thể hay có nhiều thể ? Nay tâm ở nơi thân ông, thể ấy cùng khắp cả mình hay không cùng khắp ? Nếu tâm có một thể thì ông lấy tay gãi một chi, lẽ ra cả tứ chi đều biết, mà nếu đều biết thì lại không biết gãi ở chỗ nào. Nếu biết chỗ gãi thì cái thuyết một thể của ông tự nhiên không thành. Nếu như có nhiều thể thì thành ra nhiều người, còn biết cái thể nào là thể của ông. Nếu cái thể ấy là cùng khắp thì lại như trước kia, không biết được chỗ gãi. Còn nếu như không cùng khắp thì khi ông chạm trên đầu, đồng thời cũng chạm dưới chân, hễ đầu

có biết, lẽ ra chân phải không biết, nhưng hiện nay ông lại không phải như thế.

“Vậy, nên biết rằng “Hễ hợp với chỗ nào, tâm liền ở chỗ đó”, thật không có lẽ ấy.”

Thông rằng : Chạm đầu : đầu biết, chạm chân : chân biết, há chẳng phải là “Hễ hợp với chỗ nào, tâm liền tùy có ở chỗ đó” hay sao ? Nhưng nếu thế thì ở chỗ không hợp, thì tâm hoàn toàn không có. Đó chẳng phải là tà kiến “Đoạn, Thường” hay sao ? Đức Thế Tôn hẳn không vô cớ trách rầy chuyện này.

Chỉ ở nơi một chữ “Hợp” mà biện rõ chỗ sai lầm. *Hợp* tức phải là có tự thể. Nếu không có tự thể, nghĩa *Hợp* không thành. Cũng như không có trần thứ bảy, tất không có giới thứ mười chín. Còn nếu có tự thể, thì thể này đã chẳng phải từ ngoài vào, lại cũng chẳng phải từ trong ra. Cái tâm thể ấy là một thể hay nhiều thể ? Ở nơi thân con người, nó là thể biến khắp hay là thể không biến khắp ? Lấy tay gãi một chi, thì cái biết tùy do gãi mà có, nếu cái biết ấy là một thể thì phải ở khắp nơi, còn nếu là nhiều thể thì thành ra nhiều người ! Cái biết ấy nếu có ở khắp nơi thì khi gãi không rõ chỗ gãi ; còn nếu không ở khắp nơi thì khi gãi lại có chỗ không biết. Có bốn điều trên đều chẳng phải, tức là cái tự thể không định được, vậy do đâu mà *hợp* ? Nói là “*Tùy chỗ mà hợp*” ấy, thì hợp với một thể ư ? Hợp với nhiều thể ư ? Hợp với thể biến khắp ư ? Hợp với thể chẳng biến khắp ư ? Hợp với kia thì bỏ đây, hợp với đây thì bỏ kia. Vả chẳng phải một, chẳng phải nhiều, chẳng phải khắp, chẳng phải không khắp, mà cuối cùng chẳng có thể hợp. Đã không thể hợp, làm sao thấy “*Cái tùy theo mà có*” ?

Đức Thế Tôn tuy biện biệt cái sai lầm của thuyết “Hễ hợp với chỗ nào, tâm liền tùy có ở chỗ đó”, nhưng cũng

chỉ bày cái diệu mầu của Chân Tâm vô thể. Vô thể ắt vô hiệp, tâm cảnh chẳng đến nhau, ngay đây giải thoát,⁽¹⁾ vốn tự vô sanh. Thế thì làm sao nói được “Pháp sanh thì thấy thấy tâm sanh” ? “Tâm sanh thì thấy thấy pháp sanh” cùng với ý chỉ “Tam Giới Duy Tâm” không khác, nên không cần phải biện luận. “Pháp sanh thì thấy thấy tâm sanh” thì tâm vốn vô sanh, nhân cảnh mà có soi chiếu, cũng tự là không bệnh.

Nhưng Ông Anan dẫn lời dạy của Phật để chứng minh là “Hợp với chỗ nào, tâm liền có ở chỗ đó”, thì ấy là cái tâm theo sóng đuổi sóng, chẳng phải cái tâm hiện cảnh mà tịch diệt vậy. Nên ngộ được cái tâm vô thể thì sự hiện cảnh không làm ngăn ngại, nên duyên khởi mà vô sanh là vậy.

Có nhà sư hỏi Tổ Giáp Sơn⁽²⁾ : “Khi đẹp trần thấy Phật thì sao ?”

Tổ Sơn rằng : “Chính liền vung kiếm ! Nếu không vung kiếm, ngư ông nghỉ ổ !”

Nhà sư đem hỏi Tổ Thạch Sương⁽³⁾ : “Đẹp trần thấy Phật thì như thế nào ?”

Tổ Sương đáp : “Hắn không quốc độ, chỗ nào gặp hắn ?”

Nhà sư trở về nói lại y vậy cho Tổ Giáp Sơn.

Tổ Sơn thượng đường nói rằng : “Cái bày vẽ của môn đình⁽⁴⁾ chẳng như lão tăng. Thấu lý, luận sâu còn cách Thạch Sương trăm bước !”

¹⁾ Rảnh rang.

²⁾ Giáp Sơn : tên núi. Tổ sư tu tại núi này nên lấy tên núi làm hiệu.

³⁾ Tổ tên Sở Viên, tự Trần Minh, cháu sáu đời của Ngài Lâm Tế Nghĩa Huyền (Tổ Lâm Tế tông). Nương ở Thạch Sương Sơn, ban đầu học Nho. Hai mươi mốt tuổi đi tu, kế pháp nơi Lạc Dương Chiêu.

⁴⁾ Nhà Thiên.

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

*“Phất thanh kiếm lớn tẩy binh oai
 Đẹp loạn công đầu ấy là ai ?
 Một sớm, khí trần thanh (trong) bốn biển
 Rủ y (áo), trời đất tự vô vi.”*

Ngài Đơn Hà tụng rằng :

*“Một câu khế lý, ngọc reo vang
 Nội ngoại long lanh, mắt lạnh tràn
 Cõi vô lậu ấy đừng chẳng được
 Trong bóng trăng hoa khó thấy thay !”*

Một tắc này đây, “Đẹp trần thấy Phật” mà tự mình còn chẳng thấy, hướng là hợp với trần mà tìm Phật, tìm Giác thì thật là quá sức điên đảo ! Tuy nhiên, một mặt trăng hiện khắp tất cả mặt nước. Tất cả mặt trăng dưới nước thu nhiếp vào một mặt trăng. Thì sự “*Tùy chỗ mà hợp*” lo gì chẳng có !

VII. CHẤP TÂM Ở CHẶNG GIỮA

Kinh : Ông Anan bạch Phật : “Thưa Thế Tôn, trong khi Phật nói thực tướng với các vị Pháp Vương Tử như Ngài Văn Thù, Thế Tôn cũng nói rằng “Tâm không ở trong, cũng không ở ngoài.” Theo tôi suy nghĩ : tâm ở trong thân, sao lại không thấy bên trong ; tâm ở bên ngoài thân thì thân và tâm sao lại không cùng biết. Không biết bên trong nên tâm không thể ở bên trong. Thân và tâm cùng biết nên nói tâm ở ngoài là không đúng lý. Nay thân và tâm cùng biết, lại không thấy bên trong thân, nên tâm phải ở chặng giữa !”

Phật bảo Ông Anan : “Ông nói “*Ở chặng giữa*”, thì *cái giữa* ấy chắc không lẫn lộn và không phải không có

chỗ. Nay ông nhận định *cái giữa* ấy chỗ nào, ở nơi cảnh hay ở nơi thân ? Nếu ở nơi thân mà ở một bên thì không phải là ở giữa, còn nếu ở giữa thân thì cũng là ở trong thân rồi. Nếu cái giữa ấy ở nơi cảnh thì có thể nêu ra được hay không nêu ra được ? Không nêu ra được thì cũng như không có, còn nếu nêu ra được thì lại không định được. Vì sao ? Ví như có người lấy một cây nêu, nêu một chỗ làm cái giữa, thì phương Đông nhìn qua, cái nêu lại ở phương Tây, phương Nam lại thấy thành phương Bắc. Cái giữa nêu ra đã lẫn lộn thì tâm phải tạp loạn.”

Ông Anan bạch Phật : “Cái giữa của tôi nói chẳng phải là hai thứ ấy. Như Đức Thế Tôn đã nói : Nhãn căn duyên nơi sắc trần sanh ra nhãn thức. Nhãn căn có phân biệt, sắc trần vô tri, nhãn thức sanh ở giữa thì tâm ở tại đó.”

Phật dạy : “Nếu tâm ông ở giữa căn và trần, thì cái thể của tâm ấy gồm cả hai bên hay không gồm cả hai bên ? Nếu gồm cả hai bên thì vật và tâm thể xen lộn, vật thì vô tri khác với tâm thể tỏ biết, thành ra hai bên đối địch lẫn nhau, lấy cái gì làm cái ở giữa ? Gồm cả hai cũng không được, vì như thế thì chẳng phải là biết hay không biết, tức là không có thể tánh, lấy cái gì làm cái tướng ở giữa ?

“Vậy, nên biết rằng ông nói cái tâm là ở chạng giữa, thật không có lẽ ấy.”

Thông rằng : Đến đây, Ông Anan mới bày tỏ ra là thức sanh ở chính giữa. Nói rằng sáu thức phân biệt ở giữa căn và trần, so với cái thuyết núp trong con mắt thì có căn cứ hơn. Nhưng chỗ gọi là ở giữa đó, đã không ở trong lại chẳng ở ngoài, chỉ do căn và cảnh giao nhau, từ giữa đó mà có cái thức phân biệt, bèn cho là tâm. Thật ra, không

biết rằng ba thứ căn, trần, thức nương nhau mà thành lập, như những cành lau gác lên nhau, vốn không có tự tánh. Nay xác định nó mà nói là ở giữa, vậy nếu cái giữa đó có vị trí thì gồm cả căn và trần hay không gồm ? Nếu gồm, thì căn biết mà trần lại vô tri, sự đối địch lập ra mà cái ở giữa không thành. Nếu không gồm, thì chẳng phải biết, chẳng phải không biết, không có tự thể nên cái ở giữa cũng không thành. Vậy cái giữa ở đâu ? Nên nói tâm ở chạng giữa là sai vậy.

Nếu luận về Chân Tâm, thì cũng gồm cả hai, cũng chẳng gồm cả hai. Sao gọi là gồm cả hai ? Trong Như Lai Tạng, vốn có đủ cả kiến phần và tướng phần. Như sau này, kinh nói : Tánh của Sắc là Chân Không,⁽¹⁾ Tánh Không là Chân Sắc, thế thì làm sao có sự lộn xộn, tạp loạn được. Sao gọi là không gồm cả hai ? Vì, đó là cái linh quang độc sáng, vượt khỏi căn Trần, thì căn không có chỗ gặp, nào từng không thể tánh sao ? Như tin được rằng cái tâm này chẳng phải biết cũng chẳng phải không biết, vốn không tự tánh, cũng không có cái tướng ở chính giữa, mới biết rõ sâu xa *cái chính giữa* là ra sao.

Vị quốc vương xứ Đông Ấn sau khi thỉnh Tổ Thứ Hai Mười Bảy là Ngài Bát Nhã Đa La thọ trai xong, bèn hỏi rằng : “Mọi người đều chuyển⁽²⁾ kinh, chỉ có thầy tại sao không chuyển ?”

Tổ đáp : “Bần đạo thờ vào chẳng ở trong ấm, giới ; thờ ra chẳng dính dáng với các duyên. Thường chuyển kinh ấy trăm ngàn vạn ức quyển, chứ chẳng phải một hai quyển đâu !”

¹⁾ Cái Không Chân Thật.

²⁾ Đọc, tụng.

Vua bèn lễ bái.

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

*“Trâu mây giỡn nguyệt sáng miên man
Ngựa gỗ chơi xuân chẳng buộc ràng
Dưới mây ngọc lạnh xanh đôi mắt
Nào phủng da bò⁽¹⁾ mới khán kinh.”*

Lại tụng tiếp :

*“Rõ ràng tâm siêu muôn kiếp trống
Anh hùng ra sức phá vòng vây
Trời nhiệm lời yếu chuyển linh cơ
Hàn Sơn quên mất đường xưa lại
Thập Đắc song song nắm tay về.”*

Đây là thói nhà⁽²⁾ của Tổ Sư, chẳng lập hai bên, không an trụ trung đạo, đạo lớn rộng suốt nhiệm mầu, chân tông không bám chấp, chính là Thứ Nhất. Cho nên, đó chẳng phải là chỗ sáu thức, căn và trần đến được. Như hai Ngài Hàn Sơn, Thập Đắc : đi, đến tự tại, thông dong, nhàn nhã, trong lòng dạ tuyệt không còn một mảy tơ tình thức, đủ để cùng Tổ Thứ Hai Mười Bảy tương kiến.

VIII. CHẤP TÂM KHÔNG DÍNH DÁNG VÀO ĐÂU TẤT CẢ

Kinh : Ông Anan bạch Phật : “Thưa Thế Tôn, trước đây, tôi thấy Phật với bốn đại đệ tử là Đại Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề, Phú Lâu Na và Xá Lợi Phất cùng chuyển Pháp luân, Phật thường dạy : cái tâm tánh hiểu biết phân

¹⁾ Ngưu bì.

²⁾ Môn phong.

biệt cũng chẳng ở trong, cũng chẳng ở ngoài, cũng chẳng ở chính giữa, đều không ở chỗ nào cả, tất cả không dính bám, tạm gọi là tâm. Nay tôi không dính bám, thì gọi là tâm chẳng ?”

Phật bảo Ông Anan : “Ông nói *“Cái tâm tánh hiểu biết phân biệt đều không ở đâu tất cả”*. Vậy các vật tượng thế gian như hư không và các loài dưới nước, trên đất, bay, chạy, nghĩa là tất cả sự vật mà ông cho là không dính bám đó, là có hay không có ? Không có, thì đồng với lông rùa sừng thỏ, có gì để gọi là không dính bám ? Đã có cái không dính bám thì không thể gọi là không. Không có tướng thì tức là không, chẳng phải không mà lại có tướng. Có tướng thì có chỗ ở, làm sao lại không dính bám được ?

“Vậy, nên biết rằng ông nói cái không dính bám vào đâu tất cả là tâm hiểu biết, thật không có lẽ đó.”

Thông rằng : *Cái không dính bám* của Ông Anan dẫn ra đó, chưa từng chẳng phải. Nhưng hiểu cho rõ hai chữ *“Tất cả”*, thì cái *“vô trước”* ấy là đối với Cảnh mà có. Cảnh mà có thì có vô trước, còn cả hai đều không có, thì hóa ra đoạn diệt ! Nói sao cũng mâu thuẫn. Nếu tất cả vật tượng đều không có, thì còn có chỗ nào nữa để mà không dính bám ? Mà đã có *cái không dính bám* thì vật tượng không thể nói là không có ! Nếu không có *tướng không dính bám*, thì mới có thể nói là không có tất cả vật tượng. Có *sự không dính bám*, tức là có *tướng* rồi. Có tướng không dính bám, tức là có tâm ở đó rồi. Tâm đó ở *chỗ không dính bám* thì sao lại gọi là *“Đều không ở chỗ nào cả”*. Tâm đã có chỗ ở thì sao lại nói là *“Không dính bám”* ? Trước thì ở nơi cái năng để làm rõ cái sở, chẳng thể gọi là không có. Tiếp sau, là dùng

cái sở để làm rõ cái năng ; cái tướng đã có ắt phải có cái hiện hữu, nên cái nghĩa *vô trước* không thành được.

Xưa, Nghiêm Dương Tôn giả hỏi Tổ Triệu Châu⁽¹⁾ :
 “Một vật chẳng có đem lại thì như thế nào ?”

Tổ Châu rằng : “Buông bỏ đi.”

Ông Nghiêm rằng : “Một vật chẳng có đem lại, thì buông bỏ cái gì ?”

Tổ Châu nói rằng : “Thế thì vác lên mà đi !”

Tôn giả nghe xong, đại ngộ.

Ngài Hoàng Long⁽²⁾ tụng rằng :

*“Một vật chẳng mang lại
 Hai vai vác chẳng nổi
 Vừa nghe, rõ lỗi mình
 Trong lòng vui không xiết
 Độc ác đã quên rồi
 Rấn cọp là tri kỷ
 Rỗng rang ngàn trăm năm
 Gió mát chưa ngừng thổi.”*

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

*“Chẳng ngờ tể hạnh trước trao tay
 Từ rõ lòng quê, then gõ đầu
 Phá thoát, ngang lưng rìu cán mục
 Rửa trong (sạch) phàm cốt, với tiên chơi.”*

¹⁾ Người xứ Tào Châu, học xét ở Quan Âm Viện, xứ Triệu Châu. Kế pháp Tổ Nam Tuyên. Tổ có nhiều công án truyền đạo.

²⁾ Tổ Phổ Giác Thiên sư, tên Huệ Nam, ở núi Hoàng Long. Thọ pháp Tổ Từ Minh Viên Thiên sư ở Hoàng Long. Tổ để lại nhiều sự tích.

Bài tụng này thì *vô trước* cũng không, nên tự do, tự tại. Phần nhiều đều ở nơi cảnh, thì thấy có *vô trước*, là cảnh tức là không *vô trước*. Ở nơi Tánh thấy *vô trước*, thì cái *vô trước* đó tức là Tự Tánh. Dầu còn chỉ một cái ý *vô trước*, bèn là hỏng hết vậy.



MỤC HAI : CHỈ RÕ TÁNH THẤY

I. CẦU ĐI ĐẾN CHỖ CHÂN THẬT

Kinh : Bấy giờ, Ông Anan ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo phải, đầu gối phải chầm đất, chấp tay cung kính mà bạch Phật rằng : “Tôi là em nhỏ nhất của Như Lai, nhờ Phật thương yêu, nay tuy đã xuất gia, còn y lại nơi lòng thương của Phật. Vì thế, học rộng nghe nhiều mà chưa được quả Vô Lậu, không chiết phục nổi chú Ta Tỳ La, theo chỗ nó chuyển mà chìm nơi nhà dâm. Nguyên do vì không biết đường đến nơi Chân Tế (Phật Tánh Tự Tâm). Cầu xin Thế Tôn Đại Từ thương xót, chỉ bày cho chúng tôi con đường Chánh Định, cũng khiến cho những kẻ không tin trừ bỏ ác kiến.”

Thưa như vậy xong, rạp cả mình xuống đất, cùng tất cả đại chúng hết lòng mong nghe lời Phật dạy.

Thông rằng : Xét chỗ thấy của Anan lúc ấy dường chưa thể đề bực thức tình để đến chỗ trong lặng không dao động, chỉ vì chưa được Vô Lậu.⁽¹⁾ Mới đầu thì cho cái tâm giác liễu năng tri là có vật, nên mới nói “Ở trong, ở ngoài, ở nơi căn”. Đến khi đã biết là chẳng phải vật, nhưng còn cho là có thức, nên mới nói là “Tùy chỗ hiệp mà có”, “Thức sanh ở chặng giữa”. Đến lúc cái tri, cái thức đều tiêu hết, rồi mới tin là “Chẳng có dính bám”.⁽²⁾ Nhưng đã có cái ý

¹⁾ Hết phiền não.

²⁾ Vô trước.

“không dính bám” thì cũng đã *dính bám* rồi vậy. Nhưng tất cả không có dính bám mới chỉ đoạn trừ được cái Thức Thứ Bảy, chứ chưa đến cái địa vị lặng lẽ. Mà dù có đến được địa vị lặng lẽ, thì vẫn còn ngồi trong hang ổ của Thức Thứ Tám, chỗ ngoại đạo gọi là Minh Đế.⁽¹⁾ Nếu con đường tu Định chỉ là phương tiện bờ mé của việc chuyển thức thành trí, mà thánh giải còn tuyệt chẳng dung chú niệm, hướng gì là lại bám lấy phàm tình để bị kéo lôi ? Cho nên, tình phàm ý thánh đều hết, thì Chân Thường hiển lộ, mới gọi là Chân Tế. Thấu suốt Chân Tế mới không bị dâm thuật chuyển đảo. Chẳng phải chỉ tự mình hiểu biết hẩn hoi đầy đủ chỗ Tịch Tĩnh⁽²⁾ mà còn giúp cho hết thảy phàm phu chưa đủ lòng tin phá trừ được ác kiến vậy.

Ngài Đoàn Sư Tử đọc Lăng Nghiêm có bài tụng :

*“Bảy chỗ bày Tâm, tâm chẳng thỏa
Ngơ ngác Anan không liếc tới
Hiện mà bày được, thấy vô tâm
Ấy chính trong bùn rửa đất cục.”*

Có thể nói là bậc có con mắt đầy đủ.

II. PHÓNG QUANG NÊU RA TÁNH THẤY VIÊN MÃN SÁNG SUỐT

Kinh : Bảy giờ từ mặt Đức Thế Tôn phóng ra các thứ hào quang, ánh sáng rực rỡ như trăm nghìn mặt trời. Khắp các thế giới của chư Phật, sáu thứ chấn động. Các

¹⁾ Đế Thứ Nhất trong hai mươi lăm Đế của Số Luận Sư (ngoại đạo) lập ra. Đó là cái nguồn cội của muôn vật mù mịt, không chơn chánh nên gọi là Minh Đế, còn gọi là Minh Tánh.

²⁾ Tự chứng tịch tịnh.

cõi nước nhiều như vi trần của mười phương hiện ra trong một lúc. Oai thần của Phật khiến các thế giới hợp lại thành một thế giới. Trong thế giới này, tất cả các vị Bồ tát hiện có đều an trụ ở nước mình chấp tay nghe lời Phật dạy.

Thông rằng : Phóng quang động địa, xưa cho là cảnh giới không thể nghĩ bàn, nhưng cũng có thể hiểu được. Các đạo gia, tinh thần đầy đủ, vững chắc, thì trong đêm tối, mắt vẫn có sáng tỏ mà không vật gì chẳng thấy. Hướng hồ Đức Thế Tôn nhiều kiếp thành tựu, thì hào quang chẳng có chói lọi rực rỡ sao ? Hạng cầu đảo vận động nguyên khí có thể kêu mây mưa xuống, hướng là Pháp Thân thanh tịnh của Thế Tôn không bờ không bến thì khắp các thế giới của chư Phật chẳng chấn động sao ? Thế Tôn dựng cây cờ pháp lớn, tất trước tiên phải có chỗ tỏ bày. Chỗ nói là *"Khiến tất cả các thế giới hợp lại thành một cõi"* là đã ẩn cái ý *hội vọng quy chơn* vậy. Nếu là hạng thượng căn⁽¹⁾ lợi trí thì thấy ánh sáng như thế, nhìn sự việc như thế, liền được Bốn Tâm, chứng Vô Sanh Nhẫn.

Thiền sư Viên Chiếu⁽²⁾ lên tòa giảng, nói rằng : "Hãy xem ! Ánh sáng tốt lành rực rỡ, chiếu sáng cả Đại Thiên thế giới. Trăm ức vi trần cõi nước, trăm ức đại hải, trăm ức núi Tu Di, trăm ức mặt trời, mặt trăng, trăm ức bốn châu thiên hạ, cho đến cõi Phật vi trần đều ở trong ánh sáng phát hiện ra cùng một lúc. Các nhân giả ! Có thấy chẳng ? Nếu thấy được, thì chính các ông đang tự thân ở trong ánh sáng tốt lành ấy. Không thấy được, đừng nói là ánh sáng tốt lành chẳng có chiếu soi. Hãy tham !"

¹⁾ Ké mắt, tai tất cả các căn nhanh lẹ, sáng láng.

²⁾ Tổ xuất gia lúc mười tuổi, nghiên cứu xét cùng nghĩa lý Duy Ma pháp, nhân đó rõ biết Duy Thức ; bàn cứu sách Nho ; chuyên về Luật Tạng.

Ai ai cũng đều có ánh sáng này. Vì sao Tổ Viên Chiếu thấy còn mọi người chẳng thấy ? Đó là ngộ với chẳng ngộ vậy. Pháp tánh vốn khắp cả, vọng trần chẳng ngăn cách được. Cái trí cảnh vốn tròn đầy, thức tình nào ngăn ngại được. Nếu ngộ tự tâm, bèn biết hết thấy đầy đều là việc trong nhà.

III. HAI THỨ CĂN BẢN

Kinh : Phật bảo Ông Anan : “Hết thấy chúng sanh từ vô thủy đến nay, đủ thứ điên đảo, mầm giống nghiệp tự nhóm lại như chùm quả ác xoa. Những người tu hành không thành được Bồ Đề Vô Thượng, đến nổi riêng thành Thanh Văn, Duyên Giác hoặc thành ngoại đạo, chư thiên, Ma vương, hay bà con quyến thuộc của Ma. Tất cả đều do không biết hai loại căn bản, lầm lộn tu tập, cũng như nấu cát mà muốn thành món ngon, dầu trải qua số kiếp nhiều như bụi, rốt cũng chẳng được.

“Thế nào là hai loại căn bản ? Anan, một là, cội gốc (căn bản) của sanh tử vô thủy. Tức là ông hiện giờ và các chúng sanh dùng cái tâm bám níu theo duyên (tâm phan duyên) mà làm tự tánh. Hai là, cái thể bản lai thanh tịnh Bồ Đề Niết Bàn vô thủy. Tức là cái Chân Tâm vốn sáng soi của ông hiện giờ, hay sanh các duyên nhưng ông lại duyên theo các tướng duyên đó mà bỏ quên nó. Vì các chúng sanh bỏ quên cái vốn tự sáng này nên tuy trọn ngày sử dụng nó mà chẳng tự biết, uống oan lạc vào sáu nẻo.

Thông rằng : Bảy chỗ bày cái tâm, đều là chẳng phải, vì dùng tâm phan duyên làm tự tánh.

Ông Anan cũng biết cái tâm này chưa được vô lậu, không chiết phục nổi chú Ta Tỳ La, mà còn bị nó chuyển.

Ông nói : “Nguyên do là vì không biết chỗ vào Chân Tế, là cũng đã lỡ mờ trộm thấy cái thể trong sạch của Bồ Đề Niết Bàn (Niết Bàn là Tịch Diệt), nên xin Phật chỉ bày. Do đó, Thế Tôn phân tích rõ ràng mà dạy cho. Trước, Phật đã dạy : Dùng các vọng tưởng, các tướng này chẳng chân thật, nên mới bị luân chuyển. Điều đó, ở đây Ngài dạy : Dùng tâm phan duyên mà làm tự tánh, đó là cái gốc rễ của sanh tử từ vô thủy đến nay vậy. Trước, Phật dạy : Đều chẳng biết cái chơn tâm chẳng sanh chẳng diệt, tánh nó chẳng ô nhiễm, thể nó vốn sáng suốt. Tức ở đây là : Bồ Đề Niết Bàn, vốn thể nó trong sạch, đó là gốc rễ chẳng sanh chẳng diệt xưa nay vậy.

Xoay chuyển nơi sống chết : Hoặc, Nghiệp, Khổ ba thứ này sanh ra, đồng nhau tụ hợp giống như chùm trái ác xoa. Không những Thiên Ma, ngoại đạo chắc chắn ở trong luân hồi, mà ngay cả Thanh Văn Duyên Giác tu tập lầm lộn, đều gọi là điên đảo.

Tại sao thế ? Vì lấy sanh diệt làm nhân địa tu hành vậy. Mà cái nguyên minh vốn sáng soi, sinh ra các duyên thì vốn tự chẳng sanh chẳng diệt, chỉ vì duyên theo cái sở mà bỏ quên nó.

Như đoạn sau, kinh nói rằng “Tánh nguyên minh ấy chiếu mà sanh ra cái sở. Cái sở đã riêng lập thì tánh chiếu soi bị bỏ quên”, thì ý chỉ cũng giống đoạn này. Đấy tức là nguyên do sanh ra các vọng tưởng, mà đã lạc vào vọng tưởng, bèn mất đi bản tánh. Quên mất cái nguồn gốc sáng suốt này, nên rơi vào các nẻo, mà không thành Bồ Đề Vô Thượng.

Có vị khách làm Thượng thơ ra mắt Tổ Trường Sa.

Tổ Sa gọi : “Thượng thơ !”

Vị này lên tiếng dạ.

Tổ Sa nói : “Đã chẳng phải là bốn mạng Thượng thơ đó sao ?”

Thượng thơ rằng : “Chẳng thể lia bỏ. Nhưng nay vừa đối diện, lại riêng có chủ nhân thứ hai rồi.”

Tổ Sa nói : “Gọi Thượng thơ là Chí Tôn được không ?”

Nói rằng : “Như thế, suốt cả khi không đối, đã không phải là chủ nhân của đệ tử sao ?”

Tổ Sa nói : “Chẳng phải chỉ khi đối hay không đối, mà từ đời vô thủy đến nay, đó là cái căn bản sanh tử của ông vậy.”

Lại tụng rằng :

*“Cái người học đạo chẳng biết chân
Chỉ bởi xưa nay nhận thức thân
Gốc rễ tử sanh, từ vô thủy
Kẻ si lại gọi Bốn Lai Nhơn.”*

(Học đạo chi nhơn bất thức chơn
Chỉ vị tụng lai nhân thức thân
Vô thủy kiếp lai sanh tử bốn
Si nhơn hoán tác Bốn Lai Nhơn.)

Như vậy thì chủ nhơn xưa nay, do đâu mà biết ???

Phẩm Xuất Hiện của kinh Tạp Hoa nói : “Phật tử, không có chúng sanh nào mà không vốn đủ Trí Huệ Như Lai, chỉ vì bám giữ lấy vọng tưởng điên đảo mà chẳng chứng⁽¹⁾ được. Nếu lia vọng tưởng, thì Nhất Thiết Trí, Tự Nhiên Trí, Vô Ngại Trí, tự hiển bày trước mắt.”

¹⁾ Tự biết lấy rõ ràng.

Ngài Thiên Đồng tụng :

*“Trời che đất chở, nên khối, thành hòn
 Khấp pháp giới nhưng không bờ mé
 Chẻ lân hư mà không ở trong
 Nuốt trọn huyền vi
 Nào phân sau, trước.
 Phật, Tổ đến đây trả nghiệp miệng
 Hỏi lấy Nam Tuyền, Vương Lão sư¹⁾
 Người người ăn chỉ rau, một cọng.”*

Đã là chuyện ai ai cũng có, sao chẳng thể cùng chứng Bồ Đề mà đến nổi riêng thành Thanh Văn, Duyên Giác ?

Kinh Viên Giác nói : “Tất cả chúng sanh vọng thấy có lưu chuyển. Chán ghét lưu chuyển, lại vọng thấy có Niết Bàn. Do vậy mà chẳng nhập vào cái Giác vốn trong sạch. Chẳng phải Giác cản chống lại người-nhập. Vì, chỉ có người-nhập, chẳng phải cái Giác có sự nhập.”

Nhưng, biết chọn giữ lấy cái căn bản không sanh không diệt, ngoài sự đại triệt ngộ, thì không thể.

IV. NƯƠNG CÁI THẤY, GẶN HỎI CÁI TÂM

Kinh : “Anan, nay ông muốn biết đường tu Xa Ma Tha, nguyện ra khỏi sống chết, thì Ta lại hỏi ông. Liên đó, Như Lai đưa cánh tay kim sắc lên, co năm ngón lại, bảo Ông Anan : “Ông có thấy không ?”

Ông Anan đáp : “Có thấy.”

Phật bảo : “Ông thấy cái gì ?”

¹⁾ Tổ Phổ Nguyên Thiền sư, kế pháp Đức Mã Tổ, hoàng đạo ở Nam Tuyền, thường xưng mình là Vương Lão sư.

Anan trả lời : “Tôi thấy Như Lai đưa tay lên, co ngón thành nắm tay sáng ngời, sáng chói tâm và mắt của tôi.”

Phật hỏi : “Ông lấy cái gì mà thấy ?”

Anan trả lời : “Tôi và đại chúng đều lấy con mắt mà thấy.”

Phật bảo Ông Anan : “Nay ông trả lời : Như Lai co ngón tay làm thành nắm tay sáng ngời, chói tâm và con mắt của ông. Con mắt ông thì thấy, còn ông lấy cái gì làm tâm đối với nắm tay chói sáng của Ta ?”

Ông Anan thưa : “Nay Như Lai gạn hỏi tâm ở chỗ nào, mà tôi thì lấy tâm suy nghĩ xét tìm. Tức là cái năng biết suy nghĩ đó, tôi lấy nó làm tâm.”

Phật bảo : “Ôi, Anan ! Cái đó chẳng phải là Tâm ông đâu.”

Ông Anan hoảng hốt rời chỗ ngồi, đứng dậy chấp tay mà thưa rằng : “Cái ấy không phải là tâm tôi thì gọi là cái gì ?”

Phật bảo Ông Anan : “Đó là cái tướng tạo nên các tướng hư vọng của tiền trần, nó làm mê lầm chân tánh của ông. Do từ vô thủy cho đến nay, ông nhận tên giặc đó làm con, mất đi cái vốn là thường hằng (nguyên thường) của ông nên phải chịu luân hồi.”

Thông rằng : Đây là lần dẫn dụ từng bước lần thứ hai của Thế Tôn. Ngài hỏi “Ông nay có thấy không ?” Anan đáp “Thấy”. Chỉ ở chỗ này mà đột nhiên tỉnh ngộ, bèn thấy bản tánh nguyên minh, chẳng cho phép luận bàn, chẳng dợi chỗ xếp đặt. Bồ Đề Niết Bàn vốn tự đầy đủ, vừa móng khởi phân biệt đã lọt vào tỷ lượng,⁽¹⁾ bị buộc vào sự sai sử

¹⁾ So sánh, phân biệt.

của sáu thức, chìm sâu vào trí thức, bỏ mất Chân Tánh xa lắm vậy. Cho nên Phật mới quở rằng “Cái đó chẳng phải là tâm của ông”. Nếu trong khi bị quở, rỗng rang mà tự mất bật, bỗng nhiên hồi quang, thì ngay liền đó là bốn giác tự tại. Chứ sao lại nói “Rời cái hay biết (giác tri) đó, thì hoàn toàn không có gì?” Cái giác tri đó, đối đãi với trần tướng trước mắt mà có phân biệt, trần mất thì không có nữa, nên gọi là “Cái tướng hư vọng bám chấp lấy tướng”. Còn cái Bốn Giác thì chẳng nương theo trần mà sanh diệt theo, nên mới gọi là chân tánh. Nhưng chân tánh chỉ có một mà thôi. Vì cái giác tri này che đậy cái bốn giác trước mắt, nên cái giác tri ấy thật là tên giặc của bốn giác. Nếu nhận cái giác tri đó làm tự tâm, tức là nhận giặc cướp làm con, bỏ cái chẳng sanh diệt mà ôm lấy cái sanh diệt, thì sự luân chuyển còn nghi ngờ gì. Tuy nhiên, lia cái giác tri hay biết này mà tìm riêng cái bốn giác ở nơi khác, lại không thể được.

Ngài Thiên Đồng nêu sơ lược rằng : “Nếu cái hay suy nghĩ đó là tâm của ông, tức là nhận giặc làm con !”

Ngài Tu Sơn Chủ nói : “Nếu cái hay suy nghĩ đó chẳng phải là tâm của ông, tức là nhận giặc làm con !”

Ngài Thiên Đồng đưa ra rằng : “Như giờ hãy xét là con, là giặc : mua nón vừa đầu, ăn cá bỏ xương.”

Bèn như Thiên Đồng, lại chọn lựa không ?

Đức Lục Tổ⁽¹⁾ dạy : “Phàm phu tức là Phật, phiền não tức là Bồ Đề. Niệm trước mê là phàm phu, niệm sau ngộ

¹⁾ Đức Lục Tổ Huệ Năng Đại sư, họ Lữ Thị, người xứ Tân Hưng. Từ già mẹ, thẳng đến Huỳnh Mai Động Sơn. Sau khi đắc pháp, trở về Chùa Pháp Tánh tại Nam Hải. Mở cửa pháp Động Sơn. Sau về Bửu Lâm tự. Ngài tọa tịch, có tháp tại Tào Khê, nay là Nam Hoa Tự.

là Phật. Niệm trước bám cảnh là phiền não, niệm sau lìa cảnh, tức là Bồ Đề." Điều này cũng như nói lật sấp lật ngửa cũng là bàn tay vậy.

Ngài Vĩnh Gia nói : "Thật tánh của vô minh tức là Phật tánh. Huyền hóa không thân tức Pháp thân." Quả là tỏ suốt cái cửa Bất Nhị vậy.

Kinh : Ông Anan bạch Phật : "Thưa Thế Tôn, tôi là em yêu của Phật, vì lòng mến mộ Phật nên tôi xuất gia. Tâm tôi nào phải chỉ cúng dường Như Lai, mà còn khắp trải hằng sa quốc độ, thừa sự chư Phật và các thiện tri thức. Phát đại dũng mãnh làm tất cả những pháp sự khó làm, đều dùng cái tâm này. Dầu cho hủy báng Chánh Pháp, đời đời lui sụt căn lành, cũng bởi cái tâm này.

"Nay Phật phát minh cái này chẳng phải là tâm, tôi bèn không có tâm, giống như gỗ đá. Lìa cái giác tri này, rốt chẳng còn gì nữa. Tại sao Như Lai nói cái ấy không phải là tâm ? Tôi thật kinh sợ. Cùng với đại chúng đây, không ai là không nghi hoặc. Xin Phật rủ lòng từ bi, chỉ bày cho người chưa ngộ."

Thông rằng : Ông Anan tình thức và sở kiến khô kiệt, mới nói là "Không có tâm", giống như gỗ đá. Chỗ này chính là nên thừa thọ đảm đương, thì đỡ được biết bao tâm lực. Sá gì một cái giác tri mà cứ ôm giữ lấy, sao chẳng chịu bỏ quách.

Xưa, Thầy Đại Lãng, mới đầu đến tham vấn Đức Mã Tổ.

Ngài hỏi : "Đến đây cầu gì ?"

Đáp : "Cầu tri kiến Phật."

Tổ nói rằng : “Phật không có tri kiến, tri kiến⁽¹⁾ là Ma. Ông từ đâu tới ?”

Bạch rằng : “Từ Nam Nhạc⁽²⁾ đến.”

Tổ nói rằng : “Ông từ Nam Nhạc đến, mà chưa biết tâm yếu của Tào Khê.⁽³⁾ Ông mau trở về đó, chẳng nên đi nơi khác.”

Thầy Lăng trở về Tổ Thạch Đầu, bạch hỏi : “Thế nào là Phật ?”

Tổ Thạch Đầu⁽⁴⁾ nói rằng : “Người không có Phật tánh.”

Thầy Lăng nói rằng : “Các loài cựa quậy, bay nhảy lại ra làm sao ?”

Tổ Đầu nói : “Các loài cựa quậy, bay nhảy đều có Phật tánh.”

Bạch rằng : “Huệ Lăng này vì sao không có ?”

Tổ Đầu nói : “Vì ông không chịu nhận lãnh.”

Thầy Huệ Lăng nghe xong, tin nhập.

Về sau, hễ có người học đạo đi đến, đều nói rằng : “Đi đi ! Người không có Phật tánh.”

Sự tiếp cơ dạy dỗ đại khái như thế. Há đâu phải lia cái giác tri là không có gì nữa sao ?

Kinh : Khi ấy, Thế Tôn khai thị cho Ông Anan và đại chúng, muốn cho được vô sanh pháp nhẫn. Nơi tòa sư

¹⁾ Thấy biết.

²⁾ Tổ Hoài Nhượng Thiền sư, đời Đường, ở Hành Nhạc, Chùa Bát Nhã, nên xưng là Nam Nhạc. Lục Tổ Huệ Năng có hai đại đệ tử là Nam Nhạc và Thanh Lương.

³⁾ Hiệu riêng của Lục Tổ Huệ Năng.

⁴⁾ Hy Thiên Thiền sư, ở Hành Sơn Nam Tự. Phía Đông chùa có tảng đá hình cái đài, cất am trên đó, người đời ấy kêu là Thạch Đầu Hòa thượng.

tử xoa đầu Ông Anan mà nói : “Như Lai thường nói : các pháp sanh ra đều duy tâm hiện. Tất cả nhân quả, thế giới, vi trần đều do tâm mà thành thể. Anan, như trong các thế giới, hết thấy sự vật hiện có, cả đến ngọn cỏ, lá cây, sợi dây, thắt nút... tìm hỏi nguồn gốc thì đều có thể tánh. Ngay cả hư không còn có tên, có tướng, hướng là cái Chân Tâm sáng suốt, trong sạch, nhiệm mầu, tánh của hết thấy tâm mà lại không có tự thể sao ?

“Nếu ông quyết chấp cái phân biệt giác quan, hiểu biết là tâm thì cái tâm ấy phải rời hành tướng của các trần : sắc, hương, vị, xúc, pháp... riêng có toàn tính. Chứ như hiện nay, ông vâng nghe pháp âm của Ta, đó là nhân cái tiếng mà có phân biệt : dầu cho có diệt hết tất cả cái thấy, nghe, hay, biết, bên trong giữ lấy trống rỗng u nhàn, thì đó cũng còn là sự phân biệt bóng dáng pháp trần⁽¹⁾ mà thôi.

“Ta không bảo ông chấp cái ấy không phải là tâm, nhưng ông phải chính nơi tâm ông, suy xét chín chắn. Nếu rời tiền trần mà có tánh phân biệt, thì đó mới là Chân Tâm của ông. Còn nếu cái tánh phân biệt mà lìa tiền trần không có tự thể, thì nó chỉ là sự phân biệt bóng dáng tiền trần. Tiền trần không thường trụ, vậy khi chúng biến diệt, thì cái tâm nương vào tiền trần ấy cũng đồng như lông rùa sừng thỏ, ắt Pháp thân của ông cũng đồng với đoạn diệt. Còn gì để chứng vô sanh pháp nhẫn ?”

Thông rằng : Chỗ các pháp sanh ra, là độc chỉ do tâm biến hiện, như bóng hình trùng trùng đều độc chỉ trong cái

¹⁾ Một trong sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp). Tất cả pháp là chỗ duyên (sở duyên) của ý thức, gọi chung là pháp trần.

gương hiện bày ra. Sáu trần như hình, cái phân biệt (thức tâm) như bóng. Bóng nhờ hình mà có, tâm thức nhờ cái trần mà có. Cái này đây ắt là sự phân biệt bóng dáng tiền trần.⁽¹⁾ Dao động thuộc về tiền trần, yên tịnh thuộc về pháp trần. Cho nên, ở trong giữ cái trống rỗng u nhàn thì tuy không có bóng dáng tiền trần nhưng vẫn còn cái bóng dáng trống rỗng u nhàn, đó còn là sự phân biệt bóng dáng của pháp trần.

Cái chấp ấy là cái thức, mà chẳng phải là cái bốn giác chân tâm thường trụ. Chân tâm thường trụ lia khỏi tất cả phân biệt, như cái gương lớn tròn sáng⁽²⁾ lia khỏi cả hai thứ động (sáu trần) và tĩnh (thức). Cái tâm này vốn tự không nhiễm, nên nói là tịnh, nhiễm mà chẳng nhiễm, nên nói là diệu tịnh. Tất cả nhân quả, thế giới nhiều như vi trần, nhân nó mà lập thành, nó cũng là cái bốn tánh của vọng tâm tạo thành chín cõi.⁽³⁾ Nên nói là cái tánh của cả thủy tâm. Nếu thấy tâm này, thì lia phân biệt mà an trụ tự tánh, đó là cái tự tánh không tùy theo phân biệt mà hoặc có hoặc không. Sắc lia thức phân biệt như trần lia bóng, liền là bản thể của gương, Thể của gương không theo bóng của trần mà sanh mà diệt. Nếu chấp cái giác tri phân biệt làm tự tánh, tức là chấp bóng làm gương vậy. Cái hay biết phân biệt đó, đối với trần thì có, lia trần thì không, như bóng trong gương, vốn không tự thể, rốt là đoạn diệt, như thế làm sao chứng vô sanh ? Cho nên, phải biết cái tâm tự có bản thể, chẳng phải đoạn diệt.

Đoạn trước, Phật quả "Cái đó chẳng phải là tâm ông", vì cái chỗ Ông Anan nhìn nhận chỉ là cái tâm đoạn diệt

¹⁾ Là lục trần, cảnh hiện bày trước cái vọng tâm.

²⁾ Đại Viên Cảnh Trí của Duy Thức Tông.

³⁾ Lục đạo, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát.

giả dối, chẳng phải là cái tâm xưa nay chân thật vậy. Chứ đâu phải thật không có tâm ư ?

Tổ Huyền Sa⁽¹⁾ Sư Bị thượng đường rằng : “Hiện có một thuyết cho là : linh linh, sáng sáng là cái trí tánh linh đài, hay thấy, hay nghe, hướng vào trong miếng ruộng-thân ngũ uẩn làm chủ tế. Đó là kẻ dối gạt lớn của thiện tri thức, biết chẳng ? Ta nay hỏi các ông, nếu nhận cái linh linh sáng sáng đó là cái chân thật của các ông, thì tại sao khi ngủ mê, lại chẳng còn là sáng sáng linh linh nữa ? Nếu lúc ngủ mê chẳng có thì tại sao lại có cái lúc sáng sáng, linh linh ? Có hiểu chẳng ? Cái đó gọi là nhận giấc làm con, là căn bản của sanh tử, tập khí duyên ra vọng tưởng. Các ông muốn biết căn do ư ? Ta nói cho nghe : Cái sáng sáng linh linh chỉ do tiền trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà có phân biệt, rồi nói bậy đó là cái sáng sáng linh linh. Nếu không tiền trần, thì cái sáng linh linh này của các ông, cũng như lông rùa sừng thỏ.

“Này các ông, cái chân thật ở tại chỗ nào ? Nay các ông muốn thoát khỏi cái chủ tế của ruộng-thân ngũ uẩn, chỉ cần biết nắm lấy cái thể kim cương bí mật của các ông. Cổ nhân hướng về các ông mà nói : Trọn thành Chánh Biến, khắp đầy pháp giới. Nay ta chút phần vì các ông, người trí có thể qua thí dụ mà hiểu được. Các ông có thấy mặt trời của Nam Diêm Phù Đề không ? Cái chỗ sinh sống của người đời : làm lụng, kinh doanh, nuôi sống sinh mạng, đủ

¹⁾ Tổ Tông Nhứt Thiên sư, tên Sư Bị, ở núi Huyền Sa. Khi nhỏ làm nghề chài. Ba mươi tuổi bồng ham mộ đi tu, vào học với Tổ Phù Dung, xuống tóc, lãnh cụ túc giới. Rồi tìm đến Tổ Tôn Thiên sư tại núi Tuyết Phong, thấu hạp, tỏ ngộ huyền chỉ. Ban đầu trú tại Phổ Ứng Viện, sau dời về Huyền Sa.

thứ tâm hành, không gì chẳng nhờ ánh sáng mặt trời mà thành lập. Vậy mà cái thể của mặt trời có chẳng bấy nhiêu tâm hành ? Vậy mà có chỗ nào mà không cùng khắp ?

“Muốn biết cái thể kim cang, cũng phải nhìn như thế. Chỉ như hiện đây, núi sông, đất rộng, mười phương cõi nước, sắc không, sáng tối, cho đến thân tâm các ông, không có cái gì mà chẳng trọn nhờ cái oai quang viên thành ấy của các ông mà hiển bày. Ngay đến Trời, người, chúng sanh, nghiệp báo, hữu tình, vô tình không có cái gì chẳng trọn nhờ cái oai quang của các ông. Cho đến chư Phật, thành đạo, thành quả, tiếp vật lợi sanh, không gì mà chẳng trọn nhờ oai quang của các ông. Như cái thể kim cang ấy, có phạm phu cùng chư Phật không ? Có tâm hành của các ông không ? Không thể nói là không có, bèn tận dụng được vậy. Biết không ?”

Tổ Huyền Sa nhờ xem Lăng Nghiêm mà phát minh tâm địa. Do đó, Ngài ứng cơ nhạy bén, thâm hợp với kế kinh. Đoạn Ngài nói ở trên, mỗi mỗi đều chẳng khác ý chỉ của kinh, cho đến nói “Tất cả đều nhờ vào lực của oai quang”, cùng với câu kinh “Các pháp sinh ra là duy một tâm hiện” lại càng thần diệu.

Lại nữa, Tổ Trúc Am Khuê,⁽¹⁾ kế pháp của Tổ Phật Nhãn, cùng với người bác là cư sĩ Trì Nhất, cùng thích Lăng Nghiêm.

Tổ Trúc Am Khuê nói : “Nếu rời tiền trần mà có tánh phân biệt, đó chính là căn bản của sanh tử.”

Cư sĩ hoảng hồn, nói : “Phật nói lầm hay sao ?”

Tổ Am nói : “Phật cố nhiên là không lầm. Nhưng hiện giờ cái tâm đối diện hỏi han của cư sĩ quả thật ở đâu ?”

¹⁾ Tổ Khả Quan, hiệu Trúc Am.

Cư sĩ bèn tán thán rằng : “Phật nói : hiểu cái Đệ Nhất Không, gọi là Sư Tử Hống, Ngài làm rồi mà không vương mắc đấy.”

Tổ Am, sau đó thượng đường mà rằng : “Khi thấy mà có tướng thấy, cái thấy ấy chẳng phải là cái thấy chân thật (chánh kiến). Thấy do lìa tất cả tướng thấy, cái thấy ấy là siêu việt (giải thoát).⁽¹⁾ “Hoa rơi hữu ý theo dòng nước. Dòng nước vô tình đưa hoa rơi.” Các thứ có thể trả về được dĩ nhiên chẳng phải là ông. Còn cái không thể trả về được, nếu chẳng phải là ông, thì là ai ? “Thường hận xuân đi không chỗ kiếm. Chẳng hay trở lại chốn xưa ra.” Hết lên một tiếng mà rằng : “Ba mươi năm sau, chớ nói Phật, Tổ dạy hư con cái nhà người !”

Theo chỗ thấy của Tổ Trúc Am, thì lìa tiền trần cũng không có cái tự tánh phân biệt nào nữa để được. Người tự khéo chuyển Lăng Nghiêm thì một đoạn chân phong “Thấy do lìa thấy, thấy ấy siêu việt” có thể cùng với Tổ Huyền Sa đồng tham vậy.

V. CHỈ RÕ TÁNH THẤY KHÔNG PHẢI LÀ CON MẮT

Kinh : Khi ấy Ông Anan cùng tất cả đại chúng lặng im, ngơ ngác.

Phật bảo Ông Anan : “Hết thấy những người tu học trong thế gian, hiện tuy thành được chín bậc định thứ lớp mà chẳng được hết lậu⁽²⁾ để thành A La Hán, đều do chấp lấy cái vọng tưởng sanh tử này mà lầm cho là chân

¹⁾ Từ kinh Lăng Nghiêm : Kiến kiến chi thời, kiến phi thị kiến. Kiến do ly kiến, kiến bất năng cập.

²⁾ Hết phiền não.

thật. Thế nên, ông nay tuy được đa văn mà không thành quả thánh.”

Thông rằng : Chín bậc định thì sau này có nêu ra : tứ thiên, tứ không... Nhưng chỉ nói quả vị mà không nói cách tu. Đây nói là người tu hành chín bậc định thứ lớp, vì từ một bậc thiên này sang bậc thiên kia, theo thứ tự mà tu. Như Đại Bát Nhã nói “Lìa dục, ác, bất thiện pháp, có tìm có xét. Lìa thì sanh hỷ, lạc, nhập sơ thiên. Tìm, xét đã vắng lặng, trụ ở trong tâm trong sạch hoan hỷ. Không tìm, không xét nghĩ, định sanh ra hỷ, lạc, nhập nhị thiên. Lìa hỷ trụ xả, đầy đủ niệm chánh tri, thân thọ lãnh sự vui trong sạch bậc thánh, nói được xả được, đầy đủ niệm lạc trụ nhập tam thiên. Dứt vui dứt khổ, trước là cái vui vẻ, lo buồn biến mất, không khổ không lạc, niệm xả thanh tịnh, nhập tứ thiên. Vượt lên cả sắc tướng, diệt tướng có đối tượng, chẳng tư duy hết thấy các tướng, nhập vào không vô biên là không vô biên xứ định. Vượt lên tất cả không, nhập thức vô biên là thức vô biên xứ định. Vượt lên tất cả thức vô biên, nhập vô sở hữu xứ định. Vượt vô sở hữu định, nhập phi tướng phi phi tướng xứ định. Vượt tất cả phi tướng phi phi tướng, nhập diệt thọ tướng định.”

Đó là chín phép định theo thứ lớp, đều là cái công dụng hữu vi, ưa thích thiện quả hữu vi nên nói là “Mê những cõi Trời hữu lậu, hiểu đấy là vô vi”. Vì cái mê chấp ấy, nhập vào cái thức vi tế sanh diệt vọng tướng mà tu, chưa thể thấy được chân tánh vô sanh, hiện tiền tịch diệt (Niết Bàn) chính là pháp vô vi chân thật, nên chưa được hết hữu lậu. Như bậc Đại A La Hán, đã chứng diệt thọ tướng định, nên gọi là vô lậu. Nay tại sao trong chín cấp định thứ lớp cũng chứng diệt thọ tướng định mà lại gọi

là hữu lậu ? Vì có vọng tưởng mà chúng Niết Bàn, nên dù có được diệt tận định vẫn chưa phải là chân thật.

Tổ Hoàng Bá nói rằng : “Cả thầy chúng sanh luân hồi, sanh tử chẳng ngừng nghỉ là do ý duyên khởi tạo cái tâm trong sáu nẻo chẳng ngừng, đến nỗi khiến chịu bao nhiêu thứ khổ.

“Kinh Duy Ma nói : Loài người khó dạy, tâm như khỉ vượn, nên phải dùng biết bao pháp môn để chế ngự tâm này, sau mới điều phục. Bởi vì tâm sanh thì thấy thấy pháp sanh, tâm diệt thì thấy thấy pháp diệt.

“Cho nên, phải biết rằng tất cả các pháp đều do tâm tạo, cho đến Trời người sáu nẻo, địa ngục, tu la đều do tâm tạo. Như nay chỉ học vô tâm, dứt ngay các duyên, không sanh vọng tưởng phân biệt, không người không ta, không tham, sân, không yêu ghét, không hơn thua. Chỉ cần trừ bỏ hết bấy nhiêu thứ vọng tưởng, thì tự tánh vốn xưa nay vẫn là trong sạch, đó gọi là tu hành Bồ Đề, Pháp, Phật...⁽¹⁾ Nếu chẳng hiểu như thế, thì dù cho học rộng, cần khổ tu hành, ăn cây mặc cỏ, mà chẳng biết tự tâm, đều gọi là tà hạnh, đều làm thiên ma ngoại đạo, các thần đất, nước. Tu hành mà thế, nào có ích gì ?”

Tổ Chí Công dạy : “Bản thân là do tâm tạo ra, nào phải trong chữ nghĩa tìm cầu. Như hiện giờ chỉ rõ biết tự tâm, tuyệt dứt tư duy vọng tưởng thì trần lao, phiền não tự nhiên chẳng sinh.

“Kinh Duy Ma nói : Chỉ để một cái giường, nghỉ ngơi tật bệnh mà nằm, là tâm chẳng khởi vậy. Như người nằm bệnh, các duyên đều hết, vọng tưởng tiêu ma, đó là Bồ Đề.

¹⁾ Như thế là tu hành chân thật.

“Còn nếu giờ đây trong tâm phân vân chẳng định, thì dầu cho có học đến tam thừa, tứ quả, thập địa cũng chỉ là hưởng trong phàm thánh mà ngồi. Các hành trọn quy về vô thường, thế lực đều có lúc hết. Như bắn tên lên không, hết đà rơi xuống, lại rơi vào vòng sanh tử luân hồi. Tu hành kiểu đó là chẳng hiểu ý Phật, uống công nhọc mệt, há chẳng là lầm to ?”

Tổ Chí Công lại nói : “Chưa gặp bậc minh sư ra đời, uống thuốc pháp Đại thừa cũng uống.”

Than ôi ! Thuốc pháp Đại thừa còn chẳng thể giúp, huống là chín bậc định thứ lớp ? Nên phải biết : tu tập lầm lạc, khó thành quả thánh.

Kinh : Ông Anan nghe xong lại đau xót khóc lóc, năm vốc gieo xuống đất, quỳ thẳng chấp tay mà bạch Phật : “Từ khi tôi theo Phật phát lòng xuất gia, ý lại oai thần của Phật, thường tự nhủ : chẳng nhọc đến mình tu, Như Lai sẽ ban cho mình pháp chánh định, mà chẳng biết rằng thân tâm không thể thay thế. Bỏ mất bản tâm của mình, nên tuy thân thể xuất gia, tâm chẳng nhập đạo. Ví như đứa con cùng khổ, bỏ cha trốn lánh. Ngày nay mới biết : dù có đa văn, nếu chẳng tu hành thì có khác gì người chưa được nghe, như người nói chuyện ăn thì rốt cuộc chẳng được no.

“Thưa Thế Tôn, chúng tôi giờ đây bị hai chương buộc ràng, là do chẳng biết cái tâm tánh tịch thường. Độc chỉ cầu xin Như Lai xót thương kẻ cùng đường, mà khai phát cái tâm diệu minh, mở con mắt đạo cho tôi.”

Thông rằng : Bỏ cha trốn đi thì ở kinh Pháp Hoa cũng có ví dụ. Cùng đường ở phương xa, mong được chỉ cho hạt châu trong áo, dần dần có ý muốn về nhà.

Hai cái chướng là phiền não chướng và sở tri chướng. Phiền não chướng thì chướng ngại tâm, tâm chẳng giải thoát, kết nghiệp mà thọ quả báo. Sở tri chướng ngăn trở cái tánh Sáng (huệ). Tánh Sáng bị buộc ràng, chẳng hiểu pháp Không vậy.

Anan biết rõ bị hai chướng ràng buộc, lại cũng biết cái gọi là tâm tánh tịch thường, cứ sao con mắt đạo chẳng mở ra ? Thấu thoát quá là khó khăn lắm vậy.

Có nhà sư bạch hỏi Tổ Dược Sơn : “Kẻ học nhân định trở về quê thì như thế nào ?”

Tổ Sơn nói : “Cha mẹ ông khắp mình sưng đỏ, nằm trong rừng gai góc, ông về chỗ nào ?”

Sư hỏi : “Như thế tức là chẳng về ư ?”

Tổ rằng : “Ông lại cần phải về. Nếu ông về ta chỉ cho ông món ăn làm thuốc tốt đẹp để đi đường.”

Sư rằng : “Xin nói.”

Tổ Sơn nói : “Hai buổi thượng đường, không cần bẻ một hạt gạo.”

Sau, có vị sư bạch hỏi Tổ Lạc Phố : “Kẻ học nhân định trở về quê thì như thế nào ?”

Tổ Phố rằng : “Nhà tan, người mất, ông về chốn nào ?”

Sư rằng : “Như vậy tức là chẳng về ư ?”

Tổ Phố rằng : “Trước sân tuyết sót (tuyết tàn), mặt trời tan. Trong thất bụi hồng, ai bảo quét.”

Lại đọc bài kệ :

*“Lòng quyết về quê cũ
Cõi thuyền qua Ngũ Hồ*

*Nhỏ sào trăng sao lặn
 Dừng chèo mặt trời cô
 Mở neo lia bến nguy
 Trương buồm ra dòng chơn
 Đến nơi, người mất sạch
 Khởi làm đũa ngu (trong) nhà."*

Tổ Đơn Hà tụng rằng :

*"Quê nước thái bình nẻo chẳng xa
 Về, hứng miên man, ý vô bờ
 Buông tay, nhà đến : nơi nào có ?
 Bóng trăng lồng điện báu lưu ly."*

(Thái bình hương quốc lộ không xa
 Quy hứng du tu tư mặc nhai
 Tát thủ đảo gia hà xứ hữu
 Lưu ly bảo điện tỏa thiềm hoa.)

Các vị Lão túc một phen chỉ ra phương tiện về nhà. Đáng gọi là con mắt Đạo mở sáng, thật biết cái tâm tánh tịch thường vậy.

Kinh : Liên khi ấy, Như Lai từ chữ VẠN (卍) ở ngực, phóng ra ánh sáng báu. Hào quang ấy rực rỡ, có trăm ngàn sắc, chiếu khắp cùng một lúc tất cả thế giới chư Phật mười phương, số như vi trần. Hào quang rưới khắp đánh các Như Lai của mười phương cõi báu, xoay về soi đến Ông Anan và cả đại chúng.

Phật bảo Ông Anan : "Ta nay vì ông dựng cờ Pháp lớn, cũng khiến cho tất cả chúng sanh của mười phương được cái Tâm Tánh nhiệm mầu, vi mật, sáng sạch và được con mắt trong sạch (thanh tịnh nhãn).

Thông rằng : Trước thì từ mặt phóng ra ánh sáng, mười phương cõi nước đồng thời khai hiện, khiến tất cả thế giới hợp thành một cõi, là biểu thị chân vọng chẳng hai. Chỉ bày hai loại căn bản, thì lấy đoạn vọng làm đầu vì vọng tưởng chẳng dứt thì dù đến chín bậc định thứ lớp cũng chẳng thành quả thánh. Cái mặt mũi ấy có thể nghiệm xét mà thấy như soi gương vậy. Nay từ chữ VAN (𠄎) ở ngực phóng ra ánh sáng, rưới đánh của chư Như Lai rồi trở về chiếu Anan và đại chúng, là biểu thị thánh phàm chẳng hai. Chỉ bày rằng tiền trần tự tối, cái thấy nào có thiếu hụt. Nhãn đến cái đầu tự động chao, cái thấy hoàn toàn chẳng động. Bàn tay tự mở, nắm ; cái thấy không có trải ra, cuốn lại. Đó là chỉ ra một đường hướng thượng, người người sẵn đủ, khả dĩ an ổn (truyền pháp yếu) vậy.

Xưa, Tổ Ngưỡng Sơn đang ngồi, có vị tăng đến làm lễ. Tổ Sơn chẳng đoái hoài.

Vị tăng mới hỏi Tổ : “Biết chữ chẳng ?”

Tổ đáp : “Tùy phận.”

Tăng bèn đi quanh phía phải một vòng rồi nói : “Đó là chữ gì ?”

Tổ Sơn vẽ trên đất chữ thập (+) đáp lại.

Vị tăng lại đi quanh phía trái một vòng rồi hỏi : “Đó là chữ gì ?”

Tổ Sơn đổi chữ thập (+) thành chữ Vạn (卐).

Vị tăng vẽ tướng vòng tròn, rồi dùng hai tay nâng lên như bàn tay của Tu La trong thế Nhật Nguyệt, nói : “Đây là chữ gì ?”

Tổ Sơn bèn vẽ tướng 卐 đáp lại.

Vị tăng làm ra cái tướng Đức của Phật Lô Lô Chí.

Tổ Sơn rằng : “Như thế, như thế. Đây là chỗ hộ niệm của chư Phật. Ông cũng như thế, ta cũng như thế. Hãy khéo tự hộ trì.”

Vị tăng lễ tạ, bay lên không mà đi mất.

Lúc ấy, có một vị đạo nhân thấy được.

Sau đó năm ngày, bạch hỏi Tổ Ngưỡng Sơn.

Tổ hỏi : “Ông có thấy không ?”

Đạo giả đáp : “Tôi thấy người ấy ra cửa phòng lên không đi mất.”

Tổ rằng : “Đó là vị A La Hán bên Tây Thiên, đến thử đạo ta đó.”

Đạo giả nói : “Tôi tuy thấy đủ thứ tam muội mà chẳng rành rẽ cái lý.”

Tổ Ngưỡng Sơn rằng : “Để tôi vì ông dùng nghĩa mà giải thích ra. Đây là tám loại tam muội : ấy là Giác Hải⁽¹⁾ biến làm Nghĩa Hải,⁽²⁾ thể đồng như nhau. Cái nghĩa này có nhân có quả ; tức thời, khác thời ; tổng tướng, biệt tướng chẳng rời Ấn Thân tam muội.”

Nếu biết cái tam muội Giác Hải biến ra Nghĩa Hải của Ngài Ngưỡng Sơn, thì chữ Vạn nơi ngực của Phật phóng ra ánh sáng quý báu cũng là diệu dụng trong cái bất tư nghì, ắt phải được cái tâm tánh diệu mật sáng sạch làm cội gốc vậy.

Tổ Quy Sơn từng hỏi Tổ Ngưỡng Sơn : “Chỗ Diệu Tịnh Minh Tâm, theo ông hiểu làm sao ?”

Tổ Ngưỡng đáp : “Núi sông đất đai, nhật nguyệt tinh tú.”

¹⁾ Cái Giác Tánh ví như biển.

²⁾ Cái nghĩa lý của Giác Tánh rộng lớn như biển.

Tổ Quy nói : “Ông chỉ được cái sự.”

Tổ Ngưỡng rằng : “Hòa thượng vừa hỏi cái gì đó ?”

Tổ Quy : “Cái Diệu Tịnh Minh Tâm.”

Tổ Ngưỡng : “Kêu là cái Sự không được sao ?”

Tổ Quy rằng : “Như thế, như thế.”

Chỉ do Tổ Ngưỡng Sơn hiểu được cái Diệu Tịnh Minh Tâm, được con mắt trong sạch, cho nên cái tam muội rõ nghĩa chữ (Tự tam muội), vượt xa hẳn tầm thường.

Kinh : “Ông Anan, trước đây ông đã trả lời Ta rằng thấy nắm tay chói sáng. Sự chói sáng ấy của nắm tay do đâu mà có ? Làm sao thành ra nắm tay ? Ông lấy cái gì mà thấy ?”

Thông rằng : Đây là lần dẫn dụ từ từ thứ ba của Thế Tôn, có thể nói là tâm lão bà⁽¹⁾ quá tha thiết. Trước đã hỏi “Ông lấy gì thấy ?” Ông Anan trả lời “Đều lấy mắt mà thấy” để rồi bị Phật quở nhận giặc làm con. Đến đây hỏi lại “Ông lấy gì thấy ?”, chính là muốn Ông Anan hồi quang phản chiếu để hốt nhiên thấy được cái Kiến Tính Minh Nguyên,⁽²⁾ chẳng do con mắt. Tiếc thay, ông chẳng tỉnh ngộ được.

Có vị tăng đứng hầu Tổ Trường Sa.

Tổ lấy gậy chỉ trên đất trước mặt một điểm bất kỳ nào đó rồi hỏi : “Có thấy không ?”

Đáp rằng : “Thấy.”

Hỏi như vậy ba lần, vị tăng cũng ba lần trả lời như vậy.

1) Tâm Từ Bi.

2) Cái Tánh Thấy vốn sáng suốt.

Tổ Sa nói : “Ông cũng thấy ta cũng thấy. Vì sao lại nói là không hiểu ?”

Ngày khác, lại lấy cây gậy cắm trên đất, hỏi Tổ Trường Sanh : “Tăng thấy, tục thấy, nam thấy, nữ thấy, còn ông thấy làm sao ?”

Đáp rằng : “Hòa thượng có thấy kiến xứ (chỗ thấy) của Kiểu Nhiên (Trường Sanh) không ?”

Tổ Trường Sa nói : “Người hiểu nhau khắp thiên hạ, nhờ có câu trả lời này của Kiểu Nhiên, bèn cùng Huyền Sa thấy mặt !”

Phải chi Ông Anan tự biết cái kiến xứ ấy chẳng có cái kiến (thấy) nào đến được, thì đâu đến nỗi Thế Tôn phải cực nhọc lắm lời !

Kinh : Ông Anan thưa : “Toàn thân Phật như vàng Diêm Phù Đà, sáng ngời như núi báu, do thanh tịnh sanh ra nên có ánh sáng. Quả thật, tôi lấy mắt mà thấy năm ngón tay Phật co nắm lại, đưa ra cho đại chúng coi, nên có tướng nắm tay.”

Phật bảo Ông Anan : “Như Lai hôm nay, xác thật dạy ông. Những người có trí cần lấy thí dụ mà được khai ngộ. Ông Anan, ví như nắm tay của Ta, nếu không có bàn tay ta thì không thành nắm tay Ta. Nếu không có con mắt của ông thì không thành cái thấy của ông. Vậy thì lấy nhãn căn của ông mà so với nắm tay của Ta, cái nghĩa có tương xứng không ?”

Ông Anan bạch Phật : “Đúng vậy, thưa Thế Tôn. Đã không có con mắt của tôi thì không thành cái Thấy của tôi. Lấy nhãn căn của tôi mà so với nắm tay của Phật, sự nghĩa giống nhau.”

Phật bảo Ông Anan : “Ông nói giống nhau, nghĩa ấy không đúng. Vì sao thế ? Như người không có bàn tay thì tuyệt nhiên không có nắm tay. Còn người không có mắt kia, không phải hoàn toàn không thấy. Tại sao như thế ? Ông thử ra đường hỏi người mù : Anh thấy gì ? Những người mù chắc sẽ trả lời : Hiện nay trước mắt tôi chỉ thấy tối đen, chứ không thấy gì khác. Lấy nghĩa ấy mà xét thì tiền trần tự tối, chứ cái thấy nào có hao kém gì ?”

Thông rằng : Vì sao Đức Thế Tôn lại lấy người mù làm ví dụ ? Bởi vì, Ông Anan chấp chặt lấy cái thấy của con mắt làm cái thấy chân thật, vậy là chẳng rời căn và trần, mà thức sanh ra ở giữa.

Người mù không có mắt, sao cũng thấy tối thui ? Do đó, có thể biết rằng : chờ có nhãn căn mới thấy, đó là cái thấy của tiền trần phân biệt, chẳng phải là cái thấy của cái vốn xưa nay trong sạch⁽¹⁾ vậy. Tiền trần phân biệt thuộc thức thứ sáu, nên mắt còn thì nó còn, mắt mất thì nó mất, nên phải chờ có căn thì mới hiện ra được.

Cái ánh sáng trong sạch của tâm, chẳng đợi đến cái căn mà còn, chẳng tùy theo căn mà diệt, nên nó là không sanh diệt. Đó là cái thấy không sanh diệt của cái vốn xưa nay trong sạch ai ai cũng sẵn đủ. Chẳng phải vì không có mắt mà người mù không có.

Ông Anan chấp chặt là chỉ có con mắt mới thấy, thì đó là cái căn sanh diệt. Thế Tôn chỉ ra cái thấy không hề thiếu hụt, đó là cái “căn” không sanh không diệt. Đánh thức như thế, có thể nói là đã cùng cực.

¹⁾ Bốn Tâm.

Xưa, Tướng quốc Thôi Công Quân ra mắt Tổ Như Hội Thiền sư, hỏi rằng : “Thầy lấy gì mà được ?”

Tổ Hội trả lời : “Lấy tánh thấy mà được.”

Tổ Như Hội đang bị đau mắt.

Ông Quân chọc rằng : “Đã nói là tánh thấy, còn con mắt thì sao đó ?”

Tổ Hội rằng : “Tánh thấy chẳng phải là con mắt, con mắt bệnh nào có hề gì !”

Ông Quân bèn cúi đầu tạ lỗi.

Sau này, Tổ Pháp Nhân nói rằng : “Con mắt ấy của Tướng Công há thấy được chỗ trả lời của Tổ Như Hội, mà còn can thiệp đến giáo ý hay sao ?”

Kinh : Ông Anan thưa : “Trước mắt những người mù chỉ thấy tối đen, sao gọi là thấy được ?”

Phật bảo Ông Anan : “Các người mù không có con mắt chỉ thấy tối đen, so với người có mắt ở trong nhà tối, thì hai cái tối đen ấy khác nhau hay không khác nhau ?”

– Thật vậy, thưa Thế Tôn, người có mắt ở trong nhà tối với những người mù, so sánh hai cái tối đen của họ, thật không khác nhau.

– Anan, nếu người mù không có mắt, thấy trước mắt hoàn toàn tối đen, bỗng nhiên được con mắt sáng thì thấy lại nơi tiền trần đủ mọi loại sắc mà gọi là con mắt thấy ; thì người ở trong nhà tối kia, thấy trước mắt hoàn toàn tối đen bỗng nhiên được cái đèn sáng, nên thấy nơi tiền trần đủ mọi loại sắc, lẽ ra phải gọi là cái đèn thấy. Nếu cái đèn tự nó thấy được, thì không thể gọi là đèn. Lại ngọn đèn nó thấy, thì liên can gì tới ông ! Vậy, nên biết rằng : Đèn làm sáng các hình sắc, nhưng thấy như

vậy là mắt chứ không phải đèn. Mắt làm sáng tỏ các sắc, nhưng tánh thấy như vậy là tâm chứ chẳng phải là mắt.”

Thông rằng : Đây là Đức Thế Tôn phân tích rõ ràng, nên nói là “*Xác thật bảo ông*”. Đèn và con mắt, đều là cái duyên cho sự thấy, thể của chúng chẳng phải Hay Thấy. Cái Hay Thấy là tâm vậy. Ở trước, nói “Cửa có thấy không?” là đã đủ nghĩa này. Ở đây, lại lấy ngọn đèn ví dụ là con mắt, lấy mắt mà so với tâm. Đèn không thể thấy, mắt có thể thấy được sao? Cái thấy của con mắt chẳng phải là tánh thấy. Nếu sáu căn có thể dùng thay nhau, thì tai cũng thấy được vậy, đâu phải chỉ có mắt mới thấy. Chỗ Ông Anan nói : “Quả thật tôi dùng con mắt mà thấy” thì rõ ràng chấp lấy vọng mà làm cái chơn. Nếu biết đèn chỉ có thể hiển cái sắc còn cái năng kiến thuộc về con mắt, thì đã lia sở vọng. Lại biết mắt chỉ hiển sắc, còn tánh thấy thuộc về tâm, thì lia luôn cả cái năng vọng. Năng, sở đều lia, duy chỉ một Tâm. Tâm siêu vượt khỏi con mắt nên không sanh diệt. Dùng cái thấy không sanh diệt mà thấy nắm tay của Như Lai thì chưa từng không thấy. Nhưng không thể nói là con mắt thấy.

Xưa, Thiên sư Khô Mộc⁽¹⁾ Tổ Nguyên⁽²⁾ theo học Ngài Đại Huệ⁽³⁾ ở am Vân Môn. Trời sắp tối, thấy vị tăng sửa soạn đèn mới tổ ngộ thấu đáo, làm bài kệ rằng :

¹⁾ Đời Đường, các vị Thiên sư am hiểu rồi cứ ngồi tu tĩnh, người đời gọi là đóm thầy cây khô.

²⁾ Tự là Tử Nguyên, hiệu Vô Học, đời Tống. Mười bốn tuổi đến Kính Sơn học cùng Thầy Phật Giám ; mười bảy tuổi có chỗ tĩnh ngộ. Sau khi Thầy Phật Giám tịch, đi khắp nơi. Ba mươi sáu tuổi liễu nhiên đại ngộ.

³⁾ Tổ Phật Nhật Thiên sư, tên Tông Cáo, đời Tống. Kế vị Viên Ngộ Thiên sư. Bảy mươi hai tuổi tịch, sắc tứ hiệu Đại Huệ.

“Vừa soạn đèn là lửa đến
 Vô minh bao kiếp soi phá
 Về nhà đùng gặp thánh tăng
 Suyt nữa đối mặt lằm qua
 Chẳng lằm qua thì thế nào ?
 Mười lăm năm trước tưởng lạ kỳ
 Y xưa, chỉ là cái đó !”

(Dịch khởi dăng lai thị hỏa
 Lịch kiếp Vô Minh chiếu phá
 Quy đường chàng kiến thánh tăng
 Kỳ hồ đương diện tạ quá
 Bất tạ quá, thị thậm ma
 Thập ngũ niên tiền kỳ đặc
 Y tiền chỉ thị giá cá.)

Ngài Đại Huệ bèn tặng cho một bài kệ :

“Vách núi muôn tâm, giải phóng thân
 Xưa nay như cũ, vẫn minh minh
 Đói ăn khát uống toàn vô sự
 Há luận người xưa, chẳng phải xưa !”

(Vạn nhận nhai đầu giải phóng thân
 Khởi lai y cụu khước tinh tinh
 Cơ xan khát ẩm hồn vô sự
 Há luận tích nhơn phi tích nhơn.)

Ôi, việc sửa soạn đèn dầu có ăn nhằm gì tới chuyện tu thiền mà lại tỏ ngộ. Thế mới biết Thế Tôn nói rằng cái thấy đó là con mắt chớ chẳng phải đèn ; cái tánh thấy là tâm chớ chẳng phải con mắt. Nên Ngài Tổ Nguyên mới nói vừa soạn đèn là lửa đến. Như cách vách thấy sừng thì biết chắc là trâu. Phải triệt chứng như thế mới gọi là thấy tánh.

Kinh : Ông Anan tuy được nghe lời Phật dạy như vậy, cùng với đại chúng miệng tuy im lặng nhưng tâm chưa khai ngộ, còn mong Như Lai từ tâm chỉ bày, chấp tay lắng lòng đợi Phật thương xót dạy bảo.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn duỗi tay Đâu La Miên sáng ngời, mở năm ngón tay mà bảo Ông Anan và đại chúng rằng : “Lúc ta vừa thành đạo ở vườn Lộc Uyển có dạy nhóm Ông A Nhã Đa năm vị Tỳ kheo và bốn chúng rằng : Tất cả chúng sanh không thành Bồ Đề cùng bậc A La Hán đều do những phiền não khách trần mê hoặc. Lúc ấy, các ông nhờ đâu mà khai ngộ, đắc thành Thánh quả ?”

Thông rằng : Đức Thế Tôn lời thật chỉ bày rõ ràng mà Ông Anan và đại chúng còn chưa khai ngộ cũng vì cơ duyên chưa dễ nhóm tụ. Do lòng tử bi, Đức Thế Tôn còn e lời nói vi diệu chưa dễ hiểu được. Nhưng trong hàng tỳ kheo cũng có vị đã hiểu ngộ rồi, vậy thì dùng chỗ đã hiểu biết dìu dẫn cho hiểu biết thì dễ dàng ngộ nhập. Bởi thế nên dạy các vị tỳ kheo mỗi vị tự thuật lại nguyên do khai ngộ để Ông Anan dễ lãnh ngộ. Đoạn sau, hai mươi lăm vị Thánh thuật lại chỗ chứng viên thông của mình cũng là dùng cách này. Ở đây là biết vọng sau mới chứng chơn, không phải không có chỗ sâu cạn khác nhau, nhưng phương tiện dắt dẫn chỉ là một.

Nói rằng “Chẳng thành Bồ Đề đều do phiền não khách trần làm mê lầm”, đó chính là sự đắp đổi hóa thành lẫn nhau của hai loại căn bản sanh tử, tỏ ngộ cũng không dễ.

Có vị tăng hỏi Ngài Nam Dương Huệ Trung Quốc sư : “Cái gì là Phật ?”

Tổ đáp : “Tức tâm là Phật.”

Hỏi : “Tâm có phiền não không ?”

Tổ rằng : “Phiền não, tánh tự lia.”⁽¹⁾

Tăng rằng : “Há chẳng đoạn trừ sao ?”

Tổ đáp : “Đoạn trừ phiền não, kêu bậc Nhị thừa. Phiền não chẳng sanh, gọi đó là Đại Niết Bàn.”

Tăng hỏi : “Ngồi thiền khán tịnh thì như thế nào ?”

Tổ đáp : “Không dơ không sạch thì đâu cần khởi tâm khán tướng tịnh ?”

Kinh Di Lặc Thượng Sanh nói : “Không khởi tu thiền định, không vọng trừ phiền não. Phật thọ ký cho người này thành Phật không nghi.”

Học sĩ Trần Tú Ngọc có lần hỏi Tổ Vạn Tùng⁽²⁾ rằng : “Đức Di Lặc Bồ tát vì sao chẳng tu thiền định, chẳng dứt trừ phiền não ?”

Tổ Tùng đáp : “Chân tâm vốn tịnh, nên chẳng tu thiền định. Vọng tưởng vốn không, nên chẳng dứt lia phiền não.”

Học sĩ lại đem câu này hỏi Ngài Hương Sơn Đại Nhuận Hòa thượng. Ngài đáp : “Tâm Thiền vốn định, chẳng trở lại tu. Phiền não tịch diệt, chẳng cần lại đoạn.”

Học sĩ lại đem hỏi Ngài Trúc Lâm Hải Cự Xuyên. Tổ Xuyên đáp : “Vốn không có thiền định, phiền não !”

Học sĩ nói : “Chỉ có thế này mới khoái !”

Ở chỗ này mà tin tới được, mới biết việc chỉ bày ở Lộ Viên chỉ vì người mới học.

¹⁾ Ly : lia, giải thoát.

²⁾ Tổ Vạn Tùng Hạnh Tú Thiền sư. Xuất gia tại Tịnh Độ Tự, đi học khắp xứ, cuối cùng ra mắt Tổ Tuyết Nham ở chùa Đại Minh, hạp tổ ngộ tâm ấn. Tim về chùa Tịnh Độ dựng lập Vạn Tùng Hiên.

VI. Ý NGHĨA CHỦ VÀ KHÁCH

Kinh : Khi ấy, Ông Kiều Trần Na đứng dậy bạch Phật : “Tôi nay già cả, ở trong đại chúng riêng được cái danh là Hiếu. Do tôi ngộ được hai chữ Khách Trần mà thành quả. Thừa Thế Tôn, ví như người khách đi đường, vào trọ nơi quán xá, hoặc ngủ lại, hoặc ăn. Ăn, ngủ xong xếp đồ đạc lên đường không ở lại được. Nếu thật là người chủ, tự không phải đi đâu. Tôi nghĩ như vậy : Không ở yên mãi được thì gọi là Khách, còn ở mãi thì gọi là Chủ. Lấy cái sự Không ở yên mãi được làm ý nghĩa chữ Khách. Lại như trời mới tạnh, mặt trời chiếu sáng trên cao, ánh sáng xuyên qua khe hở chiếu rõ bụi bặm trong khoảng không. Bụi trần thì dao động, hư không lặng yên. Như vậy mà suy nghĩ : đứng lặng gọi là hư không, lay động gọi là trần. Tôi lấy sự lay động làm ý nghĩa chữ trần.”

Đức Phật nói : “Chính vậy.”

Thông rằng : Khách là ví dụ cho cái thô trọng của sở tri ; trần là ví dụ cho cái vi tế của phiền não. Niệm niệm đổi dời, sanh ra rồi diệt mất chẳng ngừng, nên ví dụ như khách đi đường vào trọ quán xá. Khởi lên sự mê lầm, gây ra nghiệp, bỏ cũ theo mới, nên ví dụ là ăn, ngủ xong thì thu dọn lên đường. Cái chân tánh thường trụ vốn chẳng có chuyện ấy, nên ví dụ như người chủ chẳng đi đâu cả. Thô chướng thì dễ trừ mà cái mê lầm vi tế thì khó biết, nên phải do bầu trời bản tánh tạnh ráo sáng trong có mặt trời trí huệ soi chiếu, qua khe hở của ngũ ấm soi rõ bản tánh rỗng trống, mới biết hư vọng tự rối động ở trong. Do đó, mới lấy ví dụ “Trời tạnh, mặt trời chiếu sáng, ánh sáng vào trong lỗ hở, phát hiện rõ ràng bụi bặm trong hư không.”

Phiền não thì rối động. Chân tánh vốn tịch nhiên. Như ngộ được là vốn không, thường trụ chẳng động, tức biết tâm tánh thường tịch vậy.

Tổ Triệu Châu nói : “Các ông từ một phen thấy lão tăng trở về sau, lại chẳng phải là người nào khác, chỉ thật là người chủ nhân ông. Cái ấy đây lại hướng ra ngoài tìm kiếm làm chi ? Chính lúc này đây, chớ chuyển đầu đổi não. Nếu chuyển đầu đổi não tức mất ngay vậy.”

Lại một hôm, Ngài đang quét đất, có vị tăng hỏi : “Hòa thượng là bậc đại thiện tri thức vì sao lại còn quét đất ?”

Tổ Châu nói rằng : “Bụi từ ngoài đến.”

Tăng hỏi : “Đã là chốn Già Lam trong sạch, làm sao có bụi ?”

Tổ Châu nói : “Lại một hạt bụi nữa kìa.”

Ngài Triệu Châu, ánh sáng con mắt Ngài soi nát bốn châu thiên hạ, biện rõ nghĩa khách trần, chẻ vào thấu cái nhỏ nhiệm. Nếu ở chỗ này mà soi ra được rành rẽ, thì quả thật là vị Sa di có chủ, ở đời chẳng nhiệm, chứ đâu chỉ được mang tiếng là Giải.⁽¹⁾

Kinh : Khi ấy, Đức Như Lai ở giữa đại chúng nắm năm ngón tay lại. Nắm rồi lại mở, mở rồi lại nắm.

Rồi hỏi Ông Anan rằng : “Nay ông thấy gì ?”

Ông Anan đáp : “Tôi thấy bàn tay Bách Bảo Luân của Như Lai ở giữa đại chúng lúc mở lúc nắm.”

Phật bảo Ông Anan : “Ông thấy tay ta ở giữa đại chúng khi mở khi nắm, đó là tay ta có mở có nắm hay là cái thấy của ông có mở có nắm ?”

¹⁾ Giải : hiểu.

Ông Anan thưa : “Bàn tay báu của Phật ở giữa đại chúng khi mở khi nắm. Tôi thấy bàn tay Như Lai tự mở tự nắm, chẳng phải cái tánh thấy của tôi có mở có nắm.”

Phật bảo : “Cái gì động, cái gì tĩnh ?”

Ông Anan thưa : “Bàn tay Phật không ở yên, chứ tánh thấy của tôi còn không có tĩnh, lấy gì gọi là không ở yên được ?”

Phật dạy : “Đúng thế.”

Thông rằng : Ông Kiều Trần Na nhờ ngộ hai chữ khách trần, chỉ rõ biết được cái bờ mé của phiền não. Đức Thế Tôn ắt chỉ ngay (trực chỉ) cái Bồ Đề mà nói. Trước hết là ở nơi ngoại cảnh mà biện rõ cái chân tánh. Cảnh có nắm mở mà cái thấy thì không động hay tĩnh, đây là chỗ người ta dễ biết. Đức Thế Tôn nhận cái chỗ dễ biết đó mà dẫn dắt. Quả nhiên, Ông Anan tin là cái tay có nắm có mở, còn cái thấy không có nắm mở, mà nói “Tánh thấy của tôi còn không có cả cái tĩnh, lấy gì gọi là không ở yên ?” Tìm tướng động tĩnh tuyệt chẳng thể được. Cũng gần thấy được vị chủ nhân thường trụ rồi. Nếu không phải là sự thức tỉnh vi diệu của Thế Tôn làm sao được như vậy.

Xưa, có Ngài Tây Đường hỏi Tổ Bách Trượng : “Về sau, ông làm sao khai thị cho người ?”

Tổ Trượng dùng tay mở nắm lại hai lượt.

Ngài Tây Đường hỏi : “Lại làm cái gì ?”

Tổ Trượng lấy ngón tay điểm ba cái.

Thử nói cái hiển dụng như thế của Tổ Bách Trượng là hợp với cơ phong của Lăng Nghiêm hay không, hay là có đạo lý gì khác ?

Lại như Hòa thượng Câu Chi, thuở mới trụ am, có vị ni tên là Thực Tế đến am, đi thẳng vào chưởng hề cất nón, cầm tích trượng đi quanh thiên sàng ba vòng, rồi bảo : “Nói được thì bỏ nón.”

Hỏi vậy ba lần, Thầy Câu Chi không có chỗ đáp được. Vị ni bèn đi.

Thầy Câu Chi nói : “Trời sắp tối rồi, hãy nghỉ lại một đêm.”

Ni sư nói rằng : “Nói được thì ở lại.”

Thầy Câu Chi lại không có chỗ đáp lại. Ni sư bèn đi.

Sư Câu Chi than rằng : “Ta tuy có cái hình tướng trượng phu mà không có khí phách của trượng phu !” Bèn nổi lòng hăng tức muốn rõ biết việc này, định bỏ am đi các nơi tham hỏi.

Đêm ấy, vị thần Núi bảo rằng : “Chẳng nên lìa đây, ngày mai sẽ có vị Bồ tát xác phàm đến đây vì Hòa thượng nói pháp.”

Hôm sau, Tổ Thiên Long đến am, Ngài Câu Chi nghinh lễ rồi kể lại đầy đủ câu chuyện. Tổ Thiên Long chỉ dựng đứng một ngón tay mà khai thị cho. Ngài Câu Chi hoát nhiên đại ngộ.

Từ đó về sau, hễ có ai hỏi, Ngài chỉ dựng đứng một ngón tay. Khi sắp thị tịch, Ngài nói với chúng rằng : “Ta được nơi Ngài Thiên Long một ngón tay Thiền, suốt đời dùng chẳng hết. Có hội chăng ?” Rồi dựng lên một ngón tay mà tịch.

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

*“Lão Câu Chi một ngón tay Thiền
Hai mươi năm dùng mãi không cùng*

Tin có đạo nhân, nhiều phương thuật
 Rõ không tục vật, trước mắt nhìn
 Chỗ được quá giản dị
 Bàn bày khắp rộng thay !
 Đại thiên sát hải uống đầu lông
 Vô hạn rộng, lân vào tay kẻ ?
 Nhậm Công⁽¹⁾ trân trọng nắm cần câu."

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng :

"Rất khen, thương lắm lão Câu Chi
 Vũ trụ xưa nay chẳng có gì
 Từng hướng đại dương buông gổ nổi
 Sóng đêm khúc gổ tiếp rùa đui."

Kinh Pháp Hoa : "Như con rùa một mắt gặp lỗ bọng của khúc gổ trôi nổi, không bị nạn chết chìm". Đức Thế Tôn từ lúc mở năm ngón tay cho đến đây, không chỗ nào là không chỉ bày Tri Kiến⁽²⁾ của Phật, khiến người được chỗ yên ổn. Sao lại chẳng bắt chước cái kế của con rùa đui ?

Kinh : Lúc ấy, Như Lai từ trong bàn tay phát ra một đạo hào quang báu qua bên phải Ông Anan, Ông Anan liền quay đầu trông qua bên phải. Phật lại phóng ra một đạo hào quang qua bên trái Ông Anan, Ông Anan lại quay đầu trông qua bên trái.

Phật bảo Ông Anan : "Hôm nay đầu ông vì sao dao động ?"

¹⁾ Nhậm Công : sách Trang Tử nói "Ông Nhậm Công làm cần câu lớn, sợi rất to. Năm chục con trâu làm mồi..."

²⁾ Chỗ Thấy Biết.

Ông Anan thưa : “Tôi thấy Như Lai phát hào quang báu qua bên phải rồi qua bên trái, nên tôi trông qua bên phải và bên trái, đầu tự dao động.”

– Ông Anan, ông xem hào quang của Phật mà dao động cái đầu qua phải qua trái. Đó là đầu ông động hay là cái thấy động ?

– Thưa Thế Tôn, đầu tôi tự động chứ tánh thấy của tôi thì dừng đứng còn chẳng có, lấy gì mà dao động ?

Phật dạy : “Đúng vậy.”

Thông rằng : Đoạn này là ở trong thân mà biện rõ cái chân tánh : đầu tự dao động, còn cái thấy (tâm tánh) không chỗ động. So với đoạn trước, tay tự nắm mở, còn cái thấy không có chỗ động thì lại càng vi mật. Ở nơi thân của một người, có thấy động tức là đầu động, làm sao nói được là đầu tự động lay mà cái thấy thì không động ? Cái tùy theo đầu mà có phải có trái ấy là tình kiến. Cái chẳng theo đầu mà có động có tĩnh là chân kiến (cái thật tánh). Tình kiến thuộc thức, nên có khởi có diệt. Chân kiến thuộc tánh, vốn không làm, không dừng lại. Làm sao nghiệm chuyện này ? Đầu có động, có tĩnh thì có thể thấy được, cái thấy không có động tĩnh để chỉ ra được, đó là chân kiến. Trước đây, Ông Anan chấp thức làm tâm, chỉ biết tình kiến mà cho là cái thấy. Nay nhờ phương tiện chỉ dạy của Như Lai, cái Trí Sáng tạm hiện ra, mới tin hiểu đầu tự dao động còn cái thấy thì không chỗ động. Cái Tánh Thấy vốn chẳng động này, thì động cũng như thế, tĩnh cũng như thế ; khi thấy chẳng phải có, khi không thấy chẳng phải là không, trong ấy còn không có cái ngừng yên, có gì mà dao động. Đó là cái thể không tịch ly trần vậy. Ông Anan đối theo

đây mà biết tánh đó vậy. Đã nói là biết tánh, sao còn lăm thứ đa nghi ? Ấy vì Ông Anan nhờ Phật đưa bàn tay ra, rồi phóng ánh sáng, lại nắm mở bàn tay, so sánh với đầu dao động. Cái thấy bàn tay nắm mở không động, cái thấy của đầu day qua phải qua trái cũng không động. Đây là cái biết do suy nghĩ đo lường chứ không phải là sự nhiệm mầu của tự mình tỏ ngộ. “Theo cửa mà vào, chẳng phải của báu trong nhà”, ở đây lại càng rõ ràng tin hiểu.

Thiền sư Vô Nghiệp ban đầu ra mắt Đức Mã Tổ, bạch hỏi rằng : “Văn học của Tam thừa đã nghiên cứu sơ lược ý chỉ. Từng nghe Thiền tông nói “Tức Tâm là Phật”, thật chưa hiểu được.”

Đức Mã Tổ nói : “Chỉ cái tâm chưa hiểu đó là phải (*tức thị*), ngoài ra không có vật nào khác.”

Sư Nghiệp hỏi : “Thế nào là mật truyền tâm ấn của Tổ Sư từ Tây sang ?”

Đức Mã Tổ nói : “Đại đức đang ồn ào không ở yên ở trong ấy, hãy đi, khi khác đến.”

Sư Nghiệp vừa đi ra, Đức Mã Tổ gọi : “Đại đức !”

Sư Nghiệp quay đầu lại.

Đức Mã Tổ nói : “Đó là cái gì ?”

Sư Nghiệp liền lãnh ngộ, bèn lễ bái.

Ngài nói rằng : “Cái gã ngu này, lễ bái làm chi vậy ?”

Lại có Thiền sư Ngũ Duệ Linh Mặc từ xa đến ra mắt Ngài Thạch Đầu, rồi hỏi : “Một lời hợp nhau thì ở, chẳng hợp thì đi.”

Tổ Đầu cứ ngồi. Sư Duệ bèn đi.

Tổ Đầu theo sau, gọi : “Xà lê !”

Sư Duệ quay đầu lại.

Tổ Đầu nói : “Từ sanh đến tử, chỉ là cái Ấy, quay đầu chuyển não làm gì !”

Sư Duệ ngay dưới câu nói đại ngộ, bèn bẻ ném cây trụ trụ tượng mà ở lại.

Hãy nói hai Ngài Vô Nghiệp và Ngũ Duệ quay đầu, chuyển não thì liền ngộ, so với Ông Anan là nhiều, ít ?

Kinh : Lúc bấy giờ Như Lai bảo với cả đại chúng : “Như các chúng sanh lấy cái dao động mà gọi là trần, lấy cái không ở yên mà gọi là khách, thì các ông hãy xem Ông Anan : đầu tự dao động mà cái thấy không có chỗ động ; lại hãy xem bàn tay Ta tự mở tự nắm mà cái thấy không duỗi không co. Cớ sao các ông hiện nay lại lấy cái động làm thân, lấy cái động làm cảnh, từ đầu đến cuối niệm niệm sanh diệt, bỏ mất chân tánh, làm việc điên đảo, mất chỗ chân thật, nhận vật làm mình, luân hồi trong ấy, tự mình chọn lấy sự trôi nổi đổi thay ?”

Thông rằng : Bàn tay của Phật chẳng dừng trụ, mà tánh thấy thường trụ, đó là chủ nhân ông chân thật. Đầu tự dao động, tánh thấy không động, thật là cái thể chơn không. Nay chẳng nhận chủ mà nhận khách, chẳng nhận cái Không mà nhận cái trần, há chẳng phải là làm chuyện điên đảo hay sao ? Cũng vì niệm niệm sanh diệt, phiền não nối nhau, đến nỗi bỏ mất chân tánh, chẳng nên đạo Bồ Đề, là do khách trần mê hoặc mới đến nỗi như thế.

Kinh Viên Giác nói “Lầm nhận bốn đại làm thân tướng của mình, bóng dáng sáu trần duyên ảnh làm tâm tướng của mình”. Chính là chỗ ở đây nói “Lấy cái động làm thân, lấy cái động làm cảnh, nhận vật làm mình”. Đã nhận cái vọng động chạy theo cảnh đó làm tự tâm, thì cái chân tâm

bất động bèn mê trong cái trôi lăn, nên gọi là “Bỏ mất” chứ chẳng phải nói Bỏ mất là không hiện còn vậy. Giống như nước đã thành băng, tánh nước biến mất.

Đoạn trước, nói “Hay sanh cái duyên, nhưng duyên theo cái sở nên bỏ mất. Bỏ mất cái vốn tự sáng này, tuy suốt ngày dùng mà chẳng tự giác, uống oan sa vào các nẻo”. Như thế thì làm sao mà ra khỏi sanh tử ? Cho nên nói “Luân hồi xoay chuyển trong đó, tự chọn giữ lấy cái trôi nổi xoay vần”. Trước, nói “Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, sanh tử nối nhau, đều do không biết cái chân tâm thường trụ, tánh thể sáng sạch. Dùng các vọng tưởng, những tưởng này chẳng chân thật nên có luân chuyển”. Chính là nói chỗ này.

Xưa, Tổ Động Sơn hỏi một vị tăng : “Ông tên gì ?”

Đáp : “Tôi đây.”

Tổ Sơn hỏi : “Vậy cái gì là chủ nhơn ông của thầy Xà lê ?”

Đáp : “Cái Thấy đối diện.”

Tổ Sơn rằng : “Khổ thay, khổ thay ! Người đời nay hết thầy đều như thế này. Chỉ nhận ra lửa trước, ngựa sau⁽¹⁾ đấy thôi mà lấy làm cái chính mình. Phật pháp chìm đắm là do đó vậy. Chủ trong Khách⁽²⁾ còn chưa phân biệt được, làm sao phân biệt nổi Ông Chủ trong Chủ (Chủ trung Chủ).”

Vị tăng liền hỏi : “Như sao là Chủ trong Chủ ?”

Tổ Sơn nói : “Thầy Xà lê tự nói lấy.”

¹⁾ Chỉ bọn nô lệ, tôi tớ hầu chủ chạy theo trước đầu lửa, đuôi ngựa. Thành ngữ này chê bai người đời dùng thức tình phân biệt, lấy thức tình làm thức ăn, đeo theo sự phân biệt vật chất, làm nô lệ cho nó.

²⁾ Tân Trung Chủ, một trong ngũ vị quân thần của Tông Tào Động.

Vị tăng đáp : “Tôi mà nói được thì đó là Chủ trong Khách, còn như thế nào là Chủ trong Chủ ?”

Tổ Sơn nói rằng : “Nói ra thì dễ biết bao, mà tương tục nối nhau thì quá khó !”

Bèn khai thị bằng bài tụng :

*“Ôi thấy đời nay học đạo đông
 Ngàn ngàn vạn vạn nhận cửa ngoài
 Cũng tợ vào kinh châu Thánh Chúa
 Chỉ đến cửa triều đã vội ngừng.”*

Do đây mà xét, thật thức tình phân biệt mà so với cái kiến tinh bất động hãy còn cách xa mấy dặm đường, mà cái kiến tinh bất động so với chân tánh tịch thường vẫn còn phải tự mình biện biệt. Như đoạn kinh sau nói “Thấy do lia thấy, cái thấy không bì kịp”, thì cơ hồ đã vượt cửa triều mà thấy Vua rồi đó.



QUYỂN II

VII. CHỈ TÁNH THẤY KHÔNG SANH DIỆT

Kinh : Lúc bấy giờ Ông Anan cùng cả đại chúng nghe lời Phật dạy, thân tâm thư thái, nghĩ mình từ vô thủy đến nay bỏ mất bản tâm, vọng nhận bóng dáng do phân biệt tiền trần. Ngày nay khai ngộ, như hài nhi mất sữa bỗng gặp mẹ hiền, chấp tay lễ Phật, mong được nghe Như Lai bày tỏ cái chân, vọng, cái hư thật ở nơi thân tâm, và ở ngay hiện tiền phát minh ra hai cái sanh diệt và chẳng có sanh diệt.

Thông rằng : Trước, nói rằng : “Cái thấy không có chỗ động, cái thấy không có mở ra cuốn vào để chỉ bày rõ ràng cái tánh không có sanh ra, không có diệt mất. Nhưng cái tánh bất sanh bất diệt này hiện tìm thấy ở trong cái thân sanh diệt. Cái chơn phát minh tánh là cái căn bản không sanh không diệt. Còn cái vọng phát minh tánh là cái căn bản sanh diệt. Ở trong ấy, hư thật khó biện rõ, nên cầu mong Như Lai bày rõ cho.

Xưa, Ông Tiết Giản hỏi Đức Lục Tổ : “Chư vị Thiên đức ở chốn kinh đô đều nói rằng “Muốn được hiểu đạo, phải ngồi thiền, tập định. Nếu không nhờ thiền định mà được giải thoát là điều không hề có.” Chưa rõ chỗ dạy của Sư ra sao ?”

Tổ đáp : “Đạo do tâm ngộ, đâu phải ở ngồi. Kinh nói : *Nếu nói Như Lai có ngồi, có nằm, thì đó là hành tà đạo.* Vì sao thế ? Không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, không có sanh, không có diệt, là pháp thiền trong sạch của Như Lai.

Chư pháp không tịch⁽¹⁾ đó là sự ngồi trong sạch của Như Lai. Rốt ráo không chỗ chứng, hướng là ngồi ư ?”

Tiết Giản thưa : “Sáng ví dụ trí huệ, tối ví dụ phiền não. Nếu chẳng dùng trí huệ soi phá phiền não, nhờ đâu mà vượt khỏi sanh tử từ vô thủy ?”

Tổ nói : “Phiền não tức Bồ Đề, không hai, không khác. Nếu dùng trí huệ soi phá phiền não, đó là kiến giải của Nhị thừa, là căn cơ của xe dê, xe nai. Bậc thượng căn đại trí ắt chẳng như thế.”

Ông Tiết thưa : “Như thế nào là kiến giải Đại thừa ?”

Tổ nói rằng : “Cái minh và cái vô minh, phạm phu thấy là hai. Với người trí liễu đạt thì cái tánh của chúng là không hai. Tánh Không Hai đó là Thật Tánh. Thật Tánh ấy, ở phạm ngu chẳng diệt, tại Hiền Thánh cũng chẳng tăng, trong phiền não cũng không loạn, nơi thiền định cũng không hề lặng dứt. Chẳng đoạn chẳng thường, chẳng đến chẳng đi. Chẳng ở giữa, chẳng trụ trong, ngoài. Không sanh không diệt, Tánh Tướng như như. Thường trụ chẳng dời, gọi ấy là đạo.”

Tiết Giản thưa : “Thầy nói không sanh không diệt, khác gì ngoại đạo đâu ?”

Tổ nói rằng : “Chỗ ngoại đạo nói chẳng sanh chẳng diệt ấy, là lấy diệt dứt sanh, lấy sanh tỏ bày diệt. Thế là diệt mà xem như chẳng diệt, sanh mà nói chẳng sanh. Ta nói chẳng sanh chẳng diệt ấy, là vốn tự không sanh, nay cũng chẳng diệt, nên chẳng đồng ngoại đạo. Nếu ông muốn biết cái tâm yếu, chỉ với tất cả thiện ác đều chẳng dính dấp tới thì tự nhiên thấu vào được cái tâm thể trong sạch, trong

¹⁾ Rỗng lặng.

trẻo như nhiên, hăng hăng vắng lặng, diệu dụng không cùng.”

Ông Tiết Giản nhờ lời chỉ dạy, hoá nhiên khai ngộ.

Đây là chỗ hiện tiền thấy có sanh diệt, bày rõ cái Chân Tánh chẳng có sanh diệt. Nếu chẳng phải là bậc Phật với nhau thì không thể hiển bày rõ ràng như vậy.

Kinh : Khi ấy, vua Ba Tư Nặc đứng dậy bạch Phật : “Trước tôi chưa được vâng nghe lời Phật dạy bảo, tôi thấy các Ông Ca Chiên Diên, Tỳ La Chi Tử đều nói : Thân này chết rồi thì mất hẳn gọi là Niết Bàn. Nay tuy được gặp Phật, nhưng tôi vẫn còn hồ nghi. Xin Phật chỉ rõ làm thế nào chứng biết chỗ chẳng sanh diệt của tâm này. Hiện giờ các hàng hữu lậu trong đạị chúng cũng đều trông mong được nghe điều ấy.”

Phật nói : “Đạị Vương, thân ông hiện đây, nay ta hỏi ông : cái thân xác thịt của ông có giống được như kim cương, còn hoài chẳng hoại, hay lại biến đổi và tan rã ?”

– Bạch Thế Tôn, cái thân hiện đây của tôi, rốt cuộc cũng thay đổi và tiêu diệt.

Phật bảo : “Đạị Vương, ông chưa từng diệt, làm sao biết là phải bị diệt ?”

Thông rằng : Đức Thế Tôn nủ lời, bước bước đều quay về chân. Như hỏi “Ông chưa từng diệt, làm sao biết diệt ?” Nếu là bậc thượng căn lợi trí thì liền ngộ “*Cái người biết sự diệt, vốn chưa từng sanh diệt*”, liền chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn.

Có nhà sư hỏi Tổ Vân Cư : “Mới sanh ra vì sao chẳng biết có ?”

Đáp : “Chẳng cùng sanh.”

Hỏi : “Khi chưa sanh thì như thế nào ?”

Đáp : “Chưa từng diệt.”

Hỏi : “Khi chưa sanh thì ở đâu ?”

Đáp : “Có chỗ chẳng thu nạp.”

Hỏi : “Vì sao người chẳng thọ diệt ?”

Đáp : “Diệt ấy chẳng thể được.”

Xem chỗ đối đáp của Tổ Vân Cư như thế, há phải mơ hồ ! Cần rõ chuyện bên đó mới có thể xem lời nói này !

Kinh : – Bạch Thế Tôn, cái thân vô thường biến hoại của tôi đây tuy chưa diệt, song hiện giờ, tôi xét nó niệm niệm dời đổi, mãi mãi chẳng ngừng, như lửa thành tro dần dần tiêu mất. Tiêu mất chẳng ngừng nên tôi biết chắc thân này rồi phải diệt mất.

Phật dạy : “Đúng thế ! Đại Vương, tuổi tác của ông nay đã già yếu, vậy mặt mày của ông so với lúc còn bé như thế nào ?”

– Bạch Thế Tôn, hồi còn bé nhỏ, tôi da thịt mịn màng, đến lúc trưởng thành, khí huyết đầy đủ, nay thì tuổi già, ngày thêm suy lão, hình sắc gầy ốm, tinh thần mỗi mệt, tóc bạc da nhăn, sống chẳng còn lâu, so sánh thế nào được với thời trẻ mạnh ?

Phật bảo : “Đại Vương, hình dung của ông đâu có hư hao ngay.”

Vua bạch : “Thưa Thế Tôn, sự biến hóa âm thầm dời đổi nên tôi chẳng hay biết. Mưa nắng dời đổi lần đến như vậy. Vì sao ? Tôi khi năm hai mươi tuy gọi là trẻ nhưng mặt mày đã già hơn khi mười tuổi. Khi ba mươi, lại suy sút hơn hồi hai mươi và đến nay sáu mươi hai,

trông lại lúc năm mươi thì khi ấy còn khỏe hơn nhiều. Bạch Thế Tôn, tôi thấy sự âm thầm thay đổi như thế, thân này tuy nay đã suy yếu, nhưng trong sự thay đổi còn chia từng mười năm một. Nếu tôi suy xét chín chắn hơn nữa thì cái sự biến đổi ấy đâu phải từng mười năm mà thật là mỗi năm mỗi thay đổi. Lại đâu phải mỗi năm mỗi thay đổi mà là mỗi tháng mỗi thay đổi, không những mỗi tháng thay đổi mà là mỗi ngày thay đổi. Suy cùng xét kỹ, thì sát na sát na, khoảng giữa mỗi niệm, không thể đứng yên, vậy nên tôi biết thân này rốt cuộc phải biến đổi và tiêu diệt.”

Phật bảo : “Đại Vương, ông thấy biến hóa dời đổi không ngừng, rõ là phải diệt. Vậy ông niệm niệm tiêu diệt như thế, ông có biết trong thân có cái gì không diệt chẳng ?”

Thông rằng : Sắc thân huyễn hóa rốt cuộc phải biến diệt. Cái pháp thân thanh tịnh vốn chẳng có sanh diệt. Chẳng phải ngoài cái sắc thân riêng có pháp thân. Pháp thân như biển lớn, sắc thân như bọt nước. Bọt nước có sanh có diệt, nước biển nhất như. Bạc Đại Ngộ thì “Huyễn hóa không thân tức Pháp thân”. Vậy nên biết, trong thân có cái chẳng hề hoại diệt vậy.

Tổ Thạch Đầu có bài kệ rằng :

*“Hỏi am này : hư, chẳng hư ?
Hư, chẳng hư vẫn nguyên ông chủ
Chẳng ở nam bắc với đông tây
Nền tảng vững bền, quan trọng nhất.”*

(Vấn thử am, hoại bất hoại
Hoại dữ bất hoại, chủ nguyên lai

Bất cư nam bắc dữ đông tây
Cơ chỉ kiên lao dĩ vi tối.)

Lại tụng :

*“Trụ am này, thôi kiến giải
Ai khoe bày chiếu, muốn người mua
Hồi quang phản chiếu bèn về vậy
Rõng suốt linh căn, không sau trước.”*

(Trụ thử am hưu tác giải
Thùy khoa phô tịch đồ nhưn mãi
Hồi quang phản chiếu tiện quy lai
Khuyếch đại linh căn phu hướng bối.)

Than ôi ! Người người sẵn đủ tánh chẳng sanh diệt này, sao lại theo dòng đuổi bắt sóng để chẳng thể hồi quang phản chiếu !

Kinh : Vua Ba Tư Nặc chấp tay bạch Phật : “Tôi thật không biết.”

Phật dạy : “Nay Ta chỉ cho ông cái tánh không sanh diệt. Đại Vương ! Ông năm mấy tuổi thì thấy nước sông Hằng ?”

Vua bạch : “Khi tôi lên ba, mẹ tôi dẫn đi làm lễ Thần Kỳ Bà Thiên,⁽¹⁾ có đi qua sông ấy. Lúc ấy, tôi liền biết đó là nước sông Hằng.”

Phật bảo : “Đại Vương, như lời ông nói “Lúc hai mươi tuổi thì suy hơn lúc mười tuổi”, cho đến nay đã sáu mươi, năm tháng ngày giờ niệm niệm đổi thay. Vậy, khi

¹⁾ Thần Trường Thọ.

ông ba tuổi, thấy nước sông này, rồi đến khi mười ba tuổi thì nước ấy thế nào ?”

Vua bạch : “Thưa, cũng như khi lên ba, in hệt như nhau không khác gì, và đến nay tuổi đã sáu mươi hai, cũng vẫn không khác.”

Phật bảo : “Nay ông tự buồn là mình tóc bạc, da nhăn. Mặt ông hẳn phải nhăn hơn hồi trẻ. Vậy cái thấy sông Hằng hiện giờ của ông so với cái thấy sông Hằng lúc nhỏ có già trẻ gì không ?”

Vua bạch : “Thưa Thế Tôn, không.”

Phật bảo : “Này Đại Vương, mặt ông tuy nhăn, nhưng tánh của cái thấy (kiến tinh tánh) ấy chưa hề bị nhăn. Cái nhăn thì thay đổi còn cái không bị nhăn thì chẳng thay đổi. Cái thay đổi thì phải diệt, còn cái không thay đổi kia thì vốn không sanh không diệt, làm sao trong ấy lại có sanh tử cho ông thọ nhận mà ông lại còn dẫn lời của nhóm Mạt Già Lê kia, nói rằng : Thân này chết rồi thì diệt hẳn !”

Vua nghe xong lời dạy này, tin biết rằng thân này về sau, bỏ đời này qua đời khác, cùng với đại chúng nhảy nhót vui mừng, được sự chưa từng có.

Thông rằng : Ngoại đạo có sáu ông thầy :

Một là, Phú Lan Na Ca Diếp : cho rằng các pháp đều chẳng sanh, chẳng diệt.

Hai là, Mạt Già Lê Câu Xa Lê Tử : cho rằng chúng sanh tuy có khổ vui, nhưng không có nhân duyên, tự nhiên mà vậy thôi.

Ba là, Sán Đà Xa Tỳ La Chi Tử : cho rằng chúng sanh theo vận, thời gian chín muồi thì đắc đạo, đầy đủ tám vạn kiếp thì tự nhiên đắc đạo.

Bốn là, A Kỳ Da Sí Xá Khâm Ba La : cho rằng chúng sanh hiện chịu khổ báo, sau thì hưởng thọ vui sướng của Niết Bàn.

Năm là, Ca Lôu Cưu Đà Ca Chiên Diên : cho rằng các pháp cũng có, cũng không.

Sáu là, Tỳ Kiện Đà Nhã Đề Tử : cho rằng tất cả đều do nghiệp định, không thể trốn lánh.

Tất cả đều là đoạn kiến⁽¹⁾ vậy. Tuy cũng nói là chẳng sanh chẳng diệt, nhưng đó là đối với sanh diệt mà nói. Như bởi sừng trâu có (hữu), mà nói sừng thỏ không có (vô). Đã có đối đãi, rồi cuộc thuộc về sanh diệt.

Nếu *cái thấy sông y* nhiên không khác thì có thể trộm thấy cái Chân Tánh bất biến. Ngay trong chỗ thấy trước mắt có sanh diệt mà hiển bày cái tánh chẳng sanh diệt, thế mới biết trong thân có cái chẳng có diệt đang hiện hữu. Tuy nói bỏ đời sống này qua đời sống khác, kỳ thực là diệt mà chẳng diệt. Há cái đoạn kiến của ngoại đạo có thể có nói được sao ?

Có vị tăng hỏi Tổ Triệu Châu : “Thầy của con có nói “Khi thế giới hoại, tánh này chẳng hoại.” Thế nào là cái tánh này ?”

Tổ Châu nói : “Tứ đại, ngũ ấm.”

Vị tăng hỏi : “Cái ấy còn là hư hoại, thế nào là cái tánh này ?”

¹⁾ Nhị kiến có hai thứ : đoạn kiến và thường kiến.

Đoạn Kiến : cái thấy sai lầm (vọng kiến), chấp chặt thân tâm con người dứt diệt (chết) rồi chẳng còn nối sanh nữa, tức vô kiến.

Thường Kiến : cái thấy sai lầm chấp chặt thân người các đời còn hoại, không dứt, tức hữu kiến.

Tổ Châu nói : “Tứ đại, ngũ ấm.”

Ngài Pháp Nhân nói : “Ấy là một cái ? Ấy là hai cái ? Ấy là hoại ? Ấy là chẳng hoại ? Hãy hiểu làm sao ? Thử quyết đoán xem !”

Có vị tăng hỏi Tổ Đại Tỳ : “Kiếp hỏa thiêu hết, Đại Thiên đều hoại. Chưa rõ cái Ấy hoại hay chẳng hoại ?”

Tổ Tỳ đáp : “Hoại.”

Vị tăng rằng : “Như thế thì theo nó đi ư ?”

Tổ Tỳ rằng : “Theo nó đi.”

Lại có vị tăng hỏi Tổ Long Tế : “Kiếp hỏa thiêu hết, Đại Thiên đều hoại. Chưa rõ cái Ấy hoại hay chẳng hoại ?”

Tổ Tế đáp : “Chẳng hoại.”

Vị tăng rằng : “Vì sao chẳng hoại ?”

Tổ Tế đáp : “Vì đồng Đại Thiên.”

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

*“Hoại, chẳng hoại, theo nó mà đi
Cảnh giới Đại Thiên, ở trong câu rõ
Không ai khóa buộc, đầu chân lại bị
dây leo quấn
Hiểu, chẳng hiểu ?
Chuyện thật rõ ràng, căn dặn kỹ
Biết tâm, đem ra dùng thương lượng
Đưa ta phải đi cùng mua bán.”*

Đại Tỳ nói hoại, Long Tế nói chẳng hoại. Ấy là một ? Ấy là hai ? Tổ Tế bảo “Vì đồng Đại Thiên.” Tổ Tỳ bảo “Theo nó đi !” Y nhiên là cái tông chỉ “Tứ đại, ngũ ấm” của Ngài Triệu Châu. Khi thế giới hoại, tánh này chẳng

hoại. Chính phải ở trong tứ đại, ngũ ấm mà tìm cái chốn an ổn mới được !

VIII. CHỈ CHỖ ĐIÊN ĐẢO

Kinh : Ông Anan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, lễ Phật, chấp tay, quỳ dài, bạch Phật : “Thưa Thế Tôn, nếu cái thấy-nghe này thật không sanh diệt thì tại sao Đức Thế Tôn lại bảo rằng chúng tôi đều bỏ mất chân tánh, làm việc điên đảo, lộn ngược. Xin Phật mở lòng từ bi rửa sạch trần cấu⁽¹⁾ cho chúng tôi.”

Khi ấy, Đức Như Lai liền duỗi cánh tay kim sắc, ngón tay chỉ xuống, bảo Ông Anan : “Như nay ông thấy tay Mâu Đà La⁽²⁾ của Ta là chánh hay đảo (ngược) ?”

Ông Anan bạch : “Chúng sanh thế gian cho đó là đảo ngược, còn tôi thì chẳng biết cái nào là chánh, cái nào là đảo.”

Phật bảo Ông Anan : “Nếu người thế gian cho vậy là đảo, thì người thế gian cho thế nào là chánh ?”

Ông Anan bạch Phật : “Đức Như Lai đưa cánh tay lên, tay Đâu La Miên chỉ lên không thì gọi là chánh.”

Phật liền đưa cánh tay lên và bảo Ông Anan : “Cái điên đảo (lộn ngược) như thế chỉ là đầu đuôi thay đổi lẫn nhau thôi. Các người thế gian đều điên đảo gấp bội mà xem mà thấy. Nay lấy cái thân ông và Pháp Thân thanh tịnh Như Lai so sánh mà phát minh thì thân của Như Lai gọi là Chánh Biến Tri, còn thân của các ông gọi là tánh điên đảo. Tùy ông xét kỹ : thân ông, thân Phật, cái

¹⁾ Bụi dơ.

²⁾ Mudra, còn gọi là Kiết Tường Thủ, Thủ Ấn.

gọi là điên đảo lộn ngược đó, do ở chỗ nào mà gọi là điên đảo ?”

Thông rằng : Cái Pháp Thân thanh tịnh là cái Diệu Tâm mầu sáng, thuần chân vậy. Cái thấy, nghe, hay, biết (kiến văn giác tri) là vật bày hiện ra⁽¹⁾ ở trong Diệu Tâm vậy. Về gốc là chánh, xuôi theo ngọn là đảo (ngược). Ví như bọt nước sanh ra nơi biển, nhận biển là chánh, nhận bọt là đảo.

Phật hỏi Ông Anan : “Nay ông thấy Ta thả tay xuống là chánh hay đảo ?”, thì chỉ nên ở nơi chỗ tự thấy mà tỉnh ngộ mạnh mẽ : cái nào chánh, cái nào đảo, chớ chẳng nên ở nơi tay Như Lai mà phân chánh, phân đảo.

Như ông Tu Bồ Đề ngồi yên tịnh trong hang núi, thấy Pháp Thân Như Lai chẳng duyên với căn, thức đó gọi là Chánh Biến Tri. Còn nếu lấy con mắt của Ông Anan để đối với tay của Như Lai, lại còn ở tay mà phân chánh, phân đảo đây bèn là chỗ động dụng của sáu thức, bỏ gốc theo ngọn, đã lìa chánh vị nên gọi là tánh điên đảo, lộn ngược.

Mới đầu, Ông Anan lấy tay buông xuống làm đảo, lời nói còn mơ hồ. Đến khi hỏi “Lấy gì làm chánh ?”, thì lấy tay đưa lên làm chánh, mới biết chỗ Ông Anan cho là chánh và đảo đó chỉ là sự biện biệt căn cứ vào tay, chẳng phải ở nơi cái thấy mà biện biệt. Sự ngắm nhìn đó đã là điên đảo vậy. Tay buông xuống, đầu đuôi thuận nhau, vốn là chánh, mà người đời cho đó là đảo ! Tay đưa lên, đầu đuôi đổi chỗ, vốn là đảo mà người đời cho đó là chánh ! Thế là ở trong sự ngắm nhìn điên đảo, lại còn chồng thêm điên đảo ! Cho nên, so sánh phát minh thì bỏ mất cái Pháp Thân trong sạch mà nhận thấy, nghe, hay, biết đã là điên đảo.

¹⁾ Cái Dụng.

Lại chấp cái thấy, nghe, hay, biết ở trong sắc thân cho là chẳng sanh diệt mà bảo rằng đó là chánh chứ chẳng phải đảo, thì chẳng phải là trong diên đảo lại chồng thêm diên đảo sao ?

Có nhà sư hỏi Tổ Động Sơn : “Bình thường Ngài dạy học nhân hành điều đạo,⁽¹⁾ chưa rõ thế nào là điều đạo ?”

Tổ Sơn nói : “Không gặp một người.”

Hỏi : “Hành (đi) như thế nào ?”

Tổ Sơn : “Chính phải dưới chân không tư riêng.”

Hỏi : “Chỉ như chỗ hành điều đạo, chẳng phải ấy là bốn lai diện mục⁽²⁾ đó sao ?”

Tổ Sơn rằng : “Thầy Xà lê nhân sao diên đảo quá lắm ?”

Hỏi : “Chỗ nào là diên đảo của kẻ học nhân ?”

Tổ Sơn rằng : “Nếu không diên đảo, vì sao lại nhận tôi tớ làm chồng ?”

Hỏi : “Như thế nào là bốn lai diện mục ?”

Tổ Sơn nói : “Chẳng hành điều đạo.”

¹⁾ Đường chim, chỉ địa vị đến chỗ khó trên đường tu thiền : Hiểm khổ như đường chim. Lại còn chỉ địa vị đến đường rộng lớn mệnh mông, không bờ cõi (như trên trời rộng lớn), như dấu vết con chim trong thình không.

Động Sơn Lục : Tôi có ba đường rước người : Điều đạo (đường chim), huyền đạo (đường bí mật), triển thủ (xòe tay).

Huyền Trung Minh Tự : Nhờ đường chim nên trống trải rộng lớn. Nhân nẻo nhiệm mà gồm tất cả. Nhưng, tuy thế không lạng lẽ vậy. Chẳng nghịch bày dao động.

Tổ Đình Sự Vấn Tự : Đường chim giống như hư không vậy.

Nam Trung Nhập Chí : Đường chim bốn trăm dặm, nhân sự hiểm trở, tuyệt bất thú vật, không có lối đi. Riêng trên có đường chim bay.

²⁾ Cái xưa nay trước mắt.

Ngài Đơn Hà tụng rằng :

*“Lối cổ tiêu nhiên dựa thái hư
Nẻo nhiệm còn như trái gập gềnh
Chẳng lên điều đạo tuy là diệu
Kiểm điểm về sau đã đặng đường.”*

(Cổ lộ tiêu nhiên ý thái hư
Hành huyền du thị thiệp kỳ khu
Bất dăng điều đạo tuy vi diệu
Kiểm điểm tương lai dĩ xúc đồ.)

Òi ! Điều đạo sâu xa nhỏ nhiệm đến thế, gần với chuyển công thành đạo mà môn hạ phái Động Sơn còn cho là điên đảo, hướng là cái thấy nghe (kiến văn) rõ ràng còn dấu vết thô thiển mà lại cho là chẳng sanh diệt, thì sao đủ để đối sánh với cái Bồ Đề vô thượng ư ?

Kinh : Khi ấy, Ông Anan cùng cả đại chúng sững sốt nhìn Phật, mắt chẳng chớp nháy, chẳng biết thân tâm chỗ nào điên đảo.

Phật phát lòng Từ Bi, thương xót Anan và đại chúng, phát tiếng hải triều, bảo khắp trong hội : “Các trai lành, Ta thường dạy rằng : Sắc tâm, các duyên và các tâm sở, các pháp sở duyên đều duy tâm mà hiện. Thân ông, tâm ông đều là những vật hiện ra ở trong cái Diệu Tâm Mầu Sáng Thuần Chân. Tại sao các ông bỏ mất cái tâm tánh vốn nhiệm mầu, tròn sáng, quý báu để nhận lấy mê lầm trong cái vốn đã giác ngộ ?

“Mê muội thành có hư không. Trong hư không mê muội ấy, kết cái tối ám thành sắc, sắc xen lẫn vọng tưởng ra hình tướng làm thân. Nhóm các duyên dao động bên trong, giông ruổi theo bên ngoài, rồi lấy cái tướng mù mịt

lãng xăng đó làm tâm tánh. Một phen mê lầm cái tướng ấy làm tâm thì đưa tới cái lầm quyết định là tâm ở trong sắc thân, mà chẳng biết rằng cái sắc thân cho đến núi sông, hư không, đất đai bên ngoài, hết thảy đều là vật hiện trong cái Diệu Minh Chân Tâm này.

Thông rằng : Thân Ông là tướng phần, Tâm Ông là kiến phần. Tướng phần gồm cả căn, trần, các pháp sở duyên, núi sông, đất đai, sáng tối, sắc không cả thảy. Kiến phần gồm tám thức và năm mươi một tâm sở, thiện ác nghiệp hành, tà chánh, nhân quả hết thảy. Cả tướng phần và kiến phần đều ở trong Như Lai Tạng lưu xuất, nên nói “*Duy Tâm mà hiện ra*”. Cái Tâm này vốn nhiệm mầu, chẳng nhờ tu tập. Làm sao thấy được cái Vốn Diệu đó ?

Nói về Thể, thì gọi là Viên Diệu Minh Tâm. Từ cái mầu đẹp (Diệu) khởi ra cái Sáng Soi (Minh), nên gọi là Trọn Vẹn (Viên).

Nói về Dụng, thì gọi là Bảo Minh Diệu Tánh. Tức là ngay nơi Sáng Soi (Minh) mà Mầu Đẹp (Diệu), nên gọi là Quý Báu (Bảo).

Mầu Đẹp mà Sáng Soi, Sáng Soi mà Mầu Đẹp, không dấu vết nhiễm ô, tức là Đại Viên Cảnh Trí. Tất cả tướng phần, kiến phần đều là bóng hiện ra trong cái gương Đại Viên Cảnh Trí ấy. Nay bỏ quên cái Vốn Diệu ấy (Chân Tâm) mà nhận thấy, nghe (tâm thức) thì cũng như bỏ cái gương vốn có mà nhận bóng huyễn trong gương. Tuy là có biết đó mà kỳ thật là biết ở trong mê, cho nên nói mê trong ngộ.

Từ chỗ “Nhận mê trong ngộ...” cho đến “Rồi lấy cái tướng mờ mịt lãng xăng làm tâm tánh”, phải đọc một hơi mới được.

Mê cái Tánh Diệu Minh mà thành vô minh. Do cái vô minh⁽¹⁾ này mà thành ra cái ngoan không, nên nói “Mê muội thành hư không”. Cái sở biến là ngoan không và cái năng biến là vô minh, cả hai hòa hiệp, biến ra tứ đại để làm cái ngoại sắc của Y báo.⁽²⁾ Lấy cái sắc của bốn đại xen lẫn với vọng tưởng của tâm biến ra nội sắc của Chánh báo⁽³⁾ chúng sanh.

Tướng là vọng tưởng ; *tướng* là vọng sắc. *Tướng Tướng* làm thân thì kiến phần và tướng phần đều đầy đủ, tức là Thức Thứ Tám. “*Nhóm các duyên dao động bên trong*” tức là Thức Thứ Bảy. “*Rong ruổi theo cảnh ngoài*” tức là Thức Thứ Sáu. Lấy cái vô minh này biến ra cái *Tướng mờ mịt lằng xằng* lẫn với duyên trần, rồi nhận cái đó làm tự tâm, há chẳng mê muội sao ?

Cái Chân Tâm Diệu Minh tức là Pháp Thân trong sạch dọc suốt ba tế,⁽⁴⁾ ngang khắp mười phương chứ đâu phải ràng buộc trong thân sao ? Còn cái thấy, nghe này thì rời mắt ắt không thấy, xa tai thì chẳng nghe ; lấy nó làm tâm, đó là cái lầm quyết định cho tâm ở trong sắc thân. Đâu có biết rằng cái sắc thân này cho đến những thứ bên ngoài như núi sông, đất đai đều là những vật ở trong cái Chân Tâm Diệu Minh này. Như bóng dáng trùng trùng cũng đều là ảnh trong gương. Cho nên, nhận ra gương, là ngộ ở trong ngộ, gọi là Chánh Biến Tri. Còn nhận lấy bóng, tức là mê trong ngộ, gọi là tánh điên đảo.

¹⁾ Không biết Bốn Tánh.

²⁾ Vũ trụ, thế giới, tất cả sự vật ở thế gian thân tâm dựa nương ở. Nhân bởi nghiệp đời trước cảm ứng ra.

³⁾ Căn thân. Theo nguyên nhân của nghiệp đời trước cảm ứng ra (thường gọi là trả báo) Ngay nơi thân thể.

⁴⁾ Quá khứ, hiện tại và vị lai.

Tổ Trường Sa nói rằng : “Nếu ta cứ một mực nêu cao Thiền thì trong pháp đường cỏ sẽ lên cao cả thước ! Cực chẳng đã mà nói với các ông : “Cùng khắp mười phương thế giới là con mắt của Sa môn ! Cùng khắp mười phương thế giới là toàn thân của Sa môn ! Cùng khắp mười phương thế giới là quang minh của *chính mình* ! Cùng khắp mười phương thế giới không ai chẳng phải là *chính mình*. Ta thường nói với các ông : Ba đời chư Phật, pháp giới, chúng sanh là cái ánh sáng của Ma Ha Bát Nhã. Khi ánh sáng chưa phát ra, hết thấy các ông hướng về chỗ nào mà rõ biết ? Ánh sáng chưa phát còn không có bóng dáng Phật và chúng sanh, thì chỗ nào có được núi sông, quốc độ này đây ?”

Khi đó, có nhà sư hỏi : “Như thế nào là con mắt của Sa môn ?”

Tổ Sa rằng : “Mút mắt, ra chẳng khỏi.”

Lại nói : “Thành Phật, thành Tổ ra chẳng khỏi ! Sáu néo luân hồi ra chẳng khỏi !”

Nhà sư rằng : “Chưa rõ cái gì ra chẳng khỏi ?”

Tổ Sa rằng : “Ngày thấy mặt trời, đêm thấy sao.”

Hỏi : “Học nhân chẳng hiểu.”

Tổ Sa rằng : “Núi Cao Sơn⁽¹⁾ xanh lại càng xanh.”

Hãy nói là lời này của Tổ Trường Sa là chỉ cái Thức Tinh Nguyên Minh⁽²⁾ hay là cái Bảo Minh Diệu Tánh ? Hãy phân biệt rõ ràng xem !

Kinh : “Ví như bỏ cả trăm ngàn biển lớn trong lạng, chỉ nhận một cái bọt nước mà cho nó là toàn thể cả nước,

¹⁾ Tu Di.

²⁾ Thức Tinh Vốn Sáng.

cùng hết các biển lớn. Các ông là những kẻ mê lầm nhiều lớp, như cánh tay Ta buông xuống không khác gì. Như Lai gọi là đáng thương xót đó.”

Thông rằng : Biết *Cái thấy sông* thật chẳng sanh diệt, hình như thuộc về ngộ, nhưng chấp *cái thấy sông* này là ở trong sắc thân thì đó là mê trong ngộ. Cũng như bỏ biển cả mà nhận lấy bọt nước đã là mê, lại còn cho rằng bọt nước là toàn thể biển cả thì chẳng phải là mê trong mê hay sao ?

Bỏ mất Chân Tánh mà nhận lấy cái thấy-nghe đã là mê, lại cho rằng cái thấy-nghe là cái tánh chẳng sanh diệt, chẳng phải là mê trong mê sao ? Chẳng ngộ mà mê, thì chỉ một lớp mê. Còn ngộ mà trong mê thì cái tình chấp lại càng sâu dày lắm, chẳng phải là chồng thêm nhiều lớp mê sao ?

“Như cánh tay Ta buông xuống”, cái thấy của ông có phân biệt, đã là điên đảo. Hướng là đầu đuôi đối nhau, xuôi ngược lầm lẫn thì há chẳng phải là điên đảo gấp bội sao ? Đã ở trong điên đảo mà còn hỏi “Sao Đức Thế Tôn lại bảo chúng tôi là điên đảo ?”, là điên đảo ở trong cái điên đảo vậy. Đó là cái mê ở trong mê vậy ! Nên mới nói “Các ông là những người mê lầm nhiều lớp.”

Ngài Quốc sư Kính Sơn Khâm đang ngồi với Quốc sư Huệ Trung ở nội đình,⁽¹⁾ thấy vua ngự đến, Ngài đứng dậy.

Vua nói : “Thầy sao lại đứng dậy ?”

Ngài nói : “Đàn việt đâu có thể hướng vào bốn oai nghi mà thấy bần đạo.”

Vua vui lòng.

¹⁾ Cung vua.

Lại vua Túc Tông hỏi Ngài Huệ Trung Quốc sư : “Ngài ở Tào Khê được pháp gì ?”

Ngài đáp : “Bệ hạ có thấy một mảnh mây trong hư không chẳng ?”

Vua đáp : “Thấy.”

Ngài đáp rằng : “Đóng đinh vào đó. Treo dính lên đó.”

Vua lại hỏi : “Thế nào là mười Thân của Phật ?”

Ngài bèn đứng thẳng lên mà rằng : “Am hiểu chẳng ?”

Vua nói : “Không hiểu.”

Ngài nói rằng : “Đưa qua đây cho lão tăng cái tịnh bình.”

Vua lại hỏi : “Thế nào là Vô Trách⁽¹⁾ Tam Muội ?”

Ngài nói : “Đàn việt nhảy lên đỉnh Tỳ Lô mà đi.”

Vua hỏi : “Ý ấy thế nào ?”

Ngài nói : “Chớ nhận Pháp Thân trong sạch của chính mình (tự kỷ).”

Vua lại hỏi mà Ngài đều chẳng nhìn đến. Vua nói : “Trẫm là vua nước Đại Đường, Thầy sao lại chẳng nhìn đến ?”

Ngài nói : “Vua có thấy hư không chẳng ?”

Vua đáp : “Thấy.”

Ngài nói : “Hư không ấy có chớp mắt nhìn Bệ hạ không ?”

Xem chỗ chỉ bày của hai Ngài, một vị thì lấy “Sự chẳng thể hướng vào bốn oai nghi mà thấy bản đạo”, một vị thì lấy “Cái hư không có chớp mắt nhìn Bệ hạ chẳng ?”, thật đâu có hề lầm là ở trong sắc thân. Cái thấy này với *cái thấy*

¹⁾ Không tranh cãi.

sông cách nhau như trời khác đất. Đứng cùng với Ông Tu Bồ Đề thấy Pháp Thân Phật, đồng gọi là Chánh Biến Tri. Tóm lại, lấy niệm làm tri thì tâm chẳng khắp.

Ngài Mã Minh dạy : “Nếu cái tâm có động thì chẳng phải là cái biết chân thật. Cái tướng động đó là niệm khởi lên làm ngăn ngại vậy. Lìa tất cả các niệm ngăn ngại thì cái biết bèn cùng khắp.”

IX. LỰA BỎ TÂM PHAN DUYÊN ĐỂ CHỈ TÁNH THẤY KHÔNG THỂ TRẢ VỀ ĐÂU

Kinh : Ông Anan vâng nghe lời Phật từ bi cứu độ dạy bảo, khóc lóc khoanh tay bạch Phật rằng : “Tuy tôi vâng nghe diệu âm của Phật như vậy, ngộ được cái Tâm Nguyên Diệu Minh là cái Tâm Địa tròn đầy thường trụ, nhưng tôi ngộ được pháp âm Phật vừa nói, là tôi hiện lấy tâm phan duyên mà thỏa mãn chỗ ước mong. Được tâm ấy một cách mơ hồ, chưa dám nhận là Tâm Địa xưa nay. Mong Phật thương xót, tuyên lời viên âm, nhổ gốc rễ nghi ngờ cho tôi để được trở về đạo vô thượng.”

Phật bảo Ông Anan : “Các ông còn lấy tâm phan duyên để nghe pháp thì cái pháp đó cũng là cái được duyên, chẳng phải được Pháp tánh. Ví như có người lấy ngón tay chỉ mặt trăng cho người kia, thì người kia phải nhân ngón tay mà thấy mặt trăng. Chứ nếu người kia nhìn ngón tay mà cho đó là cái thể của mặt trăng, thì không những bỏ mất mặt trăng mà cũng bỏ mất cả ngón tay nữa. Tại sao thế ? Vì lấy ngón tay chỉ mặt trăng mà làm mặt trăng vậy. Chẳng những bỏ mất ngón tay mà lại cũng không biết đâu là sáng và tối. Vì sao thế ? Vì lấy cái thể của ngón tay làm tánh sáng của mặt trăng, không biết hai tánh sáng, tối. Ông cũng như vậy đó.

Thông rằng : Ông Anan ngộ được cái Tâm Nguyên mâu sáng tròn đầy vốn chẳng phải là duyên. Tâm Địa thường trụ vốn là Ông Chủ vậy. Nhưng nay nhìn Phật, nghe Pháp, là còn thuộc vọng tâm phan duyên, chưa biết cái Tâm Địa Bản Nguyên do đâu mà rõ biết ? Nói tức là cái này, thì không dám. Nói lìa cái này mà có thì hiện ở đâu ? Đức Phật sắp phá cái sai lầm của tâm phan duyên, nên trước chỉ bày rằng cái Pháp đang nói ra cũng chỉ là cái sở duyên, bởi thế Phật dạy “Cái pháp đang được ông nghe đó cũng chỉ là sở duyên, chớ chẳng phải được Pháp tánh.” Pháp bày ra là để thấy tánh, thấy được tánh thì pháp không còn chỗ dùng. Kinh Kim Cang nói : “Ví như cái bè, pháp còn nên bỏ huống là chẳng phải pháp.” Ở đây lại lấy ví dụ ngón tay chỉ mặt trăng, thấy được mặt trăng thì bỏ quên ngón tay đi vậy. Các bậc Cổ đức dẫn dụ phần nhiều tương hợp với chỗ này.

Có câu :

*“Trong bóng mây màu người tiên hiện
Tay cầm quạt hồng-la che mặt
Cần gấp đưa mắt xem người tiên
Chớ nhìn cây quạt trong tay tiên.”*

Lại còn nói :

*“Một thỏ phi thân ngang lối xưa
Ứng xanh vừa thấy liền bắt sống
Đến sau chó săn không linh tính
Chỉ hướng cây khô chỗ cũ tìm.”*

Ông Tô Đông Pha có bài văn : “Có một người mù hỏi hình thể mặt trời ra sao ? Người kia lấy cái mâm đồng mà chỉ cho, người mù gõ lên nghe có tiếng. Ngày khác, nghe tiếng chuông cho đó là mặt trời !”

Có vị tăng hỏi Tổ Pháp Nhân : “Ngón tay thì chẳng hỏi, thế nào là mặt trăng ?”

Tổ Nhân nói : “Ngón tay mà ông chẳng hỏi đó, là cái gì thế ?”

Lại có vị tăng hỏi : “Mặt trăng thì chẳng hỏi, thế nào là ngón tay ?”

Tổ Nhân đáp : “Mặt trăng.”

Vị tăng nói : “Kẻ học nhân hỏi ngón tay, Hòa thượng vì sao lại trả lời mặt trăng ?”

Tổ Nhân nói : “Vì ông hỏi ngón tay.”

Nếu rõ được gia phong⁽¹⁾ của Pháp Nhân tức thì ngón tay, mặt trăng bày rõ. Chẳng thế, thì ngay mặt lại lằm qua.

Kinh : “Nếu lấy cái phân biệt pháp âm của Ta mà làm tâm của ông, thì cái tâm ấy phải rời sự phân biệt tiếng nói mà tự nó có tánh phân biệt. Ví như người khách ngủ trọ quán trọ, ở tạm rồi đi, chẳng thể thường trú mãi. Còn người chủ trọ thì không đi đâu cả, mới gọi là chủ trọ. Ở đây cũng thế, nếu thật là tâm của ông thì chẳng đi đâu cả.

Thông rằng : Pháp âm đang nói là cái sở duyên. Chỗ sở duyên ấy, không thể chấp lấy làm chân. Cái phân biệt pháp âm là cái năng duyên. Cái năng duyên đó há lại có thể y vào nó mà cho là chân ? Ngay khi cái tâm và cái tiếng gặp nhau, thì có sự phân biệt rõ ràng, nhưng cái phân biệt đó cũng chỉ tạm thời, giống như người khách. Đến khi cái tâm và cái tiếng rời nhau ra, cái phân biệt mất hết, nhưng

¹⁾ Thói nhà.

cái tánh phân biệt không mất. Tánh này chẳng bởi nghe pháp mà có, chẳng bởi không nghe pháp mà thành không, nên gọi là chủ nhân. Nơi chỗ này thấy được, mới gọi là thấy tánh. Nếu chấp lấy cái tâm phan duyên nghe pháp làm tự tánh, thì cũng giống như nhận khách làm ông chủ vậy.

Thầy Đại Điền⁽¹⁾ ban đầu tham học với Tổ Thạch Đầu.

Tổ hỏi : "Cái gì là tâm ông ?"

Thầy Đại Điền nói : "Thấy ngôn ngữ là đó."

Tổ Đầu bèn hét đuổi ra.

Qua một tuần, Thầy Đại Điền bèn hỏi : "Cái trước đã chẳng phải, trừ cái ấy, ngoài ra cái gì là tâm ?"

Tổ Đầu nói : "Dẹp hết nhướng mày chớp mắt, đem tâm lại đây !"

Thầy Điền nói : "Không có tâm có thể đem lại được."

Tổ Đầu rằng : "Xưa nay là có tâm, sao nói không tâm ? Không tâm cũng như báng pháp !"

Thầy Đại Điền nghe xong đại ngộ.

Một hôm, đứng hầu Ngài Thạch Đầu, Tổ hỏi : "Ông là tăng tham thiền hay là tăng tu tịnh nghiệp (Tịnh Độ) của Châu, Huyện ?"

Đại Điền : "Là tăng tham thiền."

Tổ Đầu : "Cái gì là thiền ?"

Đại Điền : "Nhướng mày, chớp mắt."

Tổ Đầu : "Dẹp hết nhướng mày chớp mắt, đem cái bốn lai diện mục của ông trình ra xem !"

¹⁾ Đại Điền Hòa thượng. Được mối thiền Tào Khê, nối pháp Tổ Thạch Đầu, ở Ấp Tây U Lân, dưới chân núi lập Thiền viện Linh Sơn, truyền pháp cho đệ tử cả ngàn người.

Đại Diện : “Xin Hòa thượng dẹp hết những mây chớp mắt ra ngoài để soi xét.”

Tổ Đầu : “Ta dẹp rồi.”

Đại Diện : “Đem trình ra rồi vậy.”

Tổ Đầu : “Ông đã đem trình, tâm ta thì sao ?”

Đại Diện : “Chẳng khác Hòa thượng.”

Tổ Đầu : “Chẳng liên quan việc ông.”

Đại Diện : “Vốn không vật.”

Tổ Đầu : “Ông cũng không vật.”

Đại Diện : “Đã không vật tức là.”

Tổ Đầu : “Chơn vật là Bất Khả Đắc, tâm ông thấy như vậy phải rất hộ trì.”

Cha con Thạch Đầu mấy phen lật qua, lật lại biện xét cốt để thẩm định Chơn Tâm, vốn là vô sở đắc, gọi là Chơn Chủ Nhân.

Kinh : “Tại sao lia tiếng lại không có tánh phân biệt ? Nói như thế chẳng những đối với tâm phân biệt các tiếng, mà cái phân biệt hình dung của Ta nếu rời các sắc tướng cũng không có tánh phân biệt.

“Như vậy cho đến mọi phân biệt đều không có, chẳng phải sắc, chẳng phải không, mà nhóm Câu Xá Ly mê lầm cho là Minh Đế, thì rời các pháp duyên cũng không có tánh phân biệt. Như vậy, tâm tánh của ông mỗi mỗi đều có chỗ trả về, làm sao làm chủ ?”

Thông rằng : Phân biệt âm thanh, phân biệt sắc, hương, vị, xúc, các trần đều là bóng dáng phân biệt tiền trần. Tại sao lia các tiền trần liền chẳng có tự tánh phân biệt ? Dù cho diệt hết tất cả thấy, nghe, hay, biết cho đến phân biệt

cũng không còn, ở trong giữ lấy cái Không-Không u nhàn, chẳng phải sắc, chẳng phải không mà ngoại đạo chấp lấy làm Minh Đế thì cũng mới chỉ là rời cảnh chứ chưa rời pháp, vẫn còn là bóng dáng phân biệt pháp trần.

Tại sao lại rời pháp duyên thì không có tự tánh phân biệt ? Nhờ tiền trần mà có thì rời tiền trần bèn không. Nhờ pháp trần mà có, thì rời pháp trần bèn không có. Cái tánh phân biệt này, mỗi mỗi đều có chỗ trả về, làm sao làm ông chủ ? Một cái động (phân biệt tiền trần), một cái tĩnh (phân biệt pháp trần) đều thuộc về bóng trong gương : bóng có chỗ trả về, gương thì chẳng có trả về đâu hết. Một lần đến, một lần đi đều thuộc về khách. Khách có về, chủ không có chỗ về. Không nhận gương mà nhận bóng, không nhận chủ mà nhận làm khách thì tâm tánh của ông cũng đồng với đoạn diệt, lấy gì làm chân tâm thường trụ ?

Tổ Đại Điền thượng đường dạy rằng : “Phàm là người học đạo, cần phải biết cái bốn tâm của nhà mình. Thường thấy kẻ học đạo đời nay chỉ lấy nhướng mày, nháy mắt, một nói một nín rồi tự ẩn khả mà cho là tâm yếu, như vậy thật là chưa rõ. Nay ta vì các ông mà nói ra rõ ràng, mỗi người nên nghe lãnh : chỉ dẹp trừ hết thấy hiện lượng tướng niệm vọng động, đó tức là chân tâm. Cái tâm này dầu với trần cảnh hay khi giữ vắng lặng, tuyệt không có giao thiệp, dính dáng gì. Tức tâm là Phật, chẳng đợi tu hành, sửa chữa. Tại sao thế ? Ứng cơ tùy chiếu, an nhiên tự dùng. Cùng tột chỗ dùng vốn bất khả đắc. Gọi đó là diệu dụng, ngay ấy là bốn tâm, phải rất hộ trì, không thể dễ dãi.”

Tổ Đại Điền chỉ ra rõ ràng ông chơn chủ, tiết lộ quá nhiều ! Do đây có thể biết là Chơn Tâm cách biệt hẳn với Minh Đế của ngoại đạo.

Phái Số Luận phân tích vũ trụ gồm hai mươi lăm Đế, trừ Minh Đế là chẳng phải sắc, chẳng phải không, chẳng phải tâm, còn lại đều chẳng ra ngoài sắc, không và tâm.

Giác Đế Ngã Tâm, năm Tri Căn, năm Tác Nghiệp Căn, Tâm Bình Đẳng Căn cho đến Thần Ngã thuộc về Tâm. Năm Trần, năm Đại thuộc về Sắc. Không Đại thuộc về Không.

Cái Đế đầu tiên hết gọi là Minh Tánh, suy nghĩ cho là thường tồn. Cái Đế thứ hai mươi lăm gọi là Thần Ngã cũng cho là thường. Thần Ngã suy nghĩ về Thánh cảnh của mình thì Minh Tánh bèn biến đổi thành hai mươi ba Đế còn lại để cho Thần Ngã dùng. Chỗ mà Ngã thọ dụng, thì bị cảnh trói buộc, chẳng được giải thoát. Nếu Ngã chẳng suy nghĩ thì Minh Đế chẳng biến tức không trói buộc, cái Ngã bèn giải thoát. Đây là tông chỉ của phái này.

Ông Cáo Tử dạy rằng : “Chẳng được nơi lời thì chớ cầu nơi Tâm. Chẳng được nơi Tâm, chớ cầu nơi Khí”, rõ là một lối với Minh Đế, có người nói đó là Thiên, thật lắm to !

Kinh : Ông Anan thưa : “Nếu cái tâm tánh của tôi mỗi mỗi đều có chỗ trả về, thì cái Diệu Minh Nguyên Tâm mà Như Lai nói đó sao lại không trả về ? Xin Phật thương xót chỉ bảo cho tôi điều ấy.”

Phật bảo Ông Anan : “Hãy lấy cái Kiến Tinh Minh Nguyên⁽¹⁾ của ông thấy tôi đây. Tuy cái thấy này không phải là cái Minh Tâm Diệu Tinh,⁽²⁾ nhưng nó như mặt trăng thứ hai, chứ chẳng phải là bóng của mặt trăng (trên mặt nước). Ông nên nghe kỹ, nay Ta chỉ cho ông cái nghĩa không thể trả về.

1) Cái Thấy Vốn Sáng.

2) Chân Tâm.

“Này Ông Anan, cái đại giảng đường này mở rộng về phương Đông, khi mặt trời lên thì sáng, nửa đêm không trăng, mây mù mờ mịt thì lại tối tăm. Chỗ có các cửa thì thấy thông suốt, chỗ có tường nhà thì thấy ngăn bít. Chỗ phân biệt được thì thấy cảnh sắc duyên. Chỗ trống rỗng toàn là hư không. Khi bụi nổi lên thì cảnh tượng mù mịt. Mưa tạnh trời quang lại thấy trong sạch.

“Này Ông Anan, ông đều xem rõ các tướng biến hóa ấy. Nay ta trả mỗi thứ về chỗ bản nhân của chúng. Thế nào là bản nhân ? Ông Anan, các thứ biến hóa này : cái sáng trả về cho mặt trời. Vì sao thế ? Vì không mặt trời thì không sáng, ánh sáng thuộc về mặt trời, nên trả về cho mặt trời. Cái tối trả về cho đêm không trăng. Thông suốt trả về cho các cửa. Ngăn bít trả về cho tường vách. Sắc duyên trả về cho phân biệt. Trống rỗng trả về cho hư không. Mù mịt trả về cho bụi bặm, trong sáng trả về cho trời tạnh. Tất cả những sự vật gì trong thế gian đều không ra ngoài những loại ấy.

“Còn cái thấy (Kiến Tinh Minh Tánh) của ông thấy tám thứ kia thì ông định trả về đâu ? Tại sao thế ? Nếu trả nó về cho cái sáng, thì lúc không sáng chẳng thể thấy tối. Tuy là sáng tối các thứ có sai biệt, còn cái thấy không có sai biệt.

“Các thứ có thể trả về, tự nhiên chẳng phải là ông, còn cái không trả về được, không phải chính ông thì là ai ? Thế mới biết rằng tâm ông vốn nhiệm mầu, sáng sạch, ông tự mê muội bỏ mất bốn tánh mà chịu luân hồi sanh tử, thường bị chìm đắm. Thế nên Như Lai gọi là đáng thương xót !”

Thông rằng : Cái thấy phân biệt duyên trần với cái Kiến Tinh Minh Nguyên khác nhau ở chỗ năng, sở. Cái

Kiến Tinh Minh Nguyên đối với cái Minh Tâm Diệu Tinh phân ra ở chỗ thể, dụng. Bởi thế, cái Minh Tâm Diệu Tinh như mặt trăng thật, cái Kiến Tinh Minh Nguyên như mặt trăng thứ hai (do đề lên mắt mà thấy), còn cái thấy phân biệt duyên trần như bóng mặt trăng trong nước.

Trong hư không, nói cho cùng chỉ có tám thứ : sáng, tối, thông, bí... tới, lui, nên nói "Không ngoài các thứ ấy". Cũng phẳng phất tương tự như Bát Quái : trong sáng và mù mịt là tượng của Càn Khôn. Ngày sáng, đêm tối là tượng của Khảm, Ly. Thông, bí là tượng của Cấn, Đoài. Sự phân biệt thuộc động, tượng của Chấn. Tánh hư không tựa gió, nên là tượng của Tốn vậy.

Còn nơi tâm người thì "thông, bí" gồm đủ cả mê, ngộ. "Duyên, sắc, hư không" đủ cả hữu, vô. Đục, trong gồm đủ cả thể trần và giác ngộ. Sáng, tối đủ cả thánh, phàm. Tất cả đều là cảnh. Cảnh thì có sai biệt, cái thấy không có sai biệt. Có sai biệt thì có chỗ trả về, còn không sai biệt thì vốn tự bất động. Các thứ có thể trả về là cảnh, là vật, chẳng phải là ông. Cái "Tự ông" chẳng thể trả về cho vật là cái thấy, chẳng phải vật, đó là cái Chơn Kiến Tinh của ông vậy. Có thể trả về gọi là khách, không trả về đâu được là chủ. Cái Kiến Tinh Minh Nguyên đã là như vậy, hướng gì là cái Chơn Tâm vốn nhiệm mầu, sáng sạch không rơi vào cái thấy, là Ông Chủ ở trong Ông Chủ. Ông Chủ trong Ông Chủ là cái căn bản chẳng sanh chẳng diệt, người người đều sẵn đủ, chẳng ở ngoài đến. Chẳng tự mình làm Ông Chủ, lưu lạc làm khách là cũng bởi không nhận ra mặt trăng thật, mà lại nhận bóng mặt trăng trong nước làm tự tâm, làm sao khỏi đắm chìm sanh tử ?

Có vị tăng hỏi Tổ Tào Sơn : "Cổ đức nói "Hết cả đại địa độc chỉ có một người này", chưa biết là người nào ?"

Tổ Sơn nói : “Chẳng thể có mặt trăng thứ hai.”

Hỏi : “Như thế nào là mặt trăng thứ hai ?”

Tổ Sơn nói : “Cái đó cần lão huynh định lấy !”

Hỏi : “Thế sao là mặt trăng thứ nhất ?”

Tổ Sơn nói : “Nguy !”

Một chữ *Nguy* này đủ thấy Tổ Tào Sơn chẳng dám bỏ mất Tánh Bản Nhiên mà chịu luân hồi, chỗ tối thân thiết vậy.

Thầy Báo Từ Văn Toại thường nghiên cứu Thủ Lăng Nghiêm, ra mắt Tổ Pháp Nhãn, kể lại chỗ sinh sống của mình rất phù hợp với ý chỉ của kinh. Tổ Nhãn rằng : “Kinh Lăng Nghiêm há chẳng có cái nghĩa “*Tám chỗ trả về*” ư ?”

Sư Toại đáp : “Dạ, có.”

Tổ hỏi : “Cái sáng trả về cái gì ?”

Đáp : “Sáng trả về mặt trời.”

Tổ hỏi : “Mặt trời trả về cái gì ?”

Sư Toại ngẩn ngơ, không đáp được. Từ đó, khâm phục Tổ mà cầu học.

Thế mới biết cái chuyện *Ông Chủ trong Ông Chủ* chẳng phải là chỗ mà Chú, Sớ đến được.

Ngài Đoan Sư Tử tụng rằng :

*“Giáo pháp Bát Hoàn có đã lâu
 Từ xưa chư Tổ mỗi phan phui
 Dầu chi hoàn được không hoàn được
 Ấy cũng sức tâm chẳng khỏi thau.”*

(Bát Hoàn chi giáo thùy lai cửu
 Tự cổ tông sư các phân phẫu
 Trực nhiên hoàn đắc bất hoàn thời
 Dã thị hà khiên bất xuất đầu.)

X. LỰA RIÊNG TRẦN CẢNH ĐỂ NÊU RA TÁNH THẤY

Kinh : Ông Anan bạch : “Tuy tôi biết Tánh Thấy ấy không thể trả về đâu, nhưng làm sao biết được đó là Chân Tánh của tôi ?”

Phật bảo Ông Anan : “Nay tôi hỏi ông : hiện ông chưa được đạo quả vô lậu thanh tịnh, nhờ thần lực của Phật mới thấy cõi Sơ Thiên không chướng ngại. Ông A Na Luật thì thấy cõi Diêm Phù Đề như xem quả Am Ma La trong bàn tay. Các vị Bồ tát thấy trăm ngàn cõi. Mười phương Như Lai thì cùng tột các quốc độ thanh tịnh nhiều như vi trần, không chỗ nào không thấy. Còn chúng sanh thì thấy rõ được không quá gang tấc.

“Anan, nay tôi cùng ông hãy xem cung điện của Tứ Thiên Vương, chặng giữa xem khắp các loài Thủy, Lục, Không, Hành. Tuy có nhiều hình tượng sáng tối khác nhau, nhưng không có cái gì không phải là tiền trần phân biệt ngăn ngại. Ông hãy ở đó, phân biệt mình, vật. Nay tôi để ông lựa chọn trong sự thấy đó : cái gì là ngã thể (tự tánh) của ông, cái gì là hình tướng của vật ?

“Anan, cùng tột sức thấy của ông, từ mặt trời, mặt trăng đều là vật chứ chẳng phải ông, cho đến bảy núi Kim Sơn, xem xét cùng khắp tuy có những thứ ánh sáng nhưng cũng là vật chứ không phải ông. Lần lần xem đến : mây kéo, chim bay, gió động, bụi nổi, cây cối, núi sông, cỏ rác, người vật đều là vật chứ không phải là ông.

“Anan, các vật xa gần đó tuy sai khác nhau nhưng đồng do cái thấy (kiến tinh) trong sạch của ông trông thấy, thì các vật đó tuy có sai khác mà tánh thấy không sai khác. Cái Tinh Diệu Minh này thật là tánh thấy của ông.

Thông rằng : Ban đầu, Ông Anan hỏi cái Nguyên Tâm Diệu Minh tại sao không trả về. Đức Phật thấy cái chân tâm ấy không dấu vết, khó mà chỉ bày nên nương vào cái Kiến Tinh Minh Nguyên mà phương tiện chỉ bày. Cái Kiến Tinh rất gần với chân tâm, như mặt trăng thứ hai rất gần với mặt trăng thật. Nhưng cái Thấy này cũng là vọng, cũng cần phải trả về, chỉ có mặt trăng thật ví dụ cho chân tánh là không thể trả về.

Văn sau có nói "Khi thấy mà có tướng thấy, cái thấy này không phải là cái thấy chân thật". Thì há không phải cái thấy này cũng có thể trả về hay sao ? Ông Anan tuy biết cái Kiến Tinh không trả về, đã ngộ được cái nghĩa mặt trăng thứ hai, lại hỏi "Làm sao biết được đó là chân tánh của tôi ?", đó là muốn nghiệm xét cái nghĩa *mặt trăng thứ nhất*, cái tánh không thể trả về này hiện phải có phương tiện nào để khiến ta tự biết, tự tin vậy. Phật vẫn dùng cái Kiến Tinh mà phân tách, chỉ bày : cái *bị thấy* là vật, cái thấy là ông. Vật có sai khác, cái thấy không sai khác. Không sai khác là Kiến Tinh, cái thấy.

Nói "*Trông thấy trong sạch*", là vì tuy nhờ sắc căn trong sạch là con mắt để thấy bốn đại, nhưng cũng do tánh thể trong sạch xưa nay phát khởi, không do tạo tác nên tự mâu đẹp (*Diệu*) mà sáng soi (*Minh*), gọi là tánh thấy. Cái thấy (Kiến Tinh) đã là chân kiến của ông thì cái tánh thấy chẳng phải là chân tánh của ông sao ? Cho nên nói "Cái Tinh Diệu Minh này thật là tánh thấy của ông."

Vốn là tánh thì chỉ có Một. Nhưng cái mức trong sạch của sự thấy thì chẳng bằng nhau, tức là do thấu cùng cái tánh hay chẳng thấu cùng cái tánh mà có sai khác.

Phật nhãn thì cùng tột mười phương quốc độ trong sạch của Như Lai nhiều như vi trần, không chỗ nào là không

thấy. Pháp nhãn là con mắt của chư Bồ tát thì thấy trăm ngàn thế giới. Huệ nhãn là như ông Tu Bồ Đề thấy Pháp thân Phật. Thiên nhãn, như ông A Na Luật thấy cõi Diêm Phù Đề như thấy trái Am Ma La trong bàn tay. Nhục nhãn, là chúng sanh thì thấy không quá gang tấc. Ông Anan chưa được thanh tịnh vô lậu, nhưng nhờ thần lực của Phật nên thấy cõi Sơ Thiên, đó là nhục nhãn mà được thiên nhãn. Chỗ thấy của năm loại nhãn chẳng đồng, nhưng cái thấy thì không hai, nên mới nói là *"Không sai khác"*. Hẳn là phải đến Phật nhãn mới thấu cùng các cõi như vi trần, mới tròn đủ cái dụng của tánh thấy.

Có nhà sư hỏi Tổ Vân Môn : "Như thế nào là Tổ Sư Tây lai ý ?"

Tổ đáp : "Suốt ngày xem núi."

Ngài Đầu Tử tụng rằng :

*"Thản nhiên tăng hỏi lão sư yên
Dường dạng Thiền Dương một câu truyền
Suốt ngày xem núi, tay tiên lộ.
Đêm khuya vượn hú, nguyệt ngoài hiên."*

Hãy nói "Suốt ngày xem núi" là chỉ cái thấy hay chỉ tánh thấy, đối cùng "Tổ Sư Tây lai ý" hiểu thế nào đây ?

Ngài Vân Cư Trí nói rằng : "Cái tánh trong sạch xưa nay trong lặng, chẳng có một chút động lay, không thuộc hữu, vô, lìa ngoài nắm, bỏ, tánh thể lầu lầu, vốn tự như nhiên. Thấy rõ ràng như vậy, mới gọi là thấy tánh (kiến tánh). Tánh tức Phật, Phật tức Tánh nên nói là *"Kiến tánh thành Phật"*.

Hỏi : "Tánh vốn trong sạch, chẳng thuộc hữu, vô sao lại còn có thấy ?"

Đáp : “Thấy không chỗ thấy.”

Hỏi : “Đã không có chỗ thấy, sao lại còn có tánh ?”

Đáp : “Kiến xứ (chỗ thấy) cũng không.”

Hỏi : “Như vậy thì khi thấy là ai thấy ?”

Đáp : “Không người để thấy.”

Hỏi : “Rốt cùng thì như thế nào ?”

Đáp : “Tính toán hư vọng mà cho là có, liền có năng, sở : bèn mang tiếng là mê. Theo cái thấy hư vọng đó sanh chuyện hiểu biết, liền đọa sanh tử. Người thấy biết rõ ràng thì chẳng có vậy. Suốt ngày thấy mà chưa hề thấy. Tìm cầu danh, xứ, thể, tướng bèn chẳng có được. Năng, sở đều dứt tuyệt, gọi là thấy tánh.”

Hỏi : “Cái tánh này trải khắp cả thấy nơi chẳng ?”

Đáp : “Không đâu chẳng khắp.”

Hỏi : “Phàm phu đủ chẳng ?”

Đáp : “Đã nói là không đâu chẳng khắp thì phàm phu sao lại chẳng đủ ?”

Hỏi : “Cớ sao chư Phật, Bồ tát chẳng bị sanh tử ràng buộc, mà chỉ có phàm phu bị trói cột vào cái khổ này, thì sao lại trải khắp ?”

Đáp : “Phàm phu ở ngay trong tánh trong sạch này vọng thấy có năng, có sở : bèn sa vào sanh tử. Chư Phật, Bồ tát khéo biết trong tự tánh trong sạch nào có hữu, vô nên chẳng lập năng, sở.”

Hỏi : “Nếu nói như vậy thì có người hiểu, người chẳng hiểu hay sao ?”

Đáp : “Cái hiểu còn chẳng thể được, há có người hiểu sao ?”

Hỏi : “Tột lý như thế nào ?”

Đáp : “Ta lấy yếu lý mà nói, ông phải biết rằng trong tánh trong sạch không có hữu, vô, phàm, thánh ; cũng chẳng có người hiểu, người không hiểu. Phàm với thánh, cả hai chỉ có danh. Nếu theo danh mà khởi sanh hiểu biết liền đọa vào sanh tử. Nếu biết mọi sự đều giả danh, không thật, tức thì không có cái mang danh.”

Ngài lại nói : “Đây là chỗ tốt rất ráo : như cho rằng ta hiểu, kia chẳng hiểu, tức là đại bệnh. Thấy có phàm thánh, dơ sạch, cũng là đại bệnh. Khởi niệm không có phàm thánh, lại là bác không có nhân quả. Thấy có cái tánh trong sạch để có thể trụ dừng, cũng là đại bệnh. Khởi kiến giải chẳng có trụ dừng cũng là đại bệnh. Như vậy, trong tánh trong sạch, chẳng phá hoại phương tiện ứng dụng mà hưng vận từ bi. Như thế, chỗ đạo tràng hưng vận đó, tức toàn tánh trong sạch, nên nói là *thấy tánh thành Phật*.”

Lời dạy trên của Tổ Vân Cư rất gần với câu “*Thấy tánh do là tướng thấy*” của kinh, nên trích ra đầy đủ.

Kinh : “Nếu cái thấy là vật thì chắc ông cũng có thể thấy được cái thấy của Ta. Nếu ông cho rằng khi chúng ta cùng thấy sự vật là ông thấy cái thấy của Ta, thì khi ta không thấy sao ông không thấy được chỗ không thấy của Ta ? Nếu cho là ông thấy được cái không thấy của Ta, thì cái không thấy của Ta làm gì có tướng để cho ông thấy ? Còn nếu không thấy được *chỗ* không thấy của Ta thì cái thấy tự nhiên chẳng phải là vật, sao nó lại chẳng phải là ông ?

Thông rằng : Quả là Đức Phật nêu lên cái ý của Ông Anan, thế giới như cái lồng đèn trên cây cột, đều có danh, có tướng thì “*Cái Kiến Tinh Minh Nguyên* là cái vật gì, xin

“khiến cho tôi được biết ?” Phật bèn gợi ý rằng : “Khi ta thấy cái đài hương, thì ông làm sao ?”

Anan nói : “Tôi cũng thấy đài hương, tức là thấy chỗ thấy của Phật.”

Đức Phật nói : “Ta thấy cái đài hương thì ông cũng dễ biết, còn khi ta chẳng thấy đài hương, thì ông thế nào ?”

Anan đáp : “Tôi cũng không thấy cái đài hương, tức là thấy chỗ chẳng thấy của Phật.”

Đức Phật nói : “Ông nói rằng khi không thấy thì tự ông biết. Vậy thì cái chỗ không thấy của người khác, ông làm sao mà biết được ?”

Người xưa đến trong *cái Ấy*, chỉ khá tự mình biết lấy, với người khác nói chẳng được ! Chỉ như Thế Tôn nói : “Khi Ta không thấy, cũng như con linh dương treo sừng, tiếng vang, dấu vết, tin tức đều tuyệt dứt, ông hướng về đâu tìm kiếm ?”

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng :

*“Toàn tượng (voi), nguyên trâu mù hết thấy
Xưa nay gây nghiệp, gọi chung khuôn
Như nay muốn gặp Hoàng Đầu Lão⁽¹⁾
Cõi Phật vi trần tại giữa đường.”*

Ngài Tuyết Đậu đưa ra con mắt giáo pháp, chỉ tụng thấy Phật. Ngài Thiên Đồng thâm đắc ý kinh, tụng chỉ ngay cái chân kiến.

Tụng rằng :

¹⁾ Chỉ Phật.

*“Biển cả giọt khô, hư không đầy ứ
 Thầy tu lỗ mũi dài, Cổ Phật đầu lưỡi cụt
 Đàn vừa qua chín khúc, thể ngọc một phen đổi
 Ngay đó gặp nhau, ai biết hẳn
 Mới tin người ấy chẳng bạn bè.”*

Tắc này là cơ duyên của hai lớp công án, hết sức phát huy mà chỉ nói được một nửa !

Kinh : “Lại nữa, nếu cái thấy là vật thì đang khi ông thấy vật, ông đã thấy vật rồi thì vật cũng phải thấy ông. Thế là thể và tánh xen lộn, tức là ông với Ta cùng với cả thế gian không an lập được.

“Ông Anan, nếu khi ông thấy, đó chính là ông nào có phải Ta, thì cái tánh thấy cùng khắp đó chẳng phải là chính ông thì còn là ai ? Tại sao lại tự nghi chân tánh của mình. Tánh của ông vốn không chân hay sao mà bám lấy Ta cầu tìm cái thật ?”

Thông rằng : Bộ Hiệp Luận nói rằng : “Nghĩa của đoạn kinh này phát sanh từ một câu “*Làm sao biết đó là chân tánh của tôi ?*” Nên Đức Thế Tôn mới khai thị cái tướng của sự không thấy để khiến hiểu rõ chân tánh mà chẳng nên tìm cầu ở nơi phân biệt.”

Ngài Mã Minh nói : “Tất cả Như Lai đều là Pháp thân, bởi vì không có cái thấy kia-đây, sai khác, đồng nhau”. Nên nói rằng “Nếu thấy *cái chẳng thấy* thì tự nhiên đó không phải là *cái tướng không thấy* của người kia”. Nói “*chẳng phải người kia*” thì chỉ là *cái tướng chẳng thấy* của Anan đó thôi, mà không phải là *cái chẳng thấy* của Đức Thế Tôn. Vậy ắt là chỗ không thấy của Thế Tôn thì Anan không thể thấy được, chỉ có Thế Tôn thấy được. Nên nói rằng “Nếu không

thấy được chỗ không thấy của Ta, thì cái thấy của ông *chẳng phải là vật*". Nói "*Chẳng phải vật*" không phải là cái thấy của Thế Tôn, mà chỉ là cái tướng của *cái chẳng thấy của Anan*. Nếu Đức Thế Tôn cũng thấy *cái thấy của Anan* và Anan cũng thấy *cái thấy của Thế Tôn* thì tức là cái tánh thấy trong sạch thành ra cái vật có hình tướng. Nên mới nói "Thế, tánh lộn xộn chẳng có an lập". Cái chỗ *chẳng thấy* là chỗ căn bản, quyết chẳng thể nào thấy được. Cũng như trồng cây mà hằng ngày cứ moi rễ lên xem thì cây sống sao được.

Ngài Phó Đại sĩ có bài kệ :

*"Có vật trước trời đất
Vốn phẳng lặng không hình
Hay làm chủ muôn tượng
Chẳng theo bốn mùa tàn."*

Bài này chỉ ra rõ ràng cái chân tánh, chẳng phải là chỗ cái thấy đến được. Vậy mới là mặt trăng thứ nhất, chứ chẳng phải riêng cái Kiến Tinh Minh Nguyên mới là không thể thấy được mà thôi đâu.

Đoạn kinh này ý nghĩa rất vi diệu, không có chỗ nào chẳng phát minh cái Tinh Diệu Minh, thật là cái tánh thấy của ông. Sao lại nói : "Cái thấy này là ông chứ không phải là vật" ? Sở dĩ nói "*Cái thấy không phải là vật*", vì nếu cái thấy là vật, thì cái thấy của tôi, ông có thể thấy. Nhưng cái thấy của tôi thì hẳn là ông không thể thấy được. Nếu bảo khi ông và tôi cùng thấy là ông thấy cái thấy của tôi, thì khi tôi thấy, ông có thể thấy *cái thấy ấy*. Còn khi tôi không thấy, thì ông vẫn thấy được chứ tại sao lại không được ? Nếu bảo rằng khi tôi thấy, thì thấy *cái thấy ấy* ; khi tôi không thấy thì thấy *cái chẳng thấy* mà cho đó là thấy chỗ *chẳng*

thấy của tôi, thì đã tự mình không thấy chứ sao lại nói là thấy được cái tướng không thấy của tôi ? Muốn lấy cái tướng *chẳng thấy* của tôi làm chỗ thấy của ông, rõ ràng đó là cái tướng của thấy mà chẳng phải là cái tướng của không thấy. Cái *chỗ chẳng thấy* đó hẳn nhiên ông không thể thấy được. Khi *chỗ chẳng thấy* đã không thể thấy, vậy khi cùng thấy cũng chẳng có thể thấy. *Thấy* cùng *chẳng thấy* đều không thể chỉ ra, thì cái thấy của tôi rõ ràng chẳng phải là vật.

Cái thấy của tôi đã không phải là vật thì cái thấy của ông rõ ràng cũng không thể là vật. Cái thấy của ông đã chẳng phải vật, tức là không thuộc về vật, tại sao chẳng phải là ông ? Đây tức là lấy sự *chẳng thể thấy* để biện rõ cái chẳng phải là vật vậy. Giả sử có thể thấy được, thì cái thấy cũng là vật thì làm sao làm chủ muôn tượng mà an lập thế gian ? Cho nên, có cái không hình mới hiện ra hình tướng, có cái không phải vật mới hay biết sự vật.

Cái thấy của tôi, cái thấy của ông, đã chẳng phải vật thì chẳng có ranh giới giáp nhau, đầy khắp pháp giới, không thiếu hụt, dư thừa chỗ nào. Hữu tình và vô tình đều do cái ấy mà kiến lập, gọi đó là chân tánh. Cái tánh mà chẳng thật là ông, thì cái thấy cũng chẳng thuộc về ông mới phải. Nhưng rõ ràng cái thấy là của ông mà chẳng phải là của tôi, thì cơ sao lại tự nghi nó chẳng chân thật, mà phải bám vào Ta để cầu xin cái thật ? Giả sử ta có thể đem cho ông được, thì chẳng phải là cái chân thật của ông vậy.

Có vị sư hỏi Thiên sư Thượng Lam Siêu : “Thế nào là việc bốn phận của Thượng Lam ?”

Tổ Lam rằng : “Chẳng theo ngàn thánh mượn. Há hướng vạy sự cầu ?”

Nhà sư hỏi : “Không mượn, không cầu, thì như thế nào ?”

Tổ Lam rằng : “Chẳng thể cầm nắm. Trong tay Xà lê đưa ra được ư ?”

Tổ Đơn Hà tụng rằng :

*“Một phiến Linh Minh vốn diệu viên
 Ở trong không chánh cũng không thiên⁽¹⁾
 Núi báu, cỏ lành không gốc rễ
 Chẳng đợi Chúa Xuân, sắc tự nhiên.”*

(Nhất phiến Linh Minh bốn diệu viên
 Cá trung phi chánh diệc phi thiên
 Bửu phong thoại thảo vô căn đế
 Bất đãi Xuân Công sắc tự tiền.)

Ngộ chỗ này ắt biết chân tánh vốn không vật. Không vật thì không hỗn tạp. Không hỗn tạp nên vật và ta đồng nguồn, hồn nhiên đầy đủ. Nếu hướng theo người tìm cầu cho được, đều là chẳng phải.

Kinh : Ông Anan bạch Phật rằng : “Thưa Thế Tôn, nếu cái tánh thấy ấy thật là tôi chứ không phải ai khác, thì khi tôi cùng Như Lai xem cung điện quý báu của Tứ Thiên Vương, xem mặt trời, mặt trăng, cái thấy ấy cùng khắp cõi Ta Bà, khi lui về tịnh xá thì chỉ thấy cảnh vườn chùa, đến khi thanh tâm nơi phòng chái thì chỉ thấy một chái nhà. Thưa Thế Tôn, cái thấy như thế, thể của nó xưa nay cùng khắp một cõi. Vậy mà nay ở trong phòng thì chỉ thấy một phòng, thế là cái thấy rút lại từ lớn thành nhỏ hay tường nhà chia cắt làm cho đứt đoạn ? Nay tôi không biết nghĩa đó thế nào, xin Thế Tôn vì tôi từ bi chỉ rõ.”

¹⁾ Nghiêng.

Phật bảo Ông Anan : “Tất cả mọi thứ trong, ngoài, lớn, nhỏ của thế gian đều thuộc về tiền trần, không nên nói cái thấy có co, có duỗi. Ví như trong đồ vật hình vuông thì thấy hư không vuông. Ta lại hỏi ông : Cái hư không vuông ở trong đồ vật vuông ấy là nhất định vuông hay không nhất định vuông ? Nếu nhất định vuông, thì khi thay cái đồ vật tròn vào lẽ ra hư không không tròn ! Nếu không nhất định thì tại trong đồ vật vuông lẽ ra đã không có hư không vuông ! Ông nói : Không biết nghĩa ấy do đâu ; nghĩa đó như thế, chứ còn do đâu nữa ?

“Anan, nếu muốn vào được cái không vuông, không tròn thì chỉ cần trừ bỏ cái vuông của đồ đạc, chứ cái thể của hư không thì vốn không vuông. Chẳng nên nói rằng : Lại phải trừ cả cái tướng vuông của hư không nữa !

“Lại như lời ông hỏi : Khi vào phòng, rút cái thấy làm cho nhỏ lại, vậy thì khi ngẩng xem mặt trời, há lại kéo cái thấy lên bằng mặt trời ? Nếu xây tường nhà mà chia cắt cái Thấy làm cho đứt đoạn, thì khi xoi một lỗ nhỏ, sao lại không thấy dấu nối ? Nghĩa ấy không đúng vậy !

“Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, mê mình mà làm vật, bỏ mất bản tâm, bị vật xoay chuyển, cho nên ở trong đó mà thấy lớn thấy nhỏ. Nếu có thể chuyển được vật thì đồng với Như Lai, thân tâm tròn sáng. Đó là Đạo Tràng Bất Động, trên đầu một mảy lông, trùm chứa mười phương quốc độ.”

Thông rằng : Ông Anan nói “Tánh thấy có khắp chính là tôi chứ không ai khác. Thì chỗ thấy của tôi cũng đồng với Phật nhãn, tại sao khi xem mặt trời, mặt trăng thì khắp cõi Ta Bà, mà nay ở trong nhà thì chỉ đầy một nhà, vậy là cái thấy này có co duỗi, lớn bé chẳng đồng, sao lại bảo là

không sai khác ?” Đó là không biết rằng có lớn, có bé là do ở tiền trần, chớ chẳng quan hệ gì tới cái tánh thấy. Ví như vuông, tròn là do ở đồ vật, nào dính dáng gì đến hư không. Ở trong đồ vật mà xem hư không thì hình như có tướng vuông, tròn. Chỉ dẹp bỏ đồ vật đi, thì hư không ắt chẳng có vuông, tròn nào có thể chỉ ra được. Duyên theo trần mà xét cái thấy thì hình như có tướng co, duỗi. Chỉ lia tiền trần, thì tánh thấy vốn chẳng có co duỗi nào có thể được. Cái thấy mà xoay chuyển theo tiền trần, cũng như xét hư không mà chẳng ở trong chính thái hư, lại nhìn trong một món đồ.

Thế nên, ở trong ấy thấy lớn thấy nhỏ, đó là mê mình là vật vậy. Còn nếu chuyển được vật, tức thì tất cả sắc đều là Phật sắc, tất cả mọi cái thấy đều là cái thấy của Phật. Một phen thân tâm quang dăng, rỗng không thì vật không còn chướng ngại, nên nói là thân tâm tròn sáng. Ở trong cái Viên đó, một tức là tất cả, nơi đâu một mảy lông trùm chứa khắp mười phương quốc độ, lại chẳng đồng với Phật nhãn sao ?

Có vị tăng hỏi Ngài Huỳnh Bá : “Đã nói tánh tức là thấy, thấy tức là tánh. Nếu như tánh vốn không chướng ngại, không giới hạn thì sao cách vật chẳng thấy ? Lại như trong hư không, gần thì thấy, xa thì không thấy là thế nào ?”

Tổ Huỳnh Bá nói : “Đó là ông vọng sanh dị kiến. Nếu cách vật thì nói là không thấy, không có vật ngăn ngại thì nói là thấy, rồi cho là tánh có cách ngại thì quả là chẳng hiểu gì cả. Tánh chẳng phải thấy, chẳng phải không thấy. Pháp cũng chẳng phải thấy, chẳng phải không thấy. Như người thấy tánh thì chỗ nào mà chẳng phải là bốn tánh của mình ? Nên chi sáu đường, bốn loại, núi sông, đất đai đều là cái tánh trong sạch sáng suốt của ta. Thế mới nói :

thấy sắc tức là thấy tâm. Sắc và tâm chẳng hai, chỉ vì giữ lấy cái tướng mà khởi sanh thấy, nghe, hay, biết. Trừ bỏ vật trước mặt mới cho là thấy, tức là sa vào kiến giải nương theo sự thấy, nghe, hay, biết của hàng Nhị thừa. Trong hư không mà gần thì thấy, xa thì chẳng thấy, đó thuộc về ngoại đạo. Rõ ràng là : Đạo chẳng ở trong cũng chẳng ở ngoài, chẳng gần cũng chẳng xa. Quá gần mà không thể thấy, đó là tánh của muôn sự muôn vật. Quá gần mà còn không thể thấy, huống là nói "Xa nên chẳng thể thấy", thì đâu có ý nghĩa gì ?"

Tổ Kính Thanh hỏi nhà sư : "Tiếng gì ngoài cửa vậy ?"

Nhà sư rằng : "Tiếng giọt mưa."

Tổ Thanh rằng : "Chúng sanh điên đảo, mê mình theo vật."

Nhà sư hỏi : "Hòa thượng như thế nào ?"

Tổ Thanh rằng : "Nhuần nhã chẳng làm lạc mình."

Nhà sư hỏi : "Nhuần nhã chẳng làm lạc mình, ý chỉ thế nào ?"

Tổ Thanh rằng : "Lìa thân (xuất thân) còn khá dễ, thoát thể nói khó thay !"

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng :

*"Nhà im, tiếng giọt mưa
 Nhà sư khó đáp lại
 Nếu bảo từng Nhập Lưu⁽¹⁾
 Như trước, sao chẳng hiểu !
 Hiểu, chẳng hiểu ?
 Non nam, núi bắc chuyển mưa rào."*

¹⁾ Vào dòng.

Đây khá gọi là khắp pháp giới chẳng từng che dấu vậy.

Có nhà sư hỏi Tổ Cốc Âm Thông : “Nếu hay chuyển vật, tức đồng Như Lai. Muôn tượng là vật, làm sao chuyển được ?”

Tổ Thông đáp : “Ăn cơm rồi, tuyệt không ý trí. Như có ý trí, tức bị vật chuyển vậy.”

Lai có vị sư hỏi Ngài Thiệu Quốc sư : “Thế nào là *Chuyển vật tức đồng Như Lai* ?”

Tổ Thiệu đáp : “Ông gọi cái gì là vật ?”

Nhà sư nói : “Như thế tức là đồng với Như Lai ?”

Tổ Thiệu nói : “Đừng làm con giả can mà tru ! Suy nghĩ so sánh chuyện đồng với Như Lai, tức xa ngàn dặm, vạn dặm !”

Có nhà sư hỏi Tổ Triệu Châu : “Trong mười hai thời dụng tâm thế nào ?”

Tổ Châu nói : “Ông bị mười hai thời sai sử, lão tăng sai sử được mười hai thời.”

Đó là sự chuyển vật chân thật vậy.

Ngài Bạch Vân Đoan tụng rằng :

*“Nếu hay chuyển vật tức Như Lai
Xuân ấm hoa rừng chốn chốn khai
Vẫn có một đôi tay khô đét
Chưa từng rẻ rúng múa ba đài.”*

(Nhược năng chuyển vật tức Như Lai
Xuân noãn sơn hoa xứ xứ khai
Tự hữu nhất song cùng tướng thủ
Bất tằng dung dị vũ tam đài.)

Ngài Chơn Như Triết tụng rằng :

*“Nếu hay chuyển vật tức Như Lai
Cửa mở nơi nơi, thấy Thiện Tài
Trong ngô liễu hoa bày nhảy múa
Say theo chín nẻo, ngủ lâu dài.”*

(Nhược năng chuyển vật tức Như Lai
Xứ xứ môn khai kiến Thiện Tài
Hoa liễu hạng trung trình vũ hý
Cửu cù thừa túy ngoạn lâu dài.)

Nơi đâu một mảy lông trùm chứa khắp mười phương quốc độ. Với Phật nhãn, thế giới hiện toàn chân chắc được, còn chúng sanh có thể như vậy không ?

Ông Thứ sử đất Giang Châu là Lý Bột hỏi Tổ Quy Tông : “Trong kinh giáo có nói : “Núi Tu Di ngậm chứa hột cải”, thì Bột này chẳng nghi. Nhưng nói : “Hột cải ngậm chứa núi Tu Di”, thì phải chăng là nói dối ?”

Tổ Tông nói : “Người ta đồn Thứ sử đọc vạn quyển sách, có thật không ?”

Đáp : “Có vậy.”

Tổ Tông nói : “Rờ từ đầu đến gót chỉ như trái dưa lớn, vậy vạn quyển sách để ở chỗ nào ?”

Ông Lý Bột cúi đầu mà thôi.

Do đây mà suy, tâm lượng của chúng sanh cùng với Như Lai nào có sai khác !



MỤC BA :

PHẬT NÊU RA TÁNH THẤY NGOÀI CÁC NGHĨA “PHẢI” VÀ “CHẲNG PHẢI”

I. NGHI TÁNH THẤY HIỆN Ở TRƯỚC MẮT

Kinh : Ông Anan bạch Phật rằng : “Thưa Thế Tôn, nếu cái thấy đó (Kiến Tinh) thật là Diệu Tánh của tôi, thì cái Chân Tánh đó hiện đang ở trước mắt tôi. Cái thấy đó thật là tôi, thì thân tâm tôi hiện giờ lại là vật gì ? Mà nay thân tâm này thật có phân biệt, còn cái thấy kia lại không phân biệt riêng gì với thân tôi. Nếu nó thật là tâm tôi, khiến cho tôi hiện nay có thấy, thì cái tánh thấy ấy thật là tôi mà thân này không phải là tôi. Thế thì đâu có khác gì trước kia Như Lai đã hỏi vặn rằng “Vật thấy được tôi”. Xin Phật rũ lòng đại từ, mở bày cho kẻ chưa ngộ.”

Thông rằng : Đoạn trước nói “*Nhận vật lấy làm mình*”, đoạn này nói “*Mê mình làm vật*”. Trước thì “*Ở nơi vọng mà lựa chọn cái chân*”, tức là Tự Thân Mình mà lại gọi là vật. Ở đây thì “*Lấy chân mà hòa với vọng*”, thì muôn vật không có gì chẳng phải là mình. “*Ở nơi vọng mà chọn lựa cái chân*”, mà nói mình và vật khác nhau, còn có thể tự biện ra. Chứ đến chỗ “*Lấy chơn mà hòa với vọng*” để nói ta với vật đều đồng thì thật là khó hiểu. Vì thế Anan nói “Nếu hay chuyển được vật tức đồng Như Lai”. Vậy thì cái thấy này có khắp pháp giới, chỗ thấy là núi là sông đều là Diệu Tánh của ta đó, nhỉ. Nay cái Diệu Tánh này bày trước mặt ta. Nếu cái thấy ở trước mặt đã là chân tánh của ta, thì cái thân tâm phụ thêm này lại là cái gì ? Nếu nói cái thân tâm chẳng

phải là tánh thì hiện giờ thân tâm vẫn hay biết rành rẽ. Nếu nói cái bày trước mặt đều là tánh thì cái thấy đó chẳng phân biệt được thân ta.

Nếu nói cái thấy ấy vô hình, hỗn nhiên cùng vật đồng thể, đúng là bốn tâm ta, có cảm mà ứng, khiến cho ta hiện giờ có thể thấy được, vậy tánh thấy chính thật là ta, đầy khắp trước mặt, mà sao lại có một cái thân trơ trọi ù lì lại chẳng phải là ta ! Nào khác gì trước đây Như Lai đã hỏi vặn “Ông đã thấy vật, vật cũng phải thấy ông”. Cái thấy này cũng bèn là ở ngoài, sao lại nói được đó là chơn tánh của ta ?

Cứ theo chỗ thấy của Ông Anan tựa hồ trộm thấy được cái Tịch Diệt hiện tiền. Chỉ vì ngã kiến chưa trừ, ánh sáng chưa thấu thoát, trước mặt còn mơ hồ có vật, nên chưa thể hòa lẫn “ta-vật”, tiêu hết “phải-trái” vậy.

Tổ Thạch Đầu nhân xem bộ Triệu Luận đến chỗ “Hội muôn vật làm mình, thì chỉ có bậc thánh nhân mà thôi. Không có mình nên không có chỗ nào chẳng phải là mình ! Pháp thân không hình tượng, ai đâu có ta-người ? Gương tròn chiếu diệu giữa hư không, muôn vật nhiệm mầu mà tự hiện. Gương Trí còn chẳng phải một, nào nói được chuyện đến-di ?”

Tuyệt làm sao lời nói ấy !

Sau này có vị tăng hỏi Tổ Trường Sa : “Làm sao chuyển được núi sông, quốc độ trở về nơi mình ?”

Tổ Sa nói : “Làm sao chuyển được tự mình thành núi sông, quốc độ ?”

Tăng nói : “Thưa, chẳng hiểu.”

Tổ Sa nói :

*“Dưới thành Hồ Nam thích nuôi dân.
Gạo rẻ, củi nhiều đủ bốn phương.”*

Vị tăng không có lời nói. Ngài bèn khai thị bằng bài kệ :

*“Ai nói sông núi chuyển ?
Sông núi chuyển về đâu ?
Viên thông không hai phía
Pháp tánh vốn không về.”*

(Thùy vấn sơn hà chuyển
Sơn hà chuyển hướng thùy
Viên thông vô lưỡng ban
Pháp tánh bốn vô quy.)

Đọc lời của hai vị Tôn túc mà có nghi cái nghi của Ông Anan, thì có thể *vỡ lở băng tan* vậy.

II. CHỈ RA KHÔNG CÓ CÁI GÌ TỨC LÀ CÁI THẤY

Kinh : Phật bảo Ông Anan : “Nay ông nói rằng *“Cái thấy ở trước mắt ông”*, nghĩa ấy không đúng. Nếu thật ở trước mắt ông và ông thật thấy được thì cái thấy ấy (Kiến Tinh) đã có chỗ ở, không phải không thể chỉ ra được. Nay tôi và ông ngồi trong rừng Kỳ Đà, trông khắp rừng, suối và các điện, đường, trên đến mặt trời, mặt trăng, trước đối có sông Hằng. Nay ông bây giờ trước tòa sư tử của tôi, đưa tay chỉ bày trong các thứ hình tướng kia : chỗ im mát là rừng, cái sáng là mặt trời, ngăn ngại là vách, thông suốt là hư không, như thế cho đến cỏ cây, mảy mún, nhỏ lớn khác nhau, nhưng đã có hình thì không cái gì là không chỉ thẳng ra được. Vậy, nếu quả cái thấy hiện ở trước mắt ông, thì ông hãy lấy tay chỉ rõ đích xác

cái gì là cái thấy. Anan, ông nên biết : nếu hư không là cái thấy thì hư không đã thành cái thấy, cái gì mới là hư không ? Nếu vật là cái thấy, thì vật đã thành cái thấy, cái gì mới là vật ? Ông hãy chia chẻ tỉ mỉ muôn tượng để tách ra cái thấy trong sạch, sáng suốt mà chỉ bày cho Ta như các vật kia, rõ ràng không nhầm lẫn.”

Ông Anan bạch Phật : “Nay tôi ở trong giảng đường này, xa trông đến sông Hằng, trên đến mặt trời, mặt trăng. Đưa tay chỉ ra, đưa mắt mà xem thì những cái chỉ ra được đều là vật, chứ không có cái gì là cái thấy. Thế Tôn, như lời Phật dạy, chẳng những hàng hữu lậu sơ học, Thanh Văn như chúng tôi, mà cho đến các vị Bồ tát cũng không thể ở nơi hiện tượng muôn vật chỉ ra cái thấy mà lia ngoài tất cả vật lại có riêng tự tánh.”

Phật nói : “Đúng thế, đúng thế !”

III. CHỈ RA KHÔNG CÓ CÁI GÌ RA NGOÀI TÁNH THẤY

Phật lại bảo Ông Anan : “Như lời ông nói : Không có cái thấy mà lia ngoài tất cả vật lại riêng có tự tánh, do đó trong tất cả các vật chỉ ra được, không có cái gì là cái thấy cả. Nay ta lại bảo ông : Ông cùng Như Lai ngồi trong rừng Kỳ Đà, lại xem vườn rừng cho đến mặt trời, mặt trăng, đủ thứ hình tượng khác nhau, chắc không có cái thấy cho ông chỉ ra được. Vậy ông hãy phát minh trong các vật đó, cái gì chẳng phải là cái thấy ?”

Ông Anan bạch : “Quả thật, tôi nhìn khắp rừng Kỳ Đà này chẳng biết trong đó có cái gì không phải là cái thấy. Tại sao thế ? Nếu cái cây chẳng phải là cái thấy thì làm sao thấy được cây ? Còn nếu cái cây là cái thấy thì sao lại là cây ? Như thế cho đến nếu hư không chẳng phải

là cái thấy, thì làm sao thấy hư không. Nếu hư không tức là cái thấy, thì sao lại là hư không ? Tôi lại suy nghĩ : Trong muôn vật đó, phát minh cho kỹ lưỡng, thật không có cái gì chẳng phải là cái thấy cả.”

Phật nói : “Đúng thế, đúng thế !”

Thông rằng : Ông Anan đã biết “Cái chỉ được đều là vật, không có cái gì là cái thấy” thì thân tâm ta cho đến núi sông bên ngoài, không có tánh thấy riêng biệt có thể chỉ ra được, mà sao lại nói “Nay cái Diệu Tánh ấy hiện bày trước mặt tôi ?” Hơn nữa, đã biết “Trong muôn tượng, không có cái gì chẳng phải là cái thấy” ; tức thân tâm ta cho đến núi sông bên ngoài không có cái gì chẳng phải là tánh thấy, sao lại còn hỏi “Tánh thấy thật là tôi, mà thân chẳng phải là tôi ?”

Đức Thế Tôn bèn khiến ông tự phát huy, khiến cái nghi ngờ từ trước được giải tan ngay.

Xưa, thầy Thủ tòa Tử Chiêu hỏi Hòa thượng Pháp Nhân : “Hòa thượng khai đường kế pháp người nào ?”

Tổ Nhân rằng : “Ngài Địa Tạng.”

Thầy Chiêu nói : “Rất phụ phàng Tiên sư Trường Khánh !”

Tổ Nhân : “Tôi chẳng hiểu một lời chuyển ngữ của Ngài Trường Khánh.”

Thầy Chiêu nói : “Sao không hỏi ?”

Tổ Nhân : “Ở trong muôn tượng, lộ riêng thân⁽¹⁾ ý là sao ?”

Thầy Chiêu bèn dựng đứng cây phất tử.

¹⁾ Vạn tượng chi trung độc lộ thân.

Tổ Nhân : “Đó là cái học được ở chỗ Ngài Trường Khánh, còn riêng Thủ tòa thì sao ?”

Thầy Chiêu không nói được.

Tổ Nhân nói : “Chỉ như Ở trong muôn tượng, lộ riêng thân, đó là bác bỏ muôn tượng hay không bác bỏ muôn tượng ?”

Thầy Chiêu đáp : “Chẳng bác bỏ.”

Tổ Nhân nói : “Hai cái !”

Hỏi những người chung quanh, đều nói : “Bác bỏ muôn tượng.”

Tổ Nhân nói : “Ở trong muôn tượng, lộ riêng thân, cái Phù trừ quý !”

Về sau, Thượng tọa Tử Phương cũng từ Trường Khánh đến. Tổ Nhân lại đưa ra câu nói ấy.

Thầy Tử Phương cũng dựng phất tử.

Tổ Nhân nói : “Như thế này thì lại tranh cãi được !”

Thầy Phương nói : “Tôn ý của Hòa thượng như thế nào ?”

Tổ Nhân đáp : “Kêu cái gì làm muôn tượng ?”

Thầy Phương : “Người xưa chẳng bác bỏ muôn tượng !”

Tổ Nhân nói : “Ở trong muôn tượng, lộ riêng thân. Nói gì bác, chẳng bác ?”

Thầy Tử Phương bỗng tỏ ngộ lời nói trước của Tổ Pháp Nhân.

Cái loại cơ duyên này vốn từ chỗ Ngài Địa Tạng mà đắc, làm sao chẳng phải nối pháp Ngài Địa Tạng !

Mới đầu, Tổ Pháp Nhân cùng với Thầy Thiệu Tu, Pháp Tấn ba người đi đến Ngài Địa Tạng. Ngồi sưởi mà bàn về bộ Triệu Luận. Đến câu “Trời đất cùng ta đồng gốc”, Ngài

Địa Tạng hỏi : “Núi sông, đất đai với tự kỷ của Thượng tọa là đồng hay khác ?”

Ngài Pháp Nhãn đáp : “Khác.”

Tổ Tạng đưa lên hai ngón tay.

Ngài Nhãn nói : “Đồng.”

Tổ Tạng lại đưa lên hai ngón tay, rồi đứng lên bỏ đi.

Tuyết ngưng, ba người từ giã ra về.

Tổ Tạng đưa tiền ra cửa, rồi nói : “Bình thường, Thượng tọa hay nói “Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức”. Bèn chỉ phiến đá ngoài sân, hỏi : “Hãy thử nói phiến đá kia là ở trong tâm hay ở ngoài tâm ?”

Ngài Pháp Nhãn nói : “Ở trong tâm.”

Tổ Tạng nói : “Người hành cước vì lý do nào mà lại để phiến đá ở trong tâm ?”

Ngài Pháp Nhãn cùng quần, không sao đáp được, bèn ném áo xuống chiếu, ở lại để cầu quyết trạch. Hơn một tháng, ngày kia Ngài trình kiến giải, nói cái lý đạo.

Tổ Tạng nói : “Phật Pháp chẳng phải như thế.”

Ngài Pháp Nhãn nói : “Tôi đã hết lời, tuyệt lý rồi.”

Tổ Tạng nói : “Nếu luận Phật Pháp, thì hết thấy hiện thành.”

Ngài Pháp Nhãn, ngay dưới câu nói đại ngộ. Mới tin rằng chỗ học được với Ngài Trường Khánh là chưa tới.

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

“Lìa niệm : thấy Phật

Dẹp trần : ra kinh

Hiện thành gia pháp

Nào lập môn đình ?

*Trăng cùng thuyền lướt, sông trong vắng
Xuân theo ngọn cỏ ngấn tươi xanh
Bác, chẳng bác – Nghe cho kỹ !
Ba đường hoang trống về liền được
Tùng cúc thuở xưa hương vẫn thơm.”*

(Ly niệm kiến Phật
Phá trần xuất kinh
Hiện thành gia pháp
Thùy lập môn đình
Nguyệt trực chu hành giang luyện tịnh
Xuân thùy thảo thượng thiên ngấn thanh
Bác, bất bác tinh đình ninh
Tam kính tự hoang quy tiện đắc
Cựu thời tùng cúc thượng phương hình.)

Hãy lấy tắc công án này cùng với đoạn kinh trên, lật đi lật lại cho rõ ràng mùi mẽ, thì chẳng biết là Ông Quách Tượng⁽¹⁾ giải thích Trang Tử, hay Trang Tử giải thích Quách Tượng ?

Kinh : Khi ấy, trong đại chúng những vị chưa chứng quả Vô Học nghe Phật nói thế, mờ mịt chẳng biết nghĩa ấy đầu đuôi thế nào, nên đồng thời sợ hãi, mất chỗ bám níu.

Như Lai biết đại chúng tâm niệm rối loạn, sanh lòng thương xót, an ủi Ông Anan và đại chúng rằng : “Này các trai lành, bậc Vô Thượng Pháp Vương, thật là Chân Thật Ngữ : như tánh Chân Như mà nói, không dối, không vọng, không phải là bốn thứ nghị luận cản trở Bát Tử của nhóm Mạt Già Lê. Ông hãy suy nghĩ chín chắn, chớ phụ lòng thương mến của Ta.”

¹⁾ Nhà chú giải Trang Tử Nam Hoa Kinh.

Thông rằng : “Mờ mịt chẳng biết nghĩa ấy trước sau thế nào ?” Trước là, “Cái thấy chẳng phải là vật”. Sau là, “Cái thấy chẳng phải là không phải vật”. Cái trước tức là “Chân Tánh hiện tiền”, cái sau tức là “Không thể chỉ ra được”. Cho nên mờ mịt mất chỗ bám níu vậy.

Chân Thật Ngữ v.v... tức là năm lời nói trong Kim Cang Bát Nhã :

- Phật Chân Ngữ thì chung với Nhị thừa ;
- Phật Thật Ngữ thì chung đồng với hàng Bồ tát ;
- Phật Như Ngữ thì không chung với Bồ tát hay Nhị thừa ;
- Phật Vô Thật Ngữ ;
- Phật Vô Hư Ngữ.

Vô Hư nên không là lời lừa dối, *Vô Thật* nên chẳng có khác lời. Chỗ thấy chưa dứt khoát cho nên nói “*Chẳng khác*”. Đây chỉ để nói tóm là không vọng ngữ.

Trong Luận Bà Sa : “Ngoại đạo cho trời là thường trụ, gọi là Bất Tử, cho rằng đáp lời mà chẳng rời loạn thì sanh về cõi trời kia. Nếu thật chẳng biết mà vội trả lời, thì sợ thành kiểu loạn.⁽¹⁾ Nên khi hỏi thì đáp những lời bí mật, không cần phải nói ra đây. Hoặc là đáp một cách bất định. Phật quả rằng : Đó thật là kiểu loạn.”⁽²⁾

Đức Thế Tôn, nhân có ngoại đạo hỏi : “Hôm qua Ngài thuyết pháp gì ?”

Phật đáp : “Thuyết định pháp.”

Ngoại đạo lại hỏi : “Hôm nay thuyết pháp gì ?”

¹⁾ Dối trá, lộn xộn.

²⁾ Xem rõ ở Quyển X.

Ngài đáp : “Bất định pháp.”

Ngoại đạo nói : “Hôm qua giảng định pháp, hôm nay sao lại giảng bất định pháp ?”

Đức Phật nói : “Hôm qua định, hôm nay chẳng định.”

Hãy nói xem lời nói này của Thế Tôn là như Tánh Chân Như mà nói hay là kiêu loạn ? Hãy tham !

IV. NGÀI VĂN THÙ KÍNH XIN PHẬT PHÁT MINH HAI THỨ

Kính : Lúc ấy, Ngài Pháp Vương Tử Văn Thù Sư Lợi thương xót hàng tứ chúng, ở giữa đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật, chấp tay cung kính mà bạch Phật rằng : “Thưa Thế Tôn, các đại chúng đây không ngộ được chỗ Như Lai phát minh hai nghĩa *tức là (thị) và chẳng phải là (phi thị)* nơi hai thứ cái thấy và sắc không. Thưa Thế Tôn, nếu những hình tượng tiền trần sắc không trước mắt *tức là cái thấy* thì phải có chỗ chỉ ra được. Còn nếu *chẳng phải là cái thấy* thì lẽ ra không thể thấy được. Nay đại chúng không rõ nghĩa ấy về đâu, nên mới kính sợ, chứ không phải cần lành đời trước kém thiếu. Kính mong Như Lai thương xót, phát minh cho rõ : các vật tượng này và cái thấy ấy vốn là vật gì mà ở trong đó không có các nghĩa *phải (thị) cùng chẳng phải (phi thị) ?*”

Phật bảo Ngài Văn Thù cùng tất cả đại chúng rằng : “Mười phương Như Lai và các Đại Bồ tát ở trong Tự Trụ Tam Ma Địa, thì trong ấy, *cái thấy* và *cái được thấy* cùng các chỗ tướng tượng đều như hoa đóm giữa hư không, vốn không chỗ có. *Cái thấy* cho đến những *cái được thấy*, tất cả vốn là Thế Bồ Đề sáng sạch nhiệm màu. Làm sao ở trong đó lại có *phải* hay *chẳng phải* ?

Thông rằng : Đức Văn Thù là thầy của bảy vị Phật thời quá khứ, quen thuyết Như Lai Thiên, nên yêu cầu Thế Tôn phát minh ra các vật tượng và cái thấy vốn là vật gì. Trước, Đức Thế Tôn đã dạy “Sao chẳng biết sắc thân cho đến núi sông, hư không, đại địa đều là vật ở trong cái Chân Tâm Diệu Minh này.” Đã mở toang rõ ràng ra rồi, còn nói gì nữa ! Vậy mà ở trong đó, bác bỏ vạn tượng thì mới có cái *chẳng phải*, không bác bỏ vạn tượng thì bèn có cái *phải*. Hai tướng *phải*, *chẳng phải* thật cùng cực vi tế, chỉ có cái thấy chân chánh trực tiếp Thế Bồ Đề Vô Thượng mới có đường thoát thân. Cái Tâm Tánh Diệu Tịnh sáng suốt này tức là Tự Trụ Tam Ma Địa của Bồ tát. Ở trong cái Tự Định này thì thoát hẳn căn trần nên *cái thấy* cùng *cái được thấy* đều bất khả đắc.

Sắc không là duyên cho cái thấy, cho đến tướng tướng là duyên của cái ý, thuộc về sáu trần. Thấy, nghe, hay, biết thuộc về sáu thức. Chứng Bồ Đề, không chỉ là sở không, mà năng cũng không. Nên nói “*Vốn không chỗ có*”, năng sở đều không. Cái thấy cùng cái được thấy, hiện là vắng lặng. Tức đó là cái Thế Bồ Đề sáng sạch nhiệm mầu, chẳng kịp luận bàn, chẳng dung phân biệt. “Nhất Thiết Trí thanh tịnh, không hai, không hai phần, vì không riêng, không dứt”⁽¹⁾ là vậy. Trong đó, làm sao có được phân biệt để mà nói “Cái này *phải* thật cái thấy, cái này *chẳng phải* cái thấy” ? Nếu gượng sanh *phải* hay *chẳng phải*, thì cũng như mắt bệnh, vọng thấy không hoa. Nơi Chân Tánh Bồ Đề, nào đâu dính dáng !

Ngài Thạch Sương ban đầu đến viếng Tổ Đạo Ngộ, hỏi rằng : “Như thế nào là *Chạm mắt là Bồ Đề* ?”

¹⁾ Kinh Đại Bát Nhã.

Tổ Ngô liền gọi : “Sa di !”

Sa di lên tiếng dạ.

Tổ nói : “Thêm nước vào tịnh bình đi !”

Chập lâu rồi hỏi lại Ngài Thạch Sương : “Ông vừa mới hỏi cái gì thế ?”

Ngài Thạch Sương vừa định nói, Tổ Ngô bèn quay về phương trước.

Ngài Thạch Sương bèn tỉnh ngộ.

Tổ Đơn Hà tụng rằng :

*“Buông tay trở lại, khéo làm Cơ !
Trong tiếng bình thường trí sủng, cờ
Hỏi trùng, định đáp, về phương trước
Câu ấy, phân minh lại chẳng ngờ.”*

Muốn biết cái đạo lý “chẳng ngờ”, phải hỏi Ngài Thạch Sương mới được !

Về sau, có nhà sư hỏi Tổ Thạch Sương : “Trong khoảng gang tấc, vì sao chẳng thấy mặt thầy ?”

Tổ Sương, cách cửa sổ, lên tiếng rằng : “Đạo ta cùng khắp chẳng từng che !”

Nhà sư lại đem đến hỏi Tổ Tuyết Phong : “Cùng khắp chẳng che, ý chỉ thế nào ?”

Tổ Phong đáp : “Có chỗ nào mà chẳng phải là Thạch Sương ?”

Tổ Sương nghe được rồi nói rằng : “Cái lão già ấy bám vào để chết cho lẹ !”

Tổ Phong nghe được, bèn nói : “Tội lỗi của lão tăng vì chỉ dư một chữ “là”, mà dẫn người vào trong hang tình giải, may gặp Thạch Sương mổ xẻ, phanh phui.”

Trong khoảng mảy lông, chẳng phải là bạc có mắt thì nào có biện ra nổi !

V. TÁNH THẤY KHÔNG CÓ PHẢI HAY CHẴNG PHẢI

Kinh : “Văn Thù, nay ta hỏi ông : Như ông chính là Văn Thù, vậy thì còn có Văn Thù nào *tức là Văn Thù* nữa hay không ?”

– Bạch Thế Tôn, đúng thế ! Tôi chính thật là Văn Thù, không có cái gì *tức là Văn Thù* nữa. Tại sao thế ? Nếu có cái *tức là* nữa thì thành ra hai Văn thù, nhưng giờ đây tôi *chẳng phải* không là Văn Thù. Trong đó, quả thật không có hai tướng *tức là* hay *chẳng phải*.

Thông rằng : Câu “Tôi chính thật là Văn Thù” trả lời nghĩa thứ nhất, bày ra cái Tâm Thể Bồ Đề sáng sạch, nhiệm mầu.

Câu “Không có cái gì *tức là Văn Thù* nữa” trả lời nghĩa thứ hai, phá cái chấp sắc không là cái thấy.

Câu “*Chẳng phải* không là Văn Thù” trả lời nghĩa thứ ba, phá cái chấp sắc không *chẳng phải là* cái thấy.”

Nếu bảo rằng “Sắc không là chơn kiến”, thế là từ vọng mà biện chơn, do đó, đối với *Cái chơn của không vọng* thành ra hai nghĩa, nên nói : Nếu có *Tức là Văn Thù* thì thành ra hai Văn Thù.

Nếu bảo rằng “Sắc không *chẳng phải là chơn kiến*”, thế mà toàn thể vọng cảnh là chân, nên mới nói “Giờ đây tôi *chẳng phải là* không Văn Thù”.

Tổ Lạc Phổ bảo với đại chúng : “Nay có một việc muốn hỏi các ông : nếu nói là *phải* tức là trên đầu chồng thêm đầu, nếu nói là *chẳng phải*, tức là chặt đầu mà cầu sống.”

Thầy Đệ Nhất Thủ tòa nói : “Núi xanh thường cất bước, dưới mặt trời chẳng khêu đèn.”

Tổ Phổ nói : “Đó là thời tiết nào mà nói lời ấy ?”

Khi ấy, có thầy Thượng tọa Ngạn trả lời rằng : “Lìa hai lối ấy, xin Hòa thượng chớ hỏi !”

Tổ Phổ nói rằng : “Chưa đúng trong đó. Nói lại đi !”

Thầy Ngạn đáp : “Ngạn này theo thì nói không cùng tận !”

Tổ Phổ nói : “Ta chẳng kể ông cùng tận hay chẳng cùng tận !”

Đáp : “Ngạn theo hay không theo ấy, chỉ đối với Hòa thượng.”

Tổ Phổ bèn thôi.

Ngài Tu Sơn Chủ kệ rằng :

*“Tức là cột, chẳng thấy cột
Chẳng phải cột, chẳng thấy cột
Thị,⁽¹⁾ phi⁽²⁾ đã bỏ hết
Trong thị phi, mời dùng.”*

(Thị trụ bất kiến trụ
Phi trụ bất kiến trụ
Thị phi dư khứ liễu
Thị phi lý tiến thủ.)

Đối với hai tắc trên mà thấu thoát, thì *thị, phi* có thể tiêu tan hết !

Xưa, Ngài Phong Can muốn đi chiêm bái Ngũ Đài Sơn, hỏi Ngài Hàn Sơn và Thập Đắc rằng : “Các ông cùng ta đi

1) Tức là.

2) Chẳng phải.

thăm Ngũ Đài, tức là đồng lưu của ta ; nếu chẳng cùng ta đi thăm Ngũ Đài thì chẳng phải là đồng lưu của ta !”

Ngài Hàn Sơn hỏi : “Ông đi Ngũ Đài làm gì ?”

Ngài Phong Can đáp : “Lẽ bái Văn Thù.”

Ngài Hàn Sơn nói : “Ông chẳng phải là đồng lưu của ta.”

Ngài Phong Can một mình đi vào Ngũ Đài, gặp một ông lão, bèn hỏi : “Chẳng phải là Văn Thù ư ?”

Đáp : “Há lại có hai Văn Thù ?”

Ngài bèn lễ bái, chưa kịp đứng lên, bỗng nhiên chẳng còn thấy.

Tổ Triệu Châu nói thay rằng : “Văn Thù, Văn Thù, lại Văn Thù ! Ba phen bỏ Hạ, Ông Ca Diếp muốn bạch chùy đuổi ra. Vừa cầm dùi lên thì thấy có trăm ngàn, vạn, ức Văn Thù. Ông Ca Diếp dùng hết thần lực mà chùy không đỡ nổi. Đức Thế Tôn bèn hỏi Ông Ca Diếp : “Ông định đuổi Văn Thù nào ?” Ông Ca Diếp không đáp được.”

Tổ Thiên Đồng nêu ra rằng : “Ông Đầu Đà sắc vàng⁽¹⁾ có tâm mà không có mật. Cứ hết lệnh mà làm ! Chớ bảo trăm, ngàn, vạn, ức Văn Thù. Ngay cái Lão Cù Đàm mặt vàng ấy cũng phải đuổi ra ! Nếu có thể như vậy thì không những dựng thẳng Chân Phong mà cũng khiến người sau biết rằng học trò của thầy tu ta khởi cho rằng ông ngăn cản Phật Tổ chẳng được !”

Khoái thay ! Khoái thay ! Phải nên như vậy mà thấy. Ất là cái Tâm Thể Bồ Đề sáng sạch nhiệm màu cũng không có chỗ bám níu, làm sao mà có được hai tướng *thị, phi* ?

¹⁾ Ca Diếp.

Kinh : Phật dạy : “Tánh thấy màu sáng này cùng các thứ không, trần cũng lại như thế. Vốn là Chân Tâm Bồ Đề Vô Thượng, tròn sáng, màu sạch mà lầm nhận cho là sắc, không cho đến các thứ thấy, nghe. Như mặt trăng thứ hai. Hai mặt trăng ấy, cái nào là mặt trăng thật, cái nào chẳng phải là mặt trăng ? Văn Thù ! Chỉ có một mặt trăng thật, trong đó tự không có cái *tức là* mặt trăng hay cái *chẳng phải* là mặt trăng !

Thông rằng : Câu “Vốn là Chân Tâm Bồ Đề Vô Thượng, tròn sáng màu sạch mà lầm nhận là sắc, không cùng với các thứ thấy, nghe” cùng với câu ở đoạn trước : “Mê muội thành ra hư không, trong cái hư không mê muội ấy, kết cái tối tăm thành ra có sắc, sắc xen lẫn với vọng tưởng, tưởng tướng làm thân, nhóm các duyên lay động bên trong, rong ruổi theo cảnh vật bên ngoài, rồi lấy cái tướng mờ mịt lãng xăng đó làm Tâm Tánh”, thì chỗ sanh khởi giống nhau, đều do lấy vọng tưởng làm chỗ sùng mộ vậy. Vọng tưởng là gốc bệnh, như dụi mắt mà thấy vậy. Vốn là một Chân Tâm Màu Sáng mà lấy cái thấy vọng tưởng phân biệt để nhìn, bèn có cái thấy sắc không, nghe-thấy. Cái vọng thấy và cái vọng-được-thấy này há có thể lìa Chân Tâm mà có tự thể sao ? Đã gọi nó là sắc, không, nghe, thấy thì cách Chân Tâm xa rồi vậy. Ví như vốn một mặt trăng chơn thật, mà dùng cái thấy phân biệt của sự dụi mắt mà nói là có mặt trăng thứ hai. Cái mặt trăng thứ hai này há có thể lìa ngoài mặt trăng thật mà có tự thể sao ? Đã gọi nói là mặt trăng thứ hai thì cách xa mặt trăng thật rồi đó. Cho nên, ở nơi sắc, không, nghe, thấy mà vọng làm chuyện đo lường mò mẫm rồi cho sắc, không, nghe, thấy *tức là* Chân Tâm cũng không được, mà cho rằng *chẳng phải* Chân Tâm cũng không

được ! Lấy vọng tìm chơn : chơn theo vọng mà chuyển ! Cũng như ở nơi mặt trăng thứ hai mà vọng làm chuyện tính toán mò mẫm, lấy đó cho rằng *tức là* mặt trăng thì không được, mà cho là *chẳng phải* mặt trăng cũng không được ! Lấy cái dụi mắt tìm trăng, trăng tùy theo dụi mắt mà chuyển !

Cái Tâm này vốn chơn, bởi tùy vọng tướng mà đổi. Như mặt trăng vốn thật, bởi do dụi mắt mà dời. Chỉ dứt trừ vọng tướng ắt chỉ còn một tâm thể tròn sáng nhiệm mầu, không thấy có sắc, không, không thấy cái thấy-nghe, thì *phải, chẳng phải* do đâu mà lập ? Chỉ trừ sự dụi mắt, ắt độc một mặt trăng, xưa nay vẫn thế, có đâu mặt trăng thứ hai mà *phi* mà *thị* ?

Chỗ này tức là đoạn văn trước nói "Tôi chính thật Văn Thù... Trong đó thật không hề có hai tướng *phải* cùng *chẳng phải*", nên đoạn này nói "Cũng lại như thế".

Xưa, Ngài Vân Nham đang quét sân.

Tổ Đạo Ngô nói : "Việc nhỏ mọn quá."

Vân Nham nói : "Cần biết có cái *chẳng* nhỏ mọn."

Tổ Đạo Ngô nói : "Như thế ắt có mặt trăng thứ hai vậy."

Ngài Vân Nham đưa chổi lên, nói : "Cái này là mặt trăng thứ mấy ?"

Tổ Đạo Ngô bèn thôi mà bỏ đi.

Tổ Huyền Sa riêng nói rằng : "Đích thị là mặt trăng thứ hai !"

Tổ Trường Khánh rằng : "Bị người ta xây ngược chổi che đến mặt, còn làm quái gì nữa !"

Tổ Sa bèn thôi.

Tổ Vân Môn nói : “Tôi thấy tứ thì ân cần.”

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

*“Nhờ nhau như thế rõ môn đầu
Được dụng, tùy nghi cũng tiện thôi
Xương voi trước hang tay rắn múa
Chỗ làm hồi nhỏ, già biết thẹn.”*

Tổ Tuyết Phong từng khai thị chúng rằng : “Núi Nam có một con miết tỵ xà,⁽¹⁾ tất cả các ông cần phải xem cho kỹ.”

Tổ Vân Môn cầm cây gậy ném ra trước mặt, làm bộ sợ hãi.

Chỗ này há chẳng phải là “Tôi thấy tứ thì ân cần” sao ? Cùng với Tổ Vân Nham đưa cây chổi lên nào có khác ! Cho nên mới nói “Già biết thẹn” vậy.

Thiền sư Tây Viên Tạng một ngày kia tự nấu nước tắm. Có nhà sư hỏi : “Sao chẳng sai Sa di ?”

Tổ Viên vỗ tay ba lần.

Vị sư kể lại với Tổ Tào Sơn. Tổ Sơn nói : “Cái vỗ tay, tựu trung là việc kỳ quái của Tây Viên. Một-ngón-tay-Thiền của Câu Chi, cũng vì chỗ thừa đương mà chẳng chịu kham nhận vậy.”

Vị sư lại hỏi : “Ngài Tây Viên vỗ tay, há chẳng phải là chuyện một bên mé của con tôi, cái tứ⁽²⁾ sao ?”

Tổ Sơn nói : “Phải.”

Hỏi : “Hướng thượng lại có chuyện hay không ?”

Tổ Sơn rằng : “Có.”

¹⁾ Con ba ba lỗ mũi rắn.

²⁾ Nó nhi, tỳ nữ.

Hỏi : “Như thế nào là chuyện hưởng thượng ?”

Tổ Sơn nói : “Cái đồ con tôi, cái tớ.”

Xem cái lối đề xướng ấy của các vị Lão túc, chính là sợ cho người nhận “*Tớ làm chồng*”, sa vào trong kiến giải mặt trăng thứ hai.

Kinh : “Vậy nên, hiện nay các ông phát minh các thứ xem thấy và trần cảnh đều là vọng tưởng, thì không thể ở trong đó mà chỉ ra *phải* hay *chẳng phải*. Nhưng do tất cả đều là Chân Tâm nhiệm mầu sáng suốt nên có thể làm cho các ông ra khỏi các nghĩa *chỉ được* và *không chỉ được*.”

Thông rằng : Nếu chưa thấy tánh thì tánh ở trong cái thấy, cùng tên là Kiến Tinh, đủ các thứ vọng tưởng phân biệt thì làm sao ra khỏi *tức là* hay *chẳng phải* được. Nếu thấy tánh, thì tánh thoát ngoài cái thấy, nên chẳng gọi là thấy, nghe, hay, biết. Tất cả phân biệt đều không, nên thoát ra ngoài sự *chỉ được* hay *không chỉ được*.

Câu “Không thể ở trong đó chỉ ra các nghĩa *phải* và *chẳng phải*”, thì như mặt trăng thứ hai : cái nào *tức là* mặt trăng ? Cái nào *chẳng phải* mặt trăng ?

Câu “Nên có thể làm cho các ông ra ngoài các sự *chỉ được* và *không chỉ được*”, thì như một mặt trăng thật, trong đó tự nhiên chẳng có thật hay giả.

Vật là cái được chỉ ra, như đoạn trước nói “Những cái *chỉ ra được* đều là vật”. Cái thấy không có chỗ nào để chỉ ra, như đoạn trước nói “Chứ không phải là cái thấy”. Ông Anan tuy có thể phát minh được hai nghĩa “Tiền trần chẳng phải là cái thấy” và “Tiền trần tức là cái thấy”, nhưng còn bị *thị, phi* trói buộc, chẳng thể thoát ra, cũng do bởi vì

không biết chỗ quy về của cái nghĩa này, chỗ đó là thấy tánh vậy.

Nếu thấy cái Chân Tánh tròn sáng, nhiệm mầu vốn hằng hằng giác ngộ, thì cái thấy cùng cái được thấy vốn không chỗ có, chỗ nào có cái "*chỉ ra*" ? Cái thấy này cùng cái được thấy vốn là Tâm Thể Bồ Đề sáng sạch nhiệm mầu, thì chỗ nào mà chỉ ra chẳng được ? Trong Thể Bồ Đề ấy, không có cái gì gọi là *phải* hay *chẳng phải*, mới là con đường thoát thân (xuất thân). Chữ *xuất* (thoát ra) ở chánh văn rất có ý vị. Sở dĩ ra được phải do chỗ này, nên kinh nói "*Đo thị*", chỉ rằng phải vào trong kiến tánh mới có thể ra được.

Có nhà sư hỏi Tổ Thiệu Sơn : "Chỗ thị phi không đến, còn có câu biện luận không ?"

Tổ đáp : "Có."

Nhà sư hỏi : "Đó là câu gì ?"

Tổ Sơn nói : "Một mảnh mây trắng chẳng lộ bày vẻ xấu."

Tổ Thiên Đồng nêu ra rằng : "Khấp thân che chở, chẳng phạm tôn nghiêm. Bỏ địa vị lui về, ở một bên nâng đỡ. Cần nên uyển chuyển. Có thấy hình tướng của Thiệu Sơn ở chốn nào ? Nếu tận lực tìm cha, hãy hướng vào trong ấy !"

Tổ Động Sơn kệ rằng :

*"Núi xanh : cha mây trắng
Mây trắng : con núi xanh
Mây trắng suốt ngày dựa
Núi xanh vốn chẳng hay."*

(Thanh sơn bạch vân phụ
Bạch vân thanh sơn nhi

Bạch vân chung nhật ý
Thanh sơn tổng bất tri.)

Tổ Thiệu Sơn nói : “*Một mảnh mây trắng chẳng lộ bày vẻ xấu, vốn là đây.*”

Có vị tăng hỏi Thị giả Cổ Phong Kiên : “*Như thế nào là nối bề ngoài ?*”

Ngài Phong nói rằng : “*Chẳng nhờ việc trong nhà người khác.*”

Hỏi : “*Như thế nào là nối bề trong.*”

Ngài đáp : “*Nếu tìm cha, hãy hướng vào trong ấy !*”

Tổ Thiên Đồng nói : “*Tận lực tìm cha, hãy hướng vào trong ấy, vốn là chỗ này.*”

Lại Tổ Đầu Tử tụng rằng :

*“Mây trắng không hề đến đỉnh non
Mất đầy khói, ráng, cảnh muôn ngàn
Một câu ngâm lạnh, ngàn xưa diệu
Muôn trùng xanh biếc, mọc trắng non.”*

Phải biết rằng cái tánh màu sáng vốn hằng hằng giác ngộ, vượt ngoài *phải* cùng *chẳng phải*, như mặt trăng thứ nhất. Phải rất ráo được tông chỉ của Tông Tào Động mới được chỗ vi diệu.



MỤC BỐN :
PHÁ NHỮNG THUYẾT
NHÂN DUYÊN, TỰ NHIÊN

I. NGHI TÂM TÍNH TỰ NHIÊN NHƯ THẦN NGÃ

Kinh : Ông Anan bạch Phật rằng : “Thưa Thế Tôn, thật như chỗ Pháp Vương⁽¹⁾ dạy : Cái Giác Duyên⁽²⁾ cùng khắp mười phương thế giới, lặng trong, thường trụ, tánh chẳng có sanh diệt. So với thuyết Minh Đế của nhóm Ông Phạm Chí Ta Tỳ Ca La,⁽³⁾ hay cái thuyết Chân Ngã cùng khắp mười phương của các nhóm ngoại đạo Đầu Khôi⁽⁴⁾ có gì là khác ?

“Thế Tôn cũng từng ở núi Lăng Già vì các Bồ tát Đại Huệ mà giảng bày nghĩa này : Các ngoại đạo kia thường nói Tự Nhiên, còn Ta nói Nhân Duyên, chẳng phải cảnh giới của họ. Nay tôi xem cái Giác Tánh ấy, thấy là Tự Nhiên, chẳng phải sanh, chẳng phải diệt, lìa xa tất cả hư vọng điên đảo, hình như chẳng phải là Nhân Duyên, cũng không phải là Tự Nhiên của họ.

“Xin Phật khai thị thế nào để chúng tôi khỏi lạc vào tà kiến, được cái Tâm Tánh chân thật, màu sáng, giác ngộ.”

Thông rằng : Chỗ nói Minh Đế của ngoại đạo, thế chẳng sanh diệt, nói có Thần Ngã cùng khắp mười phương, chỉ

¹⁾ Phật.

²⁾ Tâm Tánh.

³⁾ Thuộc ngoại đạo.

⁴⁾ La hán Tiểu thừa. Hoặc vào phép Hỏa Định (ngồi định mà chết, lấy lửa phép đốt tiêu cái thức đầu thai và cái nghiệp luân hồi) ; hoặc do thiêu xác (dùng giàn hỏa) nên sắc thân tiêu dứt ra tro.

là lấy cái Thức Thứ Tám làm Tông, chỉ được cái mùi vị vui thú mờ mờ mịt mịt, chớ chẳng phải có cái nhiệm mầu của Đại Viên Cảnh Trí. Đã có Thần Ngã, tức là căn bản sanh tử, sao được là cái Nhân Địa Chân Chánh ?

Phật nói Nhân Địa Chân Chánh tức là Đệ Nhất Nghĩa Đế, lấy cái chẳng sanh chẳng diệt làm cái Nhân Địa tu hành, chẳng phải là cái nhân duyên thế tục.

Ông Anan vừa mới tin được, bỗng khởi nghi mà nói “Hình như chẳng phải là Nhân Duyên, cũng không phải là Tự Nhiên của ngoại đạo”, mà còn cho Giác Tánh là Tự Nhiên, nói rằng Giác Tánh lìa xa hai tướng *thị* và *phi*, lặng trong, thường trụ nên gọi là Tự Nhiên. Trước thì chấp cái *thấy sông*⁽¹⁾ là chẳng sanh diệt, đã là chưa đạt đến cội gốc. Nay thì chỉ ra cái “*tánh lìa khỏi cái thấy*”, cho đó là Tự Nhiên, lại càng chưa siêu thoát. Nên ông cầu xin Thế Tôn khai thị cho khỏi lạc vào những tà kiến hư vọng điên đảo của các thuyết Tự Nhiên và Nhân Duyên.

Tổ Trường Sa Sầm khiến vị tăng hỏi Hòa thượng Hội :
“Khi chưa thấy Nam Tuyên thì như thế nào ?”

Ngài Hội im lặng hồi lâu.

Vị tăng hỏi : “Sau khi thấy thì thế nào ?”

Ngài Hội nói : “Không thể riêng có !”

Vị tăng về thưa lại với Tổ Trường Sa. Tổ Sa nói :

*“Đầu sào trăm thước đã được ngồi
Tuy rằng nhập được vẫn chưa Chân
Đầu sào trăm thước cần tiến bước
Mười phương thế giới hiện toàn thân.”*

¹⁾ Xem Quyển II, đoạn vua Ba Tư Nặc (trang 122).

(Bách xích can đầu tọa để nhơn
 Tuy nhiên đắc nhập bất vi Chơn
 Bách xích can đầu tu tấn bộ
 Thập phương thế giới hiện toàn thân.)

Vị tăng hỏi : “Đầu sào trăm thước làm sao tiến bước ?”

Tổ Sa đáp : “Núi Lăng Châu, sông Lễ Châu.”

Vị tăng thưa : “Dạ, chẳng am hiểu.”

Tổ Sa rằng : “Bốn biển, năm hồ vua trị trông.”

Ngài Thiên Đồng tụng :

*“Một tiếng gà phá mộng ngọc nhân⁽¹⁾
 Nhìn lại cuộc đời sắc sắc bằng
 Có tin xuân sấm dục trùng nở
 Đào lý vô ngôn, tự thành đường (lối)
 Đến thời tiết, gắng sức cày
 Ai ngại ruộng xuân bùn lút cấy ?”*

Cũng như họp nhau ngồi ở chỗ sạch sẽ, chẳng thể xuống nước, xuống bùn, ra tay ngang dọc bèn là cùng sanh diệt chống trái. Nên tuy là có nhập nhưng chẳng phải chân thật. Chỗ ngoại đạo gọi là Minh Đế, đại khái tựa hồ như đây.

Tổ Trường Sa nói : “Mười phương thế giới hiện toàn thân”. Ngoại đạo cũng nói có Thần Ngã cùng khắp mười phương. Chỗ nào chẳng đồng, thử tham coi !

II. CHỈ RA KHÔNG PHẢI LÀ TỰ NHIÊN

Kinh : Phật bảo Ông Anan : “Nay Ta phương tiện chỉ bày chân thật bảo ông như thế, ông còn chưa ngộ mà lầm cho là Tự Nhiên !

¹⁾ Người ngọc.

“Anan, nếu chắc là Tự Nhiên, tự phải chỉ rõ thể tánh của Tự Nhiên. Ông hãy xét trong cái Thấy Diệu Minh đó, lấy cái gì làm tự thể ? Cái Thấy đó lấy cái sáng làm tự thể ư ? Lấy cái tối làm tự thể ư ? Lấy hư không làm tự thể ư ? Lấy cái ngăn bít làm tự thể ư ?

“Anan, nếu cái sáng là tự thể thì lẽ ra không thấy cái tối ! Nếu lấy cái không làm tự thể thì lẽ ra không thấy được ngăn bít. Như vậy cho đến lấy cái tướng tối làm tự thể thì đến khi sáng, thì cái tánh thấy phải diệt mất, làm sao còn thấy cái sáng ?”

Thông rằng : Nói rằng tự nhiên tức là nói tự thể vốn y nhiên thường trụ chẳng biến đổi. Vậy cái tánh thấy mâu sáng này lấy cái thấy sáng làm tự nhiên ư ? Lấy cái thấy tối làm tự nhiên ư ? Lấy thấy hư không làm tự nhiên ư ? Lấy ngăn bít làm tự nhiên ư ? Nếu tự nhiên thấy sáng thì lẽ ra không thấy tối ! Nếu tự nhiên thấy hư không thì lẽ ra không thấy ngăn bít ! Nếu tùy duyên mà biến đổi thì cái thể chẳng phải là tự nhiên vậy.

Hoặc nói cái thấy ấy là cái thể của tự nhiên ; sáng, tối, hư không, ngăn bít tùy duyên mà thấy, há chẳng phải tự nhiên ư ? Nhưng giả sử không có sáng, tối, hư không và ngăn bít thì cái thấy dùng vào đâu ? Cái gọi là tự nhiên ấy đều thành đoạn diệt đấy thôi.

Ở đây chỉ bác bỏ là không thể lấy tự nhiên làm tánh thấy, chứ chẳng phải nói rằng cái tánh thấy do sáng, tối, không, bít mà có. Nếu luận về chỗ sanh khởi từ đâu thì Tánh Thấy tuy chẳng do sáng, tối, không, bít mà có, lại từ Bốn Giác Diệu Minh lưu xuất ra. Nhưng thế thì Bốn Giác Diệu Minh lấy gì làm tự thể, thật mở miệng chẳng nói được !

Tổ Thạch Sương ban đầu ở Tổ Quy Sơn làm người giã gạo. Một hôm, đang sàng gạo, Tổ Quy Sơn nói : “Vật của thí chủ chớ làm rơi rớt.”

Ngài nói : “Chẳng có rơi rớt.”

Tổ Quy Sơn nhặt được một hột gạo trên mặt đất, rồi nói : “Ông nói chẳng rơi rớt, vậy cái này là cái gì ?”

Ngài Thạch Sương không đáp được.

Tổ Quy Sơn lại nói : “Chớ khinh thường một hột gạo này. Trăm ngàn hột đều do một hột này sanh ra.”

Ngài Thạch Sương nói rằng : “Trăm ngàn hột từ một hột ấy sanh ra, chưa rõ một hột ấy từ chỗ nào sanh ?”

Tổ Quy Sơn ha hả cười lớn, quay về phương trượng.

Tối đến, Tổ Quy thượng đường nói : “Này đại chúng, trong hột gạo có sâu, các người hãy xem cho kỹ !”

Ôi ! Tìm cầu tự thể của cái sanh ra này chẳng thể được ! Chỗ nào để an lập cái tên Tự Nhiên đây ? Cho nên gọi ấy là Tự Nhiên thì chẳng phải !

III. NGHI LÀ NHÂN DUYÊN

Kinh : Ông Anan thưa : “Chắc là cái tánh thấy mâu nhiệm này tánh nó chẳng phải là Tự Nhiên, thì nay tôi phát minh là nói do Nhân Duyên sanh, nhưng tâm trí còn chưa rõ, xin hỏi Như Lai, nghĩa lý thế nào cho hợp với tánh Nhân Duyên ?”

Thông rằng : Ông Anan thường nghe Thế Tôn lấy nhân duyên phá tự nhiên. Giờ đây, cái tánh thấy này đã chẳng phải là tự nhiên, ắt phải thuộc về nhân duyên. Bèn nghi cái nghĩa nhân duyên : vô thường, sanh diệt, đây có, kia

không, thể chẳng thường khắp. Thế thì há đồng với Giác Tánh lặng trong thường trụ sao ? Hành tướng trái nhau, làm sao hợp với tánh nhân duyên ? Cái nghi này rất vi tế. Luận Trung Quán nói : “Không có vật gì từ duyên mà sanh khởi. Không có vật gì theo duyên mà diệt mất. Khởi chỉ là các pháp khởi. Diệt chỉ là các pháp diệt”. Cũng như vẽ trên nước thành chữ, chưa từng sanh ra hay diệt mất. Như thế thì làm sao mà hợp với tính nhân duyên ?

Thiền sư Báo Ân Minh thường nêu lên bài Minh ở tháp của Ngài Tuyết Phong mà hỏi các vị Lão túc : “Phàm từ duyên mà có : trước sau đều thành, hoại. Chẳng từ duyên mà có : trái kiếp vẫn lâu bền. Bền chắc với hư hoại, dẹp qua một bên ! Ngài Tuyết Phong ngày nay ở tại chỗ nào ?”

Ngài Pháp Nhãn riêng nói rằng : “Chỉ nay, đấy là thành, đấy là hoại !”

Các bậc Lão túc đương thời chẳng thể đối đáp.

Chỗ này há có thể lấy sự nông cạn mà dòm ngó sao ?

IV. TÁNH THẤY KHÔNG PHẢI LÀ NHÂN DUYÊN, RỜI CÁC DANH, TƯỚNG

Kinh : Phật dạy : “Ông nói Nhân Duyên, Ta hỏi ông : Nay ông do nhân bởi cái thấy, tánh thấy hiện tiền. Vậy cái thấy này nhân cái sáng mà có thấy ? Nhân cái tối mà có thấy ? Nhân hư không mà có thấy ? Nhân ngăn bít mà có thấy ?

“Anan, nếu cái thấy nhân cái sáng mà có thì lẽ ra không thấy được tối ; còn như nhân cái tối mà có thì lẽ ra không thấy được cái sáng. Như vậy cho đến nhân hư không, nhân ngăn bít thì cũng đồng như nhân cái sáng và cái tối.

“Lại nữa, Anan, cái thấy ấy lại là nương cái sáng mà có thấy ? Nương cái tối mà có thấy ? Nương hư không mà có thấy hay nương ngăn bít mà có thấy ? Anan, nếu nương hư không mà có thấy thì lẽ ra không thấy được ngăn bít. Nếu nương ngăn bít mà có thấy thì lẽ ra không thấy được hư không. Như vậy cho đến nương cái sáng, nương cái tối cũng đồng như nương hư không, nương ngăn bít.

“Nên, biết rằng cái Tinh Giác Diệu Minh như thế chẳng phải Nhân, chẳng phải Duyên, cùng chẳng phải Tự Nhiên, chẳng phải Không Tự Nhiên. Không có cái *không phải* hay *không không phải*, không có *tức là* hay *không tức là*, lia cả thấy tướng, tức là cả thấy pháp. Nay ông làm sao ở trong ấy mà khởi tâm, dùng những danh tướng hý luận thế gian mà phân biệt cho được ? Như lấy tay mà nắm bắt hư không, chỉ thêm tự làm nhọc mình. Hư không làm sao lại để cho ông nắm bắt ?”

Thông rằng : Nương vào vật là Nhân ; theo với vật là Duyên. Nhân thì gần, Duyên thì xa, nên phân làm hai môn. Tánh thấy hiện tiền, nếu nói là thông bít mà hiển bày, thì được ; chứ nói tánh thấy nhân sáng, tối, thông bít mà có, thì không được. Nói rằng tánh thấy duyên sáng, tối, thông, bít mà phát ra tác dụng, thì được, chứ nói : Tánh thấy duyên sáng, tối, thông, bít mà khởi, thì không được.

Cho nên nói nhân duyên là sai. Vì sao thế ?

Cái Tinh Giác Diệu Minh vốn không có hình tướng. Nếu nói là nhân duyên, là tự nhiên thì thuộc về tướng nhân duyên, tướng tự nhiên rồi. Bởi vậy, ban đầu nói “Chẳng phải nhân, chẳng phải duyên, cũng chẳng phải tự nhiên”, là để trừ bỏ tướng. Nhưng còn *cái chẳng phải tướng* ở trong đó. Kế đến nói “Chẳng phải không nhân duyên, chẳng

phải không tự nhiên”, là để trừ bỏ *phi tướng*. Nhưng mà còn *cái không phải phi tướng* ở trong đó. Cuối cùng thì nói “Không có *không phải* hay *không không phải*, không có *tức là* hay *không tức là*. Đó là cái chỗ mà *phải* và *chẳng phải* đều không tới được, chẳng cho phép sự luận bàn, chẳng dung tha suy tính, tức là cái thực tướng Tinh Giác Diệu Minh vậy.

Các tướng *phải* hay *chẳng phải* kia đều là vọng tình biến kế phân biệt. Bản thể Diệu Minh vốn không có chuyện đó, nên nói “*Lìa cả thấy tướng*”. Biến kế vọng tưởng phân biệt đã lìa thì đó là cái Thể Viên Thành Thật, chạm vào đâu là hiện bày trước mắt. Thế nên mới nói “*Tức cả thấy pháp*”.

Cổ đức nói “Chỉ lìa vọng duyên tức Như Như Phật”, là nói chỗ này đây vậy.

Xưa, Tổ Sơ Sơn đến chỗ ở của Tổ Quy Sơn bèn hỏi : “Thầy tôi có nói : Câu có, câu không, như dây leo bám cây. Bỗng nhiên cây ngã, dây khô, câu về chốn nào ?”

Tổ Quy Sơn ha hả cười lớn.

Sơ Sơn nói : “Tôi mua vải làm giày, từ bốn ngàn dặm đến đây, Hòa thượng đâu nên đùa cợt.”

Tổ Quy Sơn gọi thị giả : “Lấy tiền trả lại cho Ông Thượng tọa này.”

Rồi dặn rằng : “Sau này sẽ có con rồng một mắt vì thầy mà chỉ phá cho.”

Sau, Ngài Sơ Sơn đến Tổ Minh Chiêu, kể chuyện cũ.

Tổ Minh Chiêu nói : “Ngài Quy Sơn, có thể nói là đầu chánh, đuôi chánh, chỉ vì chẳng gặp tri âm !”

Ngài Sơ Sơn bèn hỏi : “Cây ngã, dây khô, câu về xứ nào ?”

Tổ Chiêu nói : “Lại khiến Quy Sơn phát tiếng cười mới.”

Ngài Sơ Sơn ngay dưới lời nói có tỉnh ngộ, bèn nói :
 “Thì ra trong cái cười của Quy Sơn vốn có chứa đao !”

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

*“Dây khô, cây ngã, hỏi Quy Sơn
 Ha hả cười to, há chẳng màng ?
 Trong cười có đao, nhìn ra được
 Không đường suy, nói, bật cơ quan.”⁽¹⁾*

(Đằng khô thọ đao vấn Quy Sơn
 Đại tiểu kha kha khởi đẳng nhàn
 Tiểu lý hữu đao không đặc phá
 Ngôn tư vô lộ tuyệt cơ quan.)

Tổ Quy Sơn trong chỗ ấy, trước sau chỉ có ha hả cười to, như một dấu ấn ấn ra.

Ngài Sơ Sơn nói “Trong cái cười có đao !”, bèn chụp được hư không vậy.

Tổ Thạch Củng hỏi Thầy Tây Đường : “Ông có nắm bắt được hư không chăng ?”

Ngài Tây Đường đáp : “Nắm bắt được.”

Tổ Củng nói : “Bắt thế nào ?”

Tổ Đường lấy tay chụp nắm hư không.

Tổ Củng nói : “Ông chẳng biết chụp !”

Tổ Đường hỏi lại : “Sư huynh bắt như thế nào ?”

Tổ Thạch Củng nắm mũi Ngài Tây Đường kéo đi.

Ngài Tây Đường nhin đau, nói : “Gã đại hung thần này kéo lỗ mũi người !” Liền muốn thoát ra.

¹⁾ Máy then.

Tổ Thạch Củng nói : “Phải như thế mới bắt hư không được.”

Nên chi, lấy danh tướng hý luận mà nắm bắt hư không : Ôi, khó thay ! Khó thay !

V. BÁC NHÂN DUYÊN, TỰ NHIÊN

Kinh : Ông Anan bạch Phật rằng : “Thưa Thế Tôn, nếu quả cái Tánh Diệu Giác chẳng phải nhân, chẳng phải duyên thế sao Thế Tôn thường chỉ dạy cho chúng Tỳ kheo rằng tánh thấy có đủ bốn thứ duyên, đó là : nhân Hư Không, nhân Ánh Sáng, nhân Tâm Thức và nhân Con Mắt. Nghĩa ấy thế nào ?”

Phật bảo : “Anan, Ta nói như thế, là nói về các tướng nhân duyên của thế gian, chẳng phải là Đệ Nhất Nghĩa. Anan, Ta lại hỏi ông : Các người thế gian nói “Tôi thấy được”, thì thế nào gọi là thấy ? Thế nào gọi là không thấy ?”

Anan thưa : “Người đời nhân ánh sáng mặt trời, mặt trăng, đèn mà thấy mọi thứ hình tướng thì gọi là thấy. Nếu không có ba thứ ánh sáng đó thì không thấy được.”

– Anan ! Nếu khi không có ánh sáng mà gọi là không thấy, thì lẽ ra không thấy tối. Nếu có thấy tối, thì đó chỉ vì không có ánh sáng chứ đâu phải là không thấy ? Anan, nếu trong khi tối, vì không thấy sáng mà gọi là không thấy, thì khi sáng, không thấy tướng tối, cũng gọi là không thấy. Như thế thì cả hai tướng sáng, tối đều gọi là không thấy cả. Còn nếu như hai cái sáng, cái tối tự lấn đoạt nhau, chứ không phải trong đó cái tánh thấy của ông có lúc không có. Như thế thì biết : cả hai lúc sáng và tối đều gọi là thấy, chớ sao lại nói là không thấy ?

Thông rằng : Chỗ này, Thế Tôn trước là phá cái tướng nhân duyên của thế gian, sau là hiển bày cái Đệ Nhất Nghĩa Đế. Thế gian cho rằng cái thấy nhân ánh sáng mặt trời, mặt trăng và đèn mà có. Nhưng không có ánh sáng mặt trời, mặt trăng và đèn đâu phải là không có cái thấy, cũng là thấy tối, thấy sáng đó vậy. Sáng, tối tự chúng thuộc về tiền trần, cái thấy (Kiến Tinh) vốn không sanh diệt. Do đó mà nói “Cái thấy của thế gian cũng là chẳng phải nhân, chẳng phải duyên”, hướng tiến đến chỗ này ư ?

Thiền sư Cửu Phong Kiên thọ tâm ấn nơi Tổ Thạch Sương. Có nhà sư hỏi : “Trong kinh có nói : Đủ ba duyên ánh sáng mới thành cái thấy. Ba Duyên chưa có, có thành cái thấy không ?”

Tổ Kiên nói : “Duyên có sai khác, cái thấy không thiếu hụt.”

Vị sư hỏi : “Đã không thiếu hụt, ở trong tối sao chẳng thấy vật ?”

Tổ Kiên nói : “Tuy chẳng thấy vật, đâu phải không thấy tối ?”

Nhà sư hỏi : “Lìa hết ba duyên, như thế nào là chỗ Chân Kiến ?”

Tổ Kiên nói : “Giáp vòng trái đất, mặt trời đen tợ sơn đen.”

Trong bài Tham Đồng Khế của Ngài Thạch Đầu có câu : “Ngay trong sáng có tối, chớ dùng tối gặp nhau ! Ngay trong tối có sáng, chớ dùng sáng thấy nhau !”

Chính là đồng với cái ý chỉ này. Đây thật là nào có đồng bậc với sáng tối, cần phải có mắt mới phân biệt được.

VI. CHỈ THẮNG TÁNH THẤY

Kinh : “Cho nên, Anan, bây giờ ông nên biết rằng : Khi thấy sáng, cái thấy chẳng phải là sáng. Khi thấy tối, cái thấy chẳng phải là tối. Khi thấy không, cái thấy chẳng phải là không. Khi thấy ngăn bít, cái thấy chẳng phải là ngăn bít. Bốn nghĩa đó đã thành rồi, ông lại nên biết : Khi thấy mà có tướng thấy, cái thấy đó chẳng phải là tánh thấy. Cái thấy mà do lia tướng thấy, đó là tánh thấy siêu việt (*Kiến kiến chi thời, kiến phi thị kiến. Kiến do ly kiến, kiến bất năng cập*).

“Vậy thì làm sao lại nói các tướng nhân duyên, tự nhiên hay hòa hợp ?

Thông rằng : Chỗ này Đức Thế Tôn hiển bày Đệ Nhất Nghĩa Đế, cái gọi là Con Đường Bồ Đề Nhiệm Mầu. Kiến và kiến duyên đủ năm thứ nghĩa : sáng, tối, hư không, ngăn bít là bốn thứ ; kiến duyên và kiến tinh (cái thấy) là một thứ vọng kiến. Thế Tôn ở chỗ này mà lựa ra cái Kiến Tinh chẳng phải là bốn thứ sáng, tối, không, bít. Lấy bốn nghĩa này suy ra để rõ được cái thấy lia duyên trần mà vẫn tự có. Ngay ở đây lại lựa ra cái chơn kiến (tánh thấy) soi rõ Kiến Tinh, là cái mà cái thấy không thể bì kịp. Đây chính là mặt trăng thứ nhất, cho nên cái thấy vẫn còn là vọng. A ha ! Cái chơn kiến còn lia cả mọi tướng thấy thì chỗ nào có hơi thở, bóng dáng gì để theo đó mà mô phỏng ra nó ? Nói nhân duyên, nói tự nhiên, nói hòa hiệp, há chẳng là hư vọng ư ?

Tổ Bách Trượng hỏi vị tăng : “Thấy không ?”

Đáp : “Dạ, thấy.”

Tổ Trượng rằng : “Sau khi thấy thì như thế nào ?”

Đáp : “Thấy chẳng có hai.”

Tổ Trương nói : “Đã nói là thấy thì không hai, tức là không lấy cái thấy mà thấy nơi *cái vốn thấy*. Nếu *cái vốn thấy* mà trở lại thấy, thì cái thấy trước là đúng hay cái thấy sau là đúng ? Như nói, “Khi thấy mà còn có tướng thấy, đó chẳng phải là chơn kiến. Thấy mà do lìa tất cả tướng thấy, cái thấy ấy là siêu việt.”¹⁾ Bởi thế, chẳng hành cái *pháp thấy*, chẳng hành cái *pháp nghe*, chẳng hành cái *pháp giác ngộ*, thì chư Phật liền thọ ký.”

Lại nữa, kinh Bảo Tích nói : “Pháp thân chẳng có thể lấy thấy, nghe, hay, biết mà tìm cầu. Chẳng phải là chỗ thấy của con mắt thịt, vì là không có sắc. Chẳng phải là chỗ thấy của thiên nhãn vì không hư vọng. Chẳng phải chỗ thấy của huệ nhãn, vì lìa hình tướng. Chẳng phải chỗ thấy của pháp nhãn, vì lìa các hành. Chẳng phải là chỗ thấy của Phật nhãn, vì lìa hết thấy thức. Nếu chẳng tạo ra các thứ thấy như vậy, thì gọi đó là cái thấy của Phật.”

Xưa, Thiên sư Thiệu Long ban đầu ra mắt Tổ Trương Lô, được chỗ đại lược. Nhân có người đưa đến bộ Ngũ Lục của Ngài Viên Ngộ, sư đọc mà than rằng : “Nghĩ đến chua thì chảy nước miếng. Tuy chưa rửa sạch gan ruột, đã khiến người được vui sướng. Chỉ hận là chưa được giáp mặt chuyện trò.”

Bèn từ giã Ngài Trương Lô mà qua chỗ Ngài Trạm Đường. Trước đến Hoàng Long hỏi Tổ Tử Tâm, kể đó tham yết Ngài Viên Ngộ.

Một hôm, đang nhập thất thì Ngài Viên Ngộ nói : “Khi thấy mà có tướng thấy, cái thấy ấy không phải là cái thấy chân thật. Thấy do lìa tướng thấy, cái thấy ấy siêu việt.”

¹⁾ Kiến kiến chi thời, kiến phi thị kiến. Kiến do ly kiến, kiến bất năng cập.

Rồi đưa tay lên mà nói : “Thấy không ?”

Sư Long nói : “Thấy.”

Tổ Viên Ngộ nói : “Trên đầu để thêm cái đầu !”

Sư Long nghe thì tức thời khế ngộ.

Tổ Viên Ngộ quát nạt rằng : “Thấy cái gì ?”

Thiệu Long đáp : “Tre dày chẳng ngại nước chảy qua.”

Tổ Viên Ngộ chấp nhận, khiến trông coi chỗ cất kinh.

Có người hỏi Ngài Viên Ngộ : “Thiệu Long yếu như thế, sao làm nổi ?”

Ngài đáp : “Con cọp ngủ đó !”

Thiền sư Đức Sơn Quyên thượng đường dạy rằng :
“Khi thấy mà có tướng thấy, đó chẳng phải là chơn kiến.
Thấy do lìa tướng thấy, đó là cái thấy siêu việt.”

Rồi hét lên rằng : “Cá kinh uống hết biển, lộ ra nhánh san hô.”

Trong đại chúng bỗng có ông tăng bước ra, nói : “Trưởng lão thôi đừng nói chiêm bao, mới hứa cho y đủ một con mắt lẻ.”

Người xưa ở nơi câu này (“*Kiến kiến chi thời,...*”) đều nhờ ngón tay mà thấy mặt trăng. Một hột thuốc Tiên biến đổi cốt phàm, quả chẳng dễ dàng !

Kinh : “Hàng Thanh Văn các ông hẹp hòi không biết, chẳng có thể thông đạt Thật Tướng thanh tịnh. Nay ta khuyên dạy ông hãy khéo tư duy, chớ nên trở nài trên đường Bồ Đề Mậu Nhiệm.”

Thông rằng : Cái Thật Tướng thanh tịnh ai ai cũng sẵn đủ. Vậy tại sao hàng Thanh Văn chẳng có thể thông đạt ?

Bởi vì chấp trước vậy. Cái ý thức chấp trước, chón chón đều thọ duyên theo. Chỉ có điều là không thể duyên với Bát Nhã. Nên Đức Thế Tôn thương xót, khuyên hãy khéo tư duy. Phải ở nơi *thấy mà lià thấy*, chứng Diệu Bồ Đề. Đó tức là chỗ chẳng phải cái thấy đến được vậy.

Tổ Giáp Sơn nói : “Trước mắt không có pháp. Trước mắt là ý, chẳng phải trước mắt là pháp. Đó chẳng phải là chỗ tai, mắt đến được. Diệu khế chỗ này.”

Tổ Thiên Đồng nêu ra rằng : “Cái lão Giáp Sơn mở banh cái bao bố, đem đồ châu báu thả ra trước mặt các ông. Chính ngay khi đó thì làm sao đây ? Trên đường chẳng lượm của rơi, người quân tử mới khen là tốt đẹp.”

Ngay cái thoại đầu tuyệt diệu thế này mà còn chẳng cho giữ lại trong ngực, Thật là đến chỗ của *kiến do lià kiến* vậy.



MỤC NĂM : CHỈ RA CÁI VỌNG THẤY

I. XIN CHỈ DẠY TÁNH THẤY CHẴNG DO THẤY

Kinh : Ông Anan bạch Phật rằng : “Thưa Thế Tôn, như Đức Thế Tôn vì chúng tôi mà chỉ dạy về nhân duyên, tự nhiên, các tướng hòa hợp và chẳng hòa hợp, tâm tôi còn chưa khai ngộ. Nay lại nghe Phật dạy : *Tánh thấy chẳng do thấy*, thì lại càng thêm mê muội.

“Cúi mong Phật thương xót, bố thí cho con mắt đại huệ, chỉ bày cho chúng tôi cái Giác Tâm sáng sạch.”

Nói vậy xong, khóc lóc cúi lạy, vâng nghe lời dạy.

Khi ấy, Thế Tôn thương xót Ông Anan và cả đại chúng, sắp muốn hiển bày pháp Đại Tổng Trì (Đà La Ni), các Tam Ma Đề là Con Đường Vi Diệu của sự tu hành, nên mới bảo Ông Anan rằng : “Ông tuy có trí nhớ mạnh mẽ, nhưng chỉ thêm phần đa văn, chứ nơi pháp Xa Ma Tha quán chiếu vi mật, tâm còn chưa rõ. Nay ông hãy nghe kỹ, ta sẽ vì ông phân biệt chỉ bày, cũng là khiến cho những kẻ hữu lậu mai sau được quả Bồ Đề.

Thông rằng : Tịch mà thường Chiếu, cho nên có thể soi rõ Kiến Tinh (cái thấy) là hư vọng. Chiếu mà thường Tịch cho nên biết : “Tánh thấy chẳng phải là cái thấy (*Kiến phi thị kiến*)”. Chỗ này mà hàng ngày chẳng viên dung ba Pháp Quán⁽¹⁾ thì chưa dễ hiểu nổi.

Sư Thạch Môn Uẩn Huy làm vườn ở chỗ Tổ Thanh Lâm.

¹⁾ Không, Giả và Trung.

Một ngày kia đang đứng hầu, Tổ nói : "Hôm nay ông làm gì ?"

Đáp : "Trồng rau."

Tổ Lâm nói : "Khắp pháp giới, đó là thân Phật, ông hướng chỗ nào trồng."

Sư đáp : "Cày vàng chẳng động đất, mầm linh tại chỗ sanh."

Tổ Lâm hân hoan.

Hôm sau, Tổ Thanh Lâm vào vườn, gọi : "Uẩn Xà lê !"

Sư Uẩn lên tiếng : "Dạ."

Tổ Lâm rằng : "Trồng thêm cây không ảnh, để lại cho người sau xem."

Sư Uẩn nói : "Nếu là cây không ảnh, há để chịu trồng ư ?"

Tổ Lâm nói : "Không chịu trồng thì để đó ! Ông từng thấy nhánh lá nó không ?"

Đáp : "Chẳng từng thấy."

Tổ Lâm : "Đã chẳng từng thấy, sao biết nó chẳng chịu trồng ?"

Đáp : "Chỉ vì nó chẳng từng thấy, cho nên nó chẳng chịu trồng."

Tổ Lâm rằng : "Đúng vậy, đúng vậy."

Nếu ngộ được *tánh thấy là mọi tướng thấy*, thì tất cả nhân duyên, tự nhiên, hòa hợp do cái thấy lập ra từ đâu mà sanh khởi ?

Thiền sư Trí Cự ban đầu hỏi Tổ Tiên Tào Sơn rằng : "Người xưa nâng giũ cho người bên ngoài mé, kẻ học nhân này làm sao lãnh hội ?"

Tổ Sơn đáp : “Lui bước liền tự thành mình, muôn ngàn chẳng mất một !”

Thiền sư Trí Cự, ngay dưới lời, liền tiêu tan hết kiến giải, mới từ biệt đi. Sau đó, tham học khắp nơi.

Một hôm, đang xem kinh thì có vị sư hỏi : “Tâm của Thiền Tăng chẳng treo nhãn đến một chữ cái, đâu thể học nhiều ?”

Ngài đáp : “Văn tự thì khác nhau, muôn pháp thể vốn không. Mê thì câu câu đều là ghẻ lở. Ngộ thì lời lời đều là Bát Nhã. Ví không lấy, bỏ, nào hại *Vẹn Tròn* kia.

Cho nên nhớ nhiều, đa văn mà được như Ngài Trí Cự thì cái gì mà chẳng có thể ?

II. CHỈ RA HAI THỨ VỌNG THẤY

Kinh : “Anan, tất cả chúng sanh luân hồi trong thế gian đều do hai cái vọng thấy điên đảo phân biệt. Ngay nơi tâm tánh mà phát sanh, ngay theo nghiệp mà xoay vần. Thế nào là hai cái vọng thấy ? Một là, cái Vọng Thấy Biệt Nghiệp của chúng sanh. Hai là, cái Vọng Thấy Đồng Phận của chúng sanh.

Thông rằng : Sắp nói rõ cái Kiến Tinh (cái thấy) là hư vọng, nên dùng hai cái Vọng Kiến Biệt Nghiệp và Đồng Phận mà chỉ bày. Đã rõ Biệt Nghiệp là hư vọng thì cái hư vọng của Đồng Phận có thể suy ra vậy. Đã biết Đồng Phận là hư vọng, thì có thể suy ra cái hư vọng của Kiến Tinh. Biết Kiến Tinh là hư vọng thì rõ ngay Tánh Thấy chẳng hư vọng. Hiểu suốt chỗ này thì *Tánh Thấy chẳng phải là cái thấy*, có thể tự suốt nhiên không nghi ngờ gì nữa.

Thấy, nghe, hay, biết cũng cùng là hư vọng điên đảo, vậy sao chỉ biện rõ ở *cái thấy* mà thôi ? Ở đoạn trước đã

nói, “*Khiến cho ông bị trôi lăn là lỗi ở tâm và con mắt*”. Cho nên trôi nổi bôn ba theo sắc, chỉ có *cái thấy* là khó trị nhất.

Ông Anan bị Cô Ma Đăng Già mê hoặc, đó chẳng phải Cô Ma Đăng Già mê hoặc Ông Anan, mà chính là do cái vọng thấy của Anan làm nên bệnh. Hướng gì cái vọng thấy lưu chuyển này lại thuộc về sanh diệt, mà cái Thấy Chân Thật (Chơn Kiến) thì chẳng thể trả về đâu, lặng trong thường trụ. Cho nên lấy cái thấy của người mù mà thấy sắc, thì sắc chẳng đáng ưa ! Lấy cái thấy của thấy tối mà thấy ánh sáng, tức là cái thấy vốn chẳng có sáng, có tối. Đạt thẳng đến cái gốc nguồn của mọi cái thấy, thì rõ suốt cái tánh thấy vốn không có cái thấy nào đến được, thế thì còn đâu cái lầm lỗi trôi lăn ?

Xưa, Tổ Quy Sơn hỏi Ngài Ngưỡng Sơn : “*Chúng sanh trong đại địa, cái nghiệp thức mang mang, vốn không có gốc rễ, căn cứ. Ông làm sao biết kia có hay không có ?*”

Ngưỡng Sơn đáp : “*Huệ Tịch này có chỗ nghiệm xét.*”

Khi ấy, có một vị tăng đi ngang trước mặt, Ngài Ngưỡng Sơn gọi : “*Thầy Xà lê !*”

Vị tăng quay đầu lại.

Ngưỡng Sơn nói : “*Thưa Hòa thượng, cái này chính là nghiệp thức mang mang, không có gốc rễ, căn cứ.*”

Tổ Quy Sơn nói : “*Đây thật là một giọt sữa sư tử, làm tiêu sáu đấu sữa lừa !*”

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

“Một gọi, quày đầu biết ta không ?

Lưới trắng thưa thớt lại thành cong

(như móc câu)

*Con quý ngàn vàng vừa lưu lạc
Mờ mịt đường cùng chắc thấy sâu."*

Một tấc này đây, gọi là Vọng Kiến Biệt Nghiệp thì được đó !

Ông Thượng thư Trần Tháo đang cùng những bạn đồng liêu ở trên lầu thì thấy có vài nhà sư đi tới.

Có một vị quan nói : "Những người đi tới đó đều là tăng hành cước."

Trần Tháo nói : "Chẳng phải đâu."

Vị quan nói rằng : "Sao biết chẳng phải ?"

Tháo nói : "Chờ tới rồi thẩm nghiệm xem."

Chốc lát, các vị sư đi tới trước lầu. Ông Tháo đột nhiên kêu lớn : "Thượng tọa !"

Các nhà sư đều ngẩng đầu lên.

Ông liền nói với các vị quan rằng : "Chẳng tin đạo."

Các quan ngơ ngác.

Ngài Thiên Đồng nêu lên rằng : "Trần Thượng thư ngay mặt mà nêu rõ, đối Ngài Trường Lô một điểm chẳng được !"

Tức một tấc này, gọi là Vọng Kiến Đồng Phận thì được lắm ! Nhưng nếu trong các vị sư, có vị khi nghe la mà chẳng quay đầu, ắt khiến Ngài Ngưỡng Sơn phải nhổ lưỡi ra và Ông Trần Tháo phải xin lỗi đấy.

Kinh : "Thế nào là Vọng Kiến Biệt Nghiệp ?"

"Anan, như người thế gian con mắt bị nhắm đờ thì ban đêm nhìn ngọn đèn thấy có riêng một bóng tròn năm màu bao phủ. Ý ông thế nào ? Cái bóng sáng tròn hiện ra nơi ngọn đèn đó là sắc của ngọn đèn hay sắc của cái thấy ?"

“Anan, nếu như đó là cái sắc của ngọn đèn thì sao những người không nhắm mắt lại không có thấy, mà chỉ có người nhắm mắt mới thấy cái bóng tròn ? Nếu đó là sắc của cái thấy thì cái thấy đã thành sắc rồi, vậy người nhắm mắt thấy bóng tròn kia gọi là cái gì ?

“Lại nữa, Anan, nếu cái bóng tròn ấy rời đèn mà riêng có, thì lẽ ra các bức bình phong, màn, bàn, ghế, cũng phải có bóng tròn. Còn nếu rời cái thấy mà riêng có, thì lẽ ra không thể thấy được, cơ sao người nhắm mắt lại thấy cái bóng tròn ấy ?

“Vậy nên biết rằng : Sắc thật ở nơi đèn, cái Thấy bị bệnh làm ra có bóng tròn. *Cái bóng tròn và cái thấy có bóng tròn* đều là bệnh nhắm. *Cái thấy được bệnh nhắm* thì vốn chẳng phải là bệnh.

“Rốt cuộc, không nên nói rằng cái bóng tròn ấy là ngọn đèn hay là cái thấy, vì ở trong đó, cái bóng tròn không phải từ ngọn đèn, cũng không phải từ cái thấy. Cũng như mặt trăng thứ hai, chẳng phải mặt trăng thật, cũng chẳng phải là cái bóng của mặt trăng. Tại sao thế ? Bởi thấy cái mặt trăng thứ hai là do dụi mắt mà có. Cho nên những người trí không nên đi tìm cái căn nguyên của mặt trăng do dụi mắt mà thành là hình tướng hay chẳng phải hình tướng, là lìa cái thấy hay chẳng phải cái thấy. Bóng tròn cũng như thế : nó do nhắm mắt mà thành. Muốn gọi cái gì là ngọn đèn hay cái gì là cái thấy cũng còn chẳng được, huống hồ phân biệt cái bóng tròn là không phải ngọn đèn hay không phải là cái thấy ?

Thông rằng : Sắp chỉ rõ rằng *tánh thấy chẳng phải là cái thấy* nên lấy mắt nhắm làm ví dụ. Cái thấy-bệnh của mắt nhắm thì vọng thấy có bóng tròn. Người không nhắm làm

sao thấy có bóng tròn ? Nhắm mắt đó là bệnh, nhưng cái thấy-được-bệnh-nhắm thì chưa từng bệnh vậy. Đó là để so sánh với cái thấy (Kiến Tinh) là hư vọng, nên vọng thấy có tâm cảnh. Cái tánh thấy thì không hư vọng, nên không thấy có tâm cảnh. Vậy thì cái thấy là hư vọng chứ tánh thấy chưa từng hư vọng. Nếu ở nơi chỗ vọng thấy có tâm cảnh lại sanh khởi thêm cái thấy về nhân duyên, tự nhiên, thị phi thì cũng giống như người nhắm mắt thấy cái bóng tròn rồi truy tìm cái căn nguyên phát sanh của nó !

Cho cái bóng lòà ấy là ngọn đèn, là cái thấy tức nói cái bóng tròn do ngọn đèn, do cái thấy mà có : đó là nghĩa nhân duyên.

Cho cái bóng lòà ấy chẳng phải ngọn đèn hay cái thấy, là nói cái bóng tròn lia ngọn đèn, lia cái thấy mà riêng có : đó là nghĩa tự nhiên.

Đã chẳng phải là nhân duyên, lại chẳng phải là tự nhiên, thời chỉ do mắt nhắm mà thành có bóng tròn vậy.

Cái nhắm mắt thấy có bóng tròn, và cái dụi mắt thấy mặt trăng thứ hai, đồng là một cái bệnh-thấy. Nếu suy xét cái chỗ phát sinh của mặt trăng thứ hai này là hình tướng hay là cái thấy, lia hình tướng hay lia cái thấy thì quả là mê muội thay ! Cũng như nói cái bóng tròn là ngọn đèn, là cái thấy, hay chẳng phải ngọn đèn, chẳng phải cái thấy, thì gọi là người trí được sao ?

Ở hai trường hợp này, biết rõ là hư vọng, suy cứu cái nghĩa nhân duyên, tự nhiên còn không thể được hướng gì trong cái Bốn Giác Minh Tâm chẳng phải là nhắm mắt hay dụi mắt các thứ, vốn không có tướng tròn hay mặt trăng thứ hai thì ở chỗ nào mà vọng lập ba thứ hý luận nhân duyên, tự nhiên !

Cho nên, lấy nhân duyên, tự nhiên, hòa hợp mà luận về cái thấy, cũng còn trong bệnh nhắm mắt vậy thôi, người trí không thế, vì đó là Biệt Nghiệp Vọng Kiến.

Tổ Quy Sơn thấy lửa đồng,⁽¹⁾ hỏi Ngài Đạo Ngô : “Có thấy lửa không ?”

Đạo Ngô nói : “Dạ, thấy.”

Tổ Sơn : “Từ đâu khởi ra ?”

Đạo Ngô : “Dẹp hết sự đi, đứng, nằm, ngồi xin thầy riêng đưa một câu hỏi xem ?”

Tổ Quy làm thinh.

Tổ Phật Giám nêu ra rằng :

*“Rực rực lửa đồng
Người người đều thấy
Chỉ có Đạo Ngô
Thấy ra khác hẳn.”*

Tổ Hương Lâm Viễn đang giã cỏ, có vị tăng hỏi : “Hãy xem nhà người đời mất lửa.”

Tổ Viễn nói rằng : “Lửa trong chỗ nào ?”

Vị tăng nói : “Chẳng có thấy sao ?”

Tổ Viễn nói rằng : “Chẳng thấy.”

Vị tăng nói : “Cái lão già mù này.”

Khi ấy, chúng đều nói : “Viễn Thượng tọa thua rồi !”

Sau Ngài Minh Giáo Khoan nghe chuyện, than rằng : “Phải là huynh Viễn ta mới được.”

¹⁾ Dã hóa.

Cái thấy này xa khác lắm thay, chẳng rời Chánh Vị.⁽¹⁾
 Với cái Kiến Tinh của thế gian giống như bệnh nhắm mắt,
 làm sao sánh được ?

Lại Tổ Quy Sơn, hỏi Ngài Đạo Ngộ : “Đi đâu về đó ?”

Ngài Đạo Ngộ đáp : “Thăm bệnh về.”

Tổ Sơn : “Bao nhiêu người bệnh ?”

Đáp : “Có người bệnh, có người không bệnh.”

Tổ Sơn : “Người không bệnh có phải là Trí Đầu Đà ?”

Tổ Ngộ nói : “Nói được cũng chẳng ăn nhằm gì.”

Tổ Thiên Đồng ở chỗ “*Chẳng ăn nhằm*⁽²⁾ gì”, tụng rằng :

*“Thuốc diệu nào từng qua miệng
 Thần y không thể cầm tay
 Nhược Tôn⁽³⁾ nó vốn chẳng phải Không
 Chí Hư⁽⁴⁾ nó vốn chẳng phải Có
 Chẳng diệt mà sanh, chẳng mất mà thọ
 Siêu hết trước Phật Oai Âm
 Một mình bước sau Không Kiếp
 An bình thì trời che đất chở
 Vận chuyển thì cỏ chạy qua bay.”*

(Diệu dược hà tăng quá khẩu
 Thần y mạc năng trức thủ
 Nhược Tôn dã cử bổn phi vô
 Chí Hư dã cử bổn phi hữu
 Bất diệt nhi sanh, bất vong nhi thọ

1) Tự Tâm thường trụ.

2) Giao thiệp.

3) Nhược Tôn : nếu còn...

4) Chí Hư : rỗng không...

Toàn siêu Oai Âm chi tiên
 Độc bộ Kiếp Không chi hậu
 Thành bình dã thiên cái địa kinh
 Vận chuyển dã ô phi thổ tẩu.)

Tắc này ở trong Chân Kiến mà nhỏ sạch gốc bệnh. Bệnh với không bệnh cũng chẳng có liên quan gì, hướng là phân biệt nhậm với chẳng nhậm !

Kinh : “Thế nào là Vọng Kiến Đồng Phận ?

“Anan, cõi Diêm Phù Đề này, ngoài nước biển cả ra, trong đó đất liền có ba ngàn Châu. Châu lớn chính giữa, bao quát từ Đông sang Tây có đến hai ngàn ba trăm nước lớn. Còn các châu nhỏ khác ở trong các biển, trong đó có châu đến hai trăm, ba trăm nước hoặc có mười, hai mươi cho đến ba mươi, bốn mươi, năm mươi nước.

“Anan, nếu ở trong đó có một châu nhỏ chỉ có hai nước mà riêng người trong một nước đồng cảm ác duyên, thì chúng sanh trong nước đó thấy tất cả những cảnh giới không tốt. Hoặc thấy hai mặt trời, hoặc thấy hai mặt trăng, cho đến thấy nhiều ác tướng khác như Vọng, Thích, Bội, Quyết, Tuệ, Bội, Phi, Lưu, Phụ Nhĩ, Hồng Nghê. Chỉ nước đó thấy, còn chúng sanh nước bên kia thì không thấy mà cũng không nghe.

Thông rằng : Bộ Hiệp Luận nói “Vọng là khí chung quanh mặt trời. Thích là điều xấu ở mặt trời, mặt trăng. Bội, Quyết : khí xấu gần mặt trời. Tuệ là sao chổi. Bội : một loại sao chổi. Phi là phi tinh, một loại sao từ dưới bay lên. Lưu là lưu tinh, một loại sao từ trên rơi xuống. Phụ là phụ khí, khí giống như công mặt trời. Nhĩ là nhĩ khí, khí bên cạnh

mặt trời như cái tai. *Hồng Nghê* là cầu vồng, cái sáng gọi là Hồng, cái tối gọi là Nghê.”

Sách Xuân Thu Truyện chép : năm Thứ Sáu đời vua Ai Công, nước Sở có điềm mây như con quạ đỏ ôm lấy mặt trời mà bay trong ba ngày. Vua sai hỏi Châu Thái sử, Thái sử nói : “Ứng vào thân vua.” Ông Đỗ Dự bàn thêm : “Mặt trời là vua của con người, yêu khí ôm lấy thì ứng vào vua. Chỉ có nước Sở thấy, thì vua nước khác không hề gì !”

Đời Lỗ Châu Công, năm Thứ Hai Mười Sáu, tháng Một⁽¹⁾ nước Tề có sao chổi. Tề Hầu sai cầu đảo.

Ông Án Tử thưa : “Vô ích, làm vậy là mê tín. Đạo trời chẳng thay đổi, đâu có hai mệnh thì cầu đảo làm gì ? Đạo trời có sao chổi là để trừ uế khí. Nếu vua không có uế đức thì cầu đảo làm gì ? Còn nếu có uế đức thì cầu đảo sao được ?” Ông Đỗ Dự bàn thêm : “Chỉ có nước Tề thấy, nước Lỗ không thấy.”

Hai đoạn trên để nghiệm câu trong kinh : “Có một châu chỉ có hai nước, mà riêng người trong một nước đồng cảm ác duyên thì chúng sanh trong nước đó thấy những cảnh giới không tốt.” Thật rõ ràng vậy.

Cảm ứng ác duyên có định nghiệp và bất định nghiệp. Định nghiệp thì không thể tránh. Bất định nghiệp thì có thể thay đổi.

Ví dụ, như Tổ đời Hai Mười Ba, là Ngài Hạc Lạc Na⁽²⁾ Tôn giả, biết trước vị Tổ đời Hai Mười Bốn là Sư Tử Tôn

¹⁾ Mười Một.

²⁾ Haklena. Lạc Na : âm tiếng Phạn. Hạc : âm tiếng Hán ; Tôn giả sau khi sanh ra, có bảy hạc cảm mến bay theo nên gọi vậy.

giả sẽ gặp nạn. Một hôm, bỗng nhiên Tổ chỉ về hướng Đông Bắc, hỏi rằng : “Đó là khí tượng gì ?”

Tổ Sư Tử thưa : “Tôi thấy khí như cái móng trắng khắp cả trời đất, lại có năm luồng hắc khí chạy ngang trong đó.”

Tổ nói : “Điềm đó thế nào ?”

Ngài Sư Tử thưa : “Tôi không biết được.”

Tổ dạy : “Sau khi tôi mất năm mươi năm, nước Bắc Thiên Trúc sẽ có nạn nổi lên, chạm đến thân ông.”

Sau này, Ngài Sư Tử Tôn giả quả bị vua nước Kết Tân giết. Cánh tay phải của vua tự nhiên rụng xuống đất, bảy ngày sau thì chết. Thái tử Quang Thủ than rằng : “Vua cha ta cố sao tự mình chiêu lấy tai họa.” Bấy giờ có vị Tiên núi Bạch Tượng rõ sâu nhân quả nên rộng nói cho Thái tử nghe việc đời trước, mở thoát lưới ngờ. Đây là chỗ gọi là định nghiệp không thể tránh được vậy.

Vua Tống Cảnh Công bị sao Hỏa Tinh nên lo sợ, mời Ông Tử Vi vào hỏi.

Ông Tử Vi nói : “Bị sao Hỏa Tinh là điềm trời phạt, họa ứng vào thân bệ hạ, nhưng có thể dời qua quan Tể tướng.”

Cảnh Công bảo : “Tể tướng để trụ nước, nếu dời qua mà chết thì không nên. Thôi, để quả nhân xin tự gánh chịu vậy.”

Ông Tử Vi nói : “Có thể dời qua nhân dân.”

Vua đáp : “Dân chết rồi thì làm vua với ai. Thôi, để trăm chết một mình.”

Ông Tử Vi thưa : “Có thể dời vào năm.”

Vua đáp : “Năm đói kém thì dân chết đói. Làm vua mà muốn giết dân để tự mình sống thì còn ai xem ta là vua

nữa. Âu cũng là mạng đã hết của quả nhân vậy. Khanh chẳng nên nhiều lời.”

Ông Tử Vi vội vàng quỳ xuống lạy mà tâu rằng : “Hạ thần xin chúc mừng bệ hạ. Trời ở trên cao mà nghe dưới thấp. Vua đã có được ba lần lời nói của người nhân, trời ắt thưởng vua ba lần. Đêm nay chắc sao sẽ dời chỗ, vua sống thêm hai mươi một năm.”

Cảnh Công nói : “Khanh làm sao biết ?”

Ông Tử Vi thưa : “Vua có ba điều thiện thì được thưởng ba lần, do đó sao dời ba lần. Mỗi lần bảy năm, ba lần là hai mươi một năm. Nên tuổi thọ dài thêm hai mươi một năm. Nếu sai, hạ thần xin chịu chết.”

Vua ứng chịu.

Đêm đó, sao dời ba lần như Ông Tử Vi đã nói. Đây là chỗ gọi là bất định nghiệp có thể chuyển dời vậy.

Tóm lại, định nghiệp và bất định nghiệp ở nơi tự tánh nào có thêm bớt, cũng là như huyễn. Chấp huyễn mà cho là thật, thì chỉ vì vọng thấy vậy thôi.



MỤC SÁU :
CHỈ RÕ Ý NGHĨA TÁNH THẤY KHÔNG PHẢI
LÀ CÁI THẤY, VIÊN MÃN BỒ ĐỀ

Kinh : “Anan, nay Ta đem hai việc ấy lui tới, kết hợp mà chỉ rõ.

“Anan, như cái Vọng Kiến Biệt Nghiệp của chúng sanh kia, thấy nơi ngọn đèn hiện ra bóng tròn, tuy giống như tiền cảnh mà thật ra là do bệnh nhặm của người ấy tạo thành. Nhặm thì mắt lòa, chẳng phải sắc tạo ra. Nhưng cái thấy được bệnh lòa vẫn không có lỗi lầm gì về sự thấy cả.

“So sánh với hiện giờ, ông dùng con mắt xem thấy núi sông, cõi nước và các chúng sanh, đều là do cái bệnh thấy từ vô thủy tạo thành. Cái thấy và cái được thấy hình như hiện ra tiền cảnh, thật ra vốn chỉ là cái bệnh lòa, thấy có năng kiến và sở kiến ở trong cái Giác Minh mà thôi.

“Những sự thấy, biết đều là bệnh nhặm, còn cái Bốn Giác Minh Tâm thấu suốt các duyên vốn không có bệnh nhặm. Cái biết và cái được biết đều là bệnh nhặm, còn cái Bốn Giác thì không ở trong bệnh nhặm. Đó là cái Tánh Thấy hằng thấy, làm sao gọi được là sự thấy, nghe, hay, biết ?

“Vậy nên, nay ông nhìn thấy Ta, nhìn thấy ông, cùng mười loại chúng sanh trong thế gian đều là cái thấy Nhặm, mà chẳng phải là cái thấy chân thật thấy được bệnh nhặm. Cái Tánh Thấy chân thật kia vốn chẳng hề nhặm, cho nên không gọi là thấy nữa.

Thông rằng : Lấy cái bóng tròn mà so với tiền cảnh, lấy mắt nhắm mà so với cái bệnh thấy, lấy cái thấy lòa mà so với cái Giác Minh,⁽¹⁾ lấy cái thấy được bệnh nhắm so với Tánh Bản Giác⁽²⁾ thì không gì mà chẳng rõ. Dù văn nghĩa khúc mắc, nhưng không có chỗ nào không phát minh cái thấy là bệnh nhắm, mà cái Tánh Thấy hằng thấy vốn chẳng hề nhắm. Cái thấy và cái được thấy, đó là căn và cảnh hòa hợp, mà hiện ra có núi sông, cõi nước và chúng sanh, cũng giống như sự hiện ra của cảnh vật trước mắt, thật cũng chỉ như cái bóng tròn thấy nơi ngọn đèn. Bóng tròn chẳng do sắc tạo ra, thì các thứ trên cũng không phải do cảnh tạo ra. Nguyên là cái giác minh của ta vọng thấy có chỗ duyên, như con mắt nhắm thì thành ra có bóng tròn.

Cái giác minh này vọng thấy, nhân ở *Minh* mà lập ra *Cái Sở*, rồi lại duyên bám theo ngoại cảnh, đó là bệnh nhắm. Còn cái Bản Giác Minh Tâm nào rơi vào nơi chốn, thường giác các tướng sanh khởi của các duyên, chẳng đuổi theo các duyên mà trôi lăn, thì vốn chẳng hề nhắm. Vậy, nên biết do cái Giác Minh của ta duyên nơi tiền cảnh mà thành cái Sở Giác (Cái Được Biết). Cái Sở Giác là bệnh nhắm, mà cái Tánh Bản Giác thật là cái Thường Biết. Cái Bản Giác Minh Tâm đã thường tỏ biết cái nhắm, biết cái nhắm là bệnh, vốn tự tại, nào có sa vào chuyện nhắm ? Nói là "*Cái biết và cái được biết đều là bệnh nhắm*", nghĩa là cái Giác Minh của ta thấy có chỗ duyên bèn là bệnh nhắm, lấy cái biết và được biết ấy làm duyên mà có. Nói là "*Cái Bản Giác không ở trong bệnh nhắm*", là tương ứng với Cái Bản Giác Minh Tâm thường rõ các duyên, mà không có bệnh nhắm ;

¹⁾ A Lại Da Thức còn có nhiễm ô.

²⁾ A Lại Da Thức không còn nhiễm ô, gọi là Bạch Tịnh Thức.

ở nơi phù trần chưa khởi, chẳng sa vào cái nhăm của thức giới. Đây chẳng phải là cảnh giới của thấy, nghe, hay, biết cho nên nói “Đây thật là Tánh Thấy hằng thấy, sao gọi được là sự thấy, nghe, hay, biết ?”

Nếu lấy cái sự thấy, nghe, hay, biết mà cho đó là tánh, thì chẳng khác nào lấy con mắt nhăm mà cho là con mắt trong sạch, sao mà thông cho nổi ?

Ngài Tam Bình có bài kệ :

*“Chỉ thấy, nghe này chẳng phải thấy, nghe
Tuyệt không thanh, sắc để trình ông
Trong đây nếu rõ, toàn vô sự
Thế, dụng nào cần phân, chẳng phân.”*

(Chỉ thử kiến văn phi kiến văn
Vô dư thanh, sắc khả trình quân
Cá trung nhược liễu toàn vô sự
Thế, dụng hà phòng phân, bất phân.)

Tổ Vân Môn nêu ra : “Ngay “Chỉ thấy, nghe này chẳng phải thấy, nghe” : gọi cái gì là thấy, nghe ? “Tuyệt không thanh, sắc để trình ông” : có thanh, sắc nào ở nơi miệng ? “Trong đây nếu rõ, toàn vô sự” : có chuyện gì đâu ? “Thế, dụng nào cần phân, chẳng phân” : lời nói là thế, hay thế là lời nói ?”

Ngài lại đưa cây trụ trượng lên mà nói : “Trụ trượng là thế, đèn lồng là dụng, thế là phân hay chẳng phân ? Chẳng thấy nói “Nhất Thiết Trí Thanh Tịnh” ư ?”

Sau, Ngài Bạch Vân Đoan nêu ra rằng : “Vân Môn chỉ hiểu y theo khuôn sáo mà vẽ chân mày, viên thông thì chẳng thế !

“Ngay “Thấy, nghe này chẳng phải thấy, nghe. Tuyệt không thanh, sắc để trình ông” : mắt là mắt, tai là tai !

“Trong đây nếu rõ, toàn vô sự. Thế, dụng nào cần phân, chẳng phân” : Bốn, năm trăm cành hoa liễu (trong) ngõ. Hai ba ngàn chỗ xướng ca lâu.”

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

“Thật gặp nhau, chẳng giao thiệp
 Sáu cửa mở toang, bốn đường tuyệt dấu
 Khắp cõi là quang minh, suốt thân không
 sau trước
 Sợi tơ chẳng bận chuyện con thoi
 Hoa mỹ tung hoành riêng ý khác.”

Ngài Tam Bình riêng có một bài tụng :

“Thấy, nghe, hay, biết vốn chẳng (nguyên) nhân
 Dương thể rỗng mầu, tuyệt vọng, chân
 Thấy tướng, chẳng sanh si ái nghiệp
 Rỗng nhiên, toàn hết : Thích Ca Thân.”

Lại nữa, Tổ Huệ Siêu thượng đường dạy rằng : “Này các Thượng tọa, thấy, nghe, hay, biết thì chẳng phải là thấy, nghe, hay, biết. Thế hội chẳng ? Cùng với các vị Thượng tọa nói rõ lắm rồi đó, nhưng phải chờ chư vị ngộ mới được !”

Hợp các đoạn trên để chú giải đoạn kinh này.

Kinh : “Anan, cái Vọng Kiến Đồng Phận của chúng sanh kia so với cái Vọng Kiến Biệt Nghiệp của một người thì một người đau mắt cũng đồng như một nước kia.

“Người đau mắt thấy bóng tròn là do mắt nhắm hư vọng sanh ra ; còn trong một nước kia hiện ra các điềm xấu là do ác duyên đồng phận của chúng sanh tạo nên. Cả hai đều là do cái thấy hư vọng từ vô thủy sanh ra.

“Suy ra, ba ngàn Châu trong cõi Diêm Phù Đề, cùng bốn biển lớn, Ta Bà thế giới, cho đến các cõi hữu lậu mười phương cùng các chúng sanh đồng ở trong Diệu Tâm Vô Lậu, nhưng do cái bệnh duyên hư vọng tạo thành thấy, nghe, hay, biết hòa hợp mà giả dối sanh ra, hòa hợp mà giả dối diệt mất. Nếu xa lìa các bệnh duyên hòa hợp và chẳng hòa hợp này, tức thì diệt trở lại được các nguyên nhân sanh tử, tròn đủ thể Bồ Đề không sanh không diệt, đó là cái Bản Tâm Xưa Nay Trong Sạch, cái Vốn Giác Ngộ Thường Trụ Xưa Nay vậy.

Thông rằng : Lấy con mắt nhắm để hiển bày cái vọng thì dễ, lấy cái diêm xấu mà hiển bày cái vọng thì khó, cho nên lấy biệt nghiệp mà so với đồng phạm vậy. Hơn nữa, cái vọng là các diêm xấu trong đồng phạm còn dễ biết, chứ cái bệnh duyên hư vọng là các cõi nước hữu lậu thì quả là khó tin. Cho nên lấy dễ mà suy ra khó vậy.

Chỗ thấy có núi sông, cõi nước cùng mười loại chúng sanh trong thế gian tuy thuộc hư vọng, nhưng đồng là cái Diệu Tâm vô lậu. Nói Diệu, tức là vật mà chẳng phải vật, tức là cảnh mà chẳng phải cảnh. Chỉ vì quay lưng lại với Giác mà hợp với trần thì thành hữu lậu. Hữu lậu thì bị vật chuyển, cùng với bệnh nhắm bèn đồng. Còn nếu trái với trần, hợp với Giác thì vốn tự vô lậu. Vô lậu thì chuyển được vật, tức đồng với không nhắm. Đồng một Giác Minh, mà vô lậu tức là Bốn Tâm Thanh Tịnh, Bốn Giác Thường Trụ ; còn hữu lậu thì chẳng biết chơn mà chạy theo vọng, trôi lăn sanh tử, hòa hợp mà vọng sanh ra, hòa hợp mà vọng diệt mất. Tương ứng với đoạn trước : “Ngay trong đó mà lại phát sanh, do nghiệp bèn chịu xoay vần.” Chơn, vọng vốn hòa hiệp, mà nói riêng về vọng bởi vì Chân Như

đang ở trong phiền não vậy. Các tướng hòa hợp, tức là tại trong ba cõi mà lưu chuyển. Các tướng bất hòa hợp là cái kiến chấp chẳng sanh diệt, tự nhiên của ngoại đạo. Cả hai thứ duyên hòa hiệp và chẳng hòa hiệp này chính là gốc rễ, nguyên nhân của sanh tử, đều là cái vọng kiến điên đảo. Nếu cái vọng thấy mà tiêu tan, chỉ còn một Bản Giác. Cũng như bệnh nhắm tiêu tan, thì chỉ còn một con mắt thuần túy sáng sạch. Há đó chẳng phải là Tánh Bồ Đề tròn đủ, bất sanh bất diệt sao ? Đến trong cái Bồ Đề tròn đầy ấy rồi mới tin được *“Thấy do lia thấy, thấy ấy siêu việt”* vậy.

Tổ Huyền Sa thượng đường dạy rằng : *“Tôi nay hỏi các ông, các ông đang đàm dương chuyện gì vậy ? Ở thế giới nào mà an thân lập mạng đây ? Có thấy ra được không ? Nếu chẳng nhìn ra được thì khác nào dụi mắt sanh ra hoa đốm, thấy toàn chuyện hư vọng. Có biết thế không ? Như nay trước mắt thấy đủ núi sông, đất đai, sắc, không, sáng, tối, vô vàn sự vật đều là hoa đốm điên cuồng nhọc mệt. Phải gọi tất cả những thứ đó là tri kiến điên đảo.*

“Phàm là người xuất gia, phải rõ Tâm, thấu đạt Cội Nguồn mới được gọi là Sa môn. Nay các ông đã cạo đầu, khoác y làm nên hình tướng Sa môn, tức là đã có phần tự lợi, lợi người mà nay chỉ thấy toàn là tối đen như mực, thì tự cứu còn chẳng xong huống là giải thoát cho người ?

“Này các nhân giả, nhân duyên với Phật Pháp là sự lớn lao, chớ có dễ người, xúm nhau mà nói tầm phào cho qua ngày qua buổi. Tháng ngày khó được, tiếc thay cho bậc đại trượng phu ! Sao chẳng tự tỉnh sát, nhìn xem đó là vật gì ? Chỉ như đây là Tông Thừa từ xưa, là dòng giống Phật Đảnh. Bởi vì các ông chẳng kham nhận lãnh, nên tôi mới phương tiện khuyên răn : Cần theo cửa Ca Diếp mà nối gót đốn siêu.

“Một cái cửa này vượt hẳn phàm thánh, nhân quả, siêu việt thế giới Hải Diệu Trang Nghiêm của Phật Tỳ Lô, siêu việt các pháp môn phương tiện của Phật Thích Ca. Ngay đây là vĩnh kiếp : chẳng dạy cho các ông có được một vật gì để khởi lên nhân kiến, sao chẳng tự mình gấp gấp nghiệm lấy ? Để khởi cần nói, “ta phải chờ hai, ba kiếp góp chứa nghiệp lành”.

“Này các nhân giả, Tông Thừa là cái việc gì mà chẳng thể do sự dụng công trang nghiêm của ông mới đắc, mà dù có tha tâm thông, túc mạng thông cũng không thể đắc ? Hội chẳng ?

“Như Đức Thích Ca ra đời làm ra biết bao nhiêu trò biến hóa giỡn đùa, thuyết Mười Hai Thời Giáo như xối nước, làm nên một trường Phật sự. Thế mà đối với pháp môn này thì một điểm dùng cũng chẳng được, dùng một chút nghề như mảy lông cũng chẳng được ! Biết chẳng ? Như đồng trong việc mộng, thì có nói cũng là nói mớ thôi. Bạc Sa môn chẳng có ra đời, không cùng việc mộng, bởi vì rõ biết. Các ông có biết không ? Rõ được tức là người Đại Giải Thoát, Đại Triệt Ngộ. Bởi thế mà siêu phàm vượt thánh, ra khỏi sanh, lìa khỏi tử, rời xa nhân quả, siêu Tỳ Lô, vượt Thích Ca, chẳng bị phàm thánh, nhân quả đối lừa, chốn chốn nơi nơi không người biết được ông. Hiểu thế chẳng ?

“Đừng tham luyến hoài cái lưới ân ái sanh tử, bị nghiệp thiện, ác móc kéo lôi đi, chẳng có phần nào tự do. Dầu ông có luyện được cái thân, tâm giống như hư không chẳng nữa, dù cho ông có đến được cái chỗ chẳng lay động của Tinh Minh trong trời đi nữa, thì cũng chẳng ra khỏi thức ám. Cổ nhân gọi cái ấy như dòng nước chảy xiết, chảy xiết mà chẳng hay, nên lắm cho là yên tĩnh. Tu hành như đó

mà đòi ra khỏi bờ cõi luân hồi thì không thể được, vẫn như trước mà bị luân hồi. Bởi thế, mới nói “Các hành là vô thường”, ngay cả công quả của Tam thừa, thấy thế cũng nên sợ hãi. Nếu không có Đạo nhân thì chẳng có gì là rốt ráo. Đâu bằng như nay kẻ bạc địa phạm phu, chẳng dùng một tơ hào công phu, liền đốn siêu tức khắc. Biết rõ chỗ đặt hết tâm lực chẳng ? Trở lại câu muốn cái gì ? Xin khuyên các ông ! Ngay đây đang chờ các ông đó ! Không dạy các ông gia công tu luyện ! Như nay mà chẳng như vậy còn chờ đến khi nào ? Được không ?”

Rồi bèn xuống tòa.

Tổ Huyền Sa nhân đọc kinh Lăng Nghiêm mà phát minh Tâm Địa. Thốt lời, nhả khí mỗi mỗi đều hợp với kinh này. Ở nơi đấy mà tin nhập, liền ngay tròn đủ Bồ Đề Bốn Giác thường trụ, còn có vọng kiến nào là bệnh ư ?

Kinh : “Anan, ông tuy đã ngộ cái Bản Giác Diệu Minh vốn chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tự nhiên nhưng còn chưa rõ cái Bản Giác như thế không phải hòa hợp mà sanh, cũng không phải không hòa hợp.

“Anan, nay tôi lại lấy tiền trần hỏi ông, bởi vì ông còn lấy hết thấy những tính nhân duyên hòa hợp của vọng tưởng thế gian mà tự nghi ngờ rằng chứng Tâm Bồ Đề cũng do hòa hợp mà phát khởi. Vậy thì hiện nay cái thấy mâu sạch của ông là hòa với cái sáng ? Là hòa với cái tối ? Hòa với thông suốt ? Hay hòa với cái ngăn bít ? Nếu hòa với cái sáng, mà nay ông đang thấy sáng, thì cái sáng hiện đó, ở chỗ nào xen lẫn với cái thấy ? Cái thấy, cái sáng có thể nhận rõ, còn hình tượng xen lộn thì như thế nào ? Nếu cái sáng chẳng phải là cái thấy thì làm sao thấy được cái sáng ? Nếu cái sáng tức là cái thấy thì làm

sao thấy được cái thấy ? Nếu cái thấy cùng khắp thì còn chỗ nào để hòa được với cái sáng ? Nếu cái sáng cùng khắp thì lẽ ra không hòa được với cái thấy. Cái thấy đã khác với cái sáng thì khi xen lẫn tất phải làm mất tính cách của cái sáng. Cái thấy xen vào làm mất tính chất của cái sáng, mà nói hòa với cái sáng thì không đúng nghĩa. Đối với cái tối, cái thông suốt và cái ngăn bít thì cũng như vậy.

“Lại nữa, Anan, hiện nay cái thấy mâu sạch của ông hợp cùng cái sáng, hợp với cái tối, hợp với cái thông suốt hay hợp với cái ngăn bít ? Nếu hợp với cái sáng thì đến khi tối, cái sáng đã mất rồi, cái thấy đó không hợp với cái tối thì làm sao thấy được cái tối ? Nếu khi thấy tối mà không hợp với cái tối thì lẽ ra khi hợp với cái sáng, không thấy được cái sáng ! Mà đã không thấy được sáng thì làm sao hợp với cái sáng và rõ biết cái sáng không phải là tối. Đối với cái tối, cái thông suốt, cái ngăn bít thì cũng như vậy.”

Thông rằng : Cái Bản Giác Diệu Minh chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tự nhiên, Ông Anan trước đã tỏ ngộ sơ qua là nó hình như chẳng phải là nhân duyên hay tự nhiên, nhưng lại chấp rằng ba duyên ánh sáng của thế gian hợp lại thì thành ra cái thấy. Ông còn nghi rằng chứng Bồ Đề Tâm hẳn do hòa hợp mà phát khởi.

Cái thấy của thế gian kia không những thấy cái sáng, mà còn thấy cả cái tối, thì rõ ràng là không phải nhờ các duyên vậy. Huống là cái Bồ Đề Bản Giác vốn thường trụ, lia ngoài mọi cái thấy, há có thể gọi là hòa hợp sao ?

Nói là hòa, thì như nước hòa với đất, trộn lẫn không phân biệt được. Nay cái thấy và cái sáng, cái tối, cái thông

suốt và cái ngăn bít làm sao hòa được ? Cái thấy thuộc về hữu tình, cái cảnh thuộc về vô tình, rõ ràng có thể biện biệt. Như hai cái đó hòa trộn lẫn nhau thì làm nên hình trạng gì ? Cái thấy thì thấy được cái sáng, nên hình như là trộn lẫn được. Nhưng cái sáng thì không thể tự thấy, mà chỉ có cái thấy mới có thể thấy, thì hai cái hẳn không thể trộn lẫn. Nếu có thể trộn lẫn, ắt là phải có chỗ chẳng cùng khắp, mà nay cái thấy là kiến phần và cái bị thấy là tướng phần, mỗi cái đều tròn vẹn, đầy khắp pháp giới, còn chỗ nào để mà hòa đây ? Giả sử có thể trộn lẫn, thì cái thấy đã trộn lẫn với cái cảnh, vậy còn đâu là cái thấy nữa ? Và cái cảnh tướng đã trộn lẫn với cái thấy, thì không thể gọi là cảnh tướng. Cái thấy cùng với tướng bị thấy phải khác nhau, chẳng thể hòa vậy.

Nói là hợp, thì như cái nắp và cái hộp hợp với nhau, nương nhau mà chẳng lìa. Nay thì cái thấy cùng với tiền cảnh là sáng, tối, thông, bít làm sao hợp được ? Vì nếu cùng cái sáng hợp thì không thể thấy cái tối. Đã không hợp với cái tối, mà có thể thấy được cái tối thì cũng phải không hợp với cái sáng mới có thể thấy được cái sáng. Còn nếu hợp với cái sáng thì không thấy được cái sáng vậy ! Đã không thể thấy sáng thì không thể gọi là hợp nhau, làm sao lại cùng với cái sáng hợp được ! Biết rằng sáng chẳng phải tối, thì cả hai cái thấy sáng và cái thấy tối đều không hợp nhau được. Cái thấy hẳn là khác với tiền cảnh, không thể hợp được.

Đã là cái Kiến Tinh này thì sáng, tối, thông, bít đều chẳng phải là cái thấy, nên mới nói là trong sạch (*tịnh*). Nhưng sáng, tối, thông, bít chẳng có cái nào không phải là cái thấy, nên gọi là diệu. Nói Kiến Tinh là diệu tịnh vì nó là cái tịnh sắc căn, chẳng dính dáng với vọng trần, chẳng

phải do hòa hợp mà sanh ra, huống là cái tánh thấy vốn là giác ngộ, trong sạch cực cùng, mâu nhiệm cực cùng, há lại do căn trần hòa hợp mà hiện hữu ư ?

Tổ Chương Kính thượng đường, nói : “Tột lý quên lời, người đời chẳng hiểu. Gượng ép tu tập việc ngoài, cho là công phu. Chẳng biết rằng tự tánh vốn không dính dáng đến trần cảnh, đó là cái pháp môn vi diệu đại giải thoát. Vốn có cái gương hằng giác, không nhiễm ô, không ngăn ngại. Cái Quang Minh đó chưa từng mai một, vô thủy đến nay không hề đổi khác. Cũng như mặt trời, xa gần đều soi chiếu. Tuy đến các sắc tượng mà chẳng hòa hợp với tất cả, linh diệu độc sáng, chẳng nhờ rèn luyện. Chỉ vì chẳng biết nên đeo giữ hình tướng. Chẳng khác nào bụi mắt thấy không-hoa, uống tự nhọc nhằn, qua nhiều đời kiếp. Nếu liền phản chiếu thì không có được người thứ hai ! Làm lung bày biện này kia, nào chẳng kém hao Thật Tướng !”

Ngài Không Thất Đạo Nhân Trí Thông nhân xem cuốn Pháp Giới Quán liền tỏ ngộ, làm hai bài kệ :

Bài Một :

*Mênh mộng trần thế một tánh Như
Dọc ngang xen lẫn ấn Tỳ Lô
Toàn sóng là nước, sóng chẳng là nước
Toàn nước thành sóng, nước tự mình !*

(Hạo hạo trần trung thể nhất Như
Tung hoành giao hồ ấn Tỳ Lô
Toàn ba thị thủy, ba phi thủy
Toàn thủy thành ba, thủy tự thù.)

Đây là nghĩa *Chẳng Hòa Hợp*.

Bài Hai :

Ta, vật vốn không khác
 Trùng trùng gương, bóng đồng
 Sáng trong, siêu chủ bạn
 Tổ tổ, triệt Chân Không
 Một thể trùm muôn pháp
 Trong lưới báu nhập nhau
 Trùng trùng, không cùng tận
 Động, tĩnh vốn viên thông.

(Vật ngã nguyên vô dị
 Sum la cảnh tượng đồng
 Minh minh siêu chủ bạn
 Liễu liễu triệt Chơn Không
 Nhất thể hàm đa pháp
 Giao tham để võng trung
 Trùng trùng vô tận xứ
 Động tĩnh tất viên thông.)

Đây lại là nghĩa *Chẳng phải Không Hòa Hợp*.

Kinh : Ông Anan bạch Phật rằng : “Thưa Thế Tôn, như chỗ tôi suy nghĩ : cái Tâm Tánh này đối với các trần cảnh và các tâm niệm không hòa hợp chẳng ?”

Phật dạy : “Nay ông lại nói Tánh Giác không hòa hợp, thì ta lại hỏi ông : Cái Thấy Mầu Nhiệm này mà gọi là chẳng hòa hợp đó, là không hòa với cái sáng, là không hòa với cái tối, là không hòa với sự thông suốt, hay là không hòa với sự ngăn bít ? Nếu không hòa với cái sáng, thì giữa cái thấy và cái sáng phải có ranh giới. Ông nay hãy xét kỹ : chỗ nào là cái sáng ? Chỗ nào là cái thấy ? Nơi cái thấy, nơi cái sáng thì lấy từ đâu làm ranh giới ? Anan, nếu ở trong ranh giới của cái sáng chắc không có cái thấy, hai cái không đến với nhau, cái thấy

tự chẳng biết được cái sáng ở đâu, thì ranh giới làm sao thành lập ? Đối với cái tối, cái thông suốt, cái ngăn bít thì cũng như thế.

“Lại cái thấy mà gọi là chẳng có hòa hợp đó, là không hợp với cái sáng, không hợp với cái tối, không hợp với cái thông suốt, hay không hợp với cái ngăn bít ? Nếu không hợp với cái sáng, tức là cái thấy và cái sáng tánh trái ngược nhau, cũng như lỗ tai với cái sáng hoàn toàn không liên quan gì nhau. Nếu vậy thì cái thấy không biết được cái sáng ở đâu, làm sao mà phân biệt ra được cái lẽ hợp hay chẳng hợp ? Đối với cái tối, cái thông suốt và cái ngăn bít thì cũng như thế.

Thông rằng : Chỗ không hòa hợp mà Ông Anan nghi ấy là hai pháp chơn và vọng, hình như chẳng có tương nhập, vì ông chưa có thể dung thông chơn, vọng làm một.

Tạm nói là không hòa, thì cái thấy và cái sáng phải có ranh giới. Tạm nói là không hợp, thì cái thấy và cái sáng, tánh tương trái ngược nhau. Nay đều chẳng phải vậy, nên biết rằng chẳng phải không hòa hợp.

Ở đoạn trước, Ông Anan nói “Không thể ở nơi hình tướng của muôn vật trước mặt mà phân tách ra được cái thấy có riêng tự tánh, lìa ngoài mọi vật”, thì cũng tương tự chỗ này. Đã nói không hòa hợp là từ nơi sự diệu tịnh của cái thấy mà nói, tịnh cho nên chẳng dung chứa sự xen tạp. Lại nói chẳng phải không hòa hợp, là từ riêng sự Diệu của cái thấy mà nói, Diệu thì không chỗ nào mà không có.

Cuốn Bách Môn Nghĩa Hải nói “Thấu đạt vô sanh là hiểu rằng trần cảnh là duyên của tâm, và tâm là nhân của trần cảnh. Nhân duyên hòa hiệp thì các huyễn tướng mới

sanh ra. Do từ duyên sanh, nên Vô Tự Tánh. Tại sao thế ? Vì nay trần chẳng thể tự duyên mà phải chờ có tâm. Tâm chẳng thể tự mình làm tâm, tất phải chờ có duyên trần. Do nương nhau mà có, nên không thể định. Do đó, duyên sanh tức là Vô Sanh, chứ chẳng phải bỏ duyên sanh mà nói Vô Sanh.”

Tổ Thiệu Tiên thượng đường, nói : “Nhồi chẳng dính, đập chẳng tan, phơi nắng không khô, ngâm nước không thối. Một mực treo giữa thái hư, mặc người mắt lạnh cạnh bên nhìn.”

Hòa thượng Bì Thọ đang hơ lửa.

Ngài Đạo Ngô hỏi : “Làm gì thế ?”

Tổ Thọ nói : “Hòa hiệp.”

Đạo Ngô : “Như thế tức là ngay đó mà thoát ư ?”

Tổ Thọ rằng : “Cách xa bao nhiêu thời gian rồi vậy ?”

Ngài Đạo Ngô phát tay áo, bỏ đi.

Một hôm, Ngài Đạo Ngô ở ngoài về, Tổ Bì Thọ hỏi : “Từ đâu về đó ?”

Ngài Đạo Ngô đáp : “Gần đây thôi.”

Tổ Thọ rằng : “Dùng sàng sảy hai miếng da đó làm gì ?”

Ngài Ngô : “Mượn.”

Tổ Thọ rằng : “Kia có thì cho ông mượn, còn không thì làm sao ?”

Đạo Ngô : “Chỉ vì có nên mới mượn.”

Xem chỗ cử xướng của chư Tôn túc như thế, thì cái Diệu Giác Nguyên đó cùng các duyên trần và các tâm niệm là hòa hợp hay chẳng hòa hợp ? Cần có mắt mới được !

MỤC BÀY :

TÓM THU VỀ NHƯ LAI TẠNG

I. TÓM THU

Kinh : “Anan, ông còn không biết rằng hết thảy các tướng huyễn hóa của tiền trần ngay nơi chỗ mà sanh ra, tùy theo chỗ mà diệt mất. Hư huyễn vì mê vọng nên nói là tướng, chứ thật tánh chúng là Diệu Giác Minh Thể. Như vậy, cho đến năm Ấm, sáu Nhập, mười hai Xứ và mười tám Giới đều là : - nhân duyên hòa hợp : in tuồng có sanh ra ; - nhân duyên chia lìa : in tuồng diệt mất. Quyết chẳng biết rằng sanh, diệt, đến, đi vốn là Như Lai Tạng Tánh thường trụ, màu sáng, bất động, tròn khắp, tánh diệu Chân Như. Trong tánh Chân Thường ấy mà tìm cầu cho ra tướng đến, đi, mê, ngộ, sanh, tử rốt là không chỗ được.

Thông rằng : Ở đây bày thẳng Đốn Môn, mở ra con đường Diệu Bồ Đề, tức là ngay trong phù trần huyễn hóa mà chứng Chân Như. “Trong Tánh Chân Thường mà tìm cầu cho ra tướng đến, đi, mê, ngộ, sanh, tử rốt là không chỗ được.”

Các thứ Ấm, Nhập, Xứ, Giới chỉ có tướng huyễn vọng. Huyễn không tự tánh, nương Chân mà lập như hoa đốm khởi lên giữa hư không, toàn thể hoa đốm là hư không. Như sóng sanh trên nước, toàn sóng là nước. Cho nên kinh nói “Tánh của chúng thật là Diệu Giác Minh Thể”, thể này chính là Pháp thân. Tự nó gồm chứa vô lượng công đức nên gọi là Như Lai Tạng. Vốn chẳng đến đi, nên gọi là Thường Trụ. Vốn chưa từng mê muội, nên gọi là Diệu Minh. Vốn không sanh diệt, nên gọi là Bất Động. Vốn tự sẵn đủ nên nói là

Tròn Khấp, Châu Viên. Một vị Thường Trụ nên đến di bất khả đắc. Một vị Diệu Minh nên mê ngộ bất khả đắc. Một vị Bất Động nên sanh tử bất khả đắc. Một vị Tròn Khấp nên Chân Thường.

Cái gọi là Tánh Chân Như Mầu Nhiệm ở đây kỳ thật là cái “Xưa nay không một vật” vậy.

Có nhà sư hỏi Tổ Hoàng Bá : “Kẻ học nhân này chẳng hiểu, Hòa thượng chỉ bày như thế nào ?”

Tổ Hoàng Bá nói : “Ta không có một vật nào hết. Từ xưa đến giờ chẳng từng đem ra một món vật cho người. Ông từ vô thủy đến nay chỉ vì bị người ta chỉ bày rồi tìm kiếm chuyện *khế hợp*, tìm kiếm chuyện *hiếu ngộ*. Như thế thì chẳng phải cả thầy trò đều lọt vào nạn vua sao ? Ông chỉ cần biết rằng, một niệm chẳng thọ tức là không có cái thân thọ. Một niệm không tưởng đến tức là không có cái thân tưởng. Quyết chẳng có trôi theo sự tạo tác, tức là không có cái thân hành. Chẳng có nghĩ suy, so sánh, phân biệt tức là không có cái thân thức. Nay ông vừa khởi ra một niệm tức thì có ngay vòng Thập Nhị Nhân Duyên : vô minh duyên ra hành, vừa nhân vừa quả ; cho đến lão, tử cũng vừa nhân vừa quả.

“Cho nên Đồng tử Thiện Tài đi một trăm mười nơi cầu thiện tri thức, chỉ là hướng vào Thập Nhị Nhân Duyên mà cầu. Sau rốt gặp Đức Di Lặc. Đức Di Lặc lại chỉ đến gặp Đức Văn Thù. Văn Thù ấy, chính là cái Bản Địa Vô Minh của ông. Nếu tâm tâm riêng khác, hướng ngoài mà tìm cầu thiện tri thức, thì một niệm vừa sanh liền diệt, vừa diệt liền sanh. Bởi thế, Tỳ kheo các ông cũng sanh, cũng lão, cũng bệnh, cũng tử. Trả nhân đền quả xưa nay, tức là sự sanh diệt của năm tu. Năm tu là năm ấm. Một niệm chẳng khởi tức là mười tám giới bèn không, ngay thân là hoa trái Bồ

Đề, ngay tâm tức là Bát Nhã. Nếu có chỗ dừng bám, thì ngay thân là xác chết, cũng gọi là quý giữ xác chết."

Lời nói này của Tổ Hoàng Bá chẳng phải làm sáng tỏ câu kinh "*Hư huyễn vì mê vọng nên nói là tướng, chứ thật tánh của chúng chính là Diệu Giác Minh Thể*" đó sao ?

Ông Hạo Nguyệt cúng dường, hỏi Tổ Trường Sa : "*Rõ thì nghiệp chướng vốn là không. Chưa rõ, nợ xưa đành trang trái,*⁽¹⁾ vậy thì Tổ Sư Tử Tôn giả và Nhị Tổ Huệ Khả vì sao phải trả nợ xưa ?"

Tổ Sa nói : "*Đại đức chẳng biết Bản Lai Không.*"⁽²⁾

Hỏi : "*Như thế nào là Bản Lai Không ?*"

Đáp : "*Là nghiệp chướng.*"

Hỏi : "*Như thế nào là nghiệp chướng ?*"

Đáp : "*Là Bản Lai Không.*"

Rồi Tổ Sa dùng bài kệ chỉ bày :

*"Giả Có, vốn chẳng Có
Giả diệt, cũng chẳng Không
Nghĩa Niết Bàn, trả nợ
Một tánh, chẳng khác gì."*

(Giả Hữu nguyên phi Hữu
Giả diệt diệt phi Vô
Niết Bàn, thường trái nghĩa
Nhất tánh, cánh vô thù.)

Lời dạy này của Tổ Trường Sa chẳng phải làm rõ câu "*Sanh diệt, đến đi đều vốn là Tánh Chân Như tròn khắp, bất động, mẫu sáng, thường trụ của Như Lai Tạng*" đó sao ?

¹⁾ Chứng Đạo Ca.

²⁾ Cái xưa nay vốn Không.

Lại Tổ Giáp Sơn về Tổ Định Sơn vừa đi vừa nói chuyện.

Tổ Định Sơn nói : “Trong sanh tử mà không có Phật, thì không có sanh tử.”

Tổ Giáp Sơn nói : “Trong sanh tử mà có Phật thì chẳng mê sanh tử.”

Hai bên chẳng chịu nhau, bèn có đến Tổ Đại Mai.

Giáp Sơn bèn thuật lại và hỏi chỗ thấy, hiểu của ai gần hơn.

Tổ Mai nói : “Một gần, một xa.”

Giáp Sơn lại hỏi : “Cái nào gần.”

Tổ Mai rằng : “Thôi về đi, ngày mai đến.”

Hôm sau, Giáp Sơn lại tới hỏi nữa.

Tổ Mai nói : “Gần thì chẳng hỏi, hỏi thì chẳng gần.”

Sau này, Ngài Giáp Sơn tự bảo : “Lúc đó mất một con mắt lè.”

Đây là một tắc, chẳng phải làm rõ câu “Trong Tánh Chân Thường mà cầu cho ra những cái đến đi, mê ngộ, sanh tử rốt là không được” đó sao ?

Bản chú giải xưa cho rằng : Từ bảy chỗ trung tâm và biện ra cái thấy cho đến đây là rộng phá chấp ngã, là pháp *Quán Không*, Xa Ma Tha. Từ đây trở xuống là rộng phá chấp pháp, tức là pháp *Quán Giả*, Tam Ma Đề. Đối với chỗ “*Chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật*” còn cách xa một đoạn đường.

Như thế là chưa hiểu rằng pháp Diệu Xa Ma Tha mà Ông Anan hỏi, thì ở đây, được đáp là Diệu Chân Như Tánh. Chỉ một chữ Diệu, thật khó hình dung, người ngộ tự biết lấy.

A. THU SẮC ẤM

Kinh : “Anan, thế nào năm Ấm vốn là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh ?

Thông rằng : Năm Ấm cũng gọi là năm Uẩn. Uẩn nghĩa là chứa nhóm, tích tụ. Ấm nghĩa là che đậy. Tích tụ hữu vi, che đậy Chân Tánh, cho nên cũng gọi là phạm vi của năm ấm, rất là khó phá. Ở đây nói “Vốn là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh” là nói suy từ gốc thì năm ấm duyên khởi từ trong Như Lai Tạng mà lưu xuất ư ? Hay là nói năm ấm đều Không, tức hiển bày Tánh Diệu Chân Như ư ? Điều này thuộc về Đốn Môn, tức là ở đoạn trước gọi là “Con Đường Diệu Tu Hành các Tam Ma Đề Đại Tổng Trì”. Chính là ở đây chỉ rằng : Ngũ ấm tức là Như Lai Tạng, tức là Tánh Diệu Chân Như, không hai, không khác ! Như thế thì dẹp tan ngũ ấm, cũng không có thứ lớp. Như luận về lý Đốn Ngộ, phải ngay đây thấy được năm ấm đều tự vô sanh, đều tự tịch tĩnh, cầu tướng năm ấm rốt là không thể được. Thế thì năm ấm đâu chẳng phải là Chân Như, mà Chân Như nào chẳng hề là năm ấm ư ?

Có nhà sư hỏi Tổ Quy Sơn An rằng : “Rời bỏ năm ấm, thế nào là cái thân xưa nay ?”

Tổ An nói : “Đất, nước, lửa, gió, thọ, tưởng, hành, thức.”

Vị sư nói : “Cái đó là năm ấm.”

Tổ An nói : “Cái đó chẳng phải năm ấm.”

Lại hỏi : “Cái ấm này đã hết mà cái ấm kia chưa sanh, thì như thế nào ?”

Tổ An nói : “Cái ấm này chưa hết, Đại đức là cái gì ?”

Đáp : “Chẳng hiểu được.”

Tổ An nói : “Nếu hiểu cái ấm này, bèn rõ ấm kia.”

Như theo Tổ An, quả là thấu suốt Ngũ Ấm vốn là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh.

Kinh : “Anan, ví như có người dùng con mắt trong sạch xem hư không trong tịnh, chỉ thấy một hư không trong sáng, vắng lặng chẳng có gì. Người ấy khi không chẳng lay động con mắt, nhìn sưng hồi lâu nên mỏi mắt, bèn ở nơi hư không riêng thấy hoa đốm loạn xạ, lại thấy có tất cả những tướng giả dối lăng xăng. Nên biết rằng Sắc ấm cũng là như thế.

“Anan, các hoa đốm lăng xăng ấy chẳng phải từ hư không mà đến, chẳng phải từ con mắt mà ra. Thật vậy, Anan, nếu nói từ hư không mà đến, đã từ hư không đến thì phải lại trở vào hư không. Nếu có ra, có vào như thế thì đã chẳng phải là hư không. Hư không mà chẳng phải trống rỗng thì tự nhiên không thể dung chứa hoa đốm sanh diệt ở trong ấy, cũng như thân thể Anan không thể dung chứa được một Anan khác.

“Còn cho rằng hoa đốm từ con mắt mà ra, đã từ con mắt ra thì phải trở vào con mắt. Lại cái tính hoa đốm ấy đã từ con mắt mà ra thì lẽ ra phải có tánh thấy. Nếu có tánh thấy thì khi đã ra làm hoa đốm giữa hư không, phải trở lại thấy được con mắt. Nếu không có tánh thấy, thì khi đi ra phải che lấp hư không, khi trở vào phải che lấp con mắt ! Hơn nữa, khi thấy hoa đốm, đáng lẽ con mắt phải không lòa, chứ sao thấy hư không trong sáng thì mới gọi là con mắt trong sạch ?

“Vậy, nên biết rằng : Sắc ấm hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

Thông rằng : Ngài Long Thọ có bài kệ :

“*Các pháp chẳng tự sanh
 Cũng chẳng do (cái) khác sanh
 Chẳng chung, chẳng không nhân
 Nên gọi là vô sanh.*”

(Chư pháp bất tự sanh
 Diệc bất tùng tha sanh
 Bất cộng bất vô nhân
 Thị cố thuyết vô sanh.)

Phàm các pháp chẳng tự sanh, vì chớ có các duyên vậy. Chẳng do cái khác sanh, vì các duyên đều vô tự tánh. Chẳng cùng sanh vì thể của trí và tu hành là không ; vô tự tánh nên không hợp, không tán. Chẳng không nhân, vì phải chớ tu hành giác ngộ mới hiển lộ, chứ chẳng phải tự nhiên mà thành.

Hãy biết rằng cái Diệu Giác Minh Thể này lia ngoài hết thấy mọi lỗi lầm, vốn tự vô sanh vậy. Từ năm Ấm, sáu Nhập, mười hai Xứ, mười tám Giới cho đến bảy Đại chẳng có chỗ nào không làm rộng sáng cái ý này. Ngộ được vô sanh tức là *Con mắt thanh tịnh*. Xưa nay vốn tự không hoa đốm, chỉ vì nhìn sững mà hoa mắt. Trái với chân, hiệp với vọng, bèn thấy có hoa. Hoa vốn không thể, chẳng từ đâu sanh. Chỉ hết bệnh nhặm, hoa cuồng loạn tự diệt. Nếu ở nơi hoa đốm lăng xăng mà cho là có chỗ sanh ra, tức là tánh nhân duyên ; nói là không có chỗ phát sanh, là tánh tự nhiên. Nay xét chỗ sanh ra, thì chẳng ở hư không mà sanh, cũng chẳng ở con mắt mà sanh, thì rõ là chẳng phải nhân duyên. Nếu quả là tự nhiên mà có thì khi thấy hoa đốm lē ra tự mình không có bệnh nhặm. Nếu không có bệnh nhặm mà thấy hoa đốm thì con mắt thấy hoa đốm phải gọi là con mắt trong sạch ! Và thấy hư không trong sáng phải là con mắt nhặm ! Thế, tại sao khi thấy hư không

trong sáng lại gọi là con mắt trong sạch ? Hoa đốm này chắc phải do bệnh nhặm mà sanh, chứ rõ ràng chẳng phải tự nhiên vậy !

Ôi ! Hoa đốm đã thế, thì sắc ấm cũng thế. Vốn đều hư vọng, vốn vô tự tánh, tức sắc tức Không. Cho nên gọi đó vốn là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh vậy.

Đức Mã Tổ dạy chúng rằng : “Ba cõi duy chỉ là Tâm, muôn hình vạn tượng đều là một Pháp Ấn. Phạm thấy sắc là thấy tâm. Tâm chẳng tự là tâm, nhân sắc mà có. Các ông chỉ tùy thời mà nói năng, thì sự tức là lý, đều không chỗ ngại. Đạo quả Bồ Đề cũng lại như thế. Nơi tâm sanh ra thì gọi là sắc. Biết sắc là không thì sanh tức là chẳng sanh. Nếu hiểu ý này mới khá tùy thời ăn cơm mặc áo, nuôi lớn thánh thai,⁽¹⁾ mặc tình qua ngày qua buổi, còn chuyện gì đâu ! Các ông thọ lãnh giáo pháp của ta, hãy nghe kệ rằng :

*“Tâm địa tùy thời nói
Bồ Đề chỉ là thế
Sự, lý đồng không ngại
Đang sanh tức chẳng sanh.”*

(Tâm địa tùy thời thuyết
Bồ Đề diệc chỉ ninh
Sự, lý cu vô ngại
Đương sanh tức bất sanh.)

Tổ Vân Môn dạy chúng rằng : “Chân Không chẳng hoại Có. Chân Không không khác sắc.”

¹⁾ Địa vị Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng thuộc về Tam Hiền, gọi là Thánh Thai. Do chỗ tự dùng mình gieo làm nhân, bạn lành làm duyên, nghe chánh pháp mà tu tập nuôi lớn đến bậc Sơ Địa, thấy được Đạo, sanh trong nhà Phật.

Có vị sư hỏi : “Cái gì là Chân Không ?”

Tổ Môn nói : “Ông có nghe tiếng chuông không ?”

Đáp : “Đó là tiếng chuông.”

Tổ Môn nói : “Năm Lừa⁽¹⁾ mộng thấy được sao ?”

Thiền sư Cao An Nhân dạy chúng rằng : “Bình thường chẳng muốn hưởng theo lời trước, câu sau mà cổ vũ đùa giỡn với nam nữ nhà người. Vì sao ? Vì thanh chẳng phải thanh, sắc chẳng phải sắc.”

Có vị tăng hỏi : “Như thế nào là thanh chẳng phải thanh ?”

Đáp : “Gọi là sắc được không ?”

Hỏi : “Như thế nào là sắc chẳng phải sắc ?”

Đáp : “Gọi là thanh được chăng ?”

Vị tăng làm lẽ tạ.

Tổ Bèn nói : “Hãy thử nói xem : vì ông mà nói ? Hay đáp lại lời ông ? Nếu có người rõ được thì có chỗ nhập.”

Tổ Đơn Hà tụng rằng :

*“Sắc tự sắc, hê, thanh tự thanh
Oanh non hót liễu, khói mong manh
Cửa cửa đều thông về kinh quốc
Nghiêng nghiêng ba đảo, biển đầy trăng.”*

(Sắc tự sắc hê thanh tự thanh
Tân oanh đề xứ liễu yên kinh
Môn môn hữu lộ thông kinh quốc
Tam đảo tà hoành hải nguyệt minh.)

Cho nên, biết Sắc Ấm vốn là Tánh Diệu Chân Như, liền đạt Vô Sanh đó.

¹⁾ Năm Lừa : năm không có trong mười hai chi.

B. THU THỌ ẤM

Kinh : “Anan, ví như có người tay chân yên ổn, năm vóc điều hòa, bỗng như quên mình, không có gì là trái là thuận. Người ấy khi không lấy hai bàn tay xoa nhau giữa hư không, thì nơi hai bàn tay ấy giả dối sanh ra những Cảm Xúc trơn rít, lạnh nóng. Nên biết Thọ Ấm cũng lại như thế.

“Anan, các cảm xúc giả dối kia không phải từ hư không mà đến, không phải từ bàn tay mà ra. Thật vậy, Anan, nếu từ hư không mà đến thì đã sanh cảm xúc nơi bàn tay, sao lại không sanh cảm xúc nơi thân thể, không lẽ hư không lại biết lựa chỗ để sanh ra cảm xúc ? Nếu như từ bàn tay mà ra, thì lẽ ra không cần hai tay phải hợp lại. Lại đã từ bàn tay mà ra thì khi bàn tay hợp lại, biết có cảm xúc, đến khi bàn tay rời ra thì cảm xúc phải chạy vào, và xương tủy cánh tay phải biết đường vào của cảm xúc. Rồi hẳn phải có tâm hay biết, biết ra, biết vào và phải có một vật gì đi lại trong thân, sao lại phải chờ đến hai tay hợp lại mới gọi là cảm xúc ?

“Vậy, nên biết rằng : Thọ Ấm hư vọng, vốn chẳng phải tính nhân duyên, chẳng phải tính tự nhiên.

Thông rằng : Trong cái Tạng Tánh không có các lãnh thọ. Khởi ra xúc tình nơi cảnh, đem cảnh vào tâm thì gọi là thọ. Cho nên lấy hai tay xoa vào nhau thì hư vọng sanh ra trơn rít, lạnh nóng... Lạnh nóng vốn không có, do tiếp xúc mà có, nên gọi là huyễn xúc. Nếu thọ ấm do nhân duyên hay tự nhiên mà sanh thì không thể gọi là hư vọng. Nay thọ chẳng phải từ hư không cũng chẳng phải từ bàn tay, tức là chẳng phải nhân duyên. Phải chờ hợp lại mới biết tức là chẳng phải tự nhiên. Chẳng phải nhân duyên,

chẳng phải tự nhiên, đương thể tịch diệt. Vốn tự chẳng sanh thì không phải là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh sao ? Gọi là Nhiệm Mầu (Diệu), vì thọ mà thật chẳng thọ.

Đức Thế Tôn nhân có vị Phạm Chí Trường Trao đến để nghị luận, và cam đoan trước rằng : “Nếu cái nghĩa của tôi rớt, tôi sẽ tự chặt đầu.”

Thế Tôn nói : “Nghĩa của ông lấy gì làm Tông ?”

Ông Phạm Chí đáp : “Tôi lấy *Tất cả đều chẳng lãnh thọ làm Tông.*”

Thế Tôn nói : “Cái thấy đó có thọ không ?”

Vị Phạm Chí phát tay áo bỏ đi. Đến giữa đường, ông bèn tỉnh ngộ mà bảo với đệ tử rằng : “Ta phải trở lại dâng đầu cho Thế Tôn !”

Các đệ tử nói : “Trước đại chúng trời, người, ngài đã thắng cuộc, sao lại chém đầu ?”

Ông đáp : “Ta thà ở trước người trí mà chém đầu còn hơn ở giữa người vô trí mà đắc thắng.”

Rồi than rằng : “Nghĩa của ta bị rớt vào cả hai chỗ : Cái thấy mà có thọ, là rơi vào phần thô. Cái thấy mà không thọ, là rơi vào phần tế. Tất cả trời, người và hàng Nhị thừa đều chẳng biết chỗ rơi kẹt của cái nghĩa ta đưa ra. Chỉ có Thế Tôn và các Đại Bồ tát biết được cái nghĩa của ta bị rớt.”

Bèn trở lại chỗ Thế Tôn và thưa rằng : “Nghĩa của tôi bị rớt kẹt ở hai nơi, xin tự chặt đầu dâng Ngài.”

Đức Thế Tôn dạy : “Trọng pháp của ta không có việc như vậy. Ông nên hồi tâm mà hướng về đạo.”

Ông Phạm Chí bèn cùng năm trăm đệ tử xuất gia theo Phật và chứng A La Hán.

Ôi, Thọ Ấm vi tế đến như vậy, đâu dễ gì phá !

C. THU TƯỚNG ẤM

Kinh : “Anan, ví như có người khi nghe nói đến trái mơ chua thì trong miệng chảy nước miếng. Khi nghĩ đến đứng trên vực núi thì lòng bàn chân thấy rợn rợn. Nên biết Tướng Ấm lại cũng như vậy.

“Anan, câu chuyện mơ chua như thế chẳng từ trái mơ mà sanh ra, chẳng phải do cái miệng mà vào. Thật vậy, Anan, nếu do quả mơ sanh ra thì trái mơ tự nói lấy, nào phải chờ đến người nói ? Nếu do cái miệng mà vào thì cái miệng tự nghe lấy, cần gì đến lỗ tai ! Nếu chỉ có lỗ tai nghe, thì nước miếng kia sao không từ lỗ tai chảy ra ! Chuyện nghĩ đến đang đứng trên vực núi lại cũng như vậy.

“Vậy, nên biết rằng : Tướng Ấm là hư vọng, vốn chẳng phải tính nhân duyên, chẳng phải tính tự nhiên.

Thông rằng : Tư tưởng vốn không có thật tướng, do tâm mà thành có tướng, nên gọi là Tướng. Nghĩ tướng đến trái mơ chua thì chảy nước miếng. Nghĩ tướng đến vực cao thì cảm thấy lòng bàn chân rợn rợn. Trái mơ nào có miệng, chỉ có nói đến thôi, thì nước miếng do đâu mà tới ? Nên có là do tướng vậy. Lại nữa, trong mộng mà nói đến trái mơ chua, người nói chẳng phải là người thật, cái nghe lại chẳng phải lỗ tai, thì nước miếng do đâu mà tới, đó là kết quả của tướng vậy. Nếu cái tướng này là tánh nhân duyên thì chắc là không thể ngoài trái mơ chua và miệng mà có. Nay việc nói chẳng phải là từ quả mơ, việc nghe chẳng do miệng, lỗ tai lại chẳng chảy nước miếng, mà trong miệng lại có nước sanh ra, thì rõ ràng không phải là nhân duyên.

Nếu cái tướng này là tánh tự nhiên, thì khi nói trái mơ chua lẽ ra lòng bàn chân phải thấy rờn rợn, nói đúng

trên vức thắm thì lẽ ra nước miếng chảy ra. Mà nay mỗi thứ đều tùy theo chúng tử, tập khí, chẳng phải không lý do mà tự nhiên có, nên rõ ràng là không phải tự nhiên.

Chẳng phải là nhân duyên, chẳng phải là tự nhiên, ngay đang lúc tướng, tức là vô tướng, Như Như, một tánh nhiệm mầu vậy.

Có một vị đạo sĩ hỏi Tổ Vạn Tùng : “Kẻ đệ tử này hơn ba mươi năm trừ vọng tâm mà không xong !”

Tổ Tùng nói : “Tôi có bốn câu hỏi đưa ra để tỏ cái Toàn Chân :

“Câu hỏi thứ nhất : Vọng tâm đã có từ lâu mau rồi ?

“Câu hỏi thứ hai : Xưa nay vốn có vọng tâm không ?

“Câu hỏi thứ ba : Vọng tâm làm sao mà đoạn ?

“Câu hỏi thứ tư : “Vọng tâm đoạn là phải hay không đoạn là phải ?”

Vị tăng lạy tạ rồi đi.

Ngài Hoàng Sơn Triệu Văn Nhụ thân cận Viên Thông Quốc sư, từng có bài tụng :

*“Vọng tướng xưa nay vốn là Chân
 Khi trừ lại dấy một lớp trần
 Nói, suy, động, tĩnh nhờ gì đó ?
 Kỹ lưỡng mà xem, ai khác đâu.”*

(Vọng tướng nguyên lai bản tự Chơn
 Trừ thời hựu khởi nhất trùng trần
 Ngôn, tư, động, tĩnh thừa thùỵ lực
 Từ tế khán lai vô biệt nhơn.)

Thuở Phật còn tại thế, có ba người anh em nghe ở nước Tỳ Da Ly có người dâm nữ tên là Am La Bà Ly. Lại

nghe ở nước Xá Vệ có người dâm nữ là Tu Mạn Na, lại nghe ở thành Vương Xá có người dâm nữ tên là Ưu Bát La Bàn Na. Tất cả đều tuyệt sắc. Ngày đêm nhớ nghĩ, mới mộng thấy cùng các nàng đó ân ái. Đến khi tỉnh dậy, nhớ lại mới nghĩ rằng : “Người nữ chẳng tới, ta cũng không đi, mà chuyện dâm đã thành đầy đủ.”

Nhân đó mà tỏ ngộ tất cả các pháp đều như thế cả, do đó đốn chứng duy tâm.

Ôi ! Như ba người ấy đáng gọi là tỏ suốt được sự hư vọng của Tướng Âm. Đốn chứng duy tâm chẳng phải là đã thấy Tánh Diệu Chân Như sao ?

D. THU HÀNH ẤM

Kinh : “Anan, ví như dòng nước chảy xiết, sóng mòi nổi nhau, lớp trước lớp sau, không vượt khỏi nhau. Nên biết Hành Ấm lại cũng như thế.

“Anan, tánh chảy như vậy không nhân hư không mà sanh, không nhân nước mà có, cũng không phải tánh nước, cũng không rời hư không và nước. Thật vậy, Anan, nếu nhân hư không mà sanh, thì mười phương hư không vô tận thành ra dòng nước chảy vô tận, thế thì thế giới đều bị chìm đắm cả. Nếu nhân nước mà có, thì dòng chảy ấy bản tánh lẽ ra không phải là nước nữa và hiện nay đã có thể chỉ ra tướng của dòng chảy và tướng của nước khác nhau. Nếu tánh chảy tức là tánh nước, thì khi nước đứng lại, lẽ ra không phải là nước nữa. Nếu tánh chảy rời hư không và nước mà có, thì không thể có cái gì ở ngoài hư không cả, và ở ngoài nước không thể có dòng nước.

“Vậy nên biết rằng : Hành Ấm hư vọng, vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

Thông rằng : Thức A Đà Na⁽¹⁾ vi tế, tập khí hiện hành như dòng nước chảy xiết, tưởng chừng là đứng yên, gọi là Thức Thứ Tám. Gắn dính cái vọng động vào tánh trong lặng, niệm niệm đổi dời, biến đổi chẳng hề ngừng nghỉ, gọi là Thức Thứ Bảy, đó là Hành Ấm. Hành ấm⁽²⁾ giống như dòng nước chảy xiết, theo cảnh mà đổi dời. Nhưng cái dòng chảy đó, không phải từ cảnh mà sanh, không phải từ tâm mà sanh, chẳng phải *tức là* tâm cảnh, chẳng phải lìa ngoài tâm cảnh. Tất cả bởi vì Thức Thứ Bảy ở trong dựa vào Thức Thứ Tám, ngoài thì nương theo Thức Thứ Sáu, vốn không có tự tánh khả được. Đã vô tự tánh, tức là hư vọng vậy.

Nói dòng nước chẳng phải từ hư không sanh ra thì còn dễ hiểu, nhưng nói “Dòng nước chẳng phải từ nước mà có” thì khó biện ra. Cái năng hữu⁽³⁾ là nước, cái sở hữu⁽⁴⁾ là dòng nước chảy. Cũng như cây sanh ra trái, thì trái chẳng phải là cây, rõ ràng có thể chỉ ra là cây khác trái. Thế mà dòng nước chảy và nước, hai tướng ấy không thể riêng ra mà tự có, thì tức là dòng nước không phải do nước mà riêng có, đã rõ ràng vậy. Dòng nước chảy chẳng phải *tức là* hư không hay nước, nghĩa là không phải nhân duyên. Chẳng lìa ngoài hư không và nước, tức chẳng phải tự nhiên. Chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tự nhiên thì đương nhiên là hư vọng. Thấu suốt được là hư vọng, hiện giờ vốn tự vô sanh, đó là Tánh Diệu Chân Như.

Kinh Lăng Già nói “Có tướng thì sanh chấp ngại, có tướng thì sanh vọng tưởng. Sự trôi chảy (lưu chú) sanh thì

¹⁾ Thức A Lại Da, Thức Thứ Tám.

²⁾ Cái Thức thi hành âm thầm.

³⁾ Cái Có.

⁴⁾ Được Có.

theo vọng mà trôi lăn. Nếu đến được Vô Công Dụng Địa thì vẫn còn trong tướng lưu chú. Cần phải vượt ra được cái sanh tướng lưu chú thứ ba, mới là tự tại khoái hoạt.”

Có vị tăng hỏi Tổ Triệu Châu : “Trẻ nhỏ sơ sanh có đủ sáu thức hay không ?”

Tổ Châu nói : “Trên dòng nước xiết, đánh cầu.”

Vị tăng lại hỏi Tổ Đầu Tử : “Trên dòng nước xiết đánh cầu, ý chỉ thế nào ?”

Tổ Đầu Tử đáp : “Niệm niệm chẳng dừng.”

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng :

*“Sáu thức vô công, hỏi một câu
Tác gia⁽¹⁾ chung sức biện mỗi đầu
Mênh mông chảy xiết : cầu vẫn đánh
Chỗ ấy chẳng ngừng, ai biết xem ?”*

(Lục thức vô công thân nhất vấn
Tác gia tăng vọng biện lai đoan
Mang mang cấp xuất đả cầu tử
Lạc xứ bất đình thùy giải khán.)

Đây là hoạt cú của Ngài Tuyết Đậu. Thử nói bài tụng đến vào chỗ nào ? Nếu nhìn thấy được mới tin nổi Hành Ấm tức là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh.

E. THU THỨC ẤM

Kinh : “Anan, ví như có người lấy bình tần già⁽²⁾ bịt cả hai lỗ, rồi vác cái bình đầy hư không đi xa ngàn dặm đem cho nước khác. Nên biết rằng Thức Ấm cũng lại như thế.

¹⁾ Tiếng xưng hô của Thiên tông, chỉ kẻ thật có chỗ then chốt. Nghĩa là tông sư ; như Triệu Châu gọi là tác gia.

“Anan, cái hư không ấy không phải đến từ phương kia, cũng không phải nhập vào phương này. Thật vậy, Anan, nếu đến từ phương kia, thì trong cái bình đã đựng hư không đem đi, ở phương kia lẽ ra phải thiếu một bình hư không ! Nếu đưa vào phương này thì khi mở miệng bình trút ra, lẽ ra phải thấy hư không ra !

“Vậy, nên biết rằng : Thức Ấm hư vọng, vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

Thông rằng : Bộ Tông Cảnh Lục nói “Nếu chấp là có thức, theo thân mà qua lại, nơi này thức ấm diệt, qua nơi kia thức ấm sanh thì cũng giống như đem hư không của xứ này qua cho xứ khác ở xa. Nếu ở nơi này thức ấm thật diệt mất, thì chỗ này phải thiếu hư không. Nếu ở nơi kia thức ấm lại sanh ra, thì khi mở nắp đồ bình, phải thấy hư không chảy ra. Bởi thế nên biết rằng : hư không bất động, thức không đến-đi, thức ấm là hư vọng vậy.

Tổ Ôn Lăng nói : “Cái Tánh Không Chơn Giác cùng khắp pháp giới một khi đã mê thì là thức, thức cũng như hư không ở trong bình. Trong ngoài đều là một hư không : ví dụ cho tánh và thức vốn là một thể. Bội cả hai đầu : ví dụ cho hư vọng phân ra là đồng, là khác. Hư không không có sự đến-đi : ví dụ cho tánh không có sanh, không có diệt. Cái bình : ví dụ cho cái nghiệp hư vọng. Hư không trong bình : ví dụ cho thức hư vọng. Nghiệp mang thức đi, như cái bình mang hư không. Đi qua nước khác : ví dụ cho sự luân chuyển hư vọng trong sáu nẻo luân hồi.”

²⁾ Bình giống hình chim Tần Già (Kalavinka - Ca lăng tần già). Phật dùng làm ví dụ không có sự qua lại của cái không, không có sự sống chết của cái thức (tâm thức hay uẩn thức).

Kinh Pháp Cú nói : “Cái tinh thần ở trong hình hài như con chim sẻ nhốt trong bình. Bình vỡ thì chim bay mất.”

Cái bình tân già này cũng giống như hình hài, hai ý giống nhau.

Quan Đại Phu Lục Tuyên hỏi Tổ Nam Tuyên : “Người xưa có nuôi trong bình một con chim, dần dần lớn lên, không ra khỏi bình được. Nay nếu không được hủy bình, không được làm hư hao chim, làm sao ra được ?”

Tổ Nam Tuyên kêu lớn : “Đại Phu !”

Ông Lục Tuyên ứng tiếng dạ.

Tổ Tuyên nói : “Ra rồi vậy.”

Ông Lục Tuyên do chỗ đó mở tỏ, bèn lay tạ.

Một hôm, lại hỏi Tổ Nam Tuyên : “Đệ tử theo Lục Hợp mà đến, trong ấy lại còn có thân chăng ?”

Tổ Tuyên nói : “Phân minh nhớ giữ, cử động tựa chủ nhân.”

Ông Lục Tuyên nói : “Hòa thượng thật không thể nghĩ bàn, đến chỗ nào thế giới thành tựu chỗ đó.”

Tổ Tuyên nói : “Thật ra, đều là chuyện của phần ông đó !”

Hòa thượng Báo Ân Minh hỏi hai vị thiền khách : “Thủ tòa vừa rời chỗ nào ?”

Đáp : “Kinh đô.”

Tổ Minh nói : “Thượng tọa rời kinh đô đến núi này, thì kinh đô thiếu Thượng tọa mà núi này dư Thượng tọa ! Dư tức là ngoài tâm có pháp ; thiếu thì tâm, pháp chẳng cùng khắp ! Nói được lý đạo thì nên ở, chẳng hiểu thì nên đi.”

Hai vị này không đáp được.

Như Thiên sư Thiên Y Hoài, chỗ thấy tự rành rẽ. Tổ Thiên Y đến ngọn núi Sam, được mời vào chùa, thượng đường nói : “Suốt hai mươi năm mền mộ núi này, hôm nay mừng đã đến được, quả là đầy đủ nhân duyên. Sơn tăng chưa đến núi này mà thân đã đến trước. Kịp tới khi đến đây, thì núi Sam đã ở trong thân của sơn tăng.”

Ở chỗ này mà mỗi mỗi đều thấu triệt, mới tin thức ấm là hư vọng, vốn chẳng hề có đến, có đi. Như bọt nước sanh ra, diệt mất, không lìa ngoài biển cả. Bọt nước là biển cả, thì thức lại chẳng phải là Tánh Diệu Chân Như đó ư ?

